

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

OSCAR WILDE

BỨC HOÀ DORIAN GRAY

Nguyễn Tuấn Linh
dịch

Lê Duy Nam & Nguyễn Hoàng Dương
hiệu đính



 /GROUPS/YEUKINDLEVIETNAM

THÔNG TIN EBOOK

Kindle Kobo Vietnam

www.facebook.com/groups/yeukindlevietnam

Keep Calm
and
Read a Book



Tên sách

Bức Hoạ Dorian Gray

Nguyên tác

The Picture of Dorian Gray

Tác giả

Oscar Wilde

Dịch giả

Nguyễn Tuấn Linh và Book Hunter

Thể loại

?

Phát hành

Book Hunter

Nhà Xuất Bản

NXB Hội Nhà Văn

Ebook
2021 kindlekovn



THANK YOU FOR YOUR SUPPORT

VỚI MONG MUỐN TRẢI NGHIỆM ĐỌC SÁCH ĐIỆN TỬ PHẢI LÀ THÚ VỊ VÀ TỐT NHẤT, DỰ ÁN SƯU TẦM VÀ CHỈNH SỬA SÁCH EBOOK VỀ ĐỊNH DẠNG CHUẨN, VÀ ĐẸP ĐÃ ĐƯỢC SHIBA BẮT ĐẦU TỪ 2018. HY VỌNG NHỮNG LY CAFE YÊU THƯƠNG CỦA CÁC BẠN CÙNG VỚI SỰ VUI VẺ, ĐAM MÊ CỦA SHIBA SẼ ĐỂ LẠI CHO THẾ HỆ SAU NÀY 1 KHO SÁCH HAY ĐẸP VÀ HỮU ÍCH



Contents

BOOK HUNTER GIỚI THIỆU

LỜI NGƯỜI DỊCH

LỜI TỰA

CHƯƠNG I

CHƯƠNG II

CHƯƠNG III

CHƯƠNG IV

CHƯƠNG V

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG VII

CHƯƠNG VIII

CHƯƠNG IX

CHƯƠNG X

CHƯƠNG XI

CHƯƠNG XII

CHƯƠNG XIII

CHƯƠNG XIV

CHƯƠNG XV

CHƯƠNG XVI

CHƯƠNG XVII

CHƯƠNG XVIII

CHƯƠNG XIX

CHƯƠNG XX

CHÚ THÍCH

MỤC LỤC

BOOK HUNTER GIỚI THIỆU

Từ xưa đến nay, người ta gán cho nghệ thuật nhiều đặc trưng khác nhau, không chỉ gắn nghệ thuật với cái đẹp, mà còn đi kèm cái có ích, cái nhân đạo, cái cao cả,... Bản thân cái đẹp cũng bị gắn liền với nhiều phạm trù khác: trong mối quan hệ với những cái đối lập (cái đẹp – cái xấu), bổ sung (cái đẹp – cái tốt, cái đẹp – cái có ích), hoặc tăng tiến (cái đẹp – cái trác tuyệt). Người ta khoác lên mình nghệ thuật và cái đẹp tấm áo choàng quá khổ của nhiều chức năng, ý nghĩa, quyền lực, nhưng lại quên nhìn nhận chúng như một cá thể độc lập: độc lập trước cái xấu, độc lập trước cái tốt, cái có ích, độc lập cả với cái trác tuyệt.

Oscar Wilde, trước sự quên lãng tưởng chừng sẽ kéo dài muôn đời đó, đã sáng tạo nên cuốn tiểu thuyết đầu tay và duy nhất trong sự nghiệp: *Bức họa Dorian Gray*. Lấy bối cảnh nước Anh thời Victoria, Oscar Wilde đã kể lại câu chuyện cuộc đời chàng trai trẻ Dorian Gray, trong mối quan hệ với họa sĩ Basil Hallward và Huân tước Henry Wotton; rồi từ đó mượn câu chuyện bức họa Dorian mà quái để gửi gắm triết lý nghệ thuật của riêng mình. Tại đây, ông phơi bày các cuộc đối thoại về cái đẹp, sự sáng tạo, phê bình nghệ thuật, về người nghệ sĩ và nhà phê bình. Mỗi nhân vật chính của truyện lại thể hiện một khía cạnh trong con người Oscar Wilde theo thời gian, đúng như ông từng thổ lộ: "*Basil Hallward là người mà tôi nghĩ là tôi, Huân tước Henry là người mà thế giới nghĩ về tôi, còn Dorian là*

người mà tôi muốn trở thành, trong những thời đại khác nhau, có lẽ vậy.”

Khi mới ra mắt công chúng năm 1890 với 13 chương, Oscar Wilde phải hứng chịu cơn thịnh nộ kinh hoàng từ phía các nhà phê bình đương thời, cuốn tiểu thuyết bị chỉ trích là suy đồi, vô đạo đức và đáng hổ thẹn. Dù vậy, đến lần xuất hiện thứ hai vào năm 1891, sau khi bổ sung thêm phần lời tựa, 6 chương nội dung và tách chương cuối thành 2 chương, *Bức họa Dorian Gray* lại trở thành tuyên ngôn nghệ thuật sống động nhất và đặc sắc nhất của Oscar Wilde.

Ở Việt Nam, gần đây, công chúng trẻ biết tới Oscar Wilde từ các tập truyện ngắn cho thiếu nhi như *Hoàng tử Hạnh phúc*, *Ngôi nhà thạch lựu*, *Tội ác của Huân tước Arthur* và các truyện ngắn khác. Tuy nhiên, từ năm 1990, Oscar Wilde đã xuất hiện trước công chúng Việt với bản dịch *Bức chân dung của Dorian Gray* của dịch giả Lê Thanh Hương và Nguyễn Như Nguyễn, chuyển ngữ từ ấn bản 20 chương năm 1891 của Oscar Wilde. Thế nhưng, bản dịch này so với nguyên gốc vẫn chưa phải bản dịch đầy đủ. Đến năm 2008, Thơ Sinh dịch *Chân dung Dorian Gray* từ bản 13 chương của năm 1890.

Năm 2018, Nguyễn Tuấn Linh dịch lại tác phẩm từ phiên bản 20 chương, theo ấn bản đầu tiên của Ward Lock & Co, nguyên tác tiếng Anh *The Picture of Dorian Gray*; trong sự so sánh, đối chiếu với bản tiếng Pháp *Le Portrait de Dorian Gray*. *Bức họa Dorian Gray* bản 2018 này có thể xem là bản dịch đầy đủ nhất, hoàn chỉnh nhất, hoàn toàn khác biệt với hai bản dịch hiện hành và các bản *ebook* trên mạng.

Cùng với *Bức họa Dorian Gray* của Oscar Wilde, Book Hunter sẽ lần lượt giới thiệu đến các độc giả ưa thích lối văn duy mỹ và tư tưởng tự do những tác phẩm văn chương trong nước cũng như nước ngoài. Book Hunter là một nhóm các tác giả và dịch giả trẻ, hoạt động trên Internet, cùng mong muốn thúc đẩy học thuật và sáng tạo tại Việt Nam. Đến với *Bức họa Dorian Gray*, chúng tôi mong muốn mang tới độc giả một trải nghiệm về cái đẹp cổ điển Anh, vừa lộng lẫy, náo nhiệt, lại vừa cổ kính, bí ẩn vô cùng.

Và bây giờ, cuốn sách đã ở trên tay, hãy đọc thật nhẹ nhàng, chậm rãi, để không gian nước Anh thế kỷ XIX nhẹ nhàng lướt qua vai bạn. Chúng ta sẽ cùng phiêu lưu trong thế giới ẩn chứa vô số điều bất ngờ kỳ lạ của *Bức họa Dorian Gray*.

LỜI NGƯỜI DỊCH

Bức họa Dorian Gray là tiểu thuyết đầu tay và cũng là duy nhất của tác gia người Ái Nhĩ Lan Oscar Wilde. Ra đời trong xã hội Victoria nước Anh đầy gò bó và cổ hủ, tác phẩm như một nhát dao đâm vào thói đạo đức giả và sự đui mù trước cái đẹp ở xã hội đương thời bằng lối văn trào phúng sắc sảo và tinh quái của người đàn ông được mệnh danh dí dỏm nhất nước Anh. Nghệ phẩm mang trong mình triết lí của một nhà mỹ học và vẻ đẹp của một nhà văn duy mỹ.

Số phận nghệ phẩm này cũng long đong như chính cuộc đời người nghệ sĩ viết ra nó. *Bức họa Dorian Gray* lần đầu tiên ra mắt công chúng vào ngày 20 tháng Sáu năm 1890 dưới dạng truyện nhiều kì trên *Nguyệt San Lippincott*, cho rằng không đứng đắn, biên tập viên đã cắt bỏ khoảng 500 từ trong tác phẩm mà chẳng để Wilde hay biết. Dầu vậy, tác phẩm vẫn hứng chịu vô vàn chỉ trích về đạo đức. Năm 1891, Wilde chỉnh sửa và bổ sung, từ 13 chương lên 20 chương, đồng thời viết phần Lời tựa mạnh mẽ bảo vệ tác phẩm của mình, được coi như một tuyên ngôn cho trường phái nghệ thuật vị nghệ thuật kể từ khi ấy, và được nhà xuất bản Ward Lock & Co nhận in thành sách.

Bản dịch này dịch từ phiên bản 20 chương, theo ấn bản đầu tiên của Ward Lock & Co, của nguyên tác tiếng Anh *The Picture of Dorian Gray*, và tham khảo bản tiếng Pháp *Le Portrait de Dorian Gray*. Hẳn nhiên, mỗi ngôn ngữ mang theo văn phong của riêng mình, mà khi

đọc lên ta biết ngay là văn chương nước nào: văn chương Anh rất khác văn chương Pháp và chẳng thể nào giống văn chương Việt. Hơn nữa Wilde là nhà văn mang lối hành văn xưa cũ. Không khó để thấy rất nhiều câu văn có mệnh đề quan hệ hoặc trạng từ xen vào giữa với số lượng dày đặc; hoặc vô vàn câu bị động kết hợp mệnh đề quan hệ gối đầu lên nhau nối thành câu văn rất dài; hoặc một danh từ kéo theo đông đảo các tính từ bổ nghĩa. Thấy những điều này tuy là vẻ đẹp trong văn phong Anh nhưng lại có phần lạ lẫm và rườm rà với văn phong Việt. Dầu vậy bằng tinh thần trung thành hết sức với Oscar Wilde và trân trọng nhất mực tiếng Việt, người dịch quyết định giữ lại cấu trúc câu văn giống nhất có thể với lối hành văn đặc trưng của Wilde, đồng thời cân bằng sao cho vẫn tỏ nghĩa trong tiếng mẹ đẻ.

Bên cạnh tính chính xác, tính nhịp nhàng ở câu văn khi đọc lên cũng là vấn đề đáng lưu tâm. *Lord* và *Sir* trong tiếng Anh chúng ta có lần lượt hai từ tương đương là *Huân Tước* và *Tôn Ông*, tuy nhiên phương án này không được chọn vì quá nhiều âm tiết; Lord Henry là một trong những nhân vật chính và cụm từ Huân Tước Henry xuất hiện dày đặc dễ gây ra chán tai. Do đó, *Ngài* và *Đức* là phương án được chọn cho vấn đề này. Tất nhiên phương án giữ nguyên Lord Henry càng không được chọn, dù đây là phương án dễ nhất. Với tinh thần hạn chế tối đa từ ngữ ngoại lai trong bản dịch, người dịch quyết định dịch hoặc phiên âm tất cả danh từ chung trong tác phẩm. Kho từ vựng tiếng Việt được phong phú nhờ số lượng lớn từ mượn bằng cách phiên âm, và ngày nay chúng ta chẳng thể tiếp tục làm giàu vốn từ bằng cách nào khác ngoài công việc đó.

Trong *Bức hoạ Dorian Gray* Oscar Wilde sử dụng vô cùng nhiều ví von và tham chiếu đến kịch thơ Shakespeare, thần thoại Hi Lạp, và các kiến thức khoa học, triết học, nghệ thuật khác. Đề chú thích là cần thiết, nhưng sẽ không quá mức. Vì thiết tưởng với nghệ phẩm của một nhà văn duy mỹ như Wilde thì vẻ đẹp trong mạch đọc của độc giả quan trọng đến mức bất kì sự cắt ngang nào phá hỏng vẻ đẹp ấy đều là tối kỵ. Người dịch quyết định hạn chế đến mức tối thiểu chú thích và phân chia làm hai dạng: *cước chú*, ở dưới trang sách, là chú thích buộc phải đọc ngay để hiểu tác phẩm; và *hậu chú*, ở cuối sách, là chú thích hỗ trợ những độc giả muốn tìm hiểu thêm.

Suy cho cùng, như trích đoạn bức thư Wilde viết gửi người mến mộ diễn giải tuyên bố nổi tiếng "*Thầy nghệ thuật đều tuyệt đối vô dụng*" của mình: "*Một nghệ phẩm là vô dụng cũng như một đoá hoa là vô dụng. Đoá hoa nở vì niềm vui chính nó. Ta nhận được khoảnh khắc vui vẻ trong sự ngắm nhìn. Đó là thấy những gì có thể nói về mối tương giao của ta với hoa. Hiển nhiên người đời có thể bán chác hoa, và khiến nó hữu dụng với họ, nhưng việc này chẳng can hệ gì đến hoa. Điều đó không thuộc bản chất của nó. Điều đó không được mong đợi. Điều đó là dùng sai cách.*" Nghệ phẩm viết ra không cốt sao cho dễ hiểu, sao cho nhiều kiến thức; mục đích nó đơn thuần khơi dậy cảm xúc ta, khuấy động tâm hồn ta, đôi khi làm ta mỉm cười, đôi khi làm ta thẫn thức.

NGUYỄN TUẤN LINH

20/06/2018

LỜI TỰA

Nghệ sĩ là người sáng tạo cái đẹp.

Bộc lộ nghệ thuật và ẩn giấu nghệ sĩ là mục tiêu của nghệ thuật.

Nhà phê bình là người truyền tải bằng cách thức mới hoặc chất liệu mới về ấn tượng của y trước cái đẹp.

Hình thức cao quý cũng như thấp kém nhất của phê bình đều là một dạng tự truyện.

Những người thấy ra ý nghĩa xấu xí trong cái đẹp là kẻ suy đồi chẳng quyến rũ. Đây mới là lỗi.

Những người thấy ra ý nghĩa đẹp đẽ trong cái đẹp là kẻ có tu dưỡng. Với họ thì có hi vọng.

Họ được chọn để làm người thấy rằng cái đẹp chỉ mang nghĩa là Đẹp.

Không có thứ gì là sách đạo đức hay vô đạo đức. Sách hoặc viết hay, hoặc viết dở. Thầy có vậy.

Thế kỉ mười chín không ưa Chủ Nghĩa Hiện Thực cũng giống cơn thịnh nộ của tên Caliban thấy mặt mình trong gương.

Thế kỉ mười chín không ưa Chủ Nghĩa Lãng Mạn cũng giống cơn thịnh nộ của tên Caliban chẳng thấy mặt mình trong gương.

Cuộc sống đạo đức của con người góp phần làm đề tài cho nghệ sĩ, nhưng đạo đức của nghệ thuật nằm trong việc sử dụng hoàn hảo một phương tiện bất hoàn.

Không nghệ sĩ nào khao khát chứng minh điều gì. Ngay cả những điều hiển nhiên có thể chứng minh được.

Không nghệ sĩ nào có cảm thông đạo đức. Mỗi cảm thông đạo đức ở nghệ sĩ là một thói màu mè không dung thứ được.

Không nghệ sĩ nào đòi bại cả. Nghệ sĩ có thể biểu hiện mọi thứ.

Tư tưởng và ngôn ngữ đối với nghệ sĩ là công cụ của nghệ thuật.

Truy lạc và đức hạnh đối với nghệ sĩ là chất liệu của nghệ thuật.

Từ quan điểm hình thức, kiểu mẫu của mọi nghệ thuật là nghệ thuật của nhạc công. Từ quan điểm cảm xúc, kĩ thuật của kép hát là kiểu mẫu.

Mọi nghệ thuật đồng thời là cả bề mặt và biểu tượng. Những người đi dưới bề mặt hãy tự liệu mình.

Những người đọc biểu tượng hãy tự liệu mình.

Chính khán giả, chứ không phải cuộc sống, là điều nghệ thuật thực sự phản ánh.

Đa chiều ý kiến về một nghệ phẩm cho thấy tác phẩm ấy mới mẻ, phức tạp, và hệ trọng.

Khi các nhà phê bình bất đồng, người nghệ sĩ đồng điệu với chính mình.

Ta có thể khoan dung cho người tạo ra một thứ hữu dụng miễn sao y đừng ngưỡng mộ nó. Cái cố duy nhất để tạo ra một thứ vô dụng bởi chưng ta ngưỡng mộ nó sâu sắc.

Thả nghệ thuật đều tuyệt đối vô dụng.

OSCAR WILDE

CHƯƠNG I

Phòng hoa ngập trong mùi hương sức nức hoa hồng, và khi cơn gió thoảng mùa hạ khuấy động giữa tán cây ngoài vườn, nó đưa vào qua cửa phòng để ngỏ mùi ngào ngạt hoa tử đinh hương, hay phớt dịu hơn là hương thơm bụi hồng gai.

Trong góc chiếc tràng kỉ xếp bằng túi-yên Ba Tư gã nằm dài, hút phì phèo, như thường lệ, vô số kể điều thuốc, Ngàia Henry Wotton như bắt gặp đốm hoa ngọt vị mật và đượm màu mật trên cây kim tước, với những cành run rẩy chừng như khó tải được gánh nặng từ nét đẹp tựa lửa của mình, và thi thoảng bóng quái vài con chim liệng qua bức màn lụa tuyết rủ dài trước cửa sổ rộng, tạo ra một ấn tượng kiểu Nhật trong thoáng chốc, và khiến gã nghĩ về các họa sĩ Đông Kinh có gương mặt mệt mỏi vàng vọt, bằng một phương tiện nghệ thuật mà nhất thiết phải bất động, nhằm truyền đạt tri giác về sự nhanh nhẹn và chuyển động. Tiếng rầm rì ử rữ của đàn ong lách qua bãi cỏ dài chưa xén, hoặc bay vòng vòng liên tục đều đều quanh những chiếc sừng bụi thếp vàng của lùm cây kim ngân, dường như khiến bầu tĩnh lặng thêm ngọt ngào. Tiếng gầm đục của Luân Đôn nghe như nốt trầm từ cây đàn hộp xa xăm.

Giữa phòng, căng trên một giá vẽ dựng thẳng, đứng đấy chân dung toàn thân một chàng trai với vẻ đẹp riêng biệt lạ

a *Lord*: danh xưng đứng kèm trước tên họ hoặc lãnh thổ của một nam quý tộc được phong tước ở Anh; bao gồm Hầu Tước, Bá Tước, Tử Tước và Nam Tước (Tất cả chú thích đều của người dịch).

thường, và đứng trước mặt, hơi xa một chút, ngồi đấy chính người nghệ sĩ, Basil Hallward, anh từng biến mất đột ngột vài năm trước gây nên, vào hồi đó, một cuộc lên đồng công chúng, và nổ ra nhiều phỏng đoán kì quặc.

Lúc người hoạ sĩ nhìn vào hình ảnh duyên dáng và nhã nhặn mà anh đã tài tình phản chiếu lên nghệ thuật mình, một nụ cười hài lòng lướt qua khuôn mặt, và nghe lòng muốn nán lại đó. Nhưng anh bỗng đứng dậy, và, nhắm mắt lại, đặt ngón tay lên mi, như thể tìm cách giam trong não mình vài giấc mơ kì lạ sợ hãi tỉnh dậy mất.

“Đó là tác phẩm đẹp nhất của cậu, Basil ạ, thứ đẹp nhất cậu từng làm,” Ngài Henry thông thả nói. “Cậu nhất định phải gửi nó đến phòng Grosvenor năm sau. Viện Hàn Lâm quá rộng và dung tục. Mỗi lần tôi đến đó, có rất nhiều người tôi không được phép xem tranh, thứ đã kinh khiếp, hoặc có rất nhiều tranh tôi không được phép xem người, thứ còn khiếp hơn. Phòng Grosvenor quả thật là nơi duy nhất.”

“Tôi không nghĩ mình sẽ gửi nó đi đâu,” anh đáp, hất đầu ra sau theo lối lập dị vẫn thường khiến bạn bè cười trêu ở Oxford. “Không: tôi sẽ chẳng gửi đi đâu cả.”

Ngài Henry nhướn mày, và nhìn anh sửng sốt qua luồng khói lam mỏng cuộn lên thành vòng xoắn huyền ảo từ điếu thuốc nặng xỉn màu á phiện. “Chẳng gửi đi đâu cả? Bạn thân mến, có làm sao? Cậu có lí do nào chứ? Đám hoạ sĩ các cậu rõ là lập dị! Các cậu làm mọi thứ trên đời để được danh tiếng. Ngay khi có nó rồi, các cậu xem chừng muốn ném nó đi. Đó là cái gàn của các cậu, bởi chỉ duy nhất một thứ trên đời này tồi tệ hơn bị xì xạo, đó là chẳng được xì xạo gì cả. Một bức chân dung thế này sẽ cho cậu vượt trên tất cả những gã

trẻ ở nước Anh, và khiến những gã già rất mực ghen tị, nếu những gã già vẫn còn bất kì cảm xúc nào.”

“Tôi biết anh sẽ cười nhạo tôi,” anh đáp, “nhưng tôi thật sự không thể trưng bày nó. Tôi đã đặt quá nhiều bản thân mình vào nó.”

Ngài Henry đuổi người trên tràng kỉ mà cười.

“Đấy, tôi biết anh quá mà; nhưng cũng phải thôi, chẳng hề gì.”

“Quá nhiều bản thân mình vào nó! Trời đất ơi, Basil, tôi không biết cậu lại tự đắc đến thế; và tôi thật lòng không thấy được bất kì điểm giống nhau nào giữa cậu, với khuôn mặt gỗ ghề răn rỏi cùng mái tóc sạm than, và chàng Adonis trẻ trung này, trông như thể được làm từ ngà cùng lá hồng. Cố làm sao, Basil quý mến, chàng ta là Narcissus, và cậu – chà, dĩ nhiên cậu có biểu hiện trí tuệ, và thấy những thứ tương tự. Nhưng vẻ đẹp, vẻ đẹp đích thực, kết thúc ở nơi biểu hiện trí tuệ bắt đầu. Trí tuệ tự thân là một dạng phóng đại, và phá hủy tính hài hoà của bất kì gương mặt nào. Khoảnh khắc một kẻ ngồi xuống suy nghĩ, y trở thành toàn mũi, hoặc toàn trán, hoặc thứ gì quá lắm. Cứ trông những gã thành công ở bất kì ngành học nào. Họ mới gớm guốc lắm thay! Ngoại trừ, dĩ nhiên, trong Nhà Thờ. Bởi chưng trong Nhà Thờ họ không suy nghĩ. Một giám mục tiếp tục nói ở năm tám mươi tuổi những thứ mà lão ta được dạy để nói hồi còn là cậu trai mười tám, và như một hệ quả tự nhiên lão ta trông lúc nào cũng tuyệt đối thú vị. Anh bạn trẻ bí ẩn của cậu, với cái tên cậu chưa bao giờ nói tôi hay, với bức hoạ thật sự mê hoặc tôi, không bao giờ tư duy. Tôi đoán chắc điều đó. Chàng ta là một loại tạo vật đẹp đẽ, không đầu óc, nên được ở đây suốt mùa đông khi ta không còn hoa để ngắm, và ở đây suốt mùa hạ khi ta muốn có gì đó ướp

lạnh trí tuệ mình. Đừng phỉnh phờ bản thân, Basil: cậu chẳng giống chàng ta một chút nào.”

“Anh không hiểu tôi đâu, Harry,” người nghệ sĩ đáp. “Tất nhiên là tôi không giống cậu ta. Tôi biết lắm chứ. Thực ra, tôi nên lấy làm buồn nếu giống. Anh nhún vai ư? Tôi đang nói anh nghe sự thật. Có sự chết chóc trong tất cả sự ưu trội thể chất và trí tuệ, một dạng chết chóc dường như bám gót suốt lịch sử theo từng bước vấp của các vị vua. Tốt hơn hết là hãy đừng khác biệt với đồng bạn. Kẻ xấu và kẻ ngu sở hữu điều tốt nhất trong thế giới này. Họ có thể ngồi trên sự thanh nhàn của mình và ngáp vặt trước màn kịch. Nếu họ không biết gì về chiến thắng, thì họ chí ít cũng không biết gì về thất bại. Họ sống theo cách chúng ta nên sống, không ưu phiền, không khác biệt, và không bất ổn. Họ không mang điều tàn đến cho người khác, mà cũng chẳng nhận nó từ tay người ngoài. Địa vị và của cải của anh, Harry; bộ não của tôi, cũng như là – nghệ thuật của tôi, dù có giá trị hay không; vẻ ưa nhìn của Dorian Gray – tất cả chúng ta rồi sẽ thống khổ vì những gì thần thánh ban cho, thống khổ vô cùng.”

“Dorian Gray? Tên chàng ta đấy ư?” Ngài Henry hỏi, đi ngang phòng hoạ về phía Basil Hallward.

“Vâng, đó là tên cậu ta. Tôi không cố ý nói cho anh.” “Nhưng có sao?”

“Ồ, tôi không giải thích được. Khi tôi thích ai đó hết mực tôi không bao giờ nói tên họ cho bất cứ ai. Giống như qui hàng một phần của họ. Tôi nảy nở tình yêu trong kín đáo. Đó dường như là điều duy nhất làm cho cuộc sống đương đại huyền bí hoặc kì diệu với ta. Thứ tầm thường nhất cũng thú vị nếu người ta giấu giếm nó.

Giờ đây khi rời thị trấn tôi không bao giờ nói với mọi người nơi mình đến. Nếu làm thế, tôi sẽ mất hết vui thú. Đó là thói gàn dở, tôi dám nói, nhưng không biết sao nó dường như mang lại một mối lãng mạn tuyệt vời cho cuộc sống con người. Tôi đồ rằng anh cho tôi là ngớ ngẩn tột cùng về chuyện này?”

“Không hề,” Ngài Henry đáp, “không hề, Basil thân mến. Chắc cậu quên rằng tôi đã kết hôn, và nét quyến rũ bậc nhất của hôn nhân là nó khiến đời sống đối trá tuyệt đối cần thiết cho cả đôi bên. Tôi không bao giờ biết vợ tôi ở đâu, và vợ tôi không bao giờ biết tôi đang làm gì. Khi chúng tôi gặp nhau – thắng hoặc có gặp, lúc chúng tôi đi ăn tối cùng nhau, hay đi xuống nhà Công Tước – chúng tôi nói với nhau những chuyện lỗ bịch nhất với vẻ mặt nghiêm túc nhất. Vợ tôi rất giỏi chuyện đó – giỏi đến độ, thực tế là, gấp nhiều lần tôi. ả không bao giờ lẫn lộn ngày hẹn, còn tôi thì lẫn suốt. Nhưng khi ả phát giác tôi, ả chẳng lu loa một lời. Đôi khi tôi mong ả làm thế; nhưng ả chỉ đơn thuần cười vào mặt tôi.”

“Tôi ghét cái điệu anh nói về đời sống hôn nhân, Harry,” Basil Hallward nói, tản bước về phía cửa dẫn ra vườn. “Tôi tin anh thực sự là người chồng rất tốt, ngoài việc anh tuyệt đối hồ thẹn về đức hạnh mình. Anh là người bạn lạ lùng. Anh chẳng bao giờ nói chuyện đạo đức, và anh chẳng bao giờ làm chuyện sai quấy. Tính cay độc của anh đơn thuần là làm dáng.”

“Tự tính đơn thuần là làm dáng, và là kiểu làm dáng khó ưa nhất tôi biết,” Ngài Henry thốt lớn, phá ra cười; rồi hai người đàn ông trẻ bước ra vườn cùng nhau, và thu mình trên chiếc ghế tre dài đặt trong bóng râm một bụi nguyệt quế cao. Ánh mặt trời trượt trên tán lá láng bóng. Trong bãi cỏ, cúc trắng rung rinh.

Sau một lúc nghỉ, Ngài Henry rút đồng hồ ra. "Tôi e rằng mình phải đi rồi, Basil," gã lăm bằm, "và trước khi đi, tôi khẩn cầu lời giải đáp của cậu cho câu hỏi tôi đặt ra ban nãy."

"Đó là gì?" người hoạ sĩ nói, dán mắt xuống nền đất. "Cậu biết quá mà."

"Tôi không, Harry."

"Chà, tôi sẽ nói cậu nghe. Tôi muốn cậu giải thích tại sao cậu không trưng bày bức hoạ Dorian Gray. Tôi muốn lí do thật sự."

"Tôi đã nói cho anh lí do thật sự rồi."

"Không, cậu chưa. Cậu nói rằng vì có quá nhiều bản thân cậu trong nó. Thôi, thật trẻ con quá."

"Harry," Basil Hallward nói, nhìn thẳng vào mặt gã, "mọi chân dung được vẽ bằng cảm xúc là chân dung của người nghệ sĩ, chứ không phải người mẫu. Người mẫu đơn thuần là một tình cờ, một ngẫu nhiên. Chàng trai đó không phải là kẻ được bộc lộ bởi hoạ sĩ; mà đó chính là người hoạ sĩ, trên nền vải màu, bộc lộ chính mình. Lí do tôi sẽ không trưng bày bức hoạ này bởi tôi sợ rằng tôi đã phơi bày nơi nó bí mật của linh hồn mình."

Ngài Henry cả cười. "Và nó là gì?" gã hỏi.

"Tôi sẽ nói anh hay," Hallward nói; nhưng một biểu hiện lúng túng lướt ngang gương mặt anh.

"Tôi hết mình ngóng đợi, Basil," người bạn tiếp lời, liếc nhanh anh.

"Ồ, thật sự có rất ít để nói, Harry," người hoạ sĩ đáp; "và tôi e rằng anh khó lòng hiểu được. Có thể anh sẽ khó lòng tin được."

Ngài Henry cười mím, và cúi xuống, ngắt một bông cúc cánh hồng dưới bãi cỏ, và ngắm nghía nó. "Tôi hoàn toàn chắc rằng mình

sẽ hiểu,” gã đáp, nhìn chăm chú vào chiếc đĩa vàng nhỏ đánh lông trắng, “và với chuyện tin, tôi có thể tin bất kì điều gì, miễn là nó hoàn toàn không tưởng.”

Cơn gió giữ vài bông hoa trên cây xuống, và bông tử đinh hương nặng nề, với chùm sao của mình, rụng ra và đung đưa trong bầu không uể oải. Một con châu chấu bắt đầu rúc rích bên bức tường, và như sợi chỉ lam một con chuồn chuồn dài mảnh dẻ trôi lơ lửng trên đôi cánh nâu mỏng tang của nó. Ngài Henry tưởng như mình có thể nghe tiếng tim đập của Basil Hallward, và tự hỏi điều gì sắp đến.

“Chuyện đơn giản thế này,” người hoạ sĩ nói sau một lúc. “Hai tháng trước tôi dự tiệc tại nhà Phu Nhân Brandon. Anh biết giới nghệ sĩ nghèo chúng tôi cứ chốc chốc phải chường mặt ra xã hội, để nhắc nhở công chúng rằng mình không phải dân man di rồi đấy. Với da phục và ca-vát trắng, như anh từng nói với tôi, bất cứ ai, ngay đến quân môi giới chứng khoán, cũng có thể được tiếng là người văn minh. Chà, sau khi tôi vào phòng được mười phút, trò chuyện với mấy mụ góa giàu phốp pháp diêm dúa và vài tay Viện Sĩ tẻ nhạt, tôi bỗng cảm thấy có ai đang nhìn mình. Tôi mới nhìn quanh nửa vòng, và thấy Dorian Gray lần đầu tiên. Khi mắt gặp mắt, tôi cảm thấy mình tái mặt dần. Một cảm giác khiếp sợ kì quặc xâm chiếm tôi. Tôi biết mình vừa mặt đối mặt với một người có nhân cách mê hoặc đến mức, nếu tôi để điều đó xảy ra, nó sẽ hấp thụ toàn bộ bản chất, toàn bộ linh hồn, mọi nghệ thuật của chính tôi. Tôi không muốn bất kì ngoại lực nào ảnh hưởng đến đời mình. Anh cũng biết đấy, Harry, tôi độc lập như bản chất mình đến thế nào. Tôi luôn luôn làm chủ chính mình; ít nhất đã từng luôn luôn như vậy, cho đến khi tôi gặp Dorian Gray. Rồi – nhưng tôi không biết làm sao để giải thích cho

anh. Có gì đó chừng như bảo tôi rằng mình đang trên bờ vực một cơn khủng hoảng ghê gớm trong đời. Tôi có cảm giác kì lạ rằng Định Mệnh dành sẵn cho mình niềm vui mãnh liệt cùng nỗi đau mãnh liệt. Tôi dưng đầy sợ hãi, và quay lưng rời phòng. Không phải lương tâm sai khiến tôi làm vậy: đó chỉ là một dạng hèn nhát. Tôi không tin bản thân mình đã cố gắng chạy trốn.”

“Lương tâm và hèn nhát thật ra là một, Basil. Lương tâm là cái tên thương mại của hăng buôn. Thấy là vậy.”

“Tôi không tin thế, Harry, và tôi không tin anh tin thế. Tuy nhiên, bất kể động cơ của tôi là gì – và có thể đáng tự hào, như tôi đã từng rất tự hào – rõ ràng tôi đã len người ra đến cửa. Ở đấy, hẳn rồi, tôi đụng phải Phu Nhân Brandon. ‘Anh sẽ không tếch về sớm thế chứ, Anh Hallward?’ bà ta la toáng lên. Anh biết chất giọng chói lói kì dị của bà rồi chứ?”

“Vâng; mẹ ta là con công trong mọi thứ trừ sắc đẹp,” Ngài Henry nói, tước bông cúc thành từng mảnh bằng những ngón tay dài, căng thẳng của mình.

“Tôi không thể thoát khỏi bà ta. Bà ta dẫn tôi lại chỗ giới Hoàng Gia, cùng những người đeo Ngôi Sao Garter, cùng mấy phu nhân già đội miện kếch xù với mũi vẹt. Bà ta nói về tôi như thể bạn thân lắm. Tôi chỉ mới gặp bà ta một lần trước đây, nhưng bà ta cương quyết tâng bốc tôi rùm beng cả lên. Tôi tin là bức tranh nào đó của mình đã gặt hái thành công lớn một thời, ít nhất là được xoen xoét trên mấy tờ báo một xu, và được coi như chuẩn mẫu bất hủ của thế kỉ mười chín. Bất thần tôi thấy mình mặt đối mặt với chàng trai có nhân cách đã khuấy động mình kì lạ. Chúng tôi đứng rất sát, gần như chạm nhau. Mắt lại gặp mắt. Đây là chỗ mạo hiểm của tôi, tôi

đã gọi cho Phu Nhân Brandon giới thiệu mình với chàng. Có thể cũng chẳng phải mạo hiểm gì cả. Chỉ đơn thuần là việc không tránh khỏi. Chúng tôi rất có thể trò chuyện với nhau mà chẳng cần giới thiệu. Tôi đoán chắc thế. Dorian về sau cũng nói với tôi thế. Cậu ấy, cũng như tôi, cảm thấy phận số chúng tôi là phải quen nhau.”

“Thế Phu Nhân Brandon miêu tả chàng trai tuyệt vời ấy ra sao?” người bạn hỏi. “Tôi biết mục bước vào phân phát bản sơ yếu lí lịch* của toàn bộ khách. Tôi nhớ mục từng dẫn tôi ra trước một lão quý tộc già hung hăng mặt đỏ gay móc lên người hàng đồng huân chương cùng dây dải, và rít vào tai tôi, bằng giọng thì thầm thăm thiết hẳn phải rõ mồn một từng tiếng cho toàn bộ người trong phòng, những chi tiết kinh hoàng nhất. Tôi chỉ biết chuồn. Tôi thích tự mình tìm hiểu người khác. Nhưng Phu Nhân Brandon đãi khách y hệt một tên bán đấu giá đãi hàng. Mục hoặc chào hàng cho họ mất giá bằng sạch, hoặc kể người ta nghe đủ thứ trên đời

b. Trong nguyên tác có đôi chỗ Oscar Wilde dùng tiếng Pháp và một số ngôn ngữ ngoại lai khác. Kể từ đây, các từ khác tiếng Anh trong nguyên tác sẽ được dịch, viết ngả và đánh dấu sao bên cạnh mà không đề cước chú nữa. ngoại trừ thứ người ta muốn biết.”

“Khổ thân Phu Nhân Brandon! Anh gay gắt với bà ấy quá, Harry!” Hallward nói, lơ đãng.

“Bạn thân mến, mục ta cố gây dựng một *xa-lông**, và chỉ thành công trong việc mở tiệm ăn. Làm sao tôi ngưỡng mộ mục cho được? Nhưng kể tôi nghe, mục đã nói gì về Cậu Dorian Gray?”

“Ồ, vài câu như, ‘Cậu bé duyên dáng – người mẹ đáng thương và tôi tuyệt đối không thể rời xa. Quên mất cậu ta làm gì rồi – e rằng cậu – chả làm gì hết – ồ, vâng, chơi dương cầm – hay là vĩ cầm

nhỉ, Cậu Gray thân mến?’ Cả hai người tôi đều không nhìn được cười, và chúng tôi thành bạn ngay khi ấy.”

“Tiếng cười không phải khởi đầu tôi chút nào cho một tình bạn, và còn tốt hơn nhiều cho một kết thúc,” gã huân tước trẻ nói, ngắt thêm bông cúc nữa.

Hallward lắc đầu. “Anh không hiểu gì về tình bạn cả, Harry,” anh lẩm bẩm – “hoặc, cũng như, kẻ thù. Anh thích tất cả mọi người; có nghĩa là, anh trung dung với tất cả mọi người.”

“Cậu thật là bất công quá lắm!” Ngài Henry kêu lên, ngửa chiếc mũ ra sau, và ngược nhìn những đám mây nhỏ, như cuộn tơ rối của dải lụa trắng bóng, đang trôi ngang trên nền lam ngọc trong suốt của bầu trời mùa hạ. “Vâng; cậu bất công quá lắm. Tôi có sự thiên lệch lớn giữa mọi người chứ. Tôi chọn bạn bè vì vẻ tốt mã, người quen vì tốt nết, và kẻ thù vì tốt trí. Đàn ông không thể quá cẩn thận trong việc chọn kẻ thù. Tôi không có người quen nào ngu ngốc. Họ đều là những người đàn ông có sức mạnh trí tuệ nào đó, và do đó họ đều đánh giá cao tôi. Liệu tôi có quá tự đắc không? Tôi nghĩ có kha khá đấy.”

“Tôi cũng nghĩ thế, Harry. Nhưng theo xếp loại của anh tôi hẳn phải là người quen.”

“Anh bạn già Basil, cậu hơn nhiều một người quen.” “Và kém nhiều một người bạn. Một dạng anh em chẳng, tôi đồ chừng?”

“Ôi, anh em! Tôi không quan tâm anh với em. Lão anh tôi mãi không chết, còn thẳng em nghe chừng cũng không bao giờ làm được gì ngoài trò ấy.”

“Harry!” Hallward gắt, nhăn mặt.

“Bạn thân mến, tôi không nghiêm túc lắm đâu. Nhưng tôi không được cảm giác ghét bỏ người thân. Tôi đồ là nó đến từ thực tế rằng không ai trong chúng ta chịu đựng nổi người có cùng tội lỗi giống mình. Tôi hoàn toàn thông cảm với cơn thịnh nộ của nên dân chủ Anh trước cái họ gọi là truy lạc của giới thượng lưu. Quần chúng cho rằng say xỉn, ngu đần, và vô đạo đức nên là đặc quyền của họ, và nếu bất kì ai trong chúng ta làm chuyện gì rồ dại là y đang xâm phạm đến họ. Khi Southwark đáng thương bước vào Tòa Li Hôn, sự công phần của họ quả là ra trò. Và đầu thế tôi không cho rằng mười phần trăm người trong giai cấp vô sản sống đúng đắn.”

“Tôi không tán thành lấy một từ anh nói, và, hơn thế nữa, Harry, tôi cảm chắc rằng chính anh cũng không.”

Ngài Henry mân mê bộ râu nâu có chóp của mình, và gõ vào mũi chiếc giày ống bóng loáng bằng cây ba-toong gỗ mun gấn nùm tua. “Cậu đặc sệt chất Ăng-lê quá thể, Basil! Đây là lần thứ hai cậu thể hiện điều đó rồi. Nếu người ta đưa ý tưởng cho một gã Ăng-lê thực thụ – việc này lúc nào cũng là nông nổi – gã chẳng bao giờ màng đến chuyện cân nhắc ý tưởng là đúng hay sai. Điều duy nhất gã cân nhắc tầm quan trọng là liệu người đó có tin chính họ hay không.

Giờ đây, giá trị một ý tưởng chẳng liên đới chút nào với tính chân thành của người bày tỏ nó. Thực ra, xác suất phụ thuộc vào chuyện người nói càng thiếu chân thành bao nhiêu, ý tưởng của y càng thuần túy tri thức bấy nhiêu, với trường hợp này nó không bị nhuộm màu khiếm khuyết, khao khát, hay thành kiến của y. Tuy nhiên, tôi không tính bàn luận chính trị, xã hội, hay siêu hình với cậu. Tôi thích người ta hơn nguyên tắc, và tôi thích những người sống không

nguyên tắc hơn bất kì điều gì trên đời. Nói thêm cho tôi về Cậu Dorian Gray đi. Cậu có thường gặp chàng ta không?”

“Hằng ngày. Tôi không thể hạnh phúc nếu không được gặp cậu ấy hằng ngày. Cậu ấy tối cần thiết cho tôi.”

“Thật lạ lùng! Tôi cứ nghĩ cậu sẽ không quan tâm đến thứ gì ngoài nghệ thuật.”

“Giờ đây cậu ấy là tất cả nghệ thuật của tôi,” người hoạ sĩ nghiêm nghị đáp. “Đôi khi tôi nghĩ, Harry, rằng chỉ có hai kỉ nguyên quan trọng trong lịch sử thế giới này. Thứ nhất là sự xuất hiện của phương tiện mới cho nghệ thuật, và thứ hai là sự xuất hiện của nhân cách mới cũng cho nghệ thuật. Những sáng tạo trên tranh sơn dầu đại diện cho người Venice, gương mặt chàng Antinou đại diện cho thuật điêu khắc cuối Hi Lạp, và gương mặt chàng Dorian Gray mai kia sẽ đại diện cho tôi. Không đơn thuần là tôi tô nên chàng, vẽ nên chàng, phác ra chàng. Dĩ nhiên tôi làm tất cả việc đó. Nhưng chàng đối với tôi nhiều hơn một mô hình hay người mẫu. Tôi sẽ không nói cho anh biết tôi đã không hài lòng với thứ gì trong bức hoạ chàng của tôi, hay vẻ đẹp của chàng là thứ mà Nghệ Thuật không thể biểu hiện. Chẳng có gì Nghệ Thuật không thể biểu hiện, và tôi biết tác phẩm mình hoàn thành, kể từ khi gặp Dorian Gray, là tác phẩm đẹp, tác phẩm đẹp nhất đời mình. Nhưng bằng cách kì lạ nào đó – tôi hỏi lòng liệu anh hiểu được không?

– nhân cách chàng đã gợi cho tôi một cách thức hoàn toàn mới trong nghệ thuật, một phương cách hoàn toàn mới. Tôi nhìn mọi sự khác đi, tôi nghĩ về chúng khác đi. Tôi giờ đây có thể tái tạo cuộc đời theo cách sống bị giấu kín trước kia. ‘Một giấc mơ thành hình trong nhiều ngày suy tư:’¹— ai là người nói vậy nhỉ? Tôi quên rồi;

nhưng đó chính là những gì của Dorian Gray với tôi. Chỉ đơn thuần sự hiện diện hữu hình của chàng trai này – đối với tôi dường như còn chưa đầy tuổi thiếu niên, dù chàng thực tế tầm tuổi đôi mươi – đơn thuần sự hiện diện hữu hình của chàng – A! Tôi tự hỏi anh có nhận biết ý nghĩa toàn bộ những việc này? Vô thức cậu ấy vạch ra cho tôi lần ranh của một trường học mới mẻ, một trường học có trong nó tất cả niềm đam mê của tinh thần lãng mạn, tất cả sự hoàn hảo của tinh thần Hi Lạp. Sự hoà hợp của linh hồn và thể xác – mới nhiều làm sao! Chúng ta trong cơn rồ dại của mình đã tự chia tách làm hai, và sáng lập một chủ nghĩa hiện thực tầm thường, một lí tưởng trống rỗng. Harry! Ước gì anh biết Dorian Gray như thế nào với tôi! Anh nhớ bức phong cảnh của tôi, mà Agnew ra mức giá khổng lồ, nhưng tôi đã không nhượng không? Nó là một trong những thứ đẹp nhất tôi từng làm. Và tại sao lại thế? Bởi trong khi tôi vẽ nó, Dorian Gray ngồi bên cạnh. Vài ảnh hưởng tinh tế truyền từ cậu ấy sang tôi, và lần đầu tiên trong đời tôi nhìn thấy trong cánh rừng đơn sơ ấy điều kì diệu tôi vẫn luôn tìm kiếm, và luôn vượt mất.”

“Basil, thật quá lạ thường! Tôi phải gặp Dorian Gray mới được.”

Hallward đứng dậy khỏi ghế, rồi đi lên đi xuống trong vườn. Lúc sau anh quay lại. “Harry,” anh nói, “Dorian Gray với tôi đơn thuần là một động cơ nghệ thuật. Anh có thể chẳng nhìn thấy gì trong chàng. Tôi thấy mọi thứ trong chàng. Sự hiện diện của chàng trong tác phẩm của tôi không nhiều hơn sự vắng bóng của chàng tại đây. Chàng là một gợi ý, như tôi đã nói, về một cách thức mới. Tôi tìm thấy chàng trong đường cong của đoạn thẳng này, trong vẻ yêu kiều và tinh tế của sắc màu kia. Thấy có vậy.”

“Vậy tại làm sao cậu không trưng bày bức chân dung của mình?”
Ngài Henry hỏi.

“Bởi vì, một cách không cố ý, tôi đã đặt vào nó vài biểu hiện của sự sùng bái nghệ thuật kì quái, điều mà, hiển nhiên, tôi không bao giờ muốn nói cho cậu ấy. Cậu ấy chưa biết về nó. Cậu ấy sẽ không bao giờ biết gì về nó. Nhưng thế giới có thể đoán ra; và tôi sẽ không lột trần linh hồn mình trước cặp mắt tọc mạch, nông cạn của họ. Trái tim tôi sẽ không đời nào đặt dưới kính hiển vi của họ. Có quá nhiều bản thân tôi trong đó, Harry ạ – quá nhiều bản thân tôi!”

“Các thi sĩ cũng chả được dè dặt như cậu. Họ biết tận dụng đam mê cho ngành xuất bản. Ngày nay, một trái tim tan vỡ sẽ được in ồ ạt các ấn bản.”

“Tôi ghét họ bởi thế,” Hallward cao giọng. “Một nghệ sĩ nên sáng tạo cái đẹp, nhưng đừng nên đặt chút gì đời mình vào nó. Chúng ta sống trong thời đại con người xem nghệ thuật như thể một hình thức tự truyện. Chúng ta thui chột tri giác trừu tượng về cái đẹp. Một ngày kia tôi sẽ cho nhân thế thấy nó là gì; và vì lẽ đó nhân thế sẽ không bao giờ thấy bức chân dung Dorian Gray của tôi.”

“Tôi nghĩ cậu sai rồi, Basil ạ, nhưng tôi sẽ không tranh luận với cậu. Chỉ kẻ mất trí mới tranh luận. Nói tôi hay, Dorian Gray có mền cậu không?”

Người hoạ sĩ do dự vài phút. “Cậu ấy thích tôi,” anh đáp, sau lúc ngập ngừng; “tôi biết cậu ấy thích tôi. Tất nhiên tôi nịnh đầm cậu ấy quá đỗi. Tôi thấy một khoái lạc kì lạ khi nói với cậu ấy những điều rồi tôi sẽ hối tiếc vì đã nói. Như thói thường, cậu ấy quyến rũ tôi, và chúng tôi ngồi trong phòng hoạ mà nói trăm ngàn chuyện. Thi thoảng, tuy nhiên, cậu ấy thiếu suy nghĩ vô cùng, và dường như thật

lòng vui sướng trong việc làm tôi đau. Rồi tôi nghe lòng, Harry, mình đã dâng hiến toàn bộ linh hồn cho người coi nó chỉ như một bông hoa cài áo, một đồ trang sức trên bàn trang điểm, một vật trang trí trong ngày mùa hạ.”

“Trong mùa hạ, Basil, ngày kéo dài hơn,” Ngài Henry lầm bầm. “Có thể cậu sẽ sớm chán hơn chàng ta. Điều này nghĩ mà buồn, nhưng không lẫn cấn gì rằng Thiên Tài tồn tại lâu hơn Sắc Đẹp. Điều đó lí giải cho thực tế là chúng ta cần chịu đựng nỗi đau như vậy để tự răn mình. Trong cuộc chiến hoang dã vì sinh tồn, chúng ta muốn thứ gì đó kéo dài lâu, và do đó chúng ta chất đầy óc mình rác rến và thực tại, trong hi vọng ngó ngẩn về địa vị. Chuyên gia đa ngành – lí tưởng của thời hiện đại. Và tâm trí của một chuyên gia đa ngành là thứ thật khiếp đảm. Nó như một cửa hàng bric-à-brac, rất quý quái và bụi bặm, với giá cả mọi thứ đều cao hơn giá trị thật. Dù thế nào, tôi nghĩ cậu sẽ chán trước. Một ngày nọ cậu sẽ nhìn vào bạn mình, và chàng ta đối với cậu dường như ít giống với bức vẽ, hoặc cậu sẽ không thích tông màu chàng ta nữa, hoặc thứ gì tương tự. Cậu sẽ cay nghiệt trách móc chàng tận trong tim, và nghiêm túc nghĩ rằng chàng đã cư xử rất tệ với mình. Lần sau chàng tới, cậu sẽ hoàn toàn lạnh lùng và thờ ơ. Đó sẽ là điểm đáng tiếc lớn, vì nó sẽ biến đổi cậu. Những gì cậu kể cho tôi rất mực lảng mạn, một mối lảng mạn nghệ thuật như người ta nói, và điều tệ nhất của các loại lảng mạn là nó bỏ lại đằng sau một thứ rất lảng nhách.”

“Harry, đừng nói vậy. Một khi tôi còn sống, nhân cách của Dorian Gray sẽ vẫn thống trị tôi. Anh không thể cảm được những gì tôi cảm. Anh quá thường thay đổi.”

“A, Basil thân mến, chính đó là lí do tôi cảm được. Những người chung tình chỉ biết khía cạnh nhỏ của tình yêu: những kẻ bạc tình mới là người biết các bi kịch ái tình.” Rồi Ngài Henry bật lửa bằng chiếc hộp bạc sang trọng, và bắt đầu hút thuốc với vẻ hài lòng và tinh thức, như thể gã đã tóm lược cả thế giới vào trong một câu. Có tiếng rú rít liên hồi của đàn sẻ trong tán lá xanh như sơn quét của dây thường xuân, và những bóng mây màu lam nổi đuôi nhau hắt trên bãi cỏ như đàn nhạn bay. Khu vườn dễ chịu biết mấy! Và cảm xúc của tha nhân mới thú vị làm sao! – thú vị hơn nhiều các ý tưởng của họ, dường như là vậy với gã. Linh hồn một người, và đam mê của người bạn – đó là những điều hấp dẫn trong đời. Gã tự hình dung mình với vẻ khoái trá lảng lảng vì đã tránh được bữa trưa chán ngắt bằng việc nán lại thật lâu với Basil Hallward. Nếu gã đến nhà bà dì, gã hẳn phải gặp Ngài Goodbody ở đó, và toàn bộ cuộc trò chuyện sẽ về việc bố thí cho người nghèo, và tính cần thiết của mô hình nhà quần cư. Mỗi tầng lớp rao giảng tầm quan trọng về đức hạnh của mình, thực hành là không cần thiết trong đời sống họ. Người giàu nói về giá trị của tằn tiện, và kẻ lười biếng có xu hướng hùng biện về phẩm giá của lao động. Thật đáng mừng vì được trốn khỏi tất cả thứ đó! Đoạn nghĩ về dì mình, một ý niệm dường như đập vào gã. Gã quay sang Hallward, và nói, “Bạn thân mến, tôi vừa mới nhớ ra.”

“Nhớ ra chuyện gì, Harry?”

“Chỗ tôi từng nghe đến tên Dorian Gray.” “Chỗ nào?” Hallward hỏi, khẽ chau mày.

“Đừng làm bộ khó chịu thế, Basil. Đó là chỗ dì tôi, Phu Nhân Agatha. Bà từng kể với tôi bà tìm được một chàng trai tuyệt vời,

người sẽ giúp bà ở East End, và tên cậu ta là Dorian Gray. Tôi buột lòng phải nói rằng bà chưa bao giờ nói với tôi về vẻ đẹp mã của cậu ta. Phụ nữ không đánh giá cao sự đẹp mã; ít nhất, phụ nữ tử tế là thế. Bà nói rằng cậu ta rất đứng đắn, và có bản chất đẹp. Tôi tức khắc hình dung ra một tạo vật với cặp mục kính và mái tóc rù, tàn nhang chi chít, và đi bách bộ bằng đôi bàn chân to bè. Ước gì tôi biết đó là bạn cậu.”

“Tôi lấy làm mừng vì anh không biết, Harry.” “Tại sao?”

“Tôi không muốn anh gặp cậu ta.” “Cậu không muốn tôi gặp chàng ta?” “Vâng.”

“Cậu Dorian Gray đang trong phòng hoạ, thưa ông,” bác tổng quản nói, tiến vào khu vườn.

“Cậu phải giới thiệu cho tôi thôi,” Ngài Henry nói oang oang, cười phá lên.

Anh hoạ sĩ quay về phía người đầy tớ, đang đứng lấp lánh dưới nắng. “Mời Cậu Gray ngồi đợi nhé, ông Parker: tôi sẽ có mặt sau vài phút.” Người đàn ông cúi đầu, và đi ra.

Rồi anh nhìn vào Ngài Henry. “Dorian Gray là người bạn quý nhất của tôi,” anh nói. “Cậu ta mang bản chất đẹp đẽ và đơn sơ. Dì của anh nhận xét hoàn toàn đúng. Đừng làm hỏng cậu ta. Đừng cố gắng gây ảnh hưởng lên cậu ta. Ảnh hưởng của anh rất xấu. Thế giới rộng lớn, và có rất nhiều con người tuyệt diệu ngoài đó. Đừng cướp khỏi tôi người duy nhất mang lại cho nghệ thuật tôi vẻ quyến rũ đang có: cuộc đời nghệ sĩ của tôi phụ thuộc cậu ấy. Nhớ cho, Harry, tôi tin anh.” Anh nói rất chậm, và từ ngữ tựa hồ tuôn ra khỏi anh bất chấp ý chí bản thân.

“Cậu nói nhăng cuội rồi!” Ngài Henry nói, mỉm cười, và, nắm lấy cánh tay Hallward, gã gần như dắt anh vào nhà.

CHƯƠNG II

Vừa bước vào họ nhìn thấy Dorian Gray. Chàng ngồi bên cây dương cầm, xây lưng về phía họ, lần giở tập *Cảnh Rừng* của Schumann. “Anh phải cho em mượn bộ này, Basil,” chàng kêu lên. “Em muốn tập chúng. Chúng quả là mê hoặc.”

“Cái đó hoàn toàn tùy thuộc chuyện em ngồi mẫu thế nào hôm nay, Dorian.”

“Ôi, em chán ngồi lắm rồi, với lại em đâu muốn một bức chân dung kích thích thật cho mình,” chàng trai đáp, xoay người trên chiếc ghế nhạc, điệu bộ dần dỗi, bướng bỉnh. Khi chàng bắt gặp ánh nhìn của Ngài Henry, một màu hồng nhạt ửng lên má trong thoáng chốc, và chàng đứng lên. “Mong anh bỏ quá cho, Basil, thật em không biết anh có người đi cùng.”

“Đây là Ngài Henry Wotton, Dorian, một người bạn cũ ở Oxford của anh. Anh vừa mới kể anh ta chuyện em ngồi mẫu xuất sắc ra sao, và giờ em phá hỏng mọi chuyện.”

“Cậu vẫn chưa phá hỏng trong tôi niềm vui được gặp cậu, Cậu Gray,” Ngài Henry nói, bước tới và mở rộng bàn tay. “Dì tôi thường kể tôi nghe về cậu. Cậu là một trong những người dì thích, và, tôi e là, một trong những nạn nhân nữa của dì.”

“Giờ này tôi vào sổ đen của Phu Nhân Agatha mất rồi,” Dorian trả lời, với vẻ ăn năn khô khan. “Tôi đã hứa đến hội quán Whitechapel với bà vào Thứ Ba tuần trước, và tôi quên khuấy đi mất. Chúng tôi

đáng lẽ chơi song tấu với nhau – ba bài, tôi tin thế. Tôi không biết bà sẽ nói gì với mình. Tôi quá sợ để gặp.”

“Ồ, tôi sẽ hoà giải với dì ấy cho. Dì ấy ưu ái cậu rất mực. Và tôi không nghĩ chuyện cậu vắng mặt lại là vấn đề. Thính giả có thể nghĩ đó là song tấu lắm. Khi Dì Agatha ngồi xuống cây dương cầm dì ấy gảy ồn bằng hai người thường.”

“Thế thì khó chịu cho bà ấy lắm, và không dễ chịu cho tôi,” Dorian trả lời, cười vang.

Ngài Henry ngấm chàng. Vâng, chàng chắc chắn là điển trai tuyệt vời, với đôi môi lượn cong đỏ tươi, đôi mắt xanh ngay thẳng, mái tóc vàng xoăn xoăn. Có điều gì trên mặt chàng làm người khác tin tưởng ngay tức khắc. Toàn bộ vẻ vô tư của tuổi trẻ ở đó, cũng như đam mê thuần khiết của tuổi trẻ. Người ta cảm thấy chàng giữ được mình vô nhiễm khỏi thế tục. Chẳng lạ gì khi Basil Hallward tôn thờ chàng.

“Cậu quá quyến rũ để tham gia hội lạc quyền, Cậu Gray – quá quyến rũ.” Rồi Ngài Henry ném mình xuống tràng kỉ, và mở hộp thuốc.

Người hoạ sĩ nãy giờ bận rộn pha màu và chuẩn bị cọ vẽ. Anh trông vẻ khó chịu, và khi nghe thấy nhận xét mới nhất của Ngài Henry, anh liếc gã, do dự một thoáng, rồi nói, “Harry, tôi muốn hoàn thành bức hoạ trong hôm nay. Liệu anh có nghĩ tôi thô lỗ lắm không nếu mời anh ra về?”

Ngài Henry mỉm cười, và nhìn Dorian Gray. “Tôi nên đi chẳng, Cậu Gray?” gã hỏi.

“Ôi, xin đừng, Ngài Henry. Tôi thấy là anh Basil lại đang chìm vào những lúc tâm trạng bồn chồn; và tôi không chịu nổi mỗi khi anh ấy

bắn gắt. Và lại, tôi muốn anh nói tôi hay tại sao mình không nên tham gia hội lạc quyền.”

“Tôi không biết mình có nên nói cho cậu không, Cậu Gray. Thật tế nhát với chủ đề mà người ta phải nói về nó một cách nghiêm túc. Nhưng chắc hẳn tôi không nên rời đi, giờ đây cậu mời tôi ở lại. Cậu không phiền gì, Basil, đúng chứ? Cậu chẳng thường nói với tôi rằng cậu thích người mẫu của mình có ai đó để chuyện trò.”

Hallward cắn môi. “Nếu Dorian mong vậy, dĩ nhiên anh phải ở lại. Ngẫu hứng của Dorian là luật lệ cho mọi người, ngoại trừ chính chàng.”

Ngài Henry lấy mũ và găng tay. “Cậu áo để phết, Basil, nhưng tôi e rằng mình phải đi. Tôi có hẹn với một gã ở Orleans. Tạm biệt, Cậu Gray. Ghé chơi chỗ tôi vào buổi chiều ở Phố Curzon. Tôi hầu như luôn ở nhà vào năm giờ. Viết gửi tôi khi nào cậu đến nhé. Tôi sẽ tiếc lắm nếu lỡ hẹn cậu.”

“Basil,” Dorian Gray hét lên, “nếu Ngài Henry Wotton đi thì em cũng đi. Anh chẳng bao giờ hé môi khi đang vẽ, và thật ngớ ngẩn khủng khiếp khi đứng trên bục và cố tỏ ra dễ chịu. Mời anh ấy ở lại đi. Em ra lệnh đấy.”

“Ở lại đi, Harry, vì Dorian, và vì tôi,” Hallward nói, nhìn chăm chú bức hoạ của mình. “Hoàn toàn đúng thế, tôi không bao giờ nói khi làm việc, và cũng không bao giờ nghe, và thật là buồn tẻ kinh khủng cho người vô phúc ngồi mẫu cho tôi. Tôi xin anh ở lại đấy.”

“Nhưng còn gã ở Orleans thì sao?”

Người hoạ sĩ cả cười. “Tôi không nghĩ sẽ có khó khăn gì về chuyện đó. Ngồi lại đi, Harry. Và giờ, Dorian, bước lên bục đi, và đừng cử động quá nhiều, hoặc để tâm đến những gì Ngài Henry nói.

Cậu ta có ảnh hưởng rất xấu đến tất cả bạn bè, chỉ có ngoại lệ duy nhất là anh.”

Dorian Gray bước lên đài, với tâm thế một thánh Hi Lạp tử đạo, và thoáng *mím môi** tỏ vẻ phật lòng với Ngài Henry, người mà chàng ưa thích hơn. Gã ta thật khác với Basil. Họ tạo nên một tương phản thú vị. Và gã sở hữu một giọng nói đẹp. Sau một lúc chàng nói với gã, “Anh thật sự có ảnh hưởng rất xấu hả, Ngài Henry? Xấu như anh Basil nói?”

“Không có thứ gì là ảnh hưởng tốt cả, Cậu Gray. Tất cả ảnh hưởng đều là vô đạo đức – vô đạo đức từ quan điểm khoa học.”

“Tại sao?”

“Bởi vì ảnh hưởng đến một người là trao cho y linh hồn người khác. Y không suy nghĩ với tư duy tự nhiên của mình, hay cháy với đam mê tự nhiên của mình. Đức hạnh của y không thật sự là của y. Tội lỗi của y, nếu có thứ gì là tội lỗi, là vay mượn. Y trở thành một tiếng vọng trong tiếng nhạc của người khác, một kép hát trong vai kịch không viết dành cho mình. Mục tiêu cuộc sống là tự phát triển. Để nhận ra bản chất hoàn hảo của một người – đó là lí do mỗi chúng ta có ở đây. Ngày nay, mọi người sợ chính mình. Họ đã quên đi nhiệm vụ tối cao, nhiệm vụ rằng ta thuộc sở hữu chính ta. Tất nhiên họ từ thiện. Họ cho người đói miếng ăn, cho kẻ rách cái mặc. Nhưng linh hồn họ đói khát, và trần truồng. Lòng can đảm đã rời bỏ nòi giống chúng ta. Có thể chúng ta chưa bao giờ thật sự có nó. Sự khiếp sợ xã hội, làm nền tảng đạo đức, sự khiếp sợ Thiên Chúa, làm bí mật tôn giáo – đó là hai thứ cai trị chúng ta. Dầu vậy –”

“Quay đầu một chút về bên phải nào, Dorian, như một cậu bé ngoan,” người hoạ sĩ nói, chìm trong công việc, và chỉ nhận thấy một

biểu cảm xuất hiện trên gương mặt chàng trai mà anh chưa từng thấy trước đây.

“Dầu vậy,” Ngài Henry tiếp lời, với giọng nói trầm, đầy nhạc tính, và với điệu vẩy tay duyên dáng luôn đậm chất riêng, mà gã đã có từ những ngày ở trường Eton. “Tôi tin rằng nếu mỗi người được sống đời mình một cách đầy đủ và trọn vẹn, được tạo hình mọi cảm xúc, biểu lộ mọi suy tư, hiện thực mọi ước mơ – tôi tin rằng thế giới sẽ có được một xung năng mới mẻ của vui thú cho chúng ta quên hết thảy căn bệnh thời trung cổ, và trở lại với lí tưởng Hi Lạp – với thứ gì đó tốt đẹp hơn, dồi dào hơn lí tưởng Hi Lạp, có thể lắm. Nhưng những kẻ cam đảm nhất trong chúng ta cũng sợ chính mình. Sự tàn sát nhau của giống người man di có cùng bi kịch sinh tồn với sự tiết dục đang tàn phá cuộc sống chúng ta. Chúng ta bị trừng phạt vì sự tiết chế của mình. Mỗi xung năng bị ta ra sức đè nén sẽ ủ bệnh trong tâm trí, và đầu độc ta. Thân xác phạm tội một lần, và để đền tội cho nó, thì hành động là phương thức tẩy uế. Chẳng còn gì vương lại sau đó ngoài hồi ức về khoái lạc, hay niềm vui của hồi tiếc. Cách duy nhất để thoát khỏi cảm dỗ là buông xuôi nó. Chống cự nó, và linh hồn cậu phát bệnh bởi thèm khát những điều bị chính nó cấm cản, bởi khao khát những điều mà thứ luật lệ quái đản của nó coi là quái đản và phi pháp. Người ta nói rằng những sự kiện vĩ đại của thế giới diễn ra trong bộ não. Chính trong bộ não, và chỉ bộ não thôi, những tội lỗi vĩ đại cũng diễn ra. Cậu, Cậu Gray, chính cậu, với tuổi trẻ hồng nhung và tuổi thơ hồng bạch, cậu có những đam mê khiến mình e sợ, những ý nghĩ khiến mình ngập tràn kinh khiếp, những giấc mơ thức và những giấc mơ ngủ mỗi khi nhớ về chỉ làm hoen má cậu bằng nỗi xấu hổ –”

“Thôi!” Dorian Gray lúng búng, “thôi! anh làm tôi bối rối. Tôi không biết phải nói gì. Có vài câu trả lời cho anh, nhưng tôi không thể tìm ra. Đừng nói gì. Để tôi nghĩ. Hay, đúng hơn là, để tôi cố không nghĩ.”

Trong gần mười phút chàng đứng đó, bất động, với đôi môi khép hờ, và đôi mắt sáng rỡ lạ thường. Chàng mơ màng nhận thức những ảnh hưởng tuyệt đối mới mẻ đang diễn ra trong mình. Tuy nhiên chàng thấy chúng dường như thật ra xuất phát từ chính bản thân mình. Vài từ ngữ mà người bạn của Basil nói với chàng – được nói ra vô ý, rõ ràng là vậy, và với nghịch biện cố ý trong đó – đã chạm đến những dây đàn bí ẩn chưa từng được chạm đến trước đây, bây giờ chàng cảm thấy rung lên và rộn ràng những xung động kì lạ.

Tiếng nhạc đã khuấy động chàng như vậy. Tiếng nhạc đã làm phiền chàng nhiều lần. Nhưng tiếng nhạc không rành mạch. Đó không phải một thế giới mới, mà là một kỉ hỗn mang khác, được tạo tác trong ta. Từ ngữ! Từ ngữ đơn thuần! Chúng mới gồm guốc làm sao! Mới rõ ràng, và sống động, và tàn ác thế nào! Con người không thể trốn chạy chúng. Có một thứ phép thuật tinh vi bên trong chúng! Chúng dường như có khả năng đổ khuôn cho những thứ vô hình, và tự mình tấu nhạc ngọt ngào như tiếng đàn vĩ hay đàn luyt. Từ ngữ đơn thuần! Có gì thật đến như từ ngữ?

Vâng; có những điều mà tuổi thiếu niên chàng đã không hiểu. Giờ đây thì chàng hiểu chúng. Cuộc sống đột nhiên ngọt màu lửa trước chàng. Tưởng như chàng bước đi trong lửa. Tại sao chàng không biết đến?

Trong cái cười mỉm kín đáo, Ngài Henry quan sát chàng. Gã canh đúng thời điểm tâm lí để không nói gì. Gã nghe lòng hứng thú mạnh

mẽ. Gã kinh ngạc trước ấn tượng bất ngờ của những lời mình gây nên, và, nhớ về một cuốn sách mình đọc vào tuổi mười sáu, cuốn sách đã phơi bày cho gã nhiều điều mình chưa từng biết đến, gã tự hỏi liệu Dorian Gray có đang trải qua kinh nghiệm giống mình không. Gã chỉ đơn thuần bắn mũi tên lên trời. Nó trúng đích ư? Chàng trai này mới cuốn hút làm sao!

Hallward vẫn đang vẽ với những nét cọ dày tuyệt diệu, mang trong nó vẻ tao nhã thực thụ và duyên dáng hoàn hảo của nghệ thuật mà, bất kể thế nào, chỉ có thể đến từ sức mạnh. Anh không nhận thấy bầu im lặng.

“Basil, em đứng mỏi lắm rồi,” Dorian Gray bất thần lên tiếng. “Em phải ra ngoài vườn ngồi. Không khí ở đây ngọt ngào quá.”

“Em thân mến, anh thật xin lỗi. Khi anh vẽ, anh chẳng nghĩ đến gì khác. Nhưng em chưa bao giờ ngồi mẫu tốt hơn hôm nay. Em đứng yên hoàn hảo. Và anh đã bắt được ấn tượng mình mong muốn – đôi môi khép hờ, và ánh nhìn sáng rỡ trong đôi mắt. Anh không biết Harry đã nói gì với em, nhưng chắc chắn cậu ta đã khiến em có biểu hiện tuyệt vời nhất. Anh đồ rằng cậu ta khen ngợi em lắm. Em đừng tin lấy một lời cậu ta nói.”

“Chắc chắn anh ấy không khen ngợi em. Có thể đó chính là lí do em không tin bất kì điều gì anh ấy nói.”

“Tôi biết cậu tin hết cả,” Ngài Henry nói, nhìn chàng bằng đôi mắt mơ màng, uể oải. “Tôi cũng ra vườn với cậu. Phòng họa nóng như đổ lửa vậy. Basil, cho bọn tôi món uống lạnh nào đó đi, món gì có kèm dâu tây nhé.”

“Hẳn rồi, Harry. Chỉ cần động chuông, và khi ông Parker đến tôi sẽ bảo ông ấy món anh muốn. Tôi phải vẽ tiếp phần phong nền, nên

tôi sẽ ra với các anh sau. Đừng mang Dorian đi lâu quá. Tôi chưa bao giờ vào hứng vẽ hơn hôm nay. Đây sẽ là kiệt tác của tôi. Đó chính là kiệt tác của tôi như hiện giờ.”

Ngài Henry bước ra vườn, và thấy Dorian Gray đang vui mặt vào chòm hoa tử đinh hương lớn xinh xắn, sốt sắng thưởng thức hương thơm như thể rượu vang. Gã đến bên cạnh, và đặt tay lên vai chàng. “Cậu làm vậy là phải lắm,” gã nói khẽ. “Chẳng gì chữa lành được linh hồn ngoài cảm giác, cũng như chẳng gì chữa lành được cảm giác ngoài linh hồn.”

Chàng giật mình lùi lại. Chàng để đầu trần, và vài cái lá rơi xuống món tóc quần rối bời và vương trên những sợi vàng của nó. Có một ánh nhìn sợ hãi nơi mắt chàng, như của những người bị đánh thức bất chợt. Hai lỗ mũi đẹp như tạc của chàng rung rinh, cùng cơn kích động đầu đó lắc mạnh màu đỏ trên môi và bỏ lại chúng run rẩy.

“Vâng,” Ngài Henry tiếp, “đó là một trong những bí mật lớn của đời sống – chữa lành linh hồn bằng cảm giác, và cảm giác bằng linh hồn. Cậu là một tạo vật tuyệt vời. Cậu biết nhiều hơn mình nghĩ, cũng như cậu biết ít hơn mình muốn.”

Dorian Gray cau mày và quay đầu đi. Chàng không thể ngăn lòng yêu thích người đàn ông trẻ đáng dong dỏng, phong lưu đang đứng trước mình. Gương mặt phong tình màu ô-liu và biểu cảm uể oải đã thu hút chàng. Có gì đó trong giọng nói trầm, chậm rãi của gã chứa đầy sức mê hoặc. Đôi bàn tay đẹp, trắng, dáng hoa của gã, ngay cả nó, cũng quyến rũ lạ kì. Chuyển động của nó, khi gã nói, như âm nhạc, và chừng như sở hữu một ngôn ngữ của riêng mình. Nhưng chàng cảm thấy sợ gã, và xấu hổ vì nỗi sợ này. Tại sao lại để

một người lạ mặt phơi bày chàng cho chính chàng? Chàng đã quen Basil Hallward nhiều tháng, nhưng tình bạn giữa họ chưa bao giờ biến đổi chàng. Đột nhiên một người ngang qua đời chàng vẻ như đã vạch trần trước chàng bí ẩn cuộc đời. Và, hơn nữa, có gì ở đây để sợ? Chàng chẳng còn là một cậu hay cô học trò nhỏ. Nỗi sợ thật vô lí.

“Ta hãy đến ngồi dưới bóng râm nào,” Ngài Henry nói. “Ông Parker mới mang đồ uống ra đây, và nếu còn phơi mình lâu hơn dưới ánh nắng chói chang cậu sẽ hỏng hết người, và Basil sẽ chẳng bao giờ vẽ cậu nữa. Cậu thật sự không được để da mình sạm nắng. Điều đó không hợp với cậu đâu.”

“Thế thì can hệ gì chứ?” Dorian Gray kêu lên, cười xoa, đoạn chàng ngồi xuống chiếc ghế cuối vườn.

“Nó can hệ đến mọi thứ của cậu, Cậu Gray.” “Tại sao?”

“Bởi vì cậu sở hữu tuổi trẻ tuyệt diệu nhất, và tuổi trẻ là thứ duy nhất đáng giá.”

“Tôi không cảm thấy thế, Ngài Henry.”

“Chưa, cậu chưa cảm thấy nó bây giờ. Một ngày kia, khi cậu già nua và nhăn nheo và xấu xí, khi suy tư đóng lên trán cậu những đường nhăn, và đam mê in lên môi cậu những ngọn lửa gớm guốc, cậu sẽ cảm thấy nó, cậu sẽ cảm thấy nó kinh khủng. Bây giờ, mỗi bước cậu đi, cậu quyến rũ thế giới. Liệu có được mãi thế không?... Cậu mang gương mặt đẹp tuyệt trần, Cậu Gray. Đừng chau mày. Đúng thế đấy. Và Sắc Đẹp là một dạng của Thiên Tài – nhưng cao hơn Thiên Tài, thực vậy, bởi nó không cần phải giải thích. Nó thuộc về những thực tại vĩ đại của thế gian, như nắng trời, hay tiết xuân, hay bóng chiếu dưới màn nước tối của chiếc vỏ sò bạc mà ta gọi là

trắng. Nó không thể bị nghi ngờ. Nó có quyền tối cao. Nó khiến những ai có nó thành ông hoàng. Cậu cười ư? A! khi cậu mất nó cậu sẽ không cười nữa... Người ta đôi khi nói Sắc Đẹp chỉ là hơi hợt. Có thể lắm. Nhưng chí ít nó không hơi hợt như Suy Tư. Với tôi, Sắc Đẹp là kì quan của mọi kì quan. Chỉ những người nông cạn mới không phán xét qua vẻ bề ngoài. Bí ẩn đích thực của thế gian nằm ở cái hữu hình, không ở cái vô hình... Vâng, Cậu Gray, các vị thần đã ưu ái cậu. Nhưng những gì thần thánh ban cho được họ lấy lại rất chóng. Cậu chỉ có vài năm để sống thật sự, hoàn hảo, và trọn vẹn. Khi tuổi trẻ rời đi, sắc đẹp cũng đi theo, và rồi cậu sẽ bất chợt thấy ra chẳng còn khúc khải hoàn nào cho mình, hoặc phải tự xoa dịu bản thân bằng khúc khải hoàn tang thương mà hồi ức về quá khứ sẽ thấy cay đắng hơn cả bại trận. Mỗi tháng tàn trăng mang cậu đến gần hơn thứ gì kinh khủng. Thời gian ghen tị với cậu, và gây chiến với bông huệ và bông hồng của cậu. Cậu sẽ trở nên vàng da, và hóp má, và loà mắt. Cậu sẽ đau đớn kinh hoàng... A! hãy ý thức về tuổi trẻ của mình khi cậu còn có nó. Đừng lãng phí tháng ngày vàng của mình, lắng nghe chuyện tẻ nhạt, cố gắng cải thiện những thứ hồng hóc vô vọng, hay ném đời mình cho lũ gốc nghếch, tầm thường, và thô tục. Đó là những mục đích bệnh hoạn, những lí tưởng sai lầm, của thời đại chúng ta. Sống! Sống đời tuyệt vời cho mình! Để mình chẳng bỏ sót điều gì. Để luôn luôn tìm kiếm cảm giác mới. Chẳng sợ điều gì... Một Chủ Nghĩa Khoái Lạc mới – đó là thứ thời đại chúng ta muốn. Cậu có thể làm biểu tượng hữu hình cho nó. Với nhân cách của mình thì chẳng có gì cậu không thể làm. Thế giới thuộc về cậu trong một mùa... Vào khoảnh khắc gặp cậu tôi thấy cậu hoàn toàn không nhận thức được mình thật sự là gì, thật sự có thể là gì. Nhiều

điều ở cậu quỳnh rũ tôi làm tôi cảm thấy mình phải nói cho cậu vài điều về chính cậu. Tôi nghĩ thật bi kịch nếu cậu bị phí hoài. Rất chóng vánh là quãng thời gian tuổi trẻ của cậu tồn tại – rất chóng vánh. Những bông hoa đôi mọc đại tàn úa, rồi chúng lại nở. Cây kim tước sẽ lại vàng như bây giờ vào tháng Sáu năm sau. Trong một tháng nữa sẽ có sao tím trở trên cây thiết tuyến liên, và năm theo năm màn đêm xanh của tán lá vẫn ôm ấp chòm sao tím của nó. Nhưng chúng ta không bao giờ lấy lại được tuổi trẻ của mình. Mạch vui đập trong ta ở tuổi hai mươi, trở nên chậm chạp dần. Chân tay ta yếu dần, giác quan ta cùn dần. Chúng ta thoái hoá thành những con rối ghê tởm, bị ám bởi kí ức của những đam mê mà ta từng quá sợ hãi, và những cảm dỗ mãnh liệt mà ta không đủ can đảm để buông xuôi. Tuổi trẻ! Tuổi trẻ! Rõ ràng chẳng gì trên đời bằng tuổi trẻ!”

Dorian Gray lắng nghe, mắt mở to hiếu kì. Chùm hoa tử đinh hương rơi khỏi tay chàng xuống nền sỏi. Một con ong xù xì bay đến và vo ve quanh đó một chốc. Rồi nó bắt đầu bò lên khắp khối cầu sao hình trái xoan của chùm hoa nhỏ xíu. Chàng quan sát nó với hứng thú lạ thường vào những điều nhỏ nhặt mà ta thường ngả theo mỗi khi những điều cao cả làm ta sợ, hay khi ta bị khuấy động bởi vài xúc cảm mới mẻ cho thứ ta không thể biểu cảm, hay khi vài suy nghĩ làm ta khiếp sợ đột ngột vây hãm trí não và kêu gọi ta buông xuôi. Một lúc sau con ong bay đi. Chàng thấy nó bò vào miệng chiếc trâm-pét nhuộm màu của cây bìm bìm xứ Tyre. Bông hoa dường như run rẩy, và rồi khẽ khàng đưa qua đưa lại.

Bỗng nhiên người hoạ sĩ xuất hiện tại cửa phòng hoạ, và ra dấu cho họ đi vào. Họ quay sang nhau, mỉm cười.

“Tôi đang chờ đấy,” anh nói to. “Vào trong đi. Ánh sáng rất hoàn hảo, và các anh có thể mang đồ uống theo.”

Họ đứng lên, nhàn tản đi xuống cùng nhau. Hai con bướm xanh trắng rập rờn bay ngang họ, và trên cây lê góc vườn một con chim hoét bắt đầu ca hát.

“Cậu vui vì được gặp tôi, Cậu Gray,” Ngài Henry nói, nhìn chàng.

“Vâng, tôi đang vui. Tôi tự hỏi liệu mình có được vui mãi mãi?”

“Mãi mãi! Đó là một từ phát khiếp. Nó khiến tôi rùng mình mỗi khi nghe. Phụ nữ rất thích dùng nó. Họ phá hỏng mọi mối lãng mạn bằng cách cố làm sự ấy vĩnh hằng. Nó là một từ cũng vô nghĩa nữa. Khác biệt duy nhất giữa ngẫu hứng và đam mê cả đời đó là ngẫu hứng kéo dài hơn một chút.”

Vừa khi bước vào phòng hoạ, Dorian Gray đặt tay lên cánh tay Ngài Henry. “Nếu thế, hãy để tình bạn chúng ta là ngẫu hứng,” chàng nói nhỏ, đỏ mặt vì sự bạo dạn của mình, rồi bước lên bậc và lấy dáng.

Ngài Henry thả mình xuống một chiếc ghế bành liễu đàn lớn, và quan sát chàng. Tiếng quẹt và vạch của cọ vẽ trên nền vải bạt tạo ra âm thanh duy nhất phá vỡ bầu yên ắng, ngoại trừ khi, thi thoảng, Hallward bước lùi lại để nhìn tác phẩm của mình từ xa. Trong tia nắng xiên xiên rọi vào phòng qua lối đi để ngỏ đám bụi nháy múa và như được mạ vàng. Mùi hương ngào ngạt của hoa hồng dường như ủ lên mọi thứ.

Sau khoảng một khắc Hallward ngừng vẽ, nhìn rất lâu vào Dorian Gray, và rồi rất lâu vào bức hoạ, căn đuôi một trong những cây cọ vẽ lớn của mình, và chau mày. “Hoàn toàn xong,” cuối cùng

anh kêu lên, và cúi xuống viết tên mình bằng lối chữ dài mực chu sa trên góc trái tấm bạt.

Ngài Henry tiến đến và xem xét bức hoạ. Đó chắc chắn là nghệ phẩm tuyệt vời, và cũng giống thật đến tuyệt vời.

“Bạn thân mến, tôi chúc mừng cậu những lời nồng nhiệt nhất,” gã nói. “Đây là bức chân dung đẹp nhất đương thời. Cậu Gray, đến và nhìn chính mình đi.”

Chàng trai giật mình, như thể bị đánh thức từ cơn mơ. “Xong thật rồi sao?” chàng nói thăm, bước xuống bậc.

“Hoàn toàn xong,” người hoạ sĩ nói. “Và em ngồi mẫu cực kì xuất sắc hôm nay. Anh vô cùng biết ơn em.”

“Hoàn toàn nhờ vào tôi đấy,” Ngài Henry xen vào. “Đúng chứ, Cậu Gray?”

Dorian không trả lời, mà lơ đãng bước đến trước bức hoạ và quay mặt về nó. Khi thấy nó chàng lùi lại, và má chàng ửng đỏ thoáng chốc vì hài lòng. Một ánh nhìn vui vẻ lướt qua mắt chàng, như thể chàng nhận ra chính mình lần đầu tiên. Chàng đứng đó bất động và nghi hoặc, lơ mơ ý thức rằng Hallward đang nói với mình, nhưng không bắt được ý nghĩa từ ngữ. Tri giác về sắc đẹp của chính mình đến với chàng như một mặc khải. Chàng chưa bao giờ cảm nhận nó trước đây. Những lời khen của Basil Hallward với chàng đơn thuần là sự phóng đại quyến rũ của tình bạn. Chàng nghe chúng, cười chúng, quên chúng. Chúng không ảnh hưởng đến bản chất chàng. Rồi Ngài Henry Wotton đến cùng bài tán tụng kì lạ về tuổi trẻ, lời cảnh báo khủng khiếp về sự ngăn ngủi của nó. Chúng khuấy động chàng khi ấy, và bây giờ, khi chàng đứng nhìn chăm chú hình bóng từ vẻ yêu kiều của mình, toàn bộ thực tế của lời miêu tả ấy

rạch chớp ngang chàng. Vâng, rồi sẽ có ngày khi mặt chàng nhăn nheo và khô róc, mắt chàng mờ và thiếu sắc, vẻ duyên dáng của ngoại hình chàng vỡ tan và biến dạng. Màu đỏ tươi sẽ rời bỏ môi chàng, và màu vàng bị đánh cắp khỏi tóc chàng. Cuộc sống sẽ khiến linh hồn tàn phá thân xác chàng. Chàng sẽ trở nên khủng khiếp, ghê tởm, và thô kệch.

Lúc chàng nghĩ về nó, một cơn đau nhọn hoắt đâm xuyên chàng như lưỡi dao, và khiến từng thớ thịt của chàng run rẩy. Mắt chàng chìm sâu màu thạch anh tím, và lướt ngang chúng một màn nước mắt. Chàng tưởng như có một bàn tay đá đặt lên trái tim mình.

“Em không thích sao?” cuối cùng Hallward hét lên, khế quặn lòng vì sự im lặng của chàng trai, không hiểu nghĩa là gì.

“Tất nhiên cậu ta thích nó,” Ngài Henry nói. “Ai không thích được chứ? Đó là một trong những tác phẩm vĩ đại nhất của nghệ thuật đương đại. Tôi sẽ tặng cậu mọi thứ cậu thích để hỏi có nó. Tôi phải có nó.”

“Đó không phải sở hữu của tôi, Harry.” “Thế thuộc sở hữu của ai?”

“Của Dorian, tất nhiên rồi,” người hoạ sĩ trả lời. “Cậu ta quả là gã bạn rất tốt số.”

“Buồn thay!” Dorian Gray lẩm bẩm, với đôi mắt vẫn dán chặt vào bức chân dung mình. “Buồn thay! Tôi sẽ già đi, và kinh hoàng, và khủng khiếp. Còn nó sẽ không bao giờ già hơn cái ngày tháng Sáu này... Nếu như có một cách nào khác! Nếu nó là tôi là thứ luôn trẻ trung, còn bức hoạ là thứ già đi! Được thế – được thế – tôi đánh đổi mọi thứ! Vâng, chẳng có gì trên toàn cõi đời này tôi không dám đổi! Tôi đánh đổi linh hồn mình để được thế!”

“Cậu khó mà dàn xếp được vụ này, Basil ạ,” Ngài Henry kêu toáng, cười phá lên. “Đó hẳn sẽ là những đường nét thô kệch trong tác phẩm của cậu.”

“Tôi rất phản đối chuyện này, Harry,” Hallward nói. Dorian Gray quay sang nhìn anh. “Em nghĩ khác, Basil.

Anh thích nghệ thuật hơn bạn bè. Em trong mắt anh chẳng hơn gì một bức tượng đồng xanh. Gần như vậy, em dám nói.”

Người hoạ sĩ giật mình kinh ngạc. Giọng điệu ấy thật không hề giống với Dorian. Đã có chuyện gì xảy ra? Chàng trông rất giận dữ. Mặt chàng đỏ au và má chàng nóng bừng.

“Vâng,” chàng tiếp, “em trong mắt anh còn thua bức tượng Hermes ngà hay Faun bạc. Anh sẽ thích chúng mãi. Còn em liệu anh thích được bao lâu? Cho đến khi em có nếp nhăn đầu tiên, em đồ thế. Em biết, giờ đây, rằng khi một người mất đi vẻ ưa nhìn, bất kể họ là ai, họ mất tất cả. Bức hoạ của anh đã dạy em điều đó. Ngài Henry hoàn toàn đúng. Tuổi trẻ là thứ duy nhất đáng giá. Khi nào em thấy mình già đi, em sẽ tự kết liễu đời mình.”

Hallward tái mặt, và nắm lấy tay chàng. “Dorian! Dorian!” anh kêu lên, “đừng nói vậy. Anh chưa bao giờ có được người bạn nào như em, và sẽ không bao giờ có được người khác như thế. Em không ghen tị với đồ vật đấy chứ?

– em đẹp đẽ hơn toàn bộ chúng!”

“Em ghen tị với mọi cái đẹp không lụi tàn. Em ghen tị với bức chân dung anh vẽ em. Tại sao nó giữ thứ mà rồi em sẽ mất? Mỗi giờ trôi qua lấy đi khỏi em, và trao lại vào nó. Ôi, nếu như có một cách nào khác! Nếu bức hoạ có thể thay đổi, và em có thể mãi như bây giờ! Tại sao anh lại vẽ nó? Nó sẽ nhạo báng em một ngày kia – nhạo

báng khủng khiếp!” Nước mắt nóng hổi dâng đầy đôi mắt chàng; chàng giăng tay ra, và, ném mình xuống tràng kỉ, chàng vùi mặt xuống nệm, như thể đang cầu nguyện.

“Thành quả của anh đấy, Harry,” người hoạ sĩ cay đắng nói.

Ngài Henry nhún vai. “Đó là Dorian Gray đích thực – vậy thôi.”

“Không phải.”

“Nếu đã không phải, tôi còn làm được gì?”

“Anh đáng lẽ nên rời đi khi tôi yêu cầu,” anh gằn giọng. “Tôi đã ở lại khi cậu yêu cầu,” là đáp trả từ Ngài Henry.

“Harry, tôi không thể cùng lúc tranh cãi với hai người bạn thân của mình, nhưng hai người các anh làm tôi căm ghét tác phẩm đẹp nhất mình từng vẽ, và tôi sẽ phá hủy nó. Nó là gì ngoài vài bạt và bột màu? Tôi sẽ không để nó xen vào và phá rối cuộc sống ba chúng ta.”

Dorian Gray ngẩng mái đầu vàng lên khỏi gối, và với gương mặt tái xanh cùng đôi mắt nhoè nước chàng nhìn anh, khi anh bước đến chiếc bàn vẽ gỗ thông kê bên dưới ô cửa sổ cao buông rèm. Anh đang làm gì ở đó? Các ngón tay anh đi lạc trong đám rác những hộp thiếc với cọ khô, tìm kiếm vật nào đó. Vâng, đó là con dao vẽ dài, với lưỡi mỏng làm từ thép dẻo. Cuối cùng anh cũng thấy. Anh sắp rạch nó lên tấm vải.

Với một tiếng nắc nhen lòng chàng trai nhảy khỏi ghế, và, lao đến gần Hallward, giăng con dao khỏi tay anh, và ném nó về cuối phòng hoạ. “Đừng, Basil, đừng!” chàng kêu lên. “Đấy là giết người!”

“Anh mừng vì cuối cùng em cũng trân trọng tác phẩm của anh, Dorian,” người hoạ sĩ điềm tĩnh nói, khi đã bình tâm lại sau phút kinh ngạc. “Anh chưa từng nghĩ như vậy.”

“Trân trọng ư? Em yêu nó, Basil. Nó là một phần của em.
Em cảm thấy thế.”

“Chà, ngay khi em khô ráo, em sẽ được phết dầu bóng, và đóng khung, và gửi về nhà. Rồi em có thể làm điều em thích với chính bản thân mình.” Rồi anh đi ngang phòng và rung chuông gọi trà. “Em sẽ uống trà, hẳn chứ, Dorian? Và anh cũng vậy nhé, Harry? Hay là anh phản đối thú vui giản dị này?”

“Tôi tôn sùng các thú vui giản dị,” Ngài Henry nói. “Chúng là nơi trú ẩn cuối cùng của sự phức tạp. Nhưng tôi không thích đóng kịch, ngoại trừ trên sân khấu. Mấy tên ngớ ngẩn này chứ, cả hai cậu! Tôi tự hỏi ai đã định nghĩa con người là động vật lí tính. Đó là định nghĩa bộp chộp nhất từng được đưa ra. Con người là nhiều thứ, nhưng họ không hề lí tính. Tôi mừng vì họ không, dù sao đi nữa: tuy thế tôi mong các cậu đừng gây nhau vì bức hoạ. Tốt hơn cả là cậu để nó cho tôi, Basil. Cậu trai tồ tếch này không thực sự muốn nó đâu, còn tôi thì rất.”

“Nếu anh để nó cho bất cứ ai ngoài em, Basil, em sẽ không bao giờ tha thứ cho anh!” Dorian Gray thốt lên; “và tôi không cho phép ai gọi tôi là cậu trai tồ tếch.”

“Em biết bức hoạ là của em mà, Dorian. Anh đã tặng em trước khi nó tồn tại.”

“Và cậu biết cậu khá tồ tếch, Cậu Gray, và rằng cậu không thực sự phản đối việc bị nhắc nhở rằng cậu vô cùng trẻ trung.”

“Tôi rất phản đối buổi sáng nay, Ngài Henry.” “A! Buổi sáng nay! Cậu đã sống kể từ đó.”

Có tiếng gõ cửa, và bác tổng quản vào phòng với khay trà đầy ắp rồi đặt xuống một chiếc bàn nhỏ kiểu Nhật. Có tiếng lách cách

của tách đĩa và tiếng huýt từ lỗ sáo trên cái vại hãm trà xứ Georgia. Hai chiếc đĩa sứ hình bán cầu được bê vào bởi chú tiểu đồng. Dorian Gray tiến đến rót trà. Hai người đàn ông chậm rãi tản bộ đến bàn, và xem xét có gì dưới lồng bàn.

“Chúng ta đến nhà hát tối nay nhé,” Ngài Henry nói. “Hẳn sẽ có trò gì đó, ở đâu đó. Tôi đã hứa đến hội quán White dùng bữa tối, nhưng chỉ với mỗi một người bạn cũ, nên tôi có thể đánh cho anh ta bức điện cáo bệnh, hoặc tôi không đến được vì vướng mắc với cuộc gặp trước. Tôi nghĩ đó là cái cớ khá được; nó sở hữu mọi bất ngờ của tính thành thật.”

“Thật phiền nhiều khi mặc lễ phục như người ta,” Hallward cầu nhàu. “Và, khi người ta mặc nó vào, trông họ rất dễ sợ.”

“Phải vậy,” Ngài Henry trả lời, mơ màng, “trang phục của thế kỉ mười chín quả là phát gớm. Màu sắc rất ảm đạm, u uất. Tội lỗi là nguyên tố màu đích thực duy nhất còn lại trong cuộc sống đương thời.”

“Tuyệt đối đừng nói những lời như thế trước Dorian, Harry.”

“Trước Dorian nào? Cậu đang rót trà cho chúng ta, hay cậu trong bức hoạ?”

“Trước cả hai.”

“Tôi thích đến nhà hát với anh, Ngài Henry,” chàng trai nói.

“Vậy cậu sẽ đến; và cả cậu nữa, Basil, đi chứ?”

“Tôi không thể, thật tình. Tôi không đi được. Tôi còn nhiều việc cần làm.”

“Chà, vậy thì, chỉ cậu và tôi đi thôi, Cậu Gray.”

“Tôi thích lắm lắm.”

Người hoạ sĩ căn môi và đi tới, tách cầm tay, bên bức hoạ. "Tôi sẽ ở lại với Dorian thật," anh nói, lòng buồn rười.

"Nó là Dorian thật ư?" bản mẫu của bức chân dung kêu lên, tản bước đến bên anh. "Em thật sự giống nó sao?"

"Phải; em trông giống nó." "Tuyệt vời quá, Basil!"

"Chí ít em giống nó ở ngoại hình. Nhưng nó sẽ không bao giờ thay lòng," Hallward thở dài. "Đó là cốt yếu."

"Phiền toái thay người đời mãi cảm ràm về tính chung thủy!" Ngài Henry ta thán. "Cớ làm sao, ngay cả tình yêu chỉ đơn thuần là vấn đề của sinh lí học. Chẳng có phận sự gì cho ý chí chúng ta. Người trẻ muốn chung tình, và không được; người già muốn bạc tình, và không thể: đó là thấy những gì người đời có thể nói."

"Đừng đến nhà hát tối nay, Dorian," Hallward nói. "Thôi hẹn và ăn tối với anh."

"Em không thể, Basil." "Tại sao?"

"Vì em đã hứa với Ngài Henry Wotton rằng sẽ đi cùng."

"Giữ lời hứa cũng không làm cậu ta thích em hơn đâu.

Cậu ta nuốt lời suốt. Anh xin em đừng đi."

Dorian Gray cười và lắc đầu. "Anh van em."

Chàng trai do dự, và nhìn về phía Ngài Henry, người đang quan sát họ từ bàn trà với nụ cười thích thú.

"Em phải đi, Basil," chàng trả lời.

"Tốt thôi," Hallward nói; và anh tiến đến đặt tách trà xuống khay. "Cũng khá muộn rồi, và, em phải thay trang phục, tốt hơn đừng để phí thời gian. Tạm biệt, Harry. Tạm biệt, Dorian. Sớm gặp lại tôi nhé. Hẹn ngày mai."

"Nhất định rồi."

“Em sẽ không quên chứ?”

“Vâng, dĩ nhiên rồi,” Dorian kêu lên. “Này... Harry!”

“Hả, Basil?”

“Nhớ những điều tôi yêu cầu anh đấy, khi chúng ta ngoài vườn sáng nay.”

“Tôi quên mất rồi.” “Tôi tin ở anh.”

“Tôi ước gì mình có thể tin mình,” Ngài Henry nói, cười to. “Đi thôi, Cậu Gray, xe han-xăm² của tôi ở bên ngoài, và tôi có thể thả cậu xuống chỗ tôi. Tạm biệt Basil. Đây là buổi chiều thú vị nhất.”

Đoạn cánh cửa đóng lại sau họ, người họa sĩ thả mình xuống ghế dài, và một ánh nhìn đau đớn hiện lên mặt anh.

CHƯƠNG III

Mười hai rưỡi hôm sau Ngài Henry Wotton tản bộ từ Phố Curzon đến khu biệt thự Albany để gặp bác mình, Ngài Fermor, một lão già độc thân tốt tính dù hơi cục cằn, người được thế giới bên ngoài gọi là ích kỉ vì chẳng kiếm chác được món trợ cấp nào từ lão, nhưng lại được cho là hào phóng trong giới Thượng Lưu vì lão nuôi những kẻ phỉnh phờ mình. Cụ thân sinh lão từng là ngài đại sứ của chúng ta ở Madrid hồi Nữ Hoàng Isabella còn trẻ trung, và Tướng Prim còn non dại, nhưng đã bỏ việc ở Bộ Ngoại Giao trong giây phút đồng bóng nghe lòng bức bối vì không được cử đến Toà Đại Sứ ở Ba Lê, vị trí mà ông cụ cho là mình toàn quyền được phép bởi lí do ra đời của mình, tính chây lười của mình, vốn Anh ngữ giỏi trong các công văn của mình, và đam mê vô độ của mình cho lạc thú. Đứa con trai, giữ chức thư kí cho cha, cũng bỏ việc cùng sếp, có hơi rồ dại như đã nghĩ khi ấy, và vài tháng sau được giao quyền sở hữu ngôi nhà, đã buông mình vào cuộc nghiên cứu nghiêm chỉnh môn nghệ thuật quý tộc vĩ đại của việc tuyệt nhiên ăn không ngồi rồi. Lão có hai ngôi liên biệt thự rộng, nhưng thích sống trong buồng nhỏ cho bớt rắc rối, và hầu hết bữa ăn lão dùng ở hội quán. Thi thoảng lão để mắt đến việc quản lí các mỏ than trong hạt Midland, viện cớ cho vết nhơ trên nền đất của ngành công nghiệp này rằng lợi ích số một của than là cho phép một quý ông được lịch thiệp đốt củi trong lò sưởi của mình. Trong chính trị lão theo phe Bảo Thủ, trừ lúc đảng Bảo Thủ đang cầm quyền, trong thời kì ấy lão ra mặt sỉ nhục họ bằng việc gia nhập

phe Cấp Tiến. Lão là người hùng trong mắt người hầu mình³, tên chuyên bắt nạt lão, và khủng bố hầu hết các mối quan hệ của lão, những người mà đến lượt bị lão bắt nạt lại. Chỉ nước Anh mới có thể sản sinh ra lão, và lão luôn miệng bảo đất nước này sắp tuột dốc không phanh. Nguyên tắc của lão đã lỗi thời cả, nhưng vẫn còn điều hay ho để nói về định kiến của lão.

Khi Ngài Henry vào phòng, gã thấy bác mình ngồi đó trong bộ áo sờn xù xì, hút một điếu xi-rút và càu nhàu với tờ *Thời Đại*. “Ờm, Harry đấy,” lão quý tộc già nói, “cái gì làm mày ra ngoài sớm thế? Bác nghĩ bọn bánh choẹ chúng mày không bao giờ dậy trước hai giờ, và không ló mặt ra trước năm giờ cơ đấy.”

“Tình cảm gia đình thuần khiết, cháu cam đoan, Bác George ạ. Cháu muốn một thứ ở bác.”

“Tiền, tao đoán,” Ngài Fermor nói, làm mặt méo xệch. “Ờm, ngồi xuống và nói hết bác nghe nào. Lũ người trẻ, ngày nay, tưởng rằng tiền là mọi thứ.”

“Vâng,” Ngài Henry lầm bầm, chỉnh lại khuyết áo chiếc măng-tô; “và khi họ già họ biết rằng là vậy. Nhưng cháu không muốn tiền. Chỉ những kẻ tự trả hoá đơn mới muốn nó, Bác George ạ, cháu không bao giờ tự trả. Thẻ tín dụng là thủ phủ của lũ trai trẻ, và chúng sống xa hoa trên đó. Vả lại, cháu luôn luôn giao dịch với các thương nhân của cậu Dartmoor, do đó họ không bao giờ làm phiền cháu. Thứ cháu muốn là thông tin: không phải thông tin hữu dụng, tất nhiên rồi; thông tin vô dụng kia.”

“Ờm, bác có thể nói cho mày mọi thứ trong *Lam Thư*⁴ Anh, Harry, mặc dù ngày nay mấy gã viết vào đó rất nhiều điều vô nghĩa. Hồi bác còn bên Ngoại Giao, mọi sự từng tốt hơn nhiều. Nhưng bác

nghe nói bây giờ họ đang giữ nó để tra xét. Mà trông đợi gì? Tra xét, xin thưa, là trò bịp bợm rất ráo từ đầu chí cuối. Nếu một người là quý tộc, y biết hoàn toàn đủ, và nếu y không phải quý tộc, bất cứ thứ gì y biết đều rước hoạ cho y.”

“Cậu Dorian Gray không có trong Lam Thư, Bác George ạ,” Ngài Henry chậm rãi nói.

“Cậu Dorian Gray? Đó là ai?” Ngài Fermor hỏi, nhúu đôi mày bạc rậm rạp.

“Đó là điều cháu đến để hỏi, Bác George. Hay đúng hơn, cháu biết cậu ta là ai. Cậu ta là cháu trai cuối cùng của Ngài Kelso. Mẹ cậu là người họ Devereux, Phu Nhân Margaret Devereux. Cháu muốn bác kể về mẹ cậu ta. Bà ấy trông ra sao? Kết hôn với ai? Bác biết gần hết mọi người cùng thời, nên chắc bác biết bà ấy. Hiện giờ cháu rất hứng thú với Cậu Gray. Cháu chỉ mới quen cậu ta thôi.”

“Cháu trai Kelso!” lão quý tộc già lặp lại – “Cháu trai Kelso!... Hẳn nhiên... Bác biết mẹ thằng bé đó tưởng tận lắm. Bác tin rằng mình có mặt trong lễ rửa tội của cô ta. Cô nàng xinh đẹp phi thường, Margaret Devereux, và làm tắt thảy đàn ông hoá điên khi bỏ trốn với một gã trai trẻ khố rách áo ôm, hoàn toàn vô danh, xin thưa, một binh bét trong một trung đoàn bộ binh, hay thứ gì đại khái thế. Chắc chắn lắm. Bác nhớ toàn bộ chuyện này như mới xảy ra hôm qua. Gã trai nghèo bị giết trong cuộc đọ súng ở Spa vài tháng sau lễ cưới. Có một giai thoại xấu xí về việc này. Người ta nói Kelso sai thằng du đảng bắt lương nào, thằng cục súc người Bỉ nào đó, đến sỉ nhục con rể mình trước công chúng, thuê nó, xin thưa, làm công chuyện, thuê nó, và thế là thằng đó xiên thịt con rể lão như nướng chim bồ câu. Câu chuyện bị giấu nhẹm, rồi thì, tiên sư nó, Kelso ăn sườn cừu một

mình tại hội quán một thời gian sau. Lão mang con gái về với mình, bác được nghe thế, và cô nàng không bao giờ nói một lời nào với lão nữa. Ồ, phải; đúng là cảnh khó coi. Cô nàng cũng chết, chết trong vòng một năm. Vậy ra cô ta để lại đứa con à? Bác quên mất. Thằng bé thuộc dạng nào? Nếu nó giống mẹ thì hẳn nó phải là một cậu chàng tốt mã.”

“Cậu ta rất tốt mã,” Ngài Henry tán thành.

“Bác mong thằng bé rơi vào bàn tay phù hợp,” lão già tiếp lời. “Nó đáng lẽ phải có một kho tiền chờ mình nếu Kelso biết cư xử phải phép. Mẹ nó cũng có nhiều tiền. Tất cả đất đai Selby thuộc về cô nàng, thông qua ông cô. Ông cô nàng ghét Kelso lắm, coi lão như chó dại. Mà lão đúng thế thật. Từng đến Madrid một lần khi bác ở đó. Tiên sư nó, bác phát nhục vì lão. Nữ Hoàng thường hỏi bác về một quý tộc người Anh lúc nào cũng cò kè với tay đánh xe về tiền công. Họ có hẳn cả câu chuyện về nó. Bác không dám chường mặt tại Cung Điện trong cả tháng. Bác mong lão đối xử với cháu trai mình khá hơn với tay phu xe.”

“Cháu không biết,” Ngài Henry trả lời. “Cháu mừng tượng cậu bé hẳn sẽ giàu có. Cậu ta chưa đến tuổi. Cậu ta sở hữu Selby, cháu biết. Cậu ta nói với cháu thế. Và... mẹ cậu ta rất xinh đẹp ư?”

“Margaret Devereux là một trong những tạo vật yêu kiều nhất bác từng thấy, Harry ạ. Ma xui quỷ khiến nào làm cô nàng hành xử như thế, bác không tài nào hiểu được. Cô nàng có thể cưới bất kì ai mình chọn. Carlington ngây dại bám đuôi cô nàng. Cô nàng lẳng mạn, tuy thế. Tất cả phụ nữ của gia đình ấy đều vậy. Đàn ông nhà đó nghèo lắm, nhưng, hỡi ôi! Phụ nữ thì tuyệt diệu. Carlington quì gối trước cô nàng. Chính hẳn nói cho bác. Nàng chỉ cười vào mặt

hắn, mà không một cô gái nào ở Luân Đôn thời ấy không bám đuôi hắn. Và nhân thế, Harry, nói về những cuộc hôn nhân khờ dại, trò bịp bợm của cha mà với bác rằng thằng Dartmoor muốn kết hôn với một người Mỹ là sao? Há các cô gái Anh không đủ tốt với nó sao?”

“Sẽ hợp một hơn nếu cưới người Mỹ giờ này, Bác George ạ.”

“Tao sẽ khiến cho phụ nữ Anh đổi chọi cả thế giới lần nữa, Harry,” Ngài Fermor nói, đấm cái rầm xuống bàn.

“Vụ đánh cuộc nghiêng về người Mỹ.”

“Không còn lâu nữa đâu, tao nói đấy,” ông bác gã lăm rầm.

“Cuộc đua đường dài rút kiệt sức họ, nhưng họ là chuyên gia đua việt dã. Họ bay được. Cháu không nghĩ cậu Dartmoor có cơ hội.”

“Ai là người thân con bé ấy?” lão quý tộc già càu nhàu. “Liệu con bé còn ai không?”

Ngài Henry lắc đầu. “Thiếu nữ Mỹ tài tình trong việc giấu giếm cha mẹ mình, cũng như phụ nữ Anh tài tình trong việc giấu giếm quá khứ họ,” gã nói, đứng dậy dợm đi.

“Họ đóng heo hộp hả, tao đoán?”

“Cháu hi vọng thế, Bác George, vì lợi ích của cậu Dartmoor. Cháu dám bảo rằng đóng heo hộp là nghề nghiệp sinh lợi nhất ở Mỹ, sau chính trị.”

“Con bé đó xinh không?”

“Cô ta cư xử như thể mình xinh đẹp. Hầu hết phụ nữ Mỹ làm vậy. Đó là bí mật nét quyến rũ của họ.”

“Tại sao những phụ nữ Mỹ ấy không ở lại đất nước họ? Họ lúc nào cũng nói với chúng ta đó là Thiên Đường cho phụ nữ cơ mà.”

“Quả đúng. Đó chính là lí do tại sao, như Eve, họ khắc khoải mong thoát ra ngoài,” Ngài Henry nói. “Tạm biệt, Bác George ạ. Cháu sẽ muộn bữa trưa mất, nếu còn nấn ná thêm. Cảm ơn bác đã cho cháu thông tin mình muốn. Cháu lúc nào cũng thích biết mọi chuyện về bạn mới, và chẳng chuyện gì về bạn cũ.”

“Mày ăn ở đâu, Harry?”

“Ở chỗ Dì Agatha. Cháu được mời cùng với Cậu Gray.

Cậu ta là đứa *con bảo hộ** mới nhất của dì ấy.”

“Hừm! nhần với Dì Agatha của mày, Harry ạ, đừng quấy quả bác thêm nữa bằng mấy trò kêu gọi từ thiện. Bác phát bệnh lên rồi. Do đâu mà, bà mẹ nhân đức ấy nghĩ bác không còn việc gì để làm ngoài kí séc cho mấy cái mốt đồng bóng của mẹ.”

“Được rồi, Bác George, cháu sẽ nhần, nhưng sẽ không ăn thua gì đâu. Những người lạc quyền đánh mất tất cả nhân tính. Đó là điểm khác biệt đặc trưng của họ.”

Lão quý tộc già gừ gừ ra điều ưng bụng, rồi rung chuông gọi đầy tớ. Ngài Henry đi qua cổng vòm thấp xuống Phố Burlington, và xoay bước về hướng Quảng Trường Berkeley.

Vậy ra đó là câu chuyện dòng dõi Dorian Gray. Sống sướng như đã được kể, nó khuấy động gã lên một gợi ý kì lạ, gần như mỗi lảng mạn đương đại. Một phụ nữ xinh đẹp mạo hiểm mọi thứ vì một đam mê rõ dại. Ít tuần lễ sống phóng túng trong hạnh phúc đứt đoạn bởi một tội ác ghê tởm, phản trắc. Nhiều tháng trời thống khổ trong câm lặng, và rồi một đứa con ra đời trong đau đớn. Người mẹ bị bắt về cõi chết, đứa con trai bị bỏ lại trong cô độc và dưới sự bạo ngược của một lão già vô tình. Vâng; đó là một phong nền thú vị. Nó tôn chàng trai lên, làm cho chàng càng hoàn hảo hơn. Đằng sau mỗi sự

mãnh liệt kia, là một bi kịch. Thế gian đã hoài thai, cho bông hoa khiêm nhường nhất bung nở... Chàng mới quyến rũ làm sao ở bữa tối đêm trước, với đôi mắt thẳng thốt và đôi môi khép hờ trong niềm vui khiếp đảm chàng ngồi đối diện gã tại hội quán, những bóng nến đỏ nhuộm màu hồng thắm lên gương mặt chàng ngạc nhiên trong tình thức. Trò chuyện với chàng như kéo một cây vĩ cầm bén nhạy. Chàng đáp lại mọi động chạm và ve vuốt của cây vĩ... Có một sự chi phối ghê gớm trong việc thực hiện ảnh hưởng. Không hành động nào khác giống thế. Để phóng chiếu linh hồn một người vào hình hài duyên dáng nào đó, và để nó lưu lại đó một chốc; để nghe quan điểm trí tuệ kẻ đó vọng lại ta bằng tiếng nhạc hoà thêm niềm đam mê và tuổi trẻ; để truyền đi khí chất một người sang một kẻ khác như thể đó là một chất lỏng huyền ảo hay một mùi hương kì lạ: niềm vui thực sự nằm trong đó – có thể là niềm vui vừa ý nhất còn lại trong một thời đại quá nhiều cấm đoán và thô鄙 như của chúng ta, một thời đại vô cùng trần tục trong khoái lạc, và vô cùng tầm thường trong mục đích... Chàng là hình mẫu tuyệt diệu, rất tuyệt diệu, chàng trai ấy, bằng sự tình cờ kì lạ gã gặp trong phòng hoạ của Basil, hoặc được tạo ra để trở thành hình mẫu tuyệt diệu, dù sao chẳng nữa. Vẻ duyên dáng của chàng, và màu trắng tinh khôi của tuổi thơ chàng, và sắc đẹp như một bức tượng cẩm thạch Hi Lạp cổ còn giữ được cho chúng ta. Chẳng có gì mà người ta không thể làm với chàng. Chàng có thể là một Titan hoặc một món đồ chơi. Tiếc thương thay sắc đẹp như vậy bị định mệnh dành sẵn sự phai tàn!... Và Basil? Từ quan điểm tâm lí, anh ta mới thú vị làm sao! Cách thức mới trong nghệ thuật, phương pháp nhìn đời tân kì, được gợi lên một cách kì lạ bằng sự hiện diện hữu hình đơn thuần của

một kẻ vô thức về mọi thứ; một tiểu tinh im tiếng trú ngụ trong cánh rừng mờ mịt, và bước đi vô hình trong đồng trống, đột nhiên nàng ra mặt, như Dryad và không hoảng sợ, bởi trong linh hồn người tìm kiếm nàng đã thức tỉnh thị năng tuyệt vời để chỉ với nó, những điều tuyệt vời mới khai lộ; chỉ đơn thuần hình khối và kiểu mẫu của sự vật trở nên, bằng cách nào đó, tinh giản lại, và đạt được một giá trị mang tính biểu tượng, như thể chúng chính là kiểu mẫu của hình hài nào khác và hoàn hảo hơn hình bóng chúng tạo nên: thây mới kì lạ làm sao! Gã nhớ có chuyện tương tự trong lịch sử. Phải chăng Plato, nghệ sĩ suy tư, người đầu tiên phân tích điều đó? Phải chăng Buonarrotti người khắc điều đó vào chuỗi thơ xô-nê trên cẩm thạch màu? Nhưng trong thời đại chúng ta điều đó là kì quái... Vâng; gã muốn mình đối với Dorian Gray, mà chẳng hay biết, như cách chàng trai đối với người họa sĩ đã tạo nên bức chân dung tuyệt vời kia. Gã khao khát thống trị chàng – và đã thành công, thực vậy, được một nửa rồi. Gã muốn làm cho linh hồn tuyệt diệu ấy thành của mình. Có một sức mê hoặc trong đứa con trai của Tình Yêu và Cái Chết này.

Đột nhiên gã dừng bước, và ngược nhìn các ngôi nhà. Gã thấy ra mình đi quá nhà người dì một quãng xa, và, mỉm cười với chính mình, quay trở lại. Khi gã bước vào nơi tối tăm tạm gọi là phòng đợi, người tổng quản thông báo gã rằng họ đã đi ăn trưa. Gã đưa mũ và gậy của mình cho một người trong đám đứng gác, rồi đi vào phòng ăn.

“Vẫn muện như thường lệ, Harry,” dì gã kêu lên, lắc đầu nhìn gã.

Gã sáng tác ra một cái cớ trơn tru, và ngồi vào chiếc ghế trống cạnh bà, nhìn quanh xem có những ai. Dorian bẽn lẽn cúi chào gã từ

phía cuối bàn, một dòng suối vui lén chảy vào má chàng. Đối diện là bà Nữ Công Tước xứ Harley, một phu nhân có bản chất và tính tình tử tế đáng ca ngợi, rất được lòng của những người quen biết, và sở hữu tỉ lệ cơ thể dồi dào đến mức mà nếu không phải là Nữ Công Tước thì sẽ được các sử gia đương thời miêu tả bằng từ béo phì. Bên cạnh bà ngồi, bên tay phải, là Đứca Thomas Burdon, đảng viên Cấp Tiến của Nghị Viện, chuyên theo đuôi lãnh đạo trong cuộc sống công khai, còn trong cuộc sống riêng tư thì theo đuôi các đầu bếp nấu ngon nhất, ăn tối với phe Bảo Thủ, và tư duy theo phe Tự Do, tuân theo một qui tắc khôn ngoan và nổi tiếng. Vị trí bên tay trái bà được chiếm đóng bởi Ông Erskine xứ Treadley, một quý tộc già khá quyến rũ và có văn hoá, đã sa vào, rất tiếc, thói xấu kiêu lời, bởi chứng, như ông từng một lần giải thích với Phu Nhân Agatha, ông đã nói hết mọi thứ cần nói trước tuổi ba mươi rồi. Ngồi kế gã là Bà Vandeleur, một trong những người bạn lâu năm nhất của dì gã, một vị thánh hoàn hảo trong số phụ

a *Sir*: danh xưng đứng kèm trước tên người đàn ông đã được phong hiệp sĩ hoặc tòng nam tước, cấp bậc thấp hơn Ngài (Lord). nữ, nhưng ăn vận tồi tàn đến mức làm người ta liên tưởng đến một cuốn thánh ca đóng gáy rách. May mắn cho gã rằng phía bên kia bà là Ngài Faudel, người thông minh nhất trong đám xoàng xĩnh trung tuổi, nói chuyện sống sượng như bài phát biểu của Bộ Trưởng trong Hạ Viện, kẻ mà bà đang nói chuyện với vẻ nghiêm chỉnh cùng cực, đó là lỗi lầm không thể tha thứ, như gã từng tự rút ra nhận xét, mà tất cả những người thật sự tử tế đều mắc phải, và chẳng ai trong số họ thoát ra được.

“Chúng tôi đang nói chuyện về cậu Dartmoor đáng thương, Ngài Henry ạ,” Nữ Công Tước kêu lên, gật gù thích thú với hân phía bên kia bàn. “Cậu có nghĩ liệu cậu ta sẽ kết hôn với con người trẻ trung hấp dẫn này không?”

“Tôi tin rằng cô gái ấy là người quyết chí cầu hôn cậu ta, thưa Nữ Công Tước.”

“Đáng sợ quá!” Phu Nhân Agatha la toáng. “Thực tình, ai đó nên can thiệp đi chứ.”

“Tôi được nghe nói, từ nguồn rất tin cậy, rằng cha cô ta giữ một cửa hàng đồ khô Mĩ đấy,” Đức Thomas Burdon nói, ra chiều ngạo mạn.

“Bác tôi đã gợi ý là đóng heo hộp, Đức Thomas ạ.”

“Đồ khô! Đồ khô Mĩ là cái gì?” Nữ Công Tước hỏi, giơ hai bàn tay to bè ra điều ngạc nhiên, và nhấn mạnh động từ.

“Tiểu thuyết Mĩ,” Ngài Henry trả lời, tự lấy cho mình vài miếng thịt chim cút.

Bà Nữ Công Tước trông càng mù tịt.

“Đừng chấp cậu ta, bạn quý mến,” Phu Nhân Agatha thăm thì. “Cậu ta chẳng bao giờ chú tâm những gì mình nói đâu.”

“Khi châu Mĩ được khám phá,” lão đảng viên Cấp Tiến nói, và bắt đầu đưa ra vài dẫn chứng nhạt nhẽo. Như cách thiên hạ cố gắng vắt kiệt một chủ đề, lão ta vắt kiệt thánh giá của mình. Nữ Công Tước thở dài, và thực hiện đặc quyền được ngắt lời của bà. “Tôi khẩn trời cao đất dày cho nó đừng được khám phá còn hơn,” bà than van. “Thực tình, các cô gái của chúng ta không còn cơ hội nào trong thời buổi này. Điều đó quá bất công.”

“Có lẽ, suy cho cùng thì, châu Mỹ chưa bao giờ được khám phá,” Ông Erskine nói; “Bản thân tôi thích nói rằng nó chỉ là được tìm ra thôi.”

“Ôi! nhưng tôi đã thấy nhiều mẫu vật của dân bản xứ,” Nữ Công Tước trả lời, vẻ mơ hồ. “Tôi phải công nhận rằng hầu hết bọn họ vô cùng xinh xắn. Và y phục cũng đẹp. Họ diện tất thấy y phục người ta có ở Ba Lê. Tôi ước sao mình cũng được như vậy.”

“Người ta nói khi người Mỹ tốt qua đời họ đến Ba Lê,” Đức Thomas cười khùng khục, lão có cả tủ to chứa quần áo Humour thải loại.

“Thật đấy? Thế người Mỹ xấu đến đâu khi họ qua đời?” Nữ Công Tước thắc mắc.

“Họ đến châu Mỹ,” Ngài Henry lầm bầm.

Đức Thomas nhăn nhó. “Tôi e là cháu trai bà có định kiến xấu về đất nước vĩ đại ấy,” lão nói với Phu Nhân Agatha. “Tôi đã du lịch khắp chốn đó, bằng xe hơi của ông quản đốc, ông ấy, trong những việc như thế, cực kì bất thiệp. Tôi cam đoan với bà ghé qua đó là cả cuộc khai trí.”

“Nhưng chúng ta có nhất thiết phải đến Chicago mới được khai trí không?” Ông Erskine hỏi, vẻ náo nức. “Tôi không sẵn sàng lắm cho chuyến đi.”

Đức Thomas vẫy vẫy tay. “Ông Erskine xứ Treadley chứa cả thế giới trong kệ sách của mình rồi. Những gã thực tế chúng tôi thích nhìn vào sự vật, chứ không đọc về chúng. Người Mỹ là dân tộc vô cùng thú vị. Họ tuyệt đối duy lí. Tôi nghĩ đó là điểm phân biệt đặc trưng của họ. Phải thế, Ông Erskine ạ, một dân tộc tuyệt đối duy lí. Tôi cam đoan với ông không có gì là phi lí với người Mỹ.”

“Thế mới khiếp!” Ngài Henry kêu lên. “Tôi chịu được thói vũ lực thô thiển, nhưng thói lí lẽ thô thiển thì chịu thua. Dừng nó cũng như làm trò bất chính. Đó là đòn đánh dưới trí tuệ⁵.”

“Tôi không hiểu ý cậu,” Đức Thomas nói, mặt dần đỏ gay.

“Tôi hiểu cậu, Ngài Henry,” Ông Erskine nói khẽ, tủm tỉm cười.

“Nghịch biện dù sao cũng tốt thôi...” ông Tòng Nam Tước vặc lại.

“Thế nào là nghịch biện?” Ông Erskine hỏi. “Tôi không nghĩ vậy đâu. Mà cho dù thế. Chà, theo chân nghịch biện chính là theo chân sự thật. Để thử thách Hiện Thực ta phải nhìn nó đứng trên dây xiếc. Khi nào Chân Lí hoá ra người nhào lộn là ta phán xét được.”

“Than ôi!” Phu Nhân Agatha nói, “đám các anh tranh cãi gì thế này! Tôi dám chắc là mình chẳng hiểu một lời nào mấy người đang nói. Ồ! Harry, dì rất phiền lòng về cháu. Tại làm sao cháu cứ cố thuyết phục Cậu Dorian thiện tâm của chúng ta rồi bỏ East End thế? Dì cam đoan rằng cậu ấy là vô giá. Người ta thích nghe cậu đàn lắm.”

“Cháu muốn cậu ta đàn cho cháu thôi,” Ngài Henry nói, mỉm cười, rồi gã nhìn xuống bàn và bắt gập cái liếc mắt sáng rỡ thay câu trả lời.

“Nhưng mọi người ở Whitechapel sẽ rất không vui,” Phu Nhân Agatha tiếp.

“Cháu có thể cảm thông mọi thứ, ngoại trừ nỗi đau,” Ngài Henry nói, nhún vai. “Cháu không thể cảm thông nó được. Nó quá xấu xí, quá khủng khiếp, quá khốn khổ. Có gì đó rất là bệnh hoạn trong mỗi cảm thông đau đớn đương thời. Người ta nên cảm thông với màu sắc, vẻ đẹp, niềm vui sống. Càng ít nói về ung nhọt cuộc sống càng tốt.”

“Ấy vậy, East End vẫn là vấn đề hệ trọng,” Đức Thomas bình luận, kèm cái lắc đầu nghiêm nghị.

“Phải thế,” gã huân tước trẻ trả lời. “Đó là vấn đề của chế độ nô lệ, và chúng ta giải quyết bằng cách mua vui cho nô lệ.”

Lão chính khách nhìn gã sắc lẹm. “Vậy, anh kiến nghị thay đổi điều gì?” lão hỏi.

Ngài Henry cả cười. “Tôi không khát khao thay đổi thứ gì ở nước Anh ngoại trừ thời tiết,” gã trả lời. “Tôi hoàn toàn hài lòng với việc lặng ngẫm một cách triết học. Nhưng, nếu đến lúc thế kỉ mười chín đi đến phá sản vì bội chi lòng cảm thông, tôi sẽ đề nghị thỉnh cầu Khoa Học để uốn nắn chúng ta về đúng đường. Lợi thế của cảm tính là dẫn ta lạc đường, và lợi thế của Khoa Học là không có cảm tính.”

“Nhưng chúng ta mang trên mình trách nhiệm hệ trọng,” Bà Vandeleur đánh bạo lên tiếng một cách rụt rè.

“Vô cùng hệ trọng,” Phu Nhân Agatha hoạ theo.

Ngài Henry liếc qua Ông Erskine. “Loài người tự coi mình là nghiêm trọng. Đó là mối tội đầu của thế gian. Nếu như người tối cổ biết cười, Lịch Sử hẳn đã khác.”

“Anh thực sự rất biết giải khuây,” bà Nữ Công Tước thỏ thẻ. “Lần nào đến thăm người dì yêu quý của anh tôi cũng cảm thấy tội lỗi, vì tôi chẳng hứng thú chút nào với East End. Sắp tới đây tôi có thể nhìn vào mặt bà ấy mà không đỏ mặt rồi.”

“Đỏ mặt trông rất đẹp, thưa Nữ Công Tước,” Ngài Henry nhận xét.

“Chỉ khi người ta còn trẻ,” bà trả lời. “Còn một mụ già như tôi đỏ mặt, đó là dấu hiệu rất tồi. A! Ngài Henry, tôi mong cậu nói tôi hay phương cách để trẻ lại.”

Gã suy nghĩ một chốc. “Bà có thể nhớ lại bất kì lỗi lầm tai hại nào mình phạm phải trong những ngày xuân xanh không, thưa Nữ Công Tước?” gã hỏi, nhìn sang bà bên kia bàn.

“Vô cùng nhiều, tôi e thế,” bà kêu lên.

“VẬY hãy tái phạm chúng,” gã nghiêm trang nói. “Để lấy lại tuổi trẻ, người ta chỉ việc lặp lại những đại dột của mình.”

“Một lí thuyết thú vị!” bà la toáng. “Tôi phải đưa nó vào thực tiễn.”

“Một lí thuyết nguy hiểm!” phát ra từ đôi môi mím chặt của Đức Thomas. Phu Nhân Agatha lắc đầu, nhưng chẳng tìm được lòng thắm thích thú. Ông Erskine lắng tai nghe.

“Vâng,” gã tiếp, “đó là một trong những bí mật lớn của cuộc sống. Ngày nay hầu hết mọi người dần chết mòn trong thói thường, và khám phá ra khi đã quá muộn rằng phạm những thứ người ta không bao giờ cần nuối tiếc ấy là lỗi lầm của chính mình.”

Một tràng cười chạy ran cả bàn.

Gã chơi đùa với ý tưởng, và chủ tâm triển khai ra; búng nó lên không trung và biến đổi nó; thả nó trốn thoát và bắt lại; dát nó lấp lánh bằng trí tưởng, và chấp nó đôi cánh bằng nghịch biện. Lời khen tụng cuồn cuộn, theo đà của gã, vút lên thành triết học, rồi bà mẹ Triết Học trở về thời son trẻ, và bắt nhịp điệu nhạc quay cuồng của Khoái Lạc, mặc lên mình, như người ta tưởng tượng, chiếc áo choàng màu rượu loang và vòng đội thường xuân, nhảy múa như cô đồng Bacchante trên những móm đồi cuộc đời, và chế giễu các lão Silenus chân chậm vì tình rượu. Thực Tại trốn chạy nàng như thú rừng hoảng sợ. Đôi chân trắng của nàng đặt lên vết lún rộng nơi thi sĩ Omar thông thái ngồi, cho đến khi nước nho sôi sục quanh đôi

chân trần trong hàng lớp lớp bong bóng tím, hay trườn toài trong bọt nước đỏ bầm khắp vùng tối, nhỏ nước, về phía dốc của chiếc chum ủ. Thật là một ngẫu biến lạ thường. Gã cảm thấy cặp mắt Dorian Gray dán chặt vào mình, và nhận thấy giữa các thánh giả có một người sở hữu khí chất mà gã mong được mê hoặc, tưởng như muốn trao đi trí tuệ sắc bén của mình, và cho mượn màu sắc của trí tưởng mình. Gã tài năng, kì diệu, vô trách nhiệm. Gã lôi cuốn người nghe ra khỏi bản thân họ, và họ bị cuốn theo điệu sáo vui của gã. Dorian Gray chưa từng rời mắt khỏi gã, mà ngồi ngây như bị phù phép, từng nụ cười nổi nhau lướt trên môi chàng, và vẻ ngạc nhiên ngày càng hằn rõ trong đôi mắt sẫm của chàng.

Cuối cùng, trong bộ nô phục thời đại, Hiện Thực bước vào phòng dưới hình hài một đầy tớ để báo cho Nữ Công Tước rằng xe ngựa của bà đang đợi. Bà xoắn vặn tay bằng vẻ tuyệt vọng giả tạo. "Phiền thay!" bà kêu lên. "Tôi phải đi. Tôi cần gặp chồng mình tại hội quán, để dẫn ông ấy đến cuộc họp ngớ ngẩn nào đó ở Phòng Willis, nơi ông ta đứng ra làm chủ trì. Nếu tôi đến muộn hẳn ông ấy giận lắm, và tôi không thể mở phượng chèo với ông ta trong cái mũ bô-nê này được. Nó quá mỏng manh. Một từ khó nghe thôi cũng xé toạc nó. Thôi, tôi phải đi, bạn Agatha thân mến. Tạm biệt, Ngài Henry, cậu vô cùng thú vị, và tuyệt đối mất nết. Tôi chắc chắn không biết nói sao về quan điểm của cậu. Cậu phải đến ăn tối với chúng tôi bữa nào đó. Thứ Ba nhé? Cậu không hẹn ai vào Thứ Ba chứ?"

"Vì bà tôi sẽ huỷ hẹn với bất kì ai, thưa Nữ Công Tước," Ngài Henry nói, với một cái cúi chào.

"A! vậy tốt lắm với tôi, và tồi lắm với cậu," bà kêu lên; "thế cậu nhớ đến nhé;" và bà lướt ra khỏi phòng, theo sau là Phu Nhân

Agatha và các bà khác.

Khi Ngài Henry ngồi lại, Ông Erskine xoay người qua, và ngồi xuống ghế gần gã, đặt lên cánh tay gã.

“Cậu nói hay như sách,” ông nói; “sao cậu không viết một cuốn?”

“Tôi quá ham đọc sách để quan tâm đến việc viết, Ông Erskine. Tôi rất thích viết một cuốn tiểu thuyết, một tiểu thuyết đáng yêu và không thực như tấm thảm Ba Tư. Nhưng ở xứ Ăng-lơ này không có công chúng văn học ở bất kì thể loại gì trừ báo chí, sách giáo lí, và bách khoa thư. Trong toàn bộ dân tộc trên thế giới này dân Ăng-lê sở hữu tri giác nghèo nàn nhất về vẻ đẹp trong văn học.”

“Tôi e là cậu đúng,” Ông Erskine trả lời. “Chính tôi đã từng có tham vọng văn chương, nhưng tôi từ bỏ lâu rồi. Và bây giờ, anh bạn trẻ quý mến, nếu cậu cho phép tôi gọi thế, tôi có thể hỏi liệu cậu có thật sự chủ tâm tất thảy những gì mình nói trong bữa trưa không?”

“Tôi quên sạch những gì mình nói,” Ngài Henry mỉm cười. “Thầy đều rất tồi sao?”

“Thật sự là rất tồi. Thực tế tôi coi cậu là mối nguy cực kì, và nếu có bất kì chuyện gì xảy đến với bà Nữ Công Tước tử tế của chúng ta thì chúng tôi sẽ nhìn cậu như kẻ chịu trách nhiệm chính. Nhưng tôi thích đàm đạo với cậu về cuộc đời. Thế hệ mà tôi sinh ra rất nhạt nhẽo. Mai kia, khi cậu đã phát chán Luân Đôn, hãy xuống Treadley, và trình bày cho tôi món triết học về khoái lạc của cậu cùng vài chai Burgundy tuyệt hảo mà tôi đủ may mắn có được.”

“Tôi sẽ chết mê. Chuyển đến chơi Treadley sẽ là một đặc ân lớn. Có ông chủ nhà miễn chê, cùng một thư phòng miễn chê.”

“Cậu sẽ không thể chê được,” quý ông già trả lời, với cái cúi chào nhã nhặn. “Và giờ tôi phải nói lời cáo biệt đến người dì tuyệt vời của

cậu thôi. Tôi dự định đến hội quán Văn Học. Đến giờ chúng tôi ngủ ở đó rồi.”

“Tất cả các ông ư, Ông Erskine?”

“Bốn mươi người chúng tôi, trong bốn mươi chiếc ghế bành. Chúng tôi đang học tập ở Học Viện Văn Chương Anh.”

Ngài Henry cả cười, và đứng dậy. “Tôi sẽ ra Công Viên,” gã kêu lên.

Khi gã vừa ra cửa Dorian Gray chạm vào cánh tay gã. “Cho em đi cùng anh nhé,” chàng nói khẽ.

“Nhưng tôi nghĩ cậu có hẹn đến gặp Basil Hallward rồi kia,” Ngài Henry trả lời.

“Em thích đi cùng anh hơn; vâng, em cảm thấy mình phải đi cùng anh. Đồng ý đi. Và anh sẽ hứa nói chuyện với em suốt nhé? Không ai nói chuyện tuyệt vời được như anh.”

“A! tôi đã nói hoàn toàn đủ cho hôm nay rồi,” Ngài Henry nói, mỉm cười. “Tất cả những gì tôi muốn bây giờ là ngắm nhìn sự đời. Cậu có thể cùng đi và ngắm với tôi, nếu cậu để tâm.”

CHƯƠNG IV

Một chiều nọ, vào tháng sau, Dorian Gray đang tựa đầu trên chiếc ghế bành sang trọng, tại thư phòng nhỏ trong ngôi nhà ở Mayfair của Ngài Henry. Căn phòng đó, theo kiểu riêng mình, rất quyến rũ, với ván lát sàn dày bằng gỗ nhuộm màu ô-liu, trụ gạch màu kem và trần nhà trang trí thạch cao đắp nổi, và bụi gạch phết một lớp nệm lấm tấm lên chiếc thảm lụa đính tua dài Ba Tư. Trên cái bàn gỗ sơn tiêu con con đứng đó một bức tượng Clodion nho nhỏ, và nằm cạnh đấy một bản cuốn *Truyện trăm chuyện*, được đóng riêng cho Margaret xứ Valois bởi bàn tay Clovis Eve, còn đính một bông cúc bằng vàng do chính Nữ Hoàng chọn làm biểu trưng của mình. Vài chiếc vại sứ to màu lam và những bông uất kim hương lông vẹt đặt trên kệ lò sưởi, và qua ô cửa sổ nhỏ khung chì tràn vào ánh nắng màu mơ của ngày mùa hạ Luân Đôn.

Ngài Henry vẫn chưa về nhà. Gã luôn luôn trễ giờ theo nguyên tắc, đúng giờ theo nguyên tắc của gã là phải giết thời gian. Vậy nên chàng trai làm mặt khá sưng sả, những ngón tay chàng lần giở qua lại một ấn bản cuốn *Manon Lescaut* có minh họa trau chuốt mà chàng tìm thấy trong tủ sách. Tiếng tích tắc đều đặn máy móc của chiếc đồng hồ Louis Quatorze làm phiền lòng chàng. Một đôi lần chàng nghĩ hay là bỏ về.

Rốt cuộc chàng nghe có tiếng bước chân ngoài kia, và cửa mở. “Anh muộn quá thể, Harry!” chàng than phiền.

“Tôi e là không phải Harry rồi, Cậu Gray,” một giọng chói lói trả lời.

Chàng quay đầu nhìn nhanh, và đứng bật dậy. “Xin thứ lỗi, tôi tưởng –”

“Cậu tưởng là chồng tôi. Nhưng chỉ có vợ anh ấy thôi. Cậu phải để tôi tự giới thiệu. Tôi biết về cậu lắm qua những tấm hình chụp. Tôi nghĩ chồng tôi có mười bảy tấm.”

“Không phải mười bảy chứ, Phu Nhân Henry?”

“Chà, vậy thì, mười tám. Và tôi thấy cậu với anh ấy đêm nọ ở rạp Opera.” Cô ả cười cũng the thé như nói, và quan sát chàng với đôi mắt lưu li mơ màng. ả là mẫu phụ nữ tò mò, mặc những mẫu váy trông như được thiết kế trong cơn thịnh nộ và bện vào trong cơn giông tố. ả thường mệt hết người này người nọ, và, vì đam mê của ả không bao giờ được đáp trả, ả giữ chúng như ảo ảnh. ả cố tỏ ra trông như tranh vẽ, nhưng chỉ thành công ở điểm lệch thếch. Tên ả là Victoria, và ả nghiện nặng đi nhà thờ.

“Hôm đó ca vở *Lohengrin* nhỉ, Phu Nhân Henry, tôi nghĩ thế?”

“Vâng; chính là vở *Lohengrin* yêu dấu. Tôi thích nhạc của Wagner hơn bất kì nhạc sĩ nào. Nó quá ồn để người ta có thể tán chuyện suốt buổi mà không sợ người khác nghe phải. Đó là ưu điểm lớn: cậu nghĩ vậy không, Cậu Gray?”

Giọng cười cũng chói lói vỡ ra từ đôi môi mỏng quẹt của ả, và những ngón tay ả khởi sự táy máy con dao rọc giấy đôi môi dài.

Dorian mỉm cười, và lắc đầu. “Tôi e là không, Phu Nhân Henry. Tôi không bao giờ nói chuyện lúc có nhạc – ít nhất là, nhạc hay. Nếu người ta nghe phải nhạc dở, thì nhiệm vụ của họ là phải át lấy nó bằng tán chuyện.”

“A! đó là một trong những quan điểm của Harry, phải chứ, Cậu Gray? Tôi luôn được nghe quan điểm của Harry từ bạn bè anh ấy. Đây là cách duy nhất để tôi biết về họ. Nhưng cậu đừng có nghĩ tôi không thích nhạc hay đây nhé. Tôi tôn sùng nó, nhưng tôi sợ nó. Nó khiến tôi thành ra quá lãng mạn. Tôi đơn thuần sùng bái những tay dương cầm – hai người một lúc, đôi khi, Harry nói tôi vậy. Tôi không biết gì về họ. Có thể họ là người ngoại quốc. Họ đều thể hả, phải há? Ngay cả những người sinh tại Anh cũng trở thành ngoại quốc sau một thời gian, đúng chứ? Đó là cái tài của họ, và như một lời khen tặng nghệ thuật. Làm cho nó mang tính toàn cầu, thật thế? Cậu chưa từng tham dự bữa tiệc nào của tôi, đúng không, Cậu Gray? Cậu phải đến nhé. Tôi không đủ tiền mua phong lan, nhưng tôi sẵn sàng trả mọi giá cho một người ngoại quốc. Họ khiến căn phòng trông như tranh vẽ. Mà Harry về rồi! – Harry, em đến đây tìm anh, để hỏi vài chuyện – em quên khuấy mất rồi – thế rồi em gặp Cậu Gray đây. Bọn em vừa làm cuộc tán gẫu dễ chịu về âm nhạc. Bọn em ăn ý nhau lắm. Mà không; em nghĩ ý kiến bọn em rất khắc nhau. Nhưng cậu ấy dễ chịu nhất hạng. Em rất vui được làm quen với cậu ấy.”

“Anh thích mê, em yêu, mê tí,” Ngài Henry nói, nhướn đôi mày sẫm bán nguyệt và nhìn hai người họ với nụ cười thích thú. “Rất xin lỗi vì đến muộn, Dorian. Tôi đi lòng mua một mảnh thổ cẩm cổ trong Phố Wardour, và mất đến hàng giờ thương lượng. Ngày nay người đời nắm rõ giá cả mọi thứ, và giá trị của chẳng thứ gì.”

“Tôi e là mình phải đi,” Phu Nhân Henry than, phá vỡ bầu im ắng gượng gạo bằng tràng cười bất thần ngớ ngẩn của mình. “Tôi có cuộc hẹn đánh xe dạo chơi cùng Nữ Công Tước. Tạm biệt, Cậu Gray.

Tạm biệt, Harry. Các anh ăn tối bên ngoài hả, tôi đoán? Tôi cũng thế. Biết đâu tôi lại gặp các anh tại nhà Phu Nhân Thornbury.”

“Hắn thế rồi, em yêu dấu,” Ngài Henry nói, đóng sầm cửa sau lưng ả, mà, trông không khác gì con chim thiên đường dầm mưa cả đêm, lúc ả liệng ra khỏi phòng, bỏ lại mùi hương hoa sứ thoang thoảng. Rồi gã châm điếu thuốc, và ném mình xuống ghế dài.

“Đừng bao giờ lấy phụ nữ tóc vàng rơm, Dorian,” gã nói, sau vài cái thả khói.

“Tại sao, Harry?” “Vì họ quá đa cảm.”

“Nhưng em thích người đa cảm.”

“Tóm lại là đừng lấy, Dorian. Đàn ông kết hôn vì chán nản; phụ nữ, vì tò mò: hai phái cùng vỡ mộng.”

“Em không nghĩ là mình thích kết hôn, Harry. Em yêu quá nhiều. Đó là một trong những cách ngôn của anh. Em đưa nó vào thực hành, như cách em làm mọi chuyện theo lời anh.”

“Ai là người cậu đang yêu?” Ngài Henry hỏi, sau phút ngừng lời.

“Một cô đào,” Dorian Gray nói, đỏ mặt.

Ngài Henry nhún vai. “Một *khởi đầu** khá tầm thường.” “Anh sẽ không nói vậy đâu nếu anh từng thấy nàng, Harry.”

“Cô ta là ai?”

“Tên nàng là Sibyl Vane.” “Chưa từng biết đến.”

“Chưa ai biết cả. Tuy nhiên, mọi người sẽ biết một ngày kia. Nàng là một thiên tài.”

“Cậu bé thân mến, không phụ nữ nào là thiên tài cả. Phái nữ là giới tính để làm cảnh. Họ không bao giờ có gì để bày tỏ, nhưng lại tỏ bày như hấp dẫn lắm. Phụ nữ đại diện cho thắng lợi của vật chất

cao hơn ý thức, cũng như đàn ông đại diện cho thắng lợi của ý thức cao hơn đạo đức.”

“Harry, sao anh dám?”

“Dorian thân mến, đó hoàn toàn là sự thật. Tôi đang phân tích phụ nữ thời nay, nên tôi biết rõ lắm. Đối tượng không được sâu sắc như tôi nghĩ. Tôi thấy ra, rốt cuộc, chỉ có hai dạng phụ nữ, mộc mạc và màu mè. Phụ nữ mộc mạc rất hữu dụng. Nếu cậu muốn nhận cái danh đáng kính, cậu chỉ cần đơn giản kéo họ đi ăn tối. Dạng phụ nữ còn lại rất quyến rũ. Tuy nhiên, họ phạm một ngộ nhận. Họ tô trát để ra điều trông vẻ trẻ trung. Các mục đã lên chức bà của chúng ta tô trát để ra điều nói năng thông thái. *Phấn son** và *tâm hồn** song hành bên nhau. Đó là toàn cảnh đương thời. Miễn sao một phụ nữ trông trẻ hơn con gái mình mười tuổi, thì hài lòng tuyệt đối. Để đàm đạo, chỉ có năm người phụ nữ ở Luân Đôn đáng chuyện trò cùng, và hai trong số họ không được thừa nhận trong xã hội thanh lịch. Mà thôi, kể tôi nghe về thiên tài của cậu đi. Cậu quen cô ta bao lâu rồi?”

“A! Harry, quan điểm của anh làm em rợn người.” “Đừng để tâm. Cậu quen cô ta bao lâu rồi?”

“Độ ba tuần.”

“Thế cậu gặp cô ta ở đâu?”

“Em sẽ nói anh nghe, Harry; nhưng anh đừng tỏ vẻ vô cảm trước câu chuyện. Suy cho cùng, chuyện sẽ không bao giờ xảy ra nếu em không quen biết anh. Anh khiến em dâng đầy khao khát hoang sơ tìm biết mọi sự trên đời. Sau nhiều ngày quen anh, điều gì như đập rợn trong tĩnh mạch em. Khi thơ thẩn trong Công Viên hay tản bộ xuống Piccadilly, em quen nhìn vào từng người bước qua mình, và tự hỏi, bằng lòng hiếu kì cuồng dại, họ đi theo kiểu sống nào. Người

này mê hoặc em. Kẻ khác làm em rung mình. Có một chất độc tinh tế trong bầu không. Em đã có đam mê đi tìm cảm giác... Chà, một tối nọ tầm bảy giờ, em quyết định đi ra ngoài tìm kiếm cuộc phiêu lưu nào đó. Em cảm thấy Luân Đôn xám xịt gấm guốc của chúng ta, trong nó chứa hàng vạn con người, những tội đồ nhớp nhúa, và những tội lỗi huy hoàng, như cách anh từng nói, phải có điều gì đó dành sẵn chờ em. Em tưởng tượng ra hàng nghìn điều. Mỗi nguy hiểm chỉ mang cho em cảm giác thú vị. Em nhớ điều anh từng nói với em trong buổi tối tuyệt diệu khi chúng ta cùng ăn tối lần đầu tiên, rằng tìm kiếm cái đẹp là bí mật thật sự của cuộc sống. Em không biết mình trông đợi điều gì, nhưng em cứ đi và lang thang về phía đông, sớm bị lạc đường trong mê cung những con phố cẩu ghét và những quảng trường đen cỏ không mọc. Khoảng đến tám rưỡi em ngang qua một rạp hát nhỏ nức cười, với nào là cột đèn khí lớn cháy chập chờn và các biển quảng cáo loè loẹt. Một lão Do Thái ghê tởm, trong chiếc gi-lê kì quặc nhất em từng chứng kiến trong đời, đang đứng chắn lối vào, miệng hút điếu xì-gà hạng tồi. Lão có món tóc quăn bóng nhờn, và một viên kim cương khổng lồ rực sáng chính giữa ngực lớp áo trong cẩu bẩn. 'Một buổi nhé, thưa Ngài?' lão nói, khi lão thấy em, và lão hạ mũ bằng một phong thái phục vụ bóng bẩy. Có gì đó ở lão, Harry ạ, làm em thích thú. Lão đích thị là quái vật. Anh sẽ cười em, em biết, nhưng em thực tâm đi vào và trả hẳn một đồng ghi-nê thuê buổi rạp. Cho đến hôm nay em vẫn không thể lí giải tại sao mình làm thế; và nếu như em đã không – Harry thân mến, nếu em không làm thế, em hẳn đã bỏ lỡ mỗi lãng mạn lớn nhất đời mình. Em biết anh đang cười. Anh thật là quá lắm!"⁶

“Tôi không cười, Dorian; chỉ ít tôi không cười cậu. Nhưng cậu đừng nói là mỗi lãng mạn lớn nhất đời. Hãy nói là mỗi lãng mạn đầu tiên trong đời. Cậu sẽ mãi luôn được yêu, và sẽ mãi luôn yêu. Một đam mê vĩ đại* là đặc ân của những người không phải làm việc. Đó là điều hữu dụng duy nhất của tầng lớp nhàn rỗi trong một đất nước. Đừng e sợ. Có nhiều điều đẹp để được dành sẵn chờ cậu. Đây đơn thuần là bước khởi động.”

“Anh nghĩ bản chất em quá nông cạn hả?” Dorian Gray giận dữ hét.

“Không; tôi nghĩ bản chất cậu rất sâu sắc.” “Ý anh là sao?”

“Cậu bé thân mến, những kẻ chỉ yêu một lần trong đời mới thật sự nông cạn. Thứ họ gọi là lòng chung thủy, với lại tính kiên trì, tôi gom lại là tính chây ỳ trong thói quen hoặc tính nghèo nàn tưởng tượng của họ. Chung thủy trong đời sống tình cảm cũng như bảo thủ trong đời sống trí tuệ – một lời xưng thú thất bại đơn thuần. Chung thủy! Tôi phải phân tích nó một ngày kia. Đam mê sở hữu nằm trong nó. Có rất nhiều thứ chúng ta sẽ ném đi nếu không sợ bị người khác nhặt lên. Nhưng tôi không muốn làm gián đoạn cậu. Tiếp tục câu chuyện của cậu đi.”

“Chà, em thấy mình ngồi trong một buồng riêng nhỏ khủng khiếp, với tấm màn buông thô bỉ chiếu thẳng mặt mình. Em nhìn ra sau màn, và nhìn bao quát khu khán giả. Một cảnh tượng diêm dúa, với nào thần Cupid nào sừng sung túc la liệt, trông như cái bánh cưới mặt hạng. Trên khán đài và dưới ghế trống khá kín người, nhưng hai hàng ghế quây dờ dáy hoàn toàn trống, và hầu như không có ai ngồi nơi mà em đồ rằng người ta gọi là tầng lễ phục.

Cánh đàn bà nhốn nháo với nào cam và bia gừng, và một lượng tiêu thụ ồ ạt quả hạch diễn ra.”

“Hắn giống với những ngày hưng thịnh của Kịch Nghệ Anh.”

“Y hệt, em nghĩ đến mà mệt mỏi cả người. Em bắt đầu tự vấn mình nên làm cái gì cho phải mỗi khi bắt gặp biển quảng cáo. Anh nghĩ họ diễn vở gì, Harry?”

“Tôi nghĩ là *Thằng Nhỏ Dân, hoặc Câm mà Ngây Thơ*. Cha ông chúng ta thích dạng kịch đó, tôi tin thế. Sống càng lâu, Dorian, tôi càng dứt khoát cảm thấy rằng bất kì thứ gì hay với cha ông ta tức là không hay với ta. Trong nghệ thuật, cũng như trong chính trị, *lớp cha ông luôn luôn sai**.”

“Vở này hay với chúng ta, Harry ạ. Đó là Romeo và Juliet. Em phải thú thực rằng mình hơi phiền lòng với cảnh xem kịch Shakespeare ở cái ổ chuột khốn khổ này. Dầu vậy, em thấy hấp dẫn, bằng cách nào đó. Dù sao chẳng nữa, em quyết định đón xem hồi đầu tiên. Có một dàn nhạc tẻ nhạt, giữ bè là một cậu Do Thái trẻ ngồi bên cây dương cầm nút, đàn như đuổi khách đi, nhưng rốt cục rèm buông cũng được kéo, và vở kịch bắt đầu. Romeo là một quý ông đứng tuổi đậm người, với đôi mày than bần, giọng nói khàn đặc bi ai, và thân hình trông như thùng bia. Mercutio gần như tẻ nhạt. Anh được đóng bởi một tay hề hạ cấp, chỉ chực trưng ra trò hề của mình và kết hợp với cánh hầu dưới khu ghế trũng. Hai người họ đều kì khôi như tấm cảnh phong, và trông như thể được lấy ra từ kho chứa quốc gia. Nhưng Juliet! Harry ơi, hãy tưởng tượng về một cô gái, độ mười bảy, với một khuôn mặt tựa hoa, một cái đầu nhỏ kiểu Hi Lạp với những bím tóc tết nâu sẫm, đôi mắt là giếng sâu màu tím đậm mê, đôi môi như là cánh hoa hồng. Nàng là điều đáng yêu nhất em

từng thấy trên đời. Anh từng nói với em rằng khơi cảm⁷ cũng không làm mình động lòng, nhưng cái đẹp, cái đẹp đơn thuần, có thể dâng lên mắt anh đầy lệ. Em nói anh hay, Harry, em gần như không nhìn được cô gái ấy vì màn nước mắt khoả lấp lên. Còn giọng nàng – em chưa từng nghe một giọng như thế. Rất trầm phứt ban đầu, với những nốt thấp êm dịu, dường như rơi thánh thót xuống tai người. Rồi trở nên lớn hơn một chút, và thanh âm như tiếng sáo hay kèn ô-bo-a xa xa. Trong cảnh vườn nó sở hữu tất thảy niềm ngây ngất run rẩy mà người ta chỉ nghe được trước bình minh lúc hoạ mi ca hát. Có những lúc, về sau này, nó sở hữu cả niềm

đam mê cuồng dại của vĩ cầm. Anh biết giọng nói có thể khuấy động người ta như thế nào rồi đấy. Giọng của anh và giọng của Sibyl Vane là hai thứ em sẽ không bao giờ quên. Mỗi khi em nhắm mắt, em nghe được chúng, và mỗi chúng nói những điều khác nhau. Em không biết nên theo phía nào. Cớ sao em không nên yêu nàng chứ? Harry ạ, em yêu nàng lắm. Nàng là mọi thứ trong cuộc đời em. Đêm từng đêm em đến xem nàng diễn. Đêm này nàng là Rosalind, và đêm sau nàng là Imogen. Em đã thấy nàng chết trong ngôi mộ buồn ở Ý, mút chất độc từ đôi môi người yêu. Em đã trông nàng lang thang xuyên rừng Arden, cải trang thành cậu bé xinh xắn trong bít tất cao và áo chền và mũ trùm thanh nhã. Nàng đã từng hoá điên, rồi đến trước mặt tên vua sai quấy, rồi đưa gã nhàn cửu lí hương mà đội, và lá đặng mà nể. Nàng đã từng vô tội, rồi đôi bàn tay đen đúa của ghen tuông đã siết vào cuống họng tựa sậy của nàng. Em đã thấy nàng trong mọi lứa tuổi và mọi trang phục. Phụ nữ bình thường không bao giờ cuốn hút trí tưởng người ta đến thế. Họ bị giới hạn trong thể kỉ mình sống. Không vẻ quyến rũ nào tân trang

họ. Người ta rành rẽ tâm trí họ dễ dàng như rành rẽ cái mũ bô-nê họ. Người ta lúc nào cũng có thể tìm được họ. Chẳng có bí ẩn nào trong số họ. Họ đánh xe trong Công Viên sáng sáng, và tán gẫu trong tiệc trà chiều chiều. Họ sở hữu nụ cười rập khuôn, và lối sống hợp mốt. Họ hoàn toàn dễ đoán. Nhưng một cô đào! Một cô đào mới khác biệt lắm thay! Harry! Sao anh không nói em hay người đáng để yêu duy nhất là một cô đào?”

“Bởi vì tôi đã yêu rất nhiều người trong số họ, Dorian.” “Ồ, vâng, những người dễ khiếp với tóc nhuộm và mặt tô.”

“Đừng khinh thường tóc nhuộm và mặt tô. Có nét quyến rũ tuyệt diệu trong đó đấy, đôi khi,” Ngài Henry nói.

“Giờ đây em ước mình đừng kể gì với anh về Sibyl Vane.”

“Cậu không ngăn được việc kể với tôi đâu, Dorian ạ. Trong suốt cuộc đời mình cậu sẽ kể với tôi mọi điều cậu làm.”

“Vâng, Harry, em tin là đúng thế. Em không thể cưỡng được việc kể anh nghe mọi thứ. Anh có ảnh hưởng kì lạ lên em. Nếu em có khi nào phạm tội, em sẽ đến và xưng thú với anh. Anh sẽ hiểu cho em.”

“Người như cậu – những tia nắng kiên định của đời – không phạm tội, Dorian ạ. Nhưng tôi rất cảm kích về lời khen tặng đấy, sao chẳng nữa. Và giờ hãy nói tôi hay – với giúp tôi hộp diêm, như một cậu bé ngoan nào: cảm ơn nhé:

– thực tế quan hệ của cậu với Sibyl Vane là gì?”

Dorian Gray nhảy dựng, với đôi má đỏ bừng cùng đôi mắt cháy rực. “Harry! Sibyl Vane là thiêng liêng!”

“Chỉ duy thứ thiêng liêng mới xứng đáng động chạm, Dorian.” Ngài Henry nói, bằng cái chạm kì lạ đến khơi cảm trong giọng nói. “Nhưng sao cậu phải bức tức? Tôi đồ rằng cô ta sẽ thuộc về cậu một

ngày kia. Khi người đời yêu, họ luôn bắt đầu bằng lừa phỉnh chính mình, và luôn kết thúc bằng lừa phỉnh người kia. Đó là thứ thế gian gọi là lãng mạn. Dù gì thì, cậu biết cô ta chứ, tôi đoán?”

“Dĩ nhiên em biết nàng. Ở đêm đầu tiên trong rạp hát, lão già Do Thái dễ sợ ghé đến buồng sau khi buổi diễn khép màn, rồi đề nghị dẫn em ra hậu trường và giới thiệu đến nàng. Em nổi giận với lão, và bảo lão rằng Juliet đã chết hàng trăm năm trước, và xác nàng đang nằm trong ngôi mộ cẩm thạch ở Verona. Em nghĩ, từ cái ngày nhìn vì ngạc nhiên của lão, rằng lão thiết tưởng em đã dùng quá nhiều sâm-panh, hay món gì tương tự.”

“Tôi không bất ngờ.”

“Rồi lão hỏi em có viết cho tờ báo nào không. Em bảo lão rằng mình thậm chí còn chẳng đọc. Xem chừng lão thất vọng ghê gớm lắm, rồi giải bày với em rằng tất cả nhà phê bình kịch nghệ đều âm mưu chống lại lão, và rằng từng người họ đều đã bị mua chuộc cả.”

“Tôi không lấy làm lạ nếu lão hoàn toàn đúng trong chuyện này. Mà, mặt khác, xét theo ngoại hình, hầu hết đám họ không thể nào cao giá được.”

“Ấy, xem chừng lão nghĩ họ vẫn quá khả năng chi trả của lão,” Dorian cười vang. “Đến lúc đó, tuy nhiên, đèn đóm đã tắt ngấm trong rạp hát, và em phải đi. Lão muốn em thử vài điệu xì-gà mà lão nhiệt tình tiến cử. Em từ chối. Đêm sau, dĩ nhiên, em lại đến đó. Khi thấy em lão cúi chào thật thấp, và quả quyết rằng em là người bảo trợ hào phóng cho nghệ thuật. Lão cực kì cực sức, dù vậy lão có niềm đam mê lạ thường với Shakespeare. Lão từng nói với em, bằng giọng tự hào, rằng năm vụ phá sản của lão hoàn toàn vì ‘Người Thi

Ca', cách lão khẳng khẳng dùng để gọi ông ấy. Lão dường như nghĩ đó là một ưu việt."

"Đó chính là ưu việt, Dorian thân mến – một ưu việt vĩ đại. Đa số mọi người đi đến phá sản vì đầu tư quá nặng vào văn xuôi của đời. Huỷ hoại chính mình bằng thơ ca ấy là một vinh dự. Mà lần đầu cậu nói chuyện với Cô Sibyl Vane là khi nào?"

"Đêm thứ ba. Nàng vào vai Rosalind. Em không thể dẫn lòng được đi đi lại lại. Em tung lên nàng vài bông hoa, và nàng nhìn em; chí ít thì em tưởng tượng thế. Lão già Do Thái rất bền chí. Lão dường như quyết tâm dẫn em ra hậu trường, em đành bằng lòng. Thật đáng lạ khi em không ham biết nàng, nhỉ?"

"Không; tôi chẳng nghĩ thế." "Harry thân mến, tại sao?"

"Tôi sẽ nói cho cậu sau, giờ tôi muốn biết về cô gái."

"Sibyl ư? Ôi, nàng quá e thẹn, và dịu dàng. Có điều gì đậm nét trẻ thơ ở nàng. Mắt nàng mở to trong vẻ ngạc nhiên quá đôi khi em bày tỏ với nàng suy nghĩ của mình về buổi diễn, và chừng như nàng hoàn toàn không ý thức về năng lực của mình. Em nghĩ cả hai người em đều căng thẳng. Lão Do Thái già đứng cười nhả nhổ trước cửa vào phòng chờ đầy bụi, làm bài diễn văn chi tiết về chúng em, trong lúc chúng em đứng nhìn nhau như hai đứa trẻ. Lão cứ nằng nặc hô danh em bằng 'thưa Ngài', làm em phải quả quyết với Sibyl rằng mình không thuộc tầng lớp ấy. Nàng chỉ đơn giản đáp lời em, 'Chàng trông giống một hoàng tử hơn. Em phải gọi chàng là Hoàng Tử Quyển Rũ.' "

"Hết chỗ chê, Dorian, Cô Sibyl biết cách khen người đấy."

"Anh sao hiểu được nàng, Harry. Nàng xem em đơn thuần như một nhân vật trong vở kịch. Nàng không biết gì về cuộc đời. Nàng

sống với mẹ, một phụ nữ phai tàn mỗi một đóng vai Phu Nhân Capulet trong một thứ áo đầm màu huyết dụ ở đêm đầu tiên, và bà trông vẻ nghèo khổ.”

“Tôi biết vẻ mặt ấy. Nó làm tôi phiền lòng,” Ngài Henry lẩm bẩm, mân mê những chiếc nhẫn.

“Lão Do Thái muốn kể em nghe tiểu sử nàng, nhưng em bảo điều đó không hấp dẫn mình.”

“Cậu làm rất phải. Luôn luôn có gì đó hạ tiện trong bi kịch của người khác.”

“Sibyl là điều duy nhất em quan tâm. Xuất thân nàng thì nghĩa lí gì với em chứ? Từ cái đầu nhỏ cho đến đôi bàn chân nhỏ của nàng, nàng rõ ràng và hoàn toàn thần thánh. Đêm lại đêm trong đời mình em đến xem nàng diễn, và đêm lại đêm nàng ngày càng tuyệt diệu.”

“Ra đó là lí do, tôi đoán, khiến bây giờ cậu không còn dùng bữa với tôi nữa. Tôi đã nghĩ cậu hẳn đang có mối lãng mạn kì lạ nào. Đúng thế thật; nhưng hoàn toàn không thuộc dạng tôi mong đợi.”

“Harry thân mến, chúng ta vẫn đang không ăn trưa thì cũng ăn tối với nhau hằng ngày, và em đến rạp Opera với anh bao nhiêu lần đấy thôi,” Dorian nói, mở to đôi mắt xanh nghi hoặc.

“Cậu luôn luôn đến muộn thậm tệ.”

“Chà, em không sao thôi được chuyện đến xem Sibyl,” chàng kêu lên, “dù chỉ diễn độc một hồi kịch. Em thèm khát được thấy nàng; và khi em nghĩ về linh hồn tuyệt vời náu biệt trong cơ thể nhỏ bé bằng ngà ấy, em ngập lòng kính sợ.”

“Cậu dùng bữa với tôi tối nay nhé, Dorian, được chứ?” Chàng lắc đầu. “Tối nay nàng là Imogen,” chàng trả lời,

“và tối mai nàng sẽ là Juliet.”

“Tối nào là Sibyl Vane?” “Không tối nào hết.” “Chúc mừng cậu nhé.”

“Anh thật quá lắm! Nàng là tất cả nữ chính của thế gian trong một hình hài. Nàng nhiều hơn là một cá nhân. Anh cười đi, nhưng em nói anh biết nàng là thiên tài. Em yêu nàng, và em phải khiến nàng yêu em. Anh, người biết mọi bí quyết cuộc đời, nói em hay làm sao để quyến rũ Sibyl Vane yêu mình! Em muốn Romeo phải ghen tị. Em muốn những cặp nhân tình đã chết trong thế gian nghe tiếng cười chúng em, và rủ buồn. Em muốn hơi thở của đam mê chúng em khuấy động năm bụi họ thành ý thức, để đánh thức tro tàn họ thành nỗi đau. Than ôi, Harry, em tôn thờ nàng lắm thay!” Chàng đi lên đi xuống trong phòng khi nói. Những chấm đỏ say sưa cháy trên má. Chàng vô cùng kích động.

Ngài Henry quan sát chàng với cảm giác khoái trá tinh tế. Chàng thật khác làm sao với cậu bé e dè, đầy sợ sệt mà gã gặp ở phòng hoạ của Basil Hallward! Bản chất chàng phát triển như một đoá hoa, nay trở bông đỏ rực màu lửa. Từ nơi ẩn trú bí mật của mình nó lên vào Linh Hồn chàng, và Khao Khát bắt kịp nó trên đường.

“Thế cậu dự định làm gì?” Ngài Henry rốt cục nói.

“Em muốn anh và anh Basil cùng em đến đó đêm nào để xem nàng diễn. Em chẳng có chút sợ hãi nào về kết quả. Anh chắc chắn phải thừa nhận thiên tài của nàng. Rồi chúng ta phải mang nàng ra khỏi tay lão Do Thái. Nàng bị trói buộc với lão ba năm – ít nhất cũng phải hai năm tám tháng

– tính từ bây giờ. Em sẽ trả lão món hời, dĩ nhiên. Khi tất cả đều vào đấy, em sẽ dẫn nàng đến nhà hát West End và đưa nàng vào

nơi xứng tầm. Nàng sẽ khiến thế giới phát cuồng như đã làm với em."

"Sẽ bất khả thi đấy, cậu bé thân mến?"

"Không đâu, nàng làm được. Nàng không đơn thuần chỉ là nghệ thuật, mà là bản năng nghệ thuật toàn vẹn, trong nàng, nhưng nàng cũng có nhân cách nữa, và anh vẫn thường nói với em rằng chính nhân cách, chứ không phải nguyên tắc, làm chấn động thời đại."

"Chà, chúng ta sẽ đi tối nào đây?"

"Để em tính. Hôm nay là Thứ Ba. Ta hãy nhất trí là ngày mai. Nàng vào vai Juliet ngày mai."

"Được thôi. Khách sạn Bristol lúc tám giờ nhé; và tôi sẽ kéo theo Basil."

"Đừng tám giờ, Harry, làm ơn đi. Sáu rưỡi. Chúng ta phải có mặt trước khi màn kéo. Anh phải xem nàng trong hồi đầu tiên, nơi nàng gặp Romeo."

"Sáu rưỡi! Không có giờ giấc kiểu ấy! Nó sẽ giống như nhắm trà cùng thịt, hoặc đọc tiểu thuyết Ăng-lê. Sớm cũng phải bảy giờ. Không quý ông nào ăn tối trước bảy giờ. Từ giờ đến mai cậu có gặp Basil không? Hay tôi sẽ viết gửi cậu ấy?"

"Basil yêu dấu! Em đã không gặp anh ấy cả tuần nay. Em tồi quá, anh ấy đã gửi em bức chân dung lồng trong khung kính tuyệt vời nhất, đặc biệt được chính anh ấy thiết kế, và, mặc dù em hơi ghen tị với bức hoạ vì nó trẻ hơn em một tháng, em phải thú thực rằng mình quý nó lắm. Chắc anh viết gửi anh ấy thì hơn. Em không muốn gặp anh ấy một mình. Anh ấy nói những điều làm em phiền lòng. Anh ấy cho em lời khuyên tử tế."

Ngài Henry mỉm cười. “Người đời rất thích cho đi thứ chính họ cần nhất. Đó là thứ tôi gọi là đáy sâu của lòng hào phóng.”

“Ôi, Basil là người bạn tốt nhất, nhưng với em dường như anh ấy hơi ám mùi Philistine⁸. Từ khi biết anh, Harry ạ, em khám phá ra điều đó.”

“Basil, cậu bé thân mến, đưa mọi nét quyến rũ của mình vào trong tác phẩm. Do đó cậu ta chẳng chừa lại gì cho cuộc đời mình ngoài những thành kiến, những nguyên tắc, và thói đời tầm thường. Các nghệ sĩ duy nhất tôi từng biết, những kẻ có nhân cách thú vị, đều là nghệ sĩ tồi. Nghệ sĩ giỏi đơn thuần hiện hữu trong thứ họ tạo nên, và do đó hoàn toàn không hứng thú với bản thân mình. Một thi sĩ vĩ đại, một thi sĩ thật sự vĩ đại, là kẻ kém thi vị nhất trong tất thảy tạo vật. Nhưng những thi sĩ hạng xoàng lại vô cùng mê hoặc. Văn thơ họ kém cỏi bao nhiêu, ngoại hình họ càng như tranh vẽ bấy nhiêu. Sự thật hiển nhiên là chỉ việc xuất bản một tập thơ xô-nê thứ cấp đủ khiến một gã trở nên hấp dẫn khó cưỡng. Y sống văn thơ y không thể viết. Số người kia viết văn thơ họ chẳng dám mừng tượng ra.”

“Em tự hỏi liệu có thật thế không, Harry?” Dorian Gray nói, tấm hương thơm lên chiếc khăn tay của mình bằng chiếc lọ chớp vàng đặt trên bàn. “Hẳn phải đúng, nếu anh đã nói. Giờ thôi em đi đây. Imogen đang đợi em. Đừng quên việc ngày mai nhé. Tạm biệt.”

Đoạn chàng rời phòng, mí mắt nặng nề của Ngài Henry sụp xuống, và gã khởi sự suy nghĩ. Chắc chắn ít ai từng thu hút được gã đến như Dorian Gray, và nỗi cuồng mộ của chàng trai dành cho người khác chẳng gọn nhẹ trong gã lòng phiền muộn hay ghen tị. Gã hài lòng với chuyện đó. Nó khiến nghiên cứu của gã thêm hấp

dẫn. Gã vẫn luôn say mê các phương pháp của khoa học tự nhiên, nhưng chủ đề thông thường của môn khoa học ấy dường như với gã là tầm thường và không giá trị. Thế nên gã khởi đầu bằng mổ xẻ chính mình, cũng như gã khép lại bằng mổ xẻ người khác. Cuộc sống con người – đối với gã đây là điều xứng đáng nhất để xem xét nghiên cứu. Dem sánh với nó thì chẳng có gì là đáng giá. Thực tế rằng khi người ta quan sát cuộc đời trong chiếc lò phản ứng kì lạ của niềm đau và khoái lạc, người ta chẳng cần đeo lên mặt mình tấm mặt nạ thuỷ tinh, cũng chẳng cần cản hơi sun-phu-rơ khỏi quấy rầy bộ não và khiến cho trí tưởng tượng đục ngầu vì những tưởng tượng quái đản và những mơ ước méo mó. Có những thứ độc tinh tế đến nỗi để biết đặc tính của chúng người ta cần phải bị phơi nhiễm. Có những thứ bệnh kì lạ đến nỗi người ta phải vượt qua nếu muốn tìm hiểu bản chất chúng. Và, kìa, phần thưởng y nhận được mới vĩ đại lắm thay! Cả thế gian với y trở nên tuyệt vời làm sao! Chú ý đến luận lí khô khan kì lạ của đam mê, và cuộc sống đầy màu sắc cảm tính của trí tuệ – quan sát nơi chúng gặp gỡ, và nơi chúng chia tách, tại điểm nào chúng hoà hợp, và tại điểm nào chúng bất hoà – có một khoái cảm trong đó! Quan trọng gì cái giá phải trả? Người ta không phải trả giá quá cao cho bất kì cảm giác nào.

Gã ý thức được – và suy tư mang lại tia sáng khoái lạc vào đôi mắt nâu mã não của gã – rằng qua những lời nào đó của mình, những lời đầy nhạc tính phát ra từ lối nói đầy chất nhạc, mà linh hồn Dorian Gray đã quay về phía cô gái trắng trong đó và cúi đầu tôn thờ nàng. Một phần lớn trong chàng trai là tác tạo của chính gã. Gã khiến chàng nở sớm. Đó là mẫu chốt. Người bình thường chờ đến khi cuộc sống hé lộ trước họ bí mật của nó, nhưng với số ít người,

những người được chọn, bí ẩn cuộc sống đã phơi bày trước khi tấm mạng kéo lên. Đôi khi điều này do tác động của nghệ thuật, và chủ yếu là môn nghệ thuật văn học, thứ giải quyết ngay tức khắc bằng đam mê và trí tuệ. Nhưng thi thoảng một nhân cách phức tạp xuất hiện và gánh lấy nhiệm vụ của nghệ thuật, thực tế, bằng lối riêng nó, của nghệ phẩm thực thụ, Cuộc Sống có những kiệt tác kì công của mình, cũng như thi ca, điêu khắc, hay hội hoạ.

Vâng, chàng trai đã sớm nở. Chàng đã gặt vụ mùa khi tiết xuân còn chưa đến. Nhịp đập và đam mê tuổi trẻ vẫn ở trong chàng, nhưng chàng đang tự ý thức. Thật thú vị khi quan sát chàng. Với gương mặt đẹp đẽ, và linh hồn đẹp đẽ, chàng là tạo vật để người ta kinh ngạc. Không quan trọng rằng tất thảy kết thúc ra sao, hay tiền định phải kết thúc. Chàng như một hình nhân duyên dáng trong một hoạt cảnh hay vở kịch, sở hữu niềm vui dường như được người đời điều khiển, nhưng nổi buồn khuấy lên tri giác về cái đẹp của người đời, và vết thương như bông hồng nhung.

Linh hồn và thể xác, thể xác và linh hồn – chúng mới bí ẩn thay! Có thú tính trong linh hồn, và thể xác có những khoảnh khắc thánh tính của mình. Cảm giác có thể tinh chế, và trí tuệ có thể suy thoái. Ai biết được nơi đâu xung năng nhục dục chấm dứt, hay xung năng tinh thần khởi nguồn? Các định nghĩa độc đoán của những tâm lí gia thông thường mới nông cạn thay! Và lựa chọn giữa các luận điệu của nhiều trường phái khác nhau mới khó thế nào! Phải chăng linh hồn là một bóng đen ngồi trong ngôi nhà tội lỗi? Hay thể xác thật sự nằm trong linh hồn, như Giordano Bruno đã nghĩ? Tách rời tinh thần khỏi vật chất là điều huyền bí, và gắn kết tinh thần vào vật chất cũng là điều huyền bí nữa.

Gã khởi sự thắc mắc liệu chúng ta có thể khiến tâm lí học xác thực như một môn khoa học để mỗi dòng suối nhỏ cuộc đời đều được phơi bày trước ta. Như hiện nay, chúng ta luôn luôn hiểu lầm chính mình, và hiếm khi hiểu đúng người khác. Kinh nghiệm không có giá trị đạo đức. Nó đơn thuần là cái tên người đời đặt cho sai lầm của mình. Những nhà đạo đức, theo qui tắc, xem nó như hình thức cảnh báo, và xác nhận nó mang hiệu quả đạo đức nhất định trong việc hình thành tính nết, đã ca ngợi nó như một thứ dạy dỗ ta điều cần theo và chỉ bảo ta điều cần tránh. Nhưng không có động lực trong kinh nghiệm. Nó cũng mang ít tác động như chính lương tâm. Thấy những gì nó thực sự biểu dương là tương lai chúng ta sẽ giống với quá khứ, và rằng tội lỗi ta phạm một lần, trong ghê tởm, ta sẽ phạm nhiều lần nữa, trong niềm vui.

Rõ ràng với gã chỉ phương pháp thực nghiệm là phương pháp duy nhất để con người với tới bất kì phép phân tích khoa học nào về đam mê; và chắc chắn Dorian Gray là đối tượng dưới bàn tay gã, và vẻ như hứa hẹn nhiều trái ngọt dồi dào và sai quả. Mỗi tình cuồng si đột ngột của chàng dành cho Sibyl Vane là một hiện tượng tâm lí mang tầm quan trọng không nhỏ. Không nghi ngờ gì nữa rằng tính hiếu kì có nhiều việc để làm, hiếu kì và khao khát tìm trải nghiệm mới; đam mê ấy không đơn giản mà phần nào khá phức tạp. Có một thứ nằm trong bản năng cảm nhận thuần túy của tuổi thơ đã biến đổi do vận động của trí tưởng tượng, hoá thành thứ gì đó, mà dường như đối với chính chàng trai, nằm dưới điều khiển của tri giác, và bởi tất cả lý do ấy nó càng thêm nguy hiểm. Chính đam mê về cội nguồn làm chúng ta lừa dối bản thân mà hành hạ chính

mình một cách khắc nghiệt nhất. Động lực yếu ớt nhất của ta là thứ mà bản chất ta ý thức rõ. Nó thường xảy đến khi ta nghĩ mình

đang thử nghiệm người khác trong khi thực sự ta đang thử nghiệm chính mình.

Đương lúc Ngài Henry ngồi mơ màng những điều ấy, có tiếng gõ cửa vang lên, rồi người hầu phòng bước vào, và nhắc gã đã đến giờ thay đồ đi ăn. Gã đứng lên và trông ra đường. Ánh hoàng hôn phủ màu vàng đồng lên cửa sổ tầng thượng toà nhà đối diện. Ô cửa rực màu tựa lá kim loại nung chảy. Nền trời cao trông như bông hồng úa. Gã nghĩ về cuộc sống rực màu lửa của người bạn trẻ, lòng tự hỏi mọi chuyện sẽ kết thúc như thế nào.

Khi về nhà, khoảng mười hai rưỡi, gã thấy một bức điện báo đặt trên bàn phòng khách. Gã mở ra, và hay nó được gửi từ Dorian Gray. Để thông báo gã rằng chàng đã hứa hôn với Sibyl Vane.

CHƯƠNG V

Mẹ, mẹ à, con hạnh phúc lắm!" cô gái thầm thì, vùi mặt vào lòng người mẹ mang vẻ mặt mệt mỏi, phai tàn, với tấm lưng xây về phía tia nắng chói gắt tự tiện chiếu vào, đang ngồi trong chiếc ghế bành độc nhất mà căn phòng khách cáu bẩn của họ có được. "Con hạnh phúc lắm!" nàng lặp lại, "và mẹ cũng phải hạnh phúc nhé!"

Bà Vane cau có, và đặt đôi bàn tay mảnh dẻ trát phấn trắng thanh diên lên đầu con gái. "Hạnh phúc!" bà vọng lại, "mẹ chỉ hạnh phúc, Sibyl, khi nhìn con diễn. Con phải đừng nghĩ đến gì khác ngoài nghiệp diễn. Ông Isaacs đã rất tử tế với mẹ con mình, và chúng ta nợ ông ấy tiền."

Cô gái ngược lên bữu môi. "Tiền ư, mẹ?" nàng kêu lên, "tiền quan trọng gì chứ? Tình yêu trên tiền bạc."

"Ông Isaacs đã đưa trước cho ba mẹ con ta năm mươi bảng để trả nợ và để sắm bộ đồ nghề hoàn chỉnh cho thằng James. Con không được quên đâu, Sibyl. Năm mươi bảng là một khoản rất lớn. Ông Isaacs là người ân cần nhất."

"Ông ấy không ra dáng quý ông, mẹ à, và con ghét cái lối ông ấy nói chuyện với con," cô gái nói, cắt chân đứng dậy, rồi ra cạnh cửa sổ.

"Mẹ không biết chúng ta sinh nhai bằng cách nào nếu không có ông ấy," người phụ nữ đứng tuổi cáu kỉnh trả lời.

Sibyl Vane quay ngoắt lại và cười vang. "Chúng ta không cần ông ấy nữa, mẹ à. Giờ đây Hoàng Tử Quyển Rũ chăm lo cho chúng ta."

Rồi nàng ngưng tiếng. Đoá hồng run lên trong máu nàng, và phủ bóng đôi má nàng. Hơi thở gấp gáp tách đôi hai cánh môi nàng. Chúng rung rinh. Cơn gió nam đầu đó của đêm mê thổi qua nàng, và khuấy động những nếp gấp thanh nhã trên bộ váy nàng. “Con yêu chàng,” nàng hồn nhiên nói.

“Dại quá con ạ! Dại quá con ạ!” câu giáo huấn cổ lỗ được buông ra làm lời đáp. Những ngón tay khoằm khoèo đeo ngọc giả vẩy vẩy tạo cảnh hoạt kê cho lời nói.

Cô gái lại cười vang. Niềm vui của con chim trong lồng ở giọng nói nàng. Đôi mắt nàng bắt gặp giai điệu, và vọng lại trong ánh rạng rỡ: rồi nhắm lại thoáng chốc, như thể để che giấu bí mật. Khi chúng mở lại, màn sương của giấc mơ giăng ngang.

Đôi môi mỏng thông thái vẫn nói với nàng từ chiếc ghế cũ sờn, bóng gió về tính thận trọng, trích dẫn từ cuốn sách hèn kém của một tác giả nhạt lại cái bút danh nhan nhản. Nàng không lắng nghe. Nàng đang tự do trong ngục tù của đêm mê. Chàng hoàng tử của nàng, Hoàng Tử Quyển Rũ, đang sánh bước bên nàng. Nàng đã nhờ gọi Kí Ước để tái tạo chàng. Nàng đã phái linh hồn mình đi tìm kiếm chàng, và nó đã mang chàng về. Nụ hôn chàng một lần nữa thiêu đốt miệng nàng. Đôi mi nàng ấm nồng trong hơi chàng thở.

Rồi Thông Thái thay đổi phương pháp của mụ mà nói về theo dõi và tìm tòi. Chàng trai trẻ này có thể giàu có. Nếu vậy, việc kết hôn nên được nghĩ tới. Xuyên thủng mảnh vỏ sò của tai nàng con sóng trí trá của nhân gian phá vỡ nó. Mũi tên xảo quyệt được mụ bắn ra. Nàng thấy đôi môi mỏng chuyển động, và cười.

Bất thần nàng cảm thấy cần nói. Bầu im lặng đông dài làm phiền lòng nàng. “Mẹ, mẹ à,” nàng kêu lên, “sao chàng yêu con đến thế?”

Con biết vì sao mình yêu chàng. Con yêu chàng vì chàng tựa hình hài chính Tình Yêu. Nhưng chàng nhìn thấy gì trong con? Con không xứng với chàng. Vả lại – cố sao mà, con không biết nói sao – mặc dù con thấy mình thua kém chàng nhiều lắm, con không thấy tự ti. Con thấy tự hào, vô cùng tự hào. Mẹ ơi, mẹ có yêu cha con như con yêu Hoàng Tử Quyển Rũ không?”

Da mặt người phụ nữ đứng tuổi tái lại bên dưới lớp phấn hạng tôi đánh lem nhem nơi má, và đôi môi khô gằn giật trong cơn co thắt của niềm đau. Sybil lao về phía bà, vòng tay ôm cổ, và hôn bà. “Con mong được thứ lỗi, mẹ à. Con biết mẹ đau lòng mỗi khi nói về cha con. Nhưng mẹ đau lòng chỉ bởi mẹ yêu cha quá nhiều. Đừng làm vẻ buồn thế. Hôm nay con hạnh phúc như mẹ của hai mươi năm trước. A! hãy để con được hạnh phúc mãi mãi!”

“Con tôi, con còn quá trẻ để tơ tưởng đến tình ái. Hơn nữa, con biết gì về chàng trai ấy? Con chẳng biết cả tên cậu ta. Mọi sự đang đến hồi phiến hà nhất, thực vậy, khi thẳng James đi mãi sang Úc, và mẹ có quá nhiều chuyện cần nghĩ, mẹ phải nói rằng con nên biết suy nghĩ hơn. Tuy nhiên, như mẹ nói trước đây, nếu cậu ta có của...”

“A! mẹ, mẹ à, hãy để con được hạnh phúc!”

Bà Vane liếc nhìn nàng, và với một trong những điệu bộ giả kịch vẫn thường trở thành một dạng bản chất thứ hai của người diễn viên kịch, siết lấy cánh tay nàng. Đúng lúc đó cánh cửa bật mở, và một cậu trai với mái tóc nâu bồm xồm bước vào phòng. Cậu nom đậm người, đôi bàn tay với chân to xù, và cử động có phần vụng về. Cậu không mang nòi xinh đẹp như chị mình. Người ta khó đoán được mối quan hệ tình thân tồn tại giữa họ. Bà Vane dán mắt vào

cậu, và nở nụ cười tươi. Bà thầm nâng con trai mình lên địa vị của một khán giả. Bà đoán chắc rằng *hoạt cảnh** này hấp dẫn.

“Chị dành vài nụ hôn của mình cho em được chứ, Sibyl, em mong thế,” cậu trai nói, với một câu mắng yêu.

“A! nhưng em không thích bị hôn mà, Jim,” nàng kêu lên. “Em là con gấu già dễ khiếp.” Và nàng chạy ngang phòng đến ôm cậu.

James Vane nhìn vào mặt chị mình vẻ dụi dằng. “Em muốn chị ra ngoài đi dạo cùng em, Sibyl. Em không cho rằng mình sẽ còn thấy lại cái thành phố Luân Đôn khốn nạn này nữa. Em chắc chắn rằng mình không ham.”

“Con trai tôi, đừng nói những lời khó nghe như thế,” Bà Vane nói khẽ, cầm lên bộ váy diễn kịch loè loẹt, cùng tiếng thở dài, và bắt đầu vá nó. Bà thấy hơi thất vọng vì cậu không gia nhập đoàn. Điều sẽ làm tăng tính đa dạng cho sân khấu.

“Tại sao phải dừng, hả mẹ? Ý con là thế đấy.”

“Con làm mẹ đau lòng, con trai. Mẹ cậy ở con trở về từ Úc trong địa vị giàu sang. Mẹ tin là chẳng có kiểu dạng thượng lưu nào ở các nước Thuộc Địa, chẳng có gì được mẹ gọi là thượng lưu; vậy nên khi nào phát đạt con phải trở về và khẳng định mình ở Luân Đôn.”

“Thượng lưu!” cậu trai gằn tiếng. “Con không ham biết một chút gì về đám đó. Con muốn kiếm tiền để đưa mẹ và Sibyl rời khỏi sàn diễn. Con ghét nó.”

“Chao ôi, Jim!” Sibyl nói, cười vang, “em cục cằn quá đi! Nhưng em thật sự sẽ đi dạo với chị chứ? Vậy thì hay lắm! Chị sợ rằng em sắp đi chào tạm biệt vài đứa bạn em – như Tom Hardy, thằng cho em cây tẩu ghê tởm đó, hay Ned Langton, thằng tròng ghẹo em về

chuyện hút hít. Thật ngọt ngào khi em cho chị ở bên em vào buổi chiều cuối. Ta sẽ đi đâu nhỉ? Cùng ra Công Viên nhé.”

“Em quá nhếch nhác,” cậu trả lời, cau mày. “Chỉ người bánh bao mới ra Công Viên.”

“Vớ vẩn quá, Jim,” nàng thì thầm, vuốt vuốt ống tay áo cậu.

Cậu do dự một chốc. “Được rồi,” cuối cùng cậu nói, “nhưng đừng quần quần áo áo lâu quá nhé.” Nàng nhún nhảy ra khỏi cửa. Người ta nghe được giọng nàng hát khi lên lầu. Đôi bàn chân nhỏ của nàng lộp cộp bên trên.

Cậu đi lên đi xuống trong phòng hai ba lượt. Rồi quay về phía hình hài vẫn còn trên ghế. “Mẹ, hành lí của con đã sẵn sàng chưa?” cậu hỏi.

“Sẵn sàng cả rồi, James,” bà trả lời, vẫn để mắt vào công việc của mình. Từ vài tháng nay bà cảm thấy lúng túng mỗi khi chỉ có một mình ở cùng cậu con trai cộc cằn, nghiêm nghị. Bản chất hơi hợm bí mật của bà bất an khi mắt họ chạm nhau. Bà từng tự hỏi liệu cậu có nghi ngờ gì không. Bầu im lặng, vì cậu chẳng nói lời nào, trở nên quá sức chịu đựng với bà. Bà khởi sự than van. Đàn bà tự vệ bằng cách tấn công, như cách họ tấn công bằng sự đầu hàng đột ngột và kì lạ. “Mẹ mong con sẽ được thoả lòng, James, với cuộc đời lên đêngh trên biển,” bà nói. “Con phải nhớ rằng đó là lựa chọn của chính con. Con đã có thể bước vào văn phòng luật. Luật gia là tầng lớp rất đáng trọng, và ở đất nước này thường được ăn tối với những gia đình danh giá nhất.”

“Con ghét văn phòng, và con ghét đám lục sự,” cậu đáp. “Nhưng mẹ nói rất đúng. Chính con đã chọn cuộc đời mình. Thả những gì

con cần nói là, hãy trông chừng Sibyl. Đừng để chị ấy sa vào mối nguy nào. Mẹ ạ, mẹ phải trông chừng chị ấy.”

“James ơi, con nói sao lạ quá. Dĩ nhiên là mẹ trông chừng Sibyl.”

“Con được nghe có một tên quý tộc đến rạp hát hằng đêm, rồi vòng ra hậu trường để trò chuyện với chị. Có đúng thế không? Vậy là thế nào?”

“Con đang nói về chuyện mình không hiểu, James ạ. Trong nghề này những người như mẹ đã quen với việc nhận biệt đãi lớn bắt nguồn từ những khán giả ưu ái nhất tưởng thưởng. Bản thân mẹ từng được nhận nhiều bó hoa một lúc. Đây là khi diễn xuất được thấu hiểu thực sự. Còn về Sibyl, mẹ không biết hiện tại lòng quyến luyến của con bé là nghiêm túc hay không. Nhưng không phải nghi ngờ gì rằng chàng trai ta đang nói đến là một quý ông hoàn hảo. Cậu ta luôn lễ phép hết mực với mẹ. Vả lại, cậu ta ra dáng con nhà giàu, và những đóa hoa cậu ta gửi đều dễ thương.”

“Tuy thế, mẹ không biết tên hắn ta,” cậu trai gay gắt nói.

“Phải,” mẹ cậu trả lời, với vẻ mặt điềm tĩnh. “Cậu ta chưa tiết lộ tên thật của mình. Mẹ nghĩ đó là tính lẳng mạn của cậu ấy. Cậu ta có lẽ là thành viên trong tầng lớp quý tộc.”

James Vane cắn môi. “Trông chừng Sibyl, mẹ ạ,” cậu la lên, “trông chừng chị ấy.”

“Con trai tôi, con phiền lòng mẹ quá. Sibyl lúc nào cũng nằm dưới mối quan tâm đặc biệt của mẹ. Dĩ nhiên, nếu cậu quý tộc này giàu có, chẳng có lí do gì để con bé không nên kết giao với cậu ta. Mẹ tin cậu ta thuộc tầng lớp quý tộc. Cậu ta có tất cả vẻ ngoài của họ, mẹ dám nói. Đây có thể là cuộc hôn nhân tươi sáng nhất cho

Sibyl. Tụi nhỏ là một cặp đẹp đôi. Vẻ ưa nhìn của cậu ta thật sự đáng chú ý; mọi người đều để tâm đến hai đứa nó.”

Cậu trai càu nhàu gì đó một mình, và gõ nhịp lên kính cửa sổ bằng những ngón tay thô ráp. Cậu vừa quay đầu lại định nói gì, thì cửa phòng bật mở, và Sibyl chạy vào.

“Hai người trông nghiêm túc quá!” nàng kêu. “Có chuyện gì thế này?”

“Chẳng có gì,” cậu trả lời. “Em cho rằng người ta cần phải nghiêm túc đôi khi. Tạm biệt, mẹ ạ; con sẽ ăn tối lúc năm giờ. Mọi thứ đã được đóng gói, trừ mấy cái áo thô, mẹ không cần bận lòng.”

“Tạm biệt, con trai,” bà trả lời, với cái cúi chào trịnh trọng đầy căng thẳng.

Bà rất đổi phiền lòng với tông giọng cậu nói với bà, và có gì đó ở ánh nhìn trong mắt cậu khiến bà run sợ.

“Hôn con đi, mẹ,” cô gái nói. Đôi môi tựa hoa của nàng chạm lên gò má nhăn nheo, và làm tan lớp sương giá đóng trên nó.

“Con tôi! Con tôi!” Bà Vane ta thán, ngược lên trần nhà kiếm tìm một khăn đài tưởng tượng.

“Đi, Sibyl,” người em trai sốt ruột nói. Cậu ghét các điệu diễn của mẹ mình.

Họ bước ra ánh nắng bập bùng vì gió, và thả bộ xuống Đường Euston ảm đạm. Những người qua đường liếc nhìn vì ngạc nhiên trước cậu trai ủ rũ, nặng nề, người mà, trong bộ quần áo thô kệch, rộng thùng thình, đang sánh bước cùng một cô gái duyên dáng, đẹp tuyệt trần. Cậu như một người làm vườn tầm thường bước đi cùng một bông hoa hồng.

Jim chốc chốc lại cau mày mỗi khi bắt gặp ánh nhìn tọc mạch của những người lạ. Cậu không thích bị nhìn chăm chăm, thứ xảy đến với giới thiên tài tuổi muộn mằn, và không bao giờ dứt bỏ giới bình dân. Sibyl, tuy thế, lại hoàn toàn không ý thức về ấn tượng mà mình tạo ra. Tình yêu của nàng đang rung rinh trong tiếng cười trên môi. Nàng đang nghĩ về Hoàng Tử Quyển Rũ, và, chắc có lẽ nàng nghĩ về chàng nhiều hơn thế, nhưng nàng không nói về chàng, mà tán hươu tán vượn về con tàu mà Jim sắp dương buồm, về mỏ vàng mà cậu chắc chắn tìm ra, về người nữ thừa kế tuyệt vời mà mạng sống cậu cứu khỏi tay đám thảo khấu áo đỏ hung ác. Rằng cậu không còn làm thuỷ thủ, hoặc chủ tàu buôn, hoặc bất kì gì khác nữa. Chao ôi, không! Sự sống một thuỷ thủ thật lắm gieo neo. Mường tượng bị nhốt trong một con tàu khủng khiếp, với những con sóng lưng gù, khăn đặc rắp tâm nuốt chửng nó, và cơn gió đen vật gậy cột buồm, và tước cánh buồm thành từng dải ruy-băng dài rên siết! Cậu sắp rời tàu ở Melbourne, gửi lời chào lễ phép đến ngài thuyền trưởng, và tức khắc đi đến mỏ vàng. Chưa hết một tuần cậu tìm ra một quặng lớn vàng nguyên chất, quặng vàng lớn nhất từng được phát hiện, rồi mang nó xuống bờ biển trong một xe goòng được bảo vệ bằng sáu canh sát cưỡi ngựa. Đám thảo khấu tấn công họ ba lần, và đều bại trận với thương vong to lớn. Hoặc, không. Cậu sẽ chẳng đến mỏ vàng nào hết. Đó là nơi khủng khiếp, nơi người đời say cuồng, và bắn lẫn nhau trong hộp đêm, và vắng tục. Cậu sẽ trở thành một chàng chần cừ dễ mền, và buổi tối nọ, khi cậu đánh ngựa về nhà, cậu thấy một người nữ thừa kế xinh đẹp bị một tên cướp cuỗm đi trên con ngựa đen, và rượt đuổi, và giải cứu nàng. Hẳn nhiên nàng phải lòng cậu, và cậu cùng nàng, họ kết hôn, và về

nhà, và sống trong căn nhà rộng ở Luân Đôn. Vâng, có nhiều điều lí thú dành riêng chờ cậu. Nhưng cậu phải thật tử tế, và không mất bình tĩnh, hay tiêu tiền hoang phí. Nàng chỉ lớn hơn cậu một tuổi, nhưng nàng biết nhiều hơn về cuộc sống. Cậu cũng hẳn phải viết thư cho nàng hằng ngày, và cầu nguyện mỗi đêm trước khi đi ngủ. Chúa Trời rất nhân hậu, và sẽ phù hộ cậu. Nàng cũng sẽ cầu nguyện trước người, và chỉ trong ít năm cậu sẽ trở về rất mực giàu có và hạnh phúc.

Cậu trai sững sía nghe, và chẳng đáp lại lời nào. Cậu khổ tâm vì phải rời nhà.

Nhưng không chỉ điều ấy làm cậu tối tăm và rầu rĩ. Mặc dù thiếu vốn sống, cậu vẫn cảm giác rõ rệt về mối nguy hiểm nơi Sibyl. Gã bảnh trai đang yêu đương với nàng có thể không tốt lành. Hẳn là một quý tộc, và cậu ghét hẳn bởi lẽ đó, ghét hẳn vì một thứ bản năng dòng dõi kì lạ nào đó mà cậu không thể giải thích, và tất thảy lí lẽ ấy thống trị bên trong cậu. Cậu cũng nhận ra tính hơi hợt và phù hoa trong bản chất mẹ mình, và trong đó là hiểm hoạ vô bờ cho Sibyl và hạnh phúc của Sibyl. Con cái khởi đầu bằng yêu thương cha mẹ; lớn lên chúng luận tội họ; đôi khi chúng tha thứ họ.

Mẹ cậu! Trong tâm trí cậu có điều cần chất vấn bà, điều cậu đã ấp ủ trong nhiều tháng câm lặng. Một câu nói tình cờ cậu nghe được trong rạp hát, một tiếng cười thầm nhạo báng đến tai cậu đêm nọ khi cậu đứng chờ ngoài cửa rạp, đã giải phóng chuỗi suy nghĩ kinh khủng của cậu. Cậu nhớ nó tựa như tiếng quất của cây roi sắt vụt ngang mặt mình. Đôi mày cậu đan vào nhau thành một đường cày hình cái nêm, và một cơn giật đau buồn làm cậu cắn mạnh môi mình.

“Em không thềm nghe lấy một lời chị nói đấy, Jim,” Sibyl than, “còn chị đang lên những kế hoạch tươi đẹp nhất cho tương lai của em. Phải nói gì đi chứ.”

“Chị muốn em nói gì?”

“Chao ôi! Nói rằng em sẽ làm một cậu bé tử tế, và đừng quên nhà mình,” nàng trả lời, tủm tỉm cười với cậu.

Cậu nhún đôi vai. “Chị mới dễ có chuyện quên em, hơn là em quên chị, Sibyl ạ.”

Nàng đỏ bừng mặt. “Ý em là sao, Jim?” nàng hỏi.

“Chị có bạn mới rồi, em nghe nói. Gã ta là ai? Sao chị không kể về hắn với em? Hắn không tốt lành với chị.”

“Thôi đi, Jim!” nàng hét lên. “Em không được nói xấu về chàng. Chị yêu chàng.”

“Tại sao, chị còn chẳng biết cả tên hắn,” cậu trai trả lời. “Hắn là ai? Em có quyền được biết.”

“Chàng được gọi là Hoàng Tử Quyển Rũ. Em không thích cái tên đó chẳng. Chao ôi! Đồ ngốc em! Em chớ bao giờ quên nó. Nếu em chỉ nhìn thấy chàng thôi, em sẽ nghĩ chàng là người tuyệt vời nhất trên đời. Một ngày kia em sẽ gặp chàng: khi em từ Úc trở về. Em sẽ thích chàng lắm lắm. Ai nấy đều thích chàng, và chị... yêu chàng. Chị mong em đến rạp hát tối nay. Chàng sẽ đến đó, còn chị đóng vai Juliet. Chao ôi! chị sẽ diễn sao đây! Tưởng tượng đi, Jim, được yêu đương và vào vai Juliet! Để có chàng ngồi kia! Để diễn cho đẹp lòng chàng! Chị e nhỡ mình làm kinh sợ khách khứa, kinh sợ hoặc mê hoặc họ. Yêu nghĩa là vượt qua chính mình. Ông Isaacs góm guốc tội nghiệp sẽ reo lên ‘thiên tài’ với tụi du đang ở hộp đêm. Ông ta từng thuyết giảng chị như giáo điều; tối nay ông ta sẽ tri loan chị

như mặc khải. Chị cảm nhận thế. Và tất thấy là của chàng, chỉ chàng thôi, Hoàng Tử Quyển Rũ, người tình tuyệt vời của chị, vị thần phong nhã của chị. Nhưng chị nghèo ngật khi đứng bên chàng. Nghèo? Có gì quan trọng chứ? Khi cái nghèo trườn bò dưới ngạch cửa, tình yêu bay vào qua cửa sổ⁹. Tục ngữ của chúng ta cần được viết lại. Chúng được đúc kết trong mùa đông, còn giờ là mùa hạ; tiết xuân dành cho chị, chị nghĩ, từng điệu vũ một của hoa trong những bầu trời xanh.”

“Hắn là một quý tộc,” cậu trai sưng sía nói.

“Một Hoàng Tử!” nàng kêu lên, giọng đầy chất nhạc. “Em còn muốn gì hơn nữa?”

“Hắn muốn nô dịch chị.”

“Chị rùng mình trước ý nghĩ được tự do.” “Em muốn chị trông hắn mà dè chừng.”

“Hể trông chàng là tôn thờ chàng, hể biết chàng là tin chàng.”

“Sibyl, chị phát rồ vì hắn rồi.”

Nàng cười vang, và nắm cánh tay cậu. “Ông cụ non của chị, em nói chuyện như mình đã trăm tuổi. Một ngày kia chính em sẽ biết yêu. Rồi em sẽ biết nó ra sao. Đừng trông sưng sía thế. Hắn em sẽ vui lòng nghĩ rằng, đầu cho em đi xa, em để chị lại hạnh phúc hơn bất kì lúc nào trước đây. Cuộc sống đã từng khắc nghiệt với chúng ta, vô cùng khắc nghiệt và khó khăn. Nhưng bây giờ sẽ khác. Em sắp đến một thế giới mới, và chị cũng vậy. Ở đây có hai chiếc ghế; ta hãy ngồi xuống và trông những con người tinh tươm bước đi.”

Họ ngồi xuống giữa đám đông hiếu kì. Vườn hoa uất kim hương bên kia đường hồng lên như những vòng tròn lửa bập bùng. Lớp bụi trắng, trông như đám mây rung rinh của củ diên vĩ, treo lơ lửng trên

bầu không vời vợi. Những cái lọng sáng màu nhấp nhô như những cánh bướm khổng lồ.

Nàng bảo cậu em mình tự kể về bản thân, hi vọng của cậu, triển vọng của cậu. Cậu kể chậm rãi và gằng gượng. Họ trao lời qua lại với nhau như hai người chơi trò đánh theo lượt. Sibyl cảm thấy nặng nề. Nàng không lan truyền được niềm vui của mình. Một nụ cười mờ nhạt cong lên trên cái miệng sưng sía là tất thảy những gì vọng lại cho nàng. Một lúc sau nàng cũng trở nên kiệm lời. Đột nhiên nàng bắt được ánh thoáng qua của mái tóc vàng và đôi môi cười, và trong một chiếc xe ngựa mui trần cùng với hai quý bà Dorian Gray lướt qua.

Nàng giật mình đứng dậy. “Đúng chàng rồi!” nàng hét lớn.

“Ai?” Jim Vane nói.

“Hoàng Tử Quyển Rũ,” nàng trả lời, nhìn theo chiếc xe vích-tô-ri-a.

Cậu nhảy dựng lên, thô bạo siết lấy cánh tay nàng. “Cho em thấy hấn. Hấn là người nào? Chỉ tay đi. Em phải thấy hấn!” cậu thét; nhưng đúng lúc đó xe tứ mã của Công Tước xứ Berwick xen ngang, và khi nó đi qua bỏ lại không gian vắng hoe, chiếc xe ngựa ấy đã lao ra khỏi Công Viên.

“Chàng đi rồi,” Sibyl buồn rười nói khẽ. “Chị mong em được thấy chàng.”

“Em cũng mong vậy lắm, cầm chắc như có Chúa ở trên trời, nếu hấn dám tệ bạc với chị một lần thôi, em sẽ giết hấn.”

Nàng nhìn cậu kinh hãi. Cậu lặp lại lời mình. Chúng rạch vào bầu không như lưỡi dao găm. Mọi người xung quanh bắt đầu há hốc miệng. Một quý bà đứng cạnh nàng cười khúc khích.

“Đi thôi, Jim; đi thôi,” nàng thì thầm. Cậu lì lợm theo sau nàng, khi nàng rẽ bước qua đám đông. Cậu thấy mừng vì điều mình vừa nói.

Lúc họ đến dưới chân Tượng Đài Achilles nàng nhìn quanh. Sự áy náy trong mắt nàng chuyển thành tiếng cười trên môi. Nàng lắc đầu nhìn cậu. “Đồ ngốc, Jim, ngốc vô cùng tận; cậu bé khó ở, vậy đấy. Sao em có thể nói những điều kinh khiếp đến thế? Em không biết mình đang nói gì đâu. Em chỉ đang ghen tị và xấu tính thôi. A! Chị mong em sẽ yêu. Tình yêu khiến người đời tử tế, còn những lời em nói quá độc địa.”

“Em đã mười sáu,” cậu trả lời, “và em biết mình thế nào. Mẹ không giúp gì được chị. Bà không biết cách bảo vệ chị. Giờ đây em mong mình đừng đi Úc nữa. Em có ý chí đủ lớn để tổng khứ toàn bộ thứ này. Em sẽ làm được, nếu tin thư của em chưa được kí.”

“Than ôi, đừng nghiêm trọng thế, Jim. Em giống y những anh hùng trong các vở kịch mê-lô ngốc nghếch mà mẹ từng rất thích diễn. Chị sẽ không tranh cãi với em đâu. Chị đã thấy chàng, và chao! Hể thấy chàng là hạnh phúc vô bờ. Chúng ta sẽ không tranh cãi. Chị biết em sẽ không bao giờ làm hại người chị yêu, đúng chứ?”

“Sẽ không miễn chị còn yêu hẳn, em nghĩ thế,” là lời đáp buồn bã.

“Chị sẽ yêu chàng mãi mãi!” nàng kêu lên. “Và hẳn?”

“Cũng mãi mãi!” “Hẳn phải tử tế hơn.”

Nàng lùi lại. Rồi nàng cười vang và đặt tay lên cánh tay cậu. Cậu vẫn chỉ là một chú bé.

Tại cổng Marble Arch họ gọi một chiếc ô-m-ni-buýt, nó thả họ xuống gần căn nhà tồi tàn ở Đường Euston. Lúc đó đã quá năm giờ,

và Sibyl cần nằm nghỉ đôi ba giờ trước khi lên diễn. Jim khẳng khẳng nàng nên làm vậy. Cậu nói mình sẽ tạm biệt nàng sớm khi mẹ họ vẫn chưa về. Bà thế nào cũng diễn màn bi kịch, và cậu cảm uất diễn kịch dù bất cứ loại nào.

Trong chính căn phòng Sibyl, họ chia tay nhau. Có một cơn ghen trong trái tim cậu trai, và lòng căm hờn khốc liệt, chết chóc dành cho kẻ lạ mặt mà, dường như với cậu, đã xen vào giữa họ. Tuy vậy, khi vòng tay nàng quàng lấy cổ cậu, và ngón tay nàng đi lạc trong tóc, cậu mềm dịu lại, và hôn nàng bằng tình cảm chân thành. Có màn nước trong đôi mắt cậu khi bước chân xuống lầu.

Mẹ cậu đang chờ dưới phòng. Bà căn nhắc về sự trễ giờ, khi cậu bước vào. Cậu chẳng nói gì, chỉ ngồi xuống dùng bữa ăn đạm bạc của mình. Bất chấp tiếng lầm rầm của ô-mô-ni-buýt, và leng keng của xe ngựa rong, cậu vẫn nghe được giọng vo ve nuốt chửng lấy từng phút cuối còn lại của mình.

Một lúc sau, cậu đẩy chiếc đĩa ra, rồi ôm bàn tay ra sau đầu. Cậu cảm thấy mình có quyền được biết. Nó đáng lẽ phải được nói cho cậu trước kia, nếu nó đúng như điều cậu nghi hoặc. Sợ hãi dẫn dắt, người mẹ quan sát cậu. Lời lẽ buông ra một cách máy móc khỏi môi bà. Chiếc khăn tay ren rách rưới rúm lại trong ngón tay bà. Khi đồng hồ đánh sáu giờ, cậu đứng dậy, đi ra cửa. Rồi cậu quay lại, nhìn bà. Mắt gặp mắt. Trong ánh mắt bà, cậu thấy một lời cầu khẩn hoang sơ xin được thương xót. Nó làm cậu nổi giận.

“Mẹ, con có điều muốn hỏi,” cậu nói. Đôi mắt bà đi lơ đãng khắp phòng. Bà không trả lời. “Nói cho con sự thật. Con có quyền được biết. Mẹ có từng kết hôn với cha con hay không?”

Bà gượng một hơi thở dài. Một hơi thở dài với dụi. Khoảnh khắc đáng sợ, khoảnh khắc từ đêm sang ngày, từ tuần sang tháng, bà nghĩ thôi mà kinh hãi, cuối cùng cũng đến, vậy nhưng bà không thấy sợ. Thực tế trong chừng mực nào đó nó làm bà thất vọng. Sự thẳng thắn đến thô lỗ của câu hỏi vờ ra một câu trả lời thẳng thắn. Hoàn cảnh này không được từ tốn dẫn đến. Nó sống sượng. Nó gợi nhắc đến bà về một buổi diễn tập hỏng.

“Chưa từng,” bà trả lời, lòng thắc mắc về sự đơn sơ thô ráp của cuộc đời.

“Vậy ra cha con là một thẳng đều cáng!” cậu trai thét, siết chặt nắm tay.

Bà lắc đầu. “Mẹ biết ông ấy không được tự do. Cha mẹ yêu nhau nhiều lắm. Nếu ông còn sống, ông sẽ gửi trợ cấp cho chúng ta. Đừng lãng mạ ông ấy, con ơi. Ông ấy là cha con, và là một quý tộc. Thực tế ông ấy thuộc tầng lớp cao.”

Một câu chữ thề vãng khỏi môi cậu. “Con không sợ gì bản thân mình,” cậu kêu lên, “nhưng đừng để Sibyl... Nó là một thẳng quý tộc, phải chứ, kẻ đang yêu đương chị ấy, hay chí ít đồ rằng thế? Cũng thuộc tầng lớp cao, con nghĩ thế.”

Khoảnh khắc ấy, cảm giác nhục nhã ghê tởm ập đến người đàn bà. Đầu bà rũ xuống. Bà lau mắt bằng đôi bàn tay run run. “Sibyl có mẹ,” bà lầm bầm; “mẹ thì không.”

Cậu trai động lòng. Cậu bước lại gần, rồi cúi xuống hôn bà. “Con xin lỗi nếu làm mẹ đau lòng vì câu hỏi về cha,” cậu nói, “nhưng con không ngăn lòng được. Con phải đi đây. Tạm biệt. Đừng quên rằng rồi đây mẹ sẽ chỉ còn duy nhất một người con để chăm sóc, và hãy

tin con rằng nếu gã kia tệ bạc với chị, con sẽ truy ra nó là ai, săn lùng nó, và giết nó như một con chó. Con thề.”

Cơ điên cuồng khuếch đại trong lời hăm dọa, cử chỉ đầy nhiệt huyết kèm theo, từ ngữ thống thiết thịnh nộ, khiến cuộc đời dường như thêm sống động trước bà. Bà dần quen với bầu không khí. Bà hít thở thoải mái hơn, và lần đầu tiên trong nhiều tháng bà thật sự ngưỡng mộ con trai mình. Bà sẽ còn duy trì phân cảnh này với cùng thang bậc cảm xúc, nhưng cậu cắt màn. Rương hòm đã được mang xuống, và khăn quàng đang mong được quấn. Các phu dịch chạy lăng xăng trong ngoài nhà. Có tiếng mặc cả với người phu xe. Khoảnh khắc ấy chìm lạc trong những tiểu tiết trần tục. Cùng với cảm xúc tân tạo của nỗi thất vọng khi bà vấy chiếc khăn tay ren rách rưới từ cửa sổ, lúc cậu con trai lên xe đi xa. Bà ý thức rằng một cơ hội lớn đã vượt mất. Bà tự xoa dịu mình bằng việc nói với Sibyl bà cảm thấy đời mình sẽ cô độc ra sao, giờ đây bà chỉ còn duy nhất một người con để chăm sóc. Bà ghi nhớ câu nói ấy. Nó làm bà đẹp lòng. Về lời đe dọa bà chẳng nhắc đến. Biểu cảm ấy sống động và dữ dội. Bà cảm nhận họ sẽ cười xoà về chuyện đó một ngày kia.

CHƯƠNG VI

Tôi đồ rằng cậu đã hay tin, Basil?" Ngài Henry nói trong buổi tối đó, khi Hallward được đưa vào căn phòng nhỏ kín đáo ở khách sạn Bristol nơi bữa tối đặt sẵn cho ba người.

"Chưa, Harry ạ," người nghệ sĩ trả lời, đưa mũ và áo khoác cho người phục vụ đang cúi đầu. "Tin gì cơ? Không dính đến chính trị chứ, tôi mong vậy? Chúng không hứng thú tôi. Hiếm có một người nào trong Hạ Viện đáng vẽ tranh; dù đa phần họ hẳn khá hợp với một chút sơn tẩy trắng."

"Dorian Gray đã hứa hôn," Ngài Henry nói, quan sát anh khi nói.

Hallward giật nảy người, rồi chau mày. "Dorian đã hứa hôn!" anh kêu lên. "Không thể nào!"

"Hoàn toàn chính xác đấy." "Với ai?"

"Một cô đào nhỏ nào hoặc ai đó."

"Thật không tin nổi. Dorian có thừa cần trọng rồi chứ." "Dorian có thừa khôn ngoan để thi thoảng tránh làm điều ngờ nghệch, Basil thân mến."

"Kết hôn là thứ một người khó có thể thi thoảng làm đâu, Harry."

"Ngoại trừ ở Mỹ," Ngài Henry chậm rãi đối đáp. "Nhưng tôi không nói cậu ta kết hôn. Tôi chỉ nói cậu ta đã hứa hôn. Có một khác biệt lớn đấy. Tôi có kí ức rõ nét về kết hôn, nhưng tôi chẳng có hồi ức nào về đính hôn. Tôi có khuynh hướng nghĩ rằng mình chưa từng đính hôn."

“Nhưng nghĩ về dòng dõi, cả địa vị, cả của cải của Dorian. Rất bất xứng cho cậu ấy nếu lấy người thua kém mình đến thế.”

“Nếu muốn cậu ta lấy cô gái này thì cứ nói với cậu ta vậy, Basil ạ. Chắc cậu ta làm thế đấy. Khi đàn ông phạm phải điều ngu xuẩn tột độ, nguyên do luôn đến từ động cơ cao cả nhất.”

“Tôi mong cô gái ấy tử tế, Harry. Tôi không muốn thấy Dorian trói mình vào tạo vật thấp hèn nào, mà có thể làm thoái hoá bản chất và tàn phá trí tuệ cậu ấy.”

“Ồ, cô nàng hơn cả tử tế – cô nàng xinh đẹp,” Ngài Henry lẩm bẩm, nhăm nháp một li véc-mút pha cam-đắng. “Dorian bảo cô nàng xinh đẹp, và cậu ta thường không sai trong những chuyện dạng này. Bức chân dung ấy đã nhen lên cho cậu ta khả năng đánh giá ngoại hình người khác. Nó có tác động cừ khôi, lên người khác. Chúng ta đi xem cô nàng tối nay, nếu cậu trẻ ấy không quên cuộc hẹn của mình.”

“Anh nghiêm túc đấy à?”

“Vô cùng nghiêm túc, Basil ạ. Tôi nên lấy làm khốn khổ nếu tôi nghĩ mình từng có bao giờ nghiêm túc hơn lúc này.”

“Nhưng anh có tán thành chuyện này không, Harry?” người hoạ sĩ hỏi, đi lên đi xuống căn phòng, và căn căn môi. “Anh không thể tán thành cho được, có lẽ thế. Đây chỉ là cơn say nắng vớ vẩn nào đó.”

“Tôi không bao giờ tán thành, hoặc phản đối, về bất cứ chuyện gì ngày nay. Đó là thái độ sống lệch lạc đối với cuộc đời. Chúng ta không được gửi vào thế gian để phô trương thành kiến đạo đức của mình. Tôi không bao giờ để tâm lời lẽ những kẻ tầm thường nói, và tôi không bao giờ cản trở công việc những người đẹp để làm. Nếu

một nhân cách mê hoặc tôi, bất kì hình thức biểu cảm nào nhân cách đó chọn đều tuyệt đối mê mẩn tôi. Dorian Gray phải lòng một cô gái xinh đẹp đóng vai Juliet, và dự định lấy nàng. Cớ sao không được? Nếu cậu ta cưới mụ Messalina đi nữa thì cũng chẳng làm giảm mỗi hứng thú. Cậu biết tôi không phải thần bảo hộ cho hôn nhân rồi đấy. Nhược điểm thực thụ của hôn nhân là khiến người đời bất vị kỉ. Một người bất vị kỉ thì vô vị. Họ thiếu cá tính. Dầu vậy, vẫn có những tính khí nhất định mà hôn nhân khiến cho thêm phần phức tạp. Họ giữ được tính vị kỉ cho mình, và điểm thêm vào nhiều cái tôi khác. Họ buộc phải sống nhiều hơn một cuộc đời. Họ trở nên có tính tổ chức cao, và tính tổ chức cao là, theo tôi mừng tượng, mấu chốt của sự sống nhân loại. Vả lại, mọi kinh nghiệm đều có giá trị, và, bất kì điều gì người đời phản pháo lại hôn nhân, đó hẳn nhiên là một kinh nghiệm. Tôi mong rằng Dorian Gray sẽ lấy cô nàng đó làm vợ, yêu say đắm nàng trong sáu tháng, rồi đột nhiên bị mê hoặc bởi người khác. Cậu ta sẽ là một nghiên cứu tuyệt vời.”

“Anh không chú tâm một lời nào trong đó, Harry ạ; anh biết là mình không. Nếu cuộc đời Dorian Gray thành hư hỏng, sẽ không ai phải ân hận hơn bản thân anh đâu. Anh tử tế hơn nhiều so với vẻ anh giả cách.”

Ngài Henry cười phá. “Lí do để ta thích nghĩ tốt về người khác bởi chúng ta e sợ chính mình. Nền móng của tính lạc quan là sự kinh hãi cùng cực. Ta nghĩ rằng mình hào phóng bởi ta trông cậy vào người hàng xóm sở hữu những đức tính mà rất có thể mang lợi cho mình. Ta khen ngợi lão chủ ngân bởi ta được rút lãi trong tài khoản, và thấy những điểm tốt trong quân cướp đường vì hi vọng chắc nó buông tha cho túi tiền mình. Tôi chú tâm mọi điều mình từng nói.

Tôi có lòng khinh miệt lớn nhất cho tính lạc quan. Còn với cuộc đời hư hỏng, không có cuộc đời nào hư hỏng mà chỉ có cuộc đời bị kìm hãm. Nếu cậu muốn phá hỏng một bản chất, cậu chỉ cần cải tạo nó. Còn với hôn nhân, dĩ nhiên đó là ngu ngốc, nhưng có nhiều mối kết giao giữa đàn ông và phụ nữ khác và hấp dẫn hơn. Tôi chắc chắn sẽ khuyến khích chúng. Chúng mang vẻ quyến rũ của một thời đại. Nhưng Dorian đến rồi đây. Cậu ta sẽ nói cho cậu được nhiều hơn tôi.”

“Harry thân yêu, Basil thân yêu, hai anh phải chúc phúc cho em!” chàng trai nói, quăng đi chiếc áo choàng đêm với đôi cánh lót xatanh, và lần lượt bắt tay từng người bạn mình. “Em chưa từng hạnh phúc đến thế. Dĩ nhiên chuyện đến bất ngờ: toàn bộ câu chuyện quá đổi thú vị này. Và dường như với em đây là điều độc nhất em dành cả đời mình kiếm tìm.” Chàng ửng mặt lên vì cả phần khích lẫn mừng vui, và trông điển trai lạ thường.

“Anh mong em mãi luôn hạnh phúc, Dorian,” Hallward nói, “nhưng anh dứt khoát không tha thứ chuyện em không báo anh biết về cuộc đính hôn. Mà lại báo Harry biết.”

“Còn tôi không tha thứ chuyện cậu đến trễ bữa tối,” Ngài Henry xen vào, đặt tay lên vai chàng trai, mỉm cười nói. “Lại đây, ta cùng ngồi nếm thử tay nghề đầu bếp* mới ở đây, và rồi cậu sẽ kể chúng tôi hay mọi chuyện xảy đến ra sao.”

“Thật tình chẳng có gì nhiều mà kể,” Dorian kêu lên, khi từng người họ ngồi xuống bên chiếc bàn tròn con con. “Chuyện xảy ra đơn giản thế này. Sau khi em tạm biệt anh chiều qua, Harry ạ, em thay đồ, ăn tối đầu đó trong cái nhà hàng Ý nho nhỏ ở Phố Rupert, do anh giới thiệu đấy, rồi đi xuống rạp hát lúc tám giờ. Sibyl vào vai

Rosalind. Tất nhiên cảnh phong vẫn phát khiếp, còn nhà Orlando thì lố bịch. Nhưng Sibyl! Các anh phải thấy nàng mới được! Khi nàng bước vào trong trang phục cậu bé nàng quá đỗi tuyệt vời. Nàng mặc cái áo chần nhung màu rêu với đôi ống tay màu quế, bít tất cao buộc nịt chéo màu nâu mảnh dẻ, một chiếc mũ xanh nhỏ thanh nhã với lông chim ưng đính lên viên ngọc, cùng một áo choàng trùm đầu lót màu đỏ ối. Dường như với em nàng chưa bao giờ thanh tú hơn. Nàng sở hữu tất thảy vẻ duyên dáng mềm mại của bức tượng Tanagra anh có trong phòng hoạ, Basil ơi. Tóc nàng ôm quanh khuôn mặt như những chiếc lá sẫm bao bọc lấy đoá hồng tái. Còn diễn xuất của nàng – than ôi, các anh sẽ thấy tối nay. Nàng đơn giản được sinh ra để thành nghệ sĩ. Em ngồi trong căn buồng dơ dáy mà hoàn toàn say sưa. Em quên đi mình đang ở Luân Đôn trong thế kỉ mười chín. Em trôi xa mãi cùng tình yêu trong khu rừng chưa ai từng nhìn thấy. Sau khi buổi diễn kết thúc em ra hậu trường, và trò chuyện cùng nàng. Khi chúng em ngồi bên nhau, bỗng nhiên trong mắt nàng có một ánh nhìn em chưa từng thấy trước đây. Mọi em hướng về nàng. Chúng em hôn nhau. Em không diễn tả được cảm giác mình khoảnh khắc đó. Dường như trong em tất thảy cuộc đời đã thu nhỏ vào một dấu chấm hoàn hảo của niềm vui sắc hồng. Nàng run rẩy khắp mình, và chao lắc như bông thủy tiên trắng. Rồi nàng quì xuống mà hôn tay em. Em cảm thấy mình không nên kể các anh chuyện này, nhưng em không dẫn lòng được. Tất nhiên cuộc đính hôn của bọn em là bí mật chết người. Nàng thậm chí chưa nói với mẹ mình. Em không biết người giám hộ của em sẽ nói sao. Ngài Radley hẳn sẽ giận lắm. Em chẳng nề hà. Chưa đầy một năm nữa là em sẽ đủ tuổi, và rồi em có thể làm những gì mình thích. Em

đã làm đúng, Basil ơi, phải không, mang tình ái ra khỏi thi ca, và tìm vợ mình trong kịch Shakespeare? Đôi môi mà Shakespeare rao giảng đã thâm thì bí mật mình vào tai em. Em có vòng tay Rosalind ôm mình, và hôn Juliet lên miệng.”

“Phải, Dorian, anh cho rằng em đã đúng,” Hallward từ tốn nói.

“Hôm nay cậu thấy cô ta chưa?” Ngài Henry hỏi.

Dorian Gray lắc đầu. “Em từ biệt nàng trong rừng Arden, em sẽ gặp nàng trong vườn quả Verona.”

Ngài Henry nhấp ngậm sâm-panh vẻ trầm tư. “Chính xác tại thời điểm nào cậu nhắc đến từ kết hôn, Dorian? Và cô nàng trả lời ra sao? Chắc cậu quên khuấy cả rồi.”

“Harry thân mến, em không coi nó như một giao dịch thương mại, và em không buông ra lời đề nghị chính thức nào cả. Em bảo nàng rằng em yêu nàng, và nàng nói nàng không xứng làm vợ em. Không xứng! Tại sao chứ, toàn bộ thế giới chẳng là gì với em nếu đặt cạnh nàng.”

“Phụ nữ thực dụng vô song,” Ngài Henry lẩm bẩm, – “thực dụng hơn chúng ta nhiều. Trong những tình huống thế ấy ta thường quên chẳng nhắc gì đến hôn nhân, còn họ thì luôn luôn nhắc cho ta nhớ.”

Hallward đặt tay lên cánh tay gã. “Đừng, Harry ạ. Anh làm phiền lòng Dorian đấy. Cậu ấy không giống những gã khác. Cậu ấy sẽ không khi nào mang đau khổ đến ai. Bản chất cậu ấy quá trong sáng.”

Ngài Henry nhìn qua bàn. “Dorian không bao giờ phiền lòng với tôi,” gã trả lời. “Tôi đặt câu hỏi vì một lí do khả thi hay nhất, vì một lí do độc nhất, thực vậy, đó là cái cơ cho người đời đặt bất kì câu hỏi nào – tính hiếu kì đơn thuần. Tôi có một lí thuyết rằng phụ nữ mới

luôn là người cầu hôn chúng ta, chứ không phải chúng ta là người cầu hôn phụ nữ. Ngoại trừ, hẳn rồi, cuộc sống tầng lớp trung lưu. Nhưng tầng lớp trung lưu không phải người hiện đại.”

Dorian Gray cười lớn, và ngúc ngoắc đầu. “Anh rõ là hết thuốc chữa rồi, Harry; nhưng em không để bụng đâu. Không thể nào nổi giận với anh cho được. Khi anh thấy Sibyl Vane anh sẽ cảm nhận được kẻ nào tệ bạc với nàng hẳn phải là quái thú, con quái thú không có trái tim. Em không hiểu nổi làm sao có kẻ nào xấu hổ về điều hẳn yêu. Em yêu Sibyl Vane. Em muốn tôn nàng lên bệ vàng, và để thế giới tôn thờ người phụ nữ thuộc về em. Hôn nhân là gì ư? Một lời thề bất khả bội. Anh nhạo báng điều đó. A! Đừng. Nó là lời thề bất khả bội mà em muốn trao. Lòng thành của nàng khiến em chung thủy, lòng tin của nàng khiến em tử tế. Khi em bên nàng, em hối tiếc cho thấy những điều anh giảng. Em trở nên khác với con người anh từng biết. Em thay đổi rồi, và chỉ cái chạm tay đơn sơ của Sibyl Vane khiến em quên lãng anh và toàn bộ đồng lí thuyết sai quấy, mê hoặc, độc hại, thú vị của anh.”

“Thế đó là...?” Ngài Henry hỏi, tự lấy cho mình một chút xa-lát.

“Ôi, lí thuyết về cuộc đời, lí thuyết về tình ái, lí thuyết về khoái lạc. Toàn bộ đồng lí thuyết của anh, thực thế, Harry ạ.”

“Khoái lạc là thứ duy nhất đáng để xây dựng lí thuyết,” gã trả lời, bằng giọng chậm chậm, du dương. “Nhưng tôi e là mình không thể tuyên bố lí thuyết ấy của riêng mình. Nó thuộc về mẹ Tự Nhiên, không phải tôi. Khoái Lạc là thử thách của Tự Nhiên, dấu hiệu chấp thuận của bà. Khi ta hạnh phúc ta luôn luôn tử tế, nhưng khi ta tử tế ta không luôn luôn hạnh phúc.”

“A! Nhưng với anh thế nào là tử tế?” Basil Hallward kêu lên.

“Vâng,” Dorian vọng lại, dựa lưng vào ghế, và nhìn sang Ngài Henry qua bó diên vĩ môi tím dày đặt đứng giữa bàn, “với anh thế nào là tử tế, Harry?”

“Tử tế là hoà hợp với chính bản thân ta,” gã đáp, chạm vào cái chân li gầy bằng những ngón tay thon tai tái. “Bất hoà là bị buộc phải hoà hợp với người khác. Cuộc đời chính ta – đó là điều quan trọng. Chẳng hạn như đối với những người hàng xóm, nếu có kẻ muốn trở thành một người Thanh giáo đạo đức hơn người, y có thể trưng ra quan điểm đạo đức của mình trước họ, nhưng họ không được nhúng mũi vào đời y. Vả lại, Chủ Nghĩa Cá Nhân thật sự có mục đích cao hơn. Đạo đức hiện đại nằm ở việc chấp thuận tiêu chuẩn của thời đại. Tôi cho rằng bất kì kẻ nào thuộc nền văn hoá chấp thuận tiêu chuẩn thời đại đều là một dạng vô đạo đức ghê tởm nhất.”

“Nhưng, chắc chắn là, nếu một người chỉ sống cho mình như vậy, Harry, y phải trả cái giá khủng khiếp cho điều đó?” người hoạ sĩ mớm lời.

“Vâng, ngày nay chúng ta quá tải mọi thứ. Tôi mừng tượng rằng bi kịch thật sự của người nghèo là họ không đủ chi trả bất kì thứ gì ngoài sự tiết dục. Tội lỗi đẹp, cũng như cái đẹp, là đặc ân của người giàu.”

“Người ta trả giá bằng những cách khác ngoài tiền.” “Bằng cách nào, hả Basil?”

“Hồi ôi! Tôi mừng tượng rằng bằng ăn năn, bằng dẫn vật, bằng... chà, bằng lương tâm suy đồi.”

Ngài Henry nhún vai. “Bạn thân mến, nghệ thuật thời trung cổ rất quyến rũ, nhưng cảm xúc thời trung cổ đã lỗi thời. Người đời

dùng chúng trong văn chương, dĩ nhiên. Nhưng phàm những thứ người đời dùng trong văn chương là họ đã ngưng dùng trong thực tại. Hãy tin tôi, không người văn minh nào hối tiếc khoái lạc, và không kẻ mọi rợ nào từng biết khoái lạc là gì.”

“Em biết khoái lạc là gì,” Dorian Gray kêu lên. “Đó là cuồng si một người.”

“Điều đó chắc chắn là hay hơn bị cuồng si,” gã trả lời, vờn chơi vài trái quả. “Bị cuồng si là mối phiền toái. Phụ nữ đối đãi với chúng ta y hệt Nhân Loại đối đãi thần thánh. Họ tôn thờ ta, và lúc nào cũng quấy rầy ta nhằm thực hiện điều gì đó cho họ.”

“Em phải nói rằng bất kì điều gì họ đòi đều là thứ họ ban tặng cho ta ban đầu,” chàng trai nghiêm nghị nói khế. “Họ tạo nên Tình Yêu trong bản chất ta. Họ có quyền được đòi lại nó.”

“Tuyệt đối đúng, Dorian,” Hallward kêu lên. “Không gì là tuyệt đối đúng cả,” Ngài Henry nói.

“Có chứ,” Dorian ngắt lời. “Anh phải thừa nhận, Harry ạ, rằng phụ nữ ban cho đàn ông từng ngày vàng trong cuộc đời họ.”

“Có thể thế,” gã thờ dãi, “nhưng họ một mực muốn đòi lại cùng một thay đổi nhỏ. Đó là sự phiền nhiễu. Phụ nữ, như một tay người Pháp dí dỏm từng nhận định, truyền ta cảm hứng về khao khát tạo ra kiệt tác, và luôn ngăn cản ta tạo nó ra.”

“Harry, anh thật quá lảm! Em không biết sao mình lại thích anh đến thế.”

“Cậu sẽ mãi thích tôi, Dorian,” gã đáp. “Làm vài cốc cà- phê chứ, các chàng trai? – Phục vụ, cho cà-phê, và *sâm-panh ngon**, và vài điều thuốc. À: đừng để tâm về thuốc; tôi có rồi. Basil này, tôi không cho phép cậu hút xì-gà đâu. Cậu phải thử thuốc lá. Một điều thuốc

lá là kiểu mẫu hoàn hảo của niềm vui hoàn hảo. Nó mãnh liệt, và bỏ con người ta lại trong sự bất thoả mãn. Người ta còn muốn gì hơn? Phải, Dorian, cậu sẽ mãi yêu mến tôi. Tôi đại diện cho tất cả tội lỗi mà cậu không bao giờ đủ can đảm để phạm vào.”

“Anh nói nhăng cuội rồi, Harry ạ!” chàng trai kêu lên, châm thuốc từ một con rồng bạc khè lửa mà người phục vụ đặt trên bàn. “Ta hãy xuống rạp hát thôi. Khi Sibyl bước lên sân khấu, anh sẽ có một lí tưởng mới cho cuộc đời. Nàng sẽ đại diện cho thứ mà anh chưa từng biết đến.”

“Tôi đã biết mọi thứ,” Ngài Henry nói, với ánh mắt mệt mỏi, “nhưng tôi luôn sẵn sàng cho cảm xúc mới. Tuy thế, tôi e rằng, đối với tôi dù sao đi nữa, sẽ chẳng có gì mới mẻ. Dầu vậy, cô gái tuyệt vời của cậu biết đâu lại làm tôi hồi hộp. Tôi yêu diễn kịch. Nó còn thật hơn nhiều cuộc đời. Ta đi nào. Dorian, cậu sẽ đi cùng tôi. Tôi rất lấy làm tiếc, Basil, nhưng chỉ còn mỗi một buồng hai người trong chiếc rôm. Cậu phải theo chúng tôi bằng han-xăm rồi.”

Họ nhóm dậy mặc áo khoác, đứng nhăm nháp cà-phê. Người hoạ sĩ lặng lẽ và bận lòng lắm mối. Một vẻ ảm đạm choán lấy anh. Anh không cảm lòng được trước cuộc hôn nhân này, dầu vậy dường như trong anh nó vẫn tốt hơn nhiều chuyện có thể xảy đến. Sau vài phút, thấy họ cùng xuống lầu. Anh đánh xe riêng, như đã xếp đặt, và trông ánh đèn lập lòe của chiếc xe rôm con trước mặt mình. Một cảm giác mất mát khác lạ ập lên anh. Anh nghe lòng Dorian Gray trong mình sẽ chẳng bao giờ lại như chàng đã từng trong quá khứ nữa. Cuộc đời đã xen vào giữa họ... Mắt anh sầm lại, còn con phố rực rỡ đông người trở nên mờ hoen trong mắt. Khi chiếc xe kéo đỗ lại trước rạp hát, tuồng như anh đã già thêm nhiều tuổi.

CHƯƠNG VII

Chẳng biết vì đâu, khu khán giả sầm uất đêm đó, và lão quản lí béo mập người Do Thái đón họ ở cửa với cái miệng rạng rỡ ngoác tận mang tai kèm nụ cười hình hích trơn tru. Lão hộ tống họ đến buồng bằng vẻ khiêm cung kiểu cách, khua đôi bàn tay béo núc đeo ngọc, và nói chuyện bằng quãng giọng cao nhất. Dorian Gray tỏm lợm lão hơn bao giờ hết. Chàng cảm tưởng mình đến tìm nàng Miranda mà vớ phải tên Caliban. Ngài Henry, mặt khác, lại khá thích lão. Ít nhất gã bày tỏ vậy, và nhất định đòi bắt tay lão, và quả quyết rằng mình hãnh diện được gặp mặt người đã phát hiện một thiên tài thực thụ và đến chỗ phá sản vì thi ca. Hallward ngắm nhìn những gương mặt dưới ghế trứng giải khuây. Hơi nóng ngọt ngọt khủng khiếp, và văng sáng khổng lồ bùng phả như một bông thược dược quái đản với cánh hoa lửa vàng. Đám thanh niên trên khán đài đã cởi áo khoác và gi-lê mà treo lên bên cạnh. Chúng tán láo với nhau xuyên dọc rạp hát, và chuyền tay những trái cam cho các cô ả loẹt ngồi gần. Đám đàn bà nào đó đang cười hô hố dưới ghế trứng. Giọng họ chói lói và nghịch nhĩ khủng khiếp. Tiếng bật nút bần lộp bộp từ phía quầy uống.

“Quả là chốn miễn chê để tìm thấy nữ thần!” Ngài Henry nói.

“Vâng!” Dorian Gray trả lời. “Chính chỗ này em tìm thấy nàng, và nàng thiêng liêng vượt ra ngoài mọi vật sống. Khi nàng diễn anh sẽ quên mọi sự. Những con người tầm thường, thô kệch, mang gương mặt lỗ mãng và cử chỉ cục cằn này, trở nên khác hẳn khi nàng lên

sân khấu. Họ ngồi im lặng và xem nàng. Họ khóc và cười theo ý chí nàng điều khiển. Nàng khiến họ nhảy đáp như một cây vĩ cầm. Nàng giúp họ hưởng thụ, và người ta cảm nhận rằng họ có cùng máu thịt với mình.”

“Có cùng máu thịt với mình! Ôi, tôi mong là đừng!” Ngài Henry ta thán, gã đang rà quét khách khứa trên khán đài bằng cái ống nhòm đi rập của mình.

“Đừng để tâm câu ta, Dorian,” người hoạ sĩ nói. “Anh hiểu lòng em, và anh tin ở cô gái này. Người mà em yêu hẳn phải tuyệt diệu, và cô gái nào sở hữu ấn tượng em miêu tả hẳn phải tốt đẹp và cao thượng. Hưởng thụ một thời đại – đó là việc đáng làm. Nếu cô gái này có thể trao tặng linh hồn cho những người sống mà không có nó, nếu nàng có thể tạo tri giác về cái đẹp lên những người sống trong đê hèn và xấu xí, nếu nàng có thể tước khỏi họ tính vị kỉ và cho họ mượn dòng lệ tuôn từ nỗi buồn không thuộc về mình, nàng xứng đáng với tất cả cuồng si của em, xứng đáng với sự cuồng si của cả thế giới. Cuộc hôn nhân này hoàn toàn đúng đắn. Ban đầu anh đã không nghĩ vậy, nhưng giờ đây anh thừa nhận. Thần thánh tác tạo Sibyl Vane cho em. Vâng nàng em sẽ không hoàn thiện.”

“Cảm ơn anh, Basil,” Dorian Gray trả lời, siết chặt tay anh. “Em biết anh sẽ hiểu em mà. Anh Harry quá hoài nghi, anh ấy làm em rợn người. Nhưng đây là dàn nhạc. Nó khá khủng khiếp, nhưng chỉ còn khoảng năm phút thôi. Rồi màn kéo lên, và anh sẽ thấy cô gái mà em sắp dâng trọn đời mình, người đã ban tặng mọi điều tử tế trong em.”

Một khắc sau, giữa tràng pháo tay náo động lạ thường, Sibyl Vane bước lên sân khấu. Vâng, nàng trông quả thật đáng yêu – một

tạo vật đáng yêu nhất, Ngài Henry nghĩ, mà gã từng được trông. Có gì đó ở loài nai tơ trong vẻ duyên dáng e thẹn và đôi mắt thẳng thốt của nàng. Một sắc đỏ nhạt, như bóng hồng trong gương bạc, lướt qua má khi nàng liếc về khu khán giả đông đúc, nhiệt tình. Nàng lùi vài bước, và môi nàng dường như run rẩy. Basil Hallward nháy dựng lên và bắt đầu vỗ tay. Bất động, như chìm trong mơ, ngồi đó là Dorian Gray, chăm chú nhìn nàng. Ngài Henry dòm qua cặp ống kính, lẩm bẩm, "Mê hoặc! Mê hoặc!"

Cảnh phòng là đại sảnh nhà Capulet, và Romeo trong bộ áo hành hương bước vào cùng Mercutio và bạn bè. Ban nhạc, vẫn chỉ đến thế, tấu lên vài nhịp, và điệu nhảy bắt đầu. Xuyên suốt đám kếp hát ăn vận xoàng xĩnh, kém duyên, Sibyl Vane uyển chuyển như một tạo vật đến từ thế giới cao quý hơn. Thân mình nàng xoay, khi nàng múa, như một cây thân thảo xoay trong dòng nước. Đường cong nơi cổ họng nàng là đường cong của bông huệ trắng. Đôi tay nàng dường như làm từ ngà mát.

Tuy nhiên nàng lơ đãng lạ kì. Nàng chẳng biểu lộ niềm vui khi mắt nàng lặng nhìn Romeo. Vài lời ít ỏi

Hỡi kẻ hành hương ngoan đạo, chàng tàn tệ quá đỗi, Với đôi tay mình cung hiến lòng thành;

Bởi nữ thánh và kẻ hành hương cầm tay chẳng nên tội,

Tay trong tay là nụ hôn của giới tu hành¹⁰ cùng mẫu đối thoại ngắn theo sau, được nói theo vẻ vô cùng giả tạo. Giọng nói rất thanh tú, nhưng từ quan điểm sắc điệu thì hoàn toàn dối trá. Nó sai màu. Nó vút hết chất đời khỏi câu thơ. Nó khiến đam mê không thành thật.

Dorian Gray càng xem càng tái mặt. Chàng bối rối và lo âu. Cả hai người bạn chẳng nói gì chàng. Nàng trong họ chừng như hoàn toàn bất tài. Họ thất vọng khủng khiếp.

Tuy nhiên họ nhận thấy thử thách thực thụ của bất kì Juliet nào là ở cảnh ban-công trong hồi hai. Họ chờ cảnh đó. Nếu nàng hỏng hồi ấy, thì chẳng có gì ở nàng cả.

Nàng trông quyến rũ khi bước ra ánh trăng. Điều này chẳng thể phủ nhận. Nhưng chất kịch trong diễn xuất của nàng thật không chấp nhận nổi, và càng diễn càng tệ thêm. Cử chỉ của nàng giả tạo đến ngớ ngẩn. Nàng gồng lên nhấn nhá mọi câu mình nói. Đoạn thơ đẹp để

Chàng biết tấm mạng đêm che lên khuôn mặt, Bằng không sắc đồng trinh trên má em ửng hắt

Bởi những lời chàng nghe em lỡ nói mất đêm nay¹⁰ bị ngâm lên với độ chính xác đau đớn của một cô học trò được dạy đọc thuộc lòng từ một giáo sư ngâm thơ thứ cấp nào đó. Khi nàng cúi xuống ban-công và đến những dòng tuyệt vời

Dù bên chàng em mừng vui ngây ngất, Chẳng mừng vui với đỉnh ước đêm nay: Quá bất ngờ, kinh suất, vội vàng thay; Như ánh chớp, đã thành linh vội tắt

Trước lúc kịp reo, "Kìa chớp." Chúc giấc say! Hơi mùa hạ chín đỏ phả lên chồi yêu mới Chứng cho bông hoa đẹp nở trong lần gặp tới¹⁰ nàng buông ra như thể chúng vô nghĩa với mình. Đây không phải sự căng thẳng. Quả thực, rất xa với căng thẳng, nàng hoàn toàn hàm ý. Đây đơn giản là nghệ thuật tồi. Nàng đã thất bại triệt để.

Ngay đám khán giả tầm thường, ít học dưới ghế trũng và trên khán đài cũng mất hứng với vở diễn. Họ bất bình, rồi khởi sự nói oang oang và huýt gió. Lão quản lí Do Thái, đứng trong cùng tầng lễ phục, giậm chân thành thịch và chửi rủa trong thịnh nộ. Người duy nhất không động tâm là chính cô gái.

Khi hồi hai kết thúc có một cơn bão rít lên, rồi Ngài Henry đứng dậy khỏi ghế và mặc áo khoác vào. “Cô bé rất mực xinh đẹp, Dorian,” gã nói, “nhưng cô ấy không biết diễn. Ta đi thôi.”

“Em sẽ xem hết vở kịch,” chàng trai trả lời, bằng giọng gai góc, cay đắng. “Em vô cùng xin lỗi đã làm uổng phí buổi tối của anh, Harry. Em xin hai anh thứ lỗi.”

“Dorian thân mến, anh nghĩ là Cô Vane đang bệnh,” Hallward xen lời. “Chúng ta sẽ đến đêm khác.”

“Em những mong nàng bệnh lắm,” chàng tiếp. “Nhưng trong em nàng dường như đơn thuần vô cảm và giá băng. Nàng hoàn toàn biến đổi. Đêm qua nàng là một nghệ sĩ vĩ đại. Đêm nay nàng chỉ là một ả đào tầm thường, xoàng xĩnh.”

“Đừng nói như vậy về người em yêu, Dorian ạ. Tình Yêu là điều tuyệt vời hơn Nghệ Thuật.”

“Cả hai đều là hình thức đơn sơ của mô phỏng mà thôi,” Ngài Henry bình phẩm. “Nhưng ta hãy đi thôi. Dorian, cậu đừng nên ở đây thêm nữa. Chúng kiến diễn xuất tồi không tốt cho đạo đức người ta. Vả lại, tôi không cho rằng cậu sẽ muốn vợ mình diễn kịch. Thế thì quan trọng gì nếu cô ấy đóng vai Juliet như một con nộm gỗ? Nàng rất đáng yêu, và nếu nàng ít biết về cuộc sống như thế về diễn xuất, nàng sẽ là một trải nghiệm thú vị. Chỉ có hai loại người thực sự mê hoặc – người rành rọt mọi sự, và người chẳng rành rọt

sự gì. Trời đất, cậu bé thân mến, đừng trông bi thảm thế! Bí quyết của việc duy trì tuổi trẻ là đừng bao giờ bày tỏ cảm xúc không hợp cảnh. Đến hội quán với Basil và anh cậu đi. Chúng ta sẽ hút thuốc và uống mừng sắc đẹp của Sibyl Vane. Nàng rất xinh đẹp. Cậu còn có thể muốn gì hơn?”

“Đi đi, Harry,” chàng trai kêu lên. “Em muốn được một mình. Basil, anh cũng phải đi. A! Anh không thấy trái tim em đang tan nát ư?” Nước mắt nóng tràn lên mắt chàng. Môi chàng run rẩy, và, lao về cuối buồng, chàng dựa vào tường, giấu mặt trong lòng bàn tay.

“Ta đi vậy, Basil,” Ngài Henry nói, bằng giọng dịu dàng khác lạ; và hai người đàn ông trẻ cùng nhau ra ngoài.

Lát sau đèn sàn bùng sáng, và màn kéo lên cho hồi ba. Dorian Gray về lại chỗ ngồi. Chàng trông nhợt nhạt, bóng nhẫy, và lãnh đạm. Vở kịch lê thê, tưởng như không bao giờ kết thúc. Phân nửa khán giả đã bỏ về, bước thình thịch trong đôi giày ống nặng, và cười cợt. Toàn bộ buổi diễn đã hỏng bét. Hồi cuối được diễn cho bằng ghế gần như trống. Tấm màn hạ xuống trong tiếng cười khùng khục, và vài lời cầu nhàu.

Ngay sau khi kết thúc, Dorian Gray vội vã lao ra hậu trường vào phòng chờ. Cô gái đang đứng một mình, với khuôn mặt vang ca khúc khai hoàn. Mắt nàng sáng lên trong ngọn lửa mãnh liệt. Có ánh rạng ngời ở nàng. Đôi môi nàng khép hờ đang cười nụ cho bí mật nào đó của chúng.

Khi chàng vào tới, nàng nhìn chàng, và biểu hiện của niềm vui vô bờ ập đến nàng. “Đêm nay em diễn dở quá đi thôi, Dorian!” nàng kêu lên.

“Khủng khiếp!” chàng trả lời, chăm chăm nhìn nàng kinh ngạc – “Khủng khiếp! Quá đáng sợ! Em bị bệnh sao? Em không biết thế nào đâu. Em không biết anh đã đau khổ thế nào đâu.”

Cô gái cười tủm tỉm. “Dorian,” nàng trả lời, kéo dài tên chàng với tiếng nhạc ngân nga trong giọng nói, như thể nó ngọt ngào hơn mật ong đối với đôi cánh hoa hồng trên miệng nàng. “Dorian, anh phải hiểu chứ. Nhưng giờ anh đã hiểu rồi, phải không?”

“Hiểu gì?” chàng giận dữ hỏi.

“Cớ sao em làm quá dở đêm nay. Cớ sao em sẽ luôn luôn làm dở. Cớ sao em sẽ không bao giờ lại diễn tốt được nữa.”

Chàng nhún vai. “Em đang bệnh, anh đồ rằng thế. Khi mắc bệnh em không nên diễn. Em khiến bản thân thành trò cười. Các bạn anh buồn lòng. Anh cũng buồn lòng.”

Dường như nàng không lắng nghe chàng. Nàng được tân trang bởi niềm vui. Niềm hạnh phúc ngây ngất ngự trị nàng.

“Dorian ơi, Dorian ơi,” nàng kêu lên, “trước khi biết anh, ca kịch là hiện thực duy nhất của đời em. Chỉ trong rạp hát em mới sống. Em từng nghĩ rằng đó là tất cả thực tại. Em là Rosalind đêm này, và Portia đêm khác. Niềm vui của Beatrice là niềm vui của em, và nỗi buồn của Cordelia cũng là của em. Em tin vào mọi thứ. Những người tầm thường diễn chung với em tựa như là thần thánh. Cảnh phong tô vẽ là thế giới của em. Em chẳng biết gì ngoài bóng đen, và em đã nghĩ chúng là thật. Anh đến – chao ôi, tình yêu đẹp đẽ của em! – và anh giải phóng linh hồn em khỏi ngục tù. Anh dạy em hiện thực thật sự là gì. Đêm nay, lần đầu tiên trong đời, em nhìn thấu sự trống rỗng, điệu giả cách, tính ngờ nghệch của gánh hát mà em hằng diễn. Đêm nay, lần đầu tiên, em nhận ra rằng Romeo ghê tởm, già

nua, và tô vẽ, rằng ánh trăng trong vườn quả là dối trá, rằng cảnh phong là dung tục, và rằng lời thoại em phải nói là không thật, không phải lời em, không phải điều em muốn nói. Anh đã mang đến em điều gì cao hơn, điều mà tất cả nghệ thuật phản ánh. Anh đã khiến em hiểu tình yêu thật sự là gì. Tình yêu! Tình yêu! Hoàng Tử Quyển Rũ! Hoàng tử lòng em! Em đã phát bệnh với bóng đen. Trong em anh hơn tất cả những gì nghệ thuật có được. Em phải làm gì với con rối của vở kịch? Khi em bước lên đêm nay, em không hiểu được bằng cách nào mọi thứ biến mất trong em. Em nghĩ mình sẽ tuyệt vời. Em thấy mình chẳng thể làm gì. Đột nhiên hé rạn trong linh hồn em tất cả ý nghĩa. Sự biết thật mãnh liệt với em. Em nghe họ rú rít, và em mỉm cười. Họ biết gì về tình yêu như của chúng ta? Mang em đi xa, Dorian – mang em đi xa cùng anh, nơi chỉ có hai ta. Em ghét sàn diễn. Có lẽ em bắt chước được đam mê mà mình không cảm nhận, nhưng em không thể bắt chước được thứ thiêu đốt mình như lửa. Chao ôi, Dorian, Dorian, bây giờ anh hiểu tầm quan trọng rồi chứ? Ngay cả nếu em có làm được, sẽ là bóng đổ cho em khi diễn kịch lúc đang yêu. Anh đã khiến em biết ra điều đó.”

Chàng ném mình xuống ghế dài, và quay mặt đi. “Cô đã giết chết tình yêu của tôi,” chàng nói khẽ.

Nàng nhìn chàng kinh ngạc, và cười lên. Chàng không trả lời. Nàng đến bên chàng, và bằng những ngón tay nhỏ nàng vuốt tóc chàng. Nàng quì xuống ấn tay chàng lên môi mình. Chàng giăng tay ra, và một cơn rùng mình chạy qua người.

Rồi chàng đứng lên, đi ra phía cửa. “Phải,” chàng kêu lên, “cô đã giết chết tình yêu của tôi. Cô từng khuấy động trí tưởng tượng tôi. Giờ đây cô không khuấy động được cả trí tò mò. Cô đơn thuần

chẳng còn ấn tượng gì. Tôi từng yêu cô vì cô tuyệt diệu, vì cô có thiên tài và trí tuệ, vì cô nhận ra ước mơ của những thi sĩ vĩ đại và tạo hình tạo chất cho bóng đen nghệ thuật. Cô đã vút chúng đi hết. Cô nông cạn và ngu ngốc. Chúa ơi! Tôi đã từng yêu cô cuồng dại đến thế! Tôi đã quá khờ dại làm sao! Cô chẳng là gì với tôi bây giờ. Tôi sẽ không bao giờ gặp lại cô nữa. Tôi sẽ không bao giờ nghĩ về cô. Tôi sẽ không bao giờ nhắc tên cô. Cô không biết mình đã như thế nào trong tôi, đã từng. Tại sao, chỉ là đã từng... Ôi, tôi không thể chịu nổi ý nghĩ đó! Tôi ước mình chưa bao giờ từng gặp cô! Cô phá hỏng mỗi lãng mạn đời tôi. Cô biết ít về tình yêu lắm thay, khi cô nói nó làm hỏng nghệ thuật! Không có nghệ thuật cô chẳng là gì. Tôi đáng lẽ khiến cô nổi danh, lộng lẫy, tráng lệ. Thế giới đáng lẽ tôn thờ cô, và cô đáng lẽ được mang họ tôi. Giờ đây cô là gì? Một ả đào mặt hạng với gương mặt xinh xắn."

Cô gái chuyển trắng bệch, và run rẩy. Nàng nắm chặt đôi bàn tay với nhau, và giọng nàng dường như nghẹn trong cổ họng. "Anh không nghiêm túc chứ, Dorian?" nàng lẩm bẩm. "Anh đang đóng kịch."

"Đóng kịch! Tôi nhường phần cho cô. Cô làm nó rất giỏi," chàng cay đắng trả lời.

Nàng nhảy lên dù đang quì, và, với biểu cảm thảm thương của niềm đau trên gương mặt, băng ngang phòng đến cạnh chàng. Nàng đặt tay lên cánh tay chàng, và nhìn vào mắt chàng. Chàng đẩy nàng lại. "Đừng động vào tôi!" chàng kêu lên.

Một tiếng rên trầm vỹ ra, và nàng ném mình xuống, rồi nằm đó như bông hoa bị chà đạp. "Dorian, Dorian, đừng rời bỏ em!" nàng thào thì. "Em rất xin lỗi vì đã không diễn tốt. Em nghĩ đến anh suốt

buổi. Nhưng em sẽ gắng – quả thực, em sẽ gắng. Nó ập đến em đột ngột quá, tình yêu em dành cho anh. Em nghĩ mình sẽ chẳng bao giờ biết đến nếu anh không hôn em – nếu chúng ta không hôn nhau. Lại hôn em đi, tình yêu của em. Đừng rời xa em. Em không chịu được. Than ôi! đừng rời xa em. Em trai em... Đừng, đừng để tâm. Nó không có ý đó. Nó nói đùa thôi... Nhưng anh, than ôi! anh không thể tha thứ cho em đêm nay chẳng? Em sẽ làm việc hết sức, và gắng cải thiện. Đừng tàn nhẫn với em vì em yêu anh hơn hết thảy sự đời. Suy cho cùng, đây là lần duy nhất em từng khiến anh không đẹp lòng. Nhưng anh hoàn toàn đúng, Dorian. Em nên thể hiện bản thân mình nhiều hơn dưới tư cách nghệ sĩ. Đó là chuyện đại dột của em; dầu vậy em không ngăn mình được. Than ôi, đừng rời bỏ em, đừng rời bỏ em.” Một cơn thổn thức nức nở chẹt lấy cổ nàng. Nàng ép mình xuống sàn như một vật bị thương, còn Dorian Gray, bằng đôi mắt đẹp đẽ, nhìn xuống nàng, và đôi môi như tạc cong lên trong niềm khinh bỉ sâu sắc. Luôn có điều gì đó nức cười trong cảm xúc của người mà ta đã thôi yêu. Chừng như với chàng, Sibyl Vane đầy tính kịch mê-lô lồ bịch. Nước mắt và tiếng thổn thức của nàng làm phiền lòng chàng.

“Tôi đi đây,” cuối cùng chàng nói, bằng giọng điềm tĩnh, rõ ràng. “Tôi không mong muốn bắt nhẫn, nhưng tôi không thể nhìn cô được nữa. Cô làm tôi vỡ mộng.”

Nàng lặng lẽ khóc, và không trả lời, nhưng rụt rè bò lại gần. Đôi bàn tay nhỏ của nàng với với mù quáng, và tuồng như tìm kiếm chàng. Chàng quay gót, rồi rời phòng. Chỉ lát sau chàng đã bên ngoài rập hát.

Nơi chàng đến chàng cũng khó biết. Chàng nhớ mình lang thang xuyên các con phố tù mù, qua các cổng vòm đen bóng vắng ngắt và những ngôi nhà trông nanh ác. Đám đàn bà bằng giọng nói khàn và giọng cười khô khốc gọi với theo sau chàng. Đám bợm rượu bước loạng choạng theo tiếng chửi thề, và nói lảm nhảm một mình như con khỉ quái đản. Chàng nhìn thấy bày trẻ con kì khôi túm tụm nhau trên ngạch cửa, và nghe thấy tiếng thét với vắng tục từ mảnh sân ẩm đẫm.

Đoạn bình minh ló rạng chàng thấy mình gần Vườn Covent. Bóng tối bị nhấc ra, và, hừng lên trong tia lửa yếu, bầu trời tự đánh bóng mình thành viên ngọc trai hoàn hảo. Những chiếc xe cải tiến chở đầy các bông huệ gặt gù đi âm âm chầm chậm xuống con phố bóng loáng vắng ngắt. Bầu không ngào ngạt hương hoa, và vẻ đẹp của chúng dường như mang đến chàng liều thuốc xoa dịu niềm đau. Chàng theo bước vào chợ, và quan sát mọi người dỡ hàng trên xe thồ. Một bác kéo xe mặc bờ-lu trắng mời chàng vài trái anh đào. Chàng cảm ơn bác, tự hỏi lòng sao bác từ chối lấy tiền quả, rồi bắt đầu lơ đãng ăn chúng. Chúng được hái vào nửa đêm, và đã ngấu hơi lạnh của ánh trăng. Một hàng dài mỏng các cậu bé ôm thúng đựng uất kim hương sọc, và hồng nhung hồng vàng, diễu qua trước mặt chàng, khéo lách qua những chồng rau to sụ màu xanh ngọc. Dưới cổng trụ, với những cột trụ bạc màu nắng của mình, lảng vảng một toán đám con gái lướt thướt để đầu trần, chờ đợi cuộc

đấu giá kết thúc. Những người khác chen chúc nhau quanh cánh cửa đựng dưa của tiệm cà-phê trong Quảng Trường Chợ. Chiếc xe ngựa thồ nặng nề trượt và giẫm lên nền đá khô ráp, rung chuỗi lục

lạc và hành lí của mình. Vài tay đánh xe nằm ngủ trên đồng bao tải. Những con bồ câu cổ tím chân hồng chạy quanh nhặt hạt.

Một lát sau, chàng gọi một chiếc han-xăm, và đánh xe về nhà. Trong ít phút chàng tha thần trước hiên nhà, nhìn quanh nơi Quảng Trường im ắng với những ô cửa sổ đóng trống trơn, và tấm màn che lỗ lộ của nó. Nền trời lúc này xanh màu ô-pan thuần khiết, còn các mái nhà lấp lánh như bạc soi. Từ ống khói đối diện đâu đó một làn khói mỏng cuộn lên. Nó cuốn tròn, một dải ruy-băng tím, xuyên bầu không màu xà cừ.

Bên trong chiếc đèn lồng lớn xứ Venice thếp vàng, lợi phẩm từ chiếc xà-lan nào đó của ngài Tổng Trấn, đang treo trên trần gian sảnh đón rộng lát gỗ sồi, đèn vẫn cháy từ ba tia lửa bập bùng: tựa như những cánh hoa lửa lam mỏng, viền quanh bằng lửa trắng. Chàng tắt đèn, rồi, ném mũ cùng áo choàng lên bàn, xuyên qua thư phòng hướng về cửa phòng ngủ, một căn buồng lớn hình bát giác ở tầng trệt, với thị hiệu mới nhất của mình về sang trọng, chàng vừa tự trang trí cho mình, và treo vài tấm thảm tường kì lạ thời Phục Hưng tìm thấy được cất trữ trong căn gác xép bỏ không ở vùng Hoàng Gia Selby. Vừa khi xoay tay nắm cửa, mắt chàng hướng thẳng vào bức chân dung Basil Hallward đã vẽ mình. Chàng giật thót mình như kinh ngạc. Rồi đi vào phòng riêng, trông hơi lúng túng. Sau khi tháo cúc áo, chàng dường như lưỡng lự. Rốt cuộc chàng quay lại, đến sát bức hoạ, và xem xét nó. Dưới ánh sáng mờ mịt bị giam hãm đang vẫy vùng chiếu xuyên tấm màn lụa màu kem, gương mặt hiện ra trước chàng có đôi chút thay đổi. Biểu cảm trông khác đi. Người ta hẳn nói rằng có một nét tai ác trên miệng. Điều này hiển nhiên kì lạ.

Chàng quay ra, rồi, tiến đến cửa sổ, kéo tấm màn lên. Bình minh sáng sủa tràn vào ngập phòng, và quét các mảng bóng tối kì quái vào những góc mờ mịt, nơi chúng nằm run rẩy. Nhưng biểu cảm kì lạ mà chàng nhận thấy trên gương mặt bức chân dung vẽ như nán lại đó, thậm chí còn dữ dội hơn. Ánh nắng nồng nhiệt, rung rinh phơi trước chàng vệt kẻ tai ác quanh cái miệng rõ rệt như thể chàng đang soi vào gương sau lúc mình vừa làm điều gì gớm guốc.

Chàng nhăn mặt, rồi, vớ lấy từ trên bàn chiếc kính lúp ô-van viền chạm trổ thần Cupid ngà, một trong nhiều món quà của Ngài Henry tặng, liếc vội vào những chỗ tận cùng bóng bẩy của nó. Không vệt kẻ nào bẻ cong đôi môi đỏ của chàng. Vậy nghĩa là sao?

Chàng dụi mắt, rồi dí sát bức hoạ, rồi xem xét lần nữa. Không có vết tích gì của thay đổi khi chàng nhìn vào bức hoạ chân thực, và đầu thế không nghi ngờ gì rằng toàn bộ biểu cảm bị biến đổi. Nó không phải là tưởng tượng thuần túy của riêng chàng. Điều này rành rõ khủng khiếp.

Chàng quăng mình xuống ghế, và khởi sự suy nghĩ. Đột nhiên có ánh chớp lóe qua tâm trí về những điều chàng từng nói ở phòng hoạ của Basil Hallward trong cái ngày bức hoạ hoàn thành. Vâng, chàng nhớ y nguyên. Chàng đã thốt lên điều ước rồ dại rằng chính mình được trẻ mãi, còn bức chân dung già đi; rằng sắc đẹp chàng không tàn, còn gương mặt trên nền vải bạt đỡ lấy gánh nặng của đam mê và tội lỗi chàng; rằng tấm tranh vẽ bị đóng hằn những đường nhăn của đau khổ và suy nghĩ, và rằng chàng được giữ tất cả tuổi xuân thanh tú cùng vẻ đáng yêu của mình sau khi vừa mới ý thức ra tuổi trẻ. Chắc chắn điều ước chàng không được thoả nguyện ư? Những điều như vậy thật không thể nào. Nó có vẻ quái đản ngay từ suy

ngĩ. Và, tuy thế, bức hoạ ở đây trước mắt chàng, với nét tai ác trên miệng.

Tai ác! Chàng đã làm ác chẳng? Đó là lỗi do cô gái, không phải do chàng. Chàng đã mơ về nàng như một nghệ sĩ vĩ

đại, và trao tình cho nàng vì chàng nghĩ về sự vĩ đại của nàng. Thế rồi nàng khiến chàng vỡ mộng. Nàng nông cạn và không xứng đáng. Và, tuy vậy, một cảm giác nuối tiếc vô bờ ập đến chàng, khi chàng nghĩ về nàng nằm dưới đất thốn thức khóc như đứa trẻ nhỏ. Chàng nhớ về vô cảm của mình lúc nhìn nàng. Tại sao chàng đến mức ấy? Tại sao một linh hồn như thế lại được trao cho chàng? Nhưng chàng cũng đau lắm. Suốt ba giờ đồng hồ vở kịch kéo lê, chàng sống hàng thế kỉ trong đau khổ, kiếp nối kiếp trong tra tấn. Đời chàng rất xứng đáng với nàng. Nàng làm tổn hại chàng một giây, chàng làm tổn thương nàng một kiếp. Vả lại, phụ nữ phù hợp để gánh lấy nỗi buồn hơn đàn ông. Họ sống bằng cảm xúc mình. Họ chỉ nghĩ về cảm xúc mình. Khi họ giao tình, đó đơn thuần là có được ai đó để họ giao duyên. Ngài Henry từng bảo chàng thế, và Ngài Henry biết rõ phụ nữ. Tại sao chàng phải phiền muộn về Sibyl Vane? Giờ đây nàng chẳng là gì với chàng nữa.

Thế còn bức hoạ? Chàng nói gì về nó? Nó nắm giữ bí mật đời chàng, và kể câu chuyện chàng. Nó đã dạy chàng yêu vẻ đẹp chính mình. Liệu nó sẽ dạy chàng ghê tởm linh hồn chính mình? Liệu chàng có bao giờ nhìn lại nó?

Không; nó đơn thuần là ảo giác đến từ các giác quan muộn phiền. Buổi đêm khủng khiếp chàng vừa qua đã để lại bóng ma theo sau. Đột nhiên thả xuống não chàng đốm đỏ tươi nhỏ xíu khiến lòng

người hoá dại. Bức hoạ không hề thay đổi. Thật ngớ ngẩn khi nghĩ vậy.

Dầu vậy nó đang quan sát chàng, với gương mặt đẹp bị tàn phá và nụ cười tai ác của mình. Mái tóc sáng của nó bóng lên trong nắng sớm. Đôi mắt xanh của nó gặp chàng. Một cảm giác tiếc thương vô bờ, không phải cho mình, mà cho bức tranh vẽ chính mình, ập đến chàng. Nó đã biến đổi rồi, và sẽ biến đổi nữa. Vàng của nó sẽ ngả xám. Bông hồng đỏ và trắng của nó sẽ tàn lụi. Hết mỗi tội lỗi chàng phạm, một vết nhơ sẽ vấy lên và tàn phá vẻ ngay thẳng của nó. Nhưng chàng sẽ không gây tội. Bức hoạ, đổi hay không đổi, sẽ làm biểu trưng hữu hình của lương tâm trong chàng. Chàng sẽ chống cự cám dỗ. Chàng sẽ không gặp Ngài Henry nữa – sẽ không, bất kể thế nào, lắng nghe những lí thuyết độc hại tinh vi mà trong vườn nhà Basil Hallward đã khuấy lên lần đầu tiên trong chàng niềm đam mê những điều hoang đường. Chàng sẽ quay về bên Sibyl Vane, bù đắp cho nàng, cưới nàng làm vợ, gắng yêu nàng trở lại. Vâng, đó là nhiệm vụ chàng cần làm. Nàng hẳn đã đau khổ nhiều hơn chàng. Sức mê hoặc nàng từng ngự trị chàng sẽ quay trở lại. Họ sẽ hạnh phúc bên nhau. Đời chàng có nàng sẽ đẹp tươi và tinh khiết.

Chàng rời khỏi ghế, rồi kéo tấm bình phong lớn ngay trước bức chân dung, rùng mình khi liếc thấy nó. “Thật kinh khiếp!” chàng lẩm bẩm một mình, rồi bước đến cửa sổ và mở toang. Lúc bước ra bãi cỏ, chàng hít một hơi sâu. Hơi lành buổi sáng dường như xua đi tất cả thảm đam mê u tối của chàng. Chàng chỉ nghĩ về Sibyl thôi. Một tiếng vọng mờ nhạt của tình yêu trở lại nơi chàng. Chàng gọi lại tên nàng lần nữa và lần nữa. Bầy chim ca hát trong khu vườn đầm sương tuồng như đang kể các đoá hoa nghe về nàng.

CHƯƠNG VIII

Ngày sang quá trưa lúc chàng dậy. Người hầu phòng nhiều lần nhón chân rón rén vào phòng xem chàng có trở mình hay không, và thắc mắc điều gì đã khiến cậu chủ mình ngủ muộn đến thế. Cuối cùng chuông cũng vang, và Victor nhẹ nhàng bước vào với tách trà, cùng chồng thư, trên cái khay nhỏ bằng sứ Sèvres cổ, và vén các tấm màn xa- tanh màu ô-liu, với lớp lót màu lam bóng, đang rủ dài trước ba ô cửa sổ cao.

“Sáng nay Me-xừ ngủ say quá,” anh ta mỉm cười nói. “Mấy giờ rồi, hả Victor?” Dorian Gray ngái ngủ hỏi. “Một giờ một khắc, thưa Me-xừ.”

Muộn đến thế kia! Chàng ngồi dậy, rồi, nhấp vài ngụm trà, lần giờ đồng thư từ. Một bức trong đó đến từ Ngài Henry, và được giao bằng tay sáng nay. Chàng do dự giây lát, rồi đặt chúng sang một bên. Các thư khác chàng mở lơ đãng. Chúng bao gồm tập hợp quen thuộc các bưu thiếp, giấy mời ăn tối, vé đến triển lãm cá nhân, chương trình hoà nhạc lạc quyền, và những thứ tương tự, được trưng ra trước các chàng trai trẻ tân thời hăng sáng trong suốt mùa. Có một hoá đơn khá nặng, về bộ bồn vệ sinh Louis-Quinze chạm bạc, mà chàng chưa đủ can đảm đề xuất với người giám hộ của mình, một người hủ lậu cùng cực và không nhìn ra rằng ta đang sống trong thời đại khi những thứ không cần thiết thay đều tối cần thiết cho ta; và có vài thông tri trình bày nhã nhặn đến từ giới cho

vay Phở Jermyn đề nghị ứng trước bất kì khoản tiền nào vào bất kì thời điểm nào với lãi suất phải chăng nhất.

Sau khoảng mười phút chàng đứng lên, rồi, quàng lên người áo choàng tắm bằng len ca-sơ-mia dệt lụa, bước vào phòng tắm lát máng đen. Nước mát làm chàng tỉnh người sau giấc ngủ dài. Chàng dường như quên hết những chuyện mình vừa trải qua. Một cảm giác lơ mơ liên đới đến bi kịch kì lạ nào đó quét qua chàng một đôi lần, nhưng đó là chuyện mơ màng hão huyền.

Ngay khi đã mặc áo, chàng vào thư phòng và ngồi xuống dùng bữa điểm tâm nhẹ kiểu Pháp, đã được đặt chờ chàng trên chiếc bàn tròn con kê sát cửa sổ mở. Một ngày đẹp vô cùng. Bầu không ẩm áp dường như chở đầy hương vị. Một con ong bay vào, rồi vo ve quanh chiếc bát lam long, chứa đầy hồng vàng màu lưu huỳnh, được đặt trước mặt chàng. Chàng cảm thấy hoàn toàn hạnh phúc.

Bất thần mắt chàng chiếu đến tấm bình phong mình chắn trước bức chân dung, và chàng giật thót người.

“Quá lạnh sao Me-xu?” người hầu phòng hỏi, đặt món trứng tráng lên bàn. “Tôi đóng cửa sổ nhé?”

Dorian lắc đầu. “Tôi không lạnh,” chàng nói nhỏ.

Thầy có phải sự thật? Bức chân dung đã thật sự thay đổi ư? Hay đó đơn thuần do trí tưởng chính chàng làm chàng thấy ánh nhìn nanh ác nơi đã từng là ánh nhìn vui vẻ? Chắc chắn vài bạt tở về không thể biến đổi chứ? Chuyện này thật ngớ ngẩn. Nó sẽ thành câu chuyện kể cho Basil một ngày kia. Nó sẽ làm anh mỉm cười.

Và, đầu vậy, hồi tưởng của chàng về toàn bộ chuyện đó sống động lắm thay! Đầu tiên trong ánh rạng đông nhạt nhòa, và rồi trong ánh bình minh rực rỡ, chàng đã thấy nét tai ác quanh đôi môi

oắn cong. Chàng gần như sợ người hầu rời phòng mất. Chàng biết rằng khi còn một mình chàng sẽ phải xem xét bức chân dung. Chàng cầm chắc nỗi sợ. Khi cà-phê và thuốc lá được mang vào và người đàn ông quay đi, chàng cảm nhận nỗi khát khao dữ dội giữ anh ta ở lại. Đoạn cánh cửa đóng lại sau lưng, chàng gọi anh ta. Người đàn ông đứng chờ lệnh. Dorian nhìn anh một chốc. "Tôi không tiếp bất kì ai ở nhà nhé, Victor," chàng nói, kèm tiếng thở dài. Người đàn ông cúi chào và lui ra.

Rồi chàng rời bàn, châm thuốc, và ném mình xuống chiếc ghế nằm bọc đệm sang trọng đặt trước tấm bình phong. Tấm bình phong bằng da thuộc Tây Ban Nha cũ kĩ, thếp vàng, được chạm trổ và chế tác bằng hoa văn Louis-Quatorze khá sắc sảo. Chàng tò mò rà quét, lòng tự hỏi liệu có thật là nó đứng chắn trước bí mật cuộc đời một con người hay không.

Chàng, suy cho cùng, có nên gạt nó sang bên? Sao không cứ để nó ở đấy? Liệu biết thì có ích gì? Nếu chuyện đó là thật, nó thật kinh khủng. Nếu nó không thật, sao phải phiền lòng về nó? Nhưng sẽ thế nào nếu, do định mệnh hoặc vận hội chết người nào đó, một cặp mắt khác ngoài chàng rình rập bám đuôi, và nhìn thấy sự thay đổi khủng khiếp ấy? Chàng xử trí thế nào nếu Basil Hallward đến và hỏi xem bức hoạ do chính mình vẽ? Cầm chắc Basil sẽ làm thế. Không; vật đó phải được xem xét, ngay bây giờ. Bất kì điều gì cũng còn hơn trạng thái nghi hoặc đáng sợ này.

Chàng đứng dậy, rồi khoá cả hai cửa. Chỉ ít chàng chỉ có một mình khi nhìn vào lớp mặt nạ hồ thẹn của mình. Rồi chàng kéo tấm bình phong sang bên, và chính mình mặt đối mặt. Điều đó hoàn toàn thật. Bức chân dung đã biến đổi.

Như chàng thường nhớ lại sau này, và luôn luôn không gợn chút thắc mắc, chàng thấy chính mình lần đầu tiên nhìn chăm chú bức chân dung với cảm xúc gần như hứng thú khoa học. Một sự thay đổi như vậy diễn ra là điều không tưởng với chàng. Tuy thế nó lại là hiện thực. Đã có chẳng một ái lực tinh vi nào đó giữa các nguyên tử hoá học, tự kết mình thành hình dáng và màu sắc trên nền vải bạt, với linh hồn bên trong chàng? Có thể chẳng những điều linh hồn nghĩ, chúng hiểu ra? – những điều nó mơ, chúng nghiệm thực? Hay còn có lí do nào khác, khủng khiếp hơn? Chàng rùng mình, và cảm thấy sợ, rồi, quay lại chiếc ghế nằm, ngả lưng xuống, chăm chăm nhìn vào bức hoạ trong nỗi khiếp đảm bệnh hoạn.

Một điều, tuy thế, chàng cảm thấy nó giúp ích cho mình. Nó khiến chàng nhận ra mình đã bắt công, độc ác với Sibyl Vane nhường nào. Vẫn chưa muộn màng để chuộc lại lỗi lầm này. Nàng vẫn có thể làm vợ chàng. Tình yêu hảo huyền và ích kỉ của chàng sẽ sản sinh ra ảnh hưởng nào lớn lao hơn, sẽ chuyển hoá thành đam mê nào cao thượng hơn, và bức chân dung Basil Hallward vẽ cho sẽ làm người chỉ lỗi cho chàng suốt đời, sẽ chỉ cho chàng thánh thiện lúc này, và lương thiện lúc khác, và lòng kính sợ Chúa Trời cho tắt thảy chúng ta. Kia là thuốc phiện của lòng ăn năn, thứ ma túy vỗ về tri giác đạo đức vào giấc ngủ. Nhưng đây là biểu tượng hữu hình của sự suy đồi vì tội lỗi. Đây là dấu vết nhẵn tiền của sự tàn hại mà con người gây cho linh hồn mình.

Ba giờ đã điểm, rồi bốn, và tiếng chuông lúc nửa giờ đánh lâu gấp đôi, nhưng Dorian Gray chẳng cựa mình. Chàng đang gắng sức để gom lại những sợi chỉ đỏ cuộc đời, rồi dệt chúng thành tấm; để tìm lối đi xuyên qua mê cung nhuộm máu của đam mê mà chàng

bước lạc đường. Chàng không biết làm gì, hay nghĩ gì. Rốt cuộc, chàng đến bên bàn và viết một lá thư nhiệt thành cho cô gái mình yêu, khẩn cầu lòng khoan dung của nàng, và tự kết tội cơn điên của mình. Chàng lấp kín trang lại trang với những từ buồn dữ dội, và những từ đau dữ dội hơn. Có sự xa xỉ trong hành động tự khiển trách. Khi tự trách mình, ta cảm thấy không ai khác có quyền trách ta nữa. Chính lời xưng thú, chứ không phải linh mục, mang cho ta sự miễn xá. Lúc Dorian vừa hoàn thành bức thư, chàng nghe lòng mình đã được tha thứ.

Đột nhiên có tiếng gõ lên cửa, và chàng nghe giọng Ngài Henry bên ngoài. “Cậu bé thân mến, tôi phải gặp cậu. Cho tôi vào ngay nhé. Tôi không chịu được khi cậu nhốt mình như thế.”

Ban đầu chàng chẳng trả lời, mà cứ dút khoát ngồi yên. Tiếng gõ vẫn tiếp tục, và càng thêm ồn ào. Vâng, tốt hơn là để Ngài Henry vào, để trình bày với gã cuộc đời mới mà chàng sắp sống, để cãi lầy với gã nếu chuyện trở nên cần thiết phải cãi, để từ nhau nếu từ mặt là không tránh khỏi. Chàng nhảy lên, hấp tấp kéo tấm bình phong chắn bức hoạ, và mở khoá cửa.

“Tôi thành kính chia buồn về mọi sự, Dorian,” Ngài Henry nói, ngay khi bước vào. “Nhưng cậu đừng nghĩ quá nhiều về chuyện đó nữa.”

“Ý anh nói về Sibyl Vane?” chàng trai trả lời.

“Phải, tất nhiên rồi,” Ngài Henry trả lời, trầm mình xuống ghế, và chậm rãi tháo đôi găng tay vàng. “Chuyện thật kinh khủng, từ hầu hết quan điểm, nhưng không phải lỗi do cậu. Nói tôi hay, cậu đã ra hậu trường gặp cô ấy, sau khi vở kịch kết thúc?”

“Vâng.”

“Tôi đoán chắc là thế. Cậu đã gây chuyện với cô ấy?”

“Tôi đã rất cục súc, Harry – vô cùng cục súc. Nhưng giờ đây mọi chuyện đều ổn. Tôi không nuối tiếc bất kì chuyện gì đã rồi. Nó dạy cho tôi biết về mình hơn.”

“A, Dorian, tôi mừng thấy cậu xử trí theo cách ấy! Tôi đã sợ mình sẽ thấy cậu lao mình vào ăn năn, và vò xé mái tóc xoắn đẹp đẽ của cậu.”

“Tôi đã làm tất cả,” Dorian nói, lắc đầu, rồi mỉm cười. “Tôi bây giờ hoàn toàn hạnh phúc. Tôi biết lương tâm là gì, để khởi đầu với nó. Nó không phải thứ anh từng nói cho tôi. Nó là thứ thiêng liêng trong chúng ta. Đừng nhạo báng nó, Harry, đừng bao giờ – ít nhất trước mặt tôi. Tôi muốn được tử tế. Tôi không chịu được ý tưởng linh hồn mình thành tấm lờm.”

“Một nền tảng quyền rũ đầy nghệ thuật về đạo đức học, Dorian ạ! Tôi chúc mừng cậu đấy. Nhưng cậu khởi đầu bằng cách nào?”

“Bằng việc cưới Sibyl Vane.”

“Cưới Sibyl Vane!” Ngài Henry la tướng, bật đứng dậy, và nhìn chàng với nỗi kinh ngạc lúng túng. “Nhưng, Dorian thân mến –”

“Vâng, Harry, tôi biết điều anh sắp nói. Điều gì đó khủng khiếp về hôn nhân. Đừng nói ra. Đừng bao giờ nói những điều dạng đó với tôi lần nào nữa. Hai ngày trước tôi đã hỏi cưới Sibyl. Tôi sẽ không huỷ hôn ước với nàng. Nàng sẽ là vợ tôi.”

“Vợ cậu! Dorian!... Cậu đã nhận thư tôi chưa? Tôi viết cho cậu sáng nay, và gửi tờ biên xuống, bằng chính tay người của tôi.”

“Thư của anh? Ồ, phải, tôi nhớ rồi. Tôi chưa đọc nó, Harry ạ. Tôi e rằng biết đâu trong đó có thứ tôi không thích. Anh chỉ cuộc sống ra từng mảnh bằng lối văn trào phúng của anh.”

“Vậy ra cậu chưa biết gì?” “Ý anh là sao?”

Ngài Henry bước ngang phòng, rồi, ngồi xuống cạnh Dorian Gray, nắm cả đôi bàn tay chàng, và giữ chặt chúng. “Dorian,” gã nói, “thư tôi – đừng hoảng sợ – báo với cậu rằng Sibyl Vane đã chết.”

Một tiếng thét đau đớn vỡ ra khỏi đôi môi chàng trai, và chàng nháy dựng lên, giăng ra khỏi nắm tay siết của Ngài Henry. “Chết! Sibyl chết! Không đúng! Dối trá kinh tởm! Sao anh dám nói thế?”

“Hoàn toàn đúng sự thật, Dorian ạ,” Ngài Henry nghiêm nghị nói. “Chuyện lên khắp mặt báo sáng nay. Tôi viết thư gửi để thỉnh cầu cậu đừng gặp bất kì ai cho đến khi tôi tới. Sẽ có cuộc điều tra, tất nhiên, còn cậu thì đừng lôi thôi vào đó. Chuyện như vậy hợp một với dân Ba Lê. Nhưng ở Luân Đôn dân tình nặng thành kiến. Xứ này, ta đừng bao giờ tạo màn *ra mắt** bằng một vụ tai tiếng. Ta nên để dành chuyện đó mà gây bão lúc tuổi già. Tôi đồ rằng họ chưa biết tên cậu ở rạp hát? Nếu họ chưa, thì ổn cả rồi. Có ai thấy cậu đi vào phòng cô bé không? Đây là điểm quan trọng.”

Dorian không trả lời trong một lúc. Chàng mù người đi vì kinh hãi. Cuối cùng chàng lắp bắp, giọng nghẹn đặc, “Harry, có phải anh nói về cuộc điều tra? Ý anh là gì? Sibyl đã –? Ôi, Harry, tôi không chịu nổi! Nhưng mau lên. Kể cho tôi mọi chuyện ngay.”

“Tôi chắc chắn đó không phải là tai nạn, Dorian ạ, mặc dù cầm chắc đó là hướng sẽ đưa ra trước công chúng. Có vẻ như cô bé rời rạp hát cùng mẹ mình, khoảng mười hai rưỡi hoặc tầm đó, cô nói mình quên thứ gì trên lầu. Họ đợi cô bé một hồi, nhưng cô không xuống nữa. Họ sau cùng tìm thấy cô bé nằm chết dưới sàn phòng phục trang của mình. Cô bé đã sơ sẩy nuốt nhầm thứ gì, thứ chết chóc gì người ta dùng ở rạp hát. Tôi không rõ là gì, nhưng nó hoặc

chứa a-xít pút-xích hoặc chì trắng bên trong. Tôi mừng tưởng là a-xít pút-xích, vì dường như cô bé đã chết ngay tức khắc.”

“Harry, Harry, kinh khủng quá!” chàng trai kêu lên. “Phải; rất bi thảm, hẳn rồi, nhưng cậu đừng để mình lôi thôi vào đó. Tôi biết qua tờ *Chuẩn Mục* rằng cô bé đã mười bảy. Tôi đã nghĩ cô bé gần như trẻ hơn thế. Cô trông như một đứa bé, và biết rất ít về diễn xuất. Dorian, cậu đừng quá bận lòng về chuyện này. Cậu phải ra ngoài và ăn tối với tôi, rồi sau đó chúng ta sẽ ghé qua rạp Opera. Đêm nay thuộc về nữ danh ca Patti, và mọi người sẽ tề tựu. Cậu có thể ngồi buồng của chị tôi. Bà ấy dẫn vài phụ nữ lượt là đi cùng.”

“VẬY là tôi vừa giết Sibyl Vane,” Dorian Gray nói, nửa với chính mình – “quả thật giết nàng như thể tự tôi cắt cái cổ họng nhỏ của nàng bằng một lưỡi dao. Dầu vậy hoa hồng không kém đáng yêu đi vì tắt thảy điều kia. Bầy chim ca hát như hạnh phúc trong vườn tôi. Và tối nay tôi đi ăn với anh, và rồi đến rạp Opera, và ăn đêm đâu đây, tôi đồ vậy, sau đó. Cuộc sống mới bi hài lắm thay! Nếu tôi đọc thảy những chuyện này trong sách, Harry ạ, tôi nghĩ mình sẽ khóc than. Bằng cách nào đó, giờ đây chuyện xảy ra thật, và vận vào tôi, dường như quá kinh ngạc để trào lệ. Đây là bức thư tình nhiệt thành đầu tiên tôi từng viết trong đời. Lạ thay, bức thư tình nhiệt thành đầu tiên của tôi để gửi một cô gái đã chết. Bọn họ cảm nhận được chẳng, tôi tự hỏi, những con người trắng bệch lặng câm mà ta gọi là người chết? Sibyl! Nàng cảm, hoặc biết, hoặc nghe, được không? Ôi, Harry, tôi đã từng yêu nàng đến thế! Dường như đã nhiều năm trôi qua trong tôi. Nàng từng là mọi thứ với tôi. Rồi đêm định mệnh ấy đến – thực là chỉ mới đêm qua ư? – khi nàng diễn quá tồi, và trái tim tôi như đã vỡ tan. Nàng giải thích tất cả cho tôi. Thống thiết vô

cùng. Nhưng tôi đã chẳng động lòng một li. Tôi nghĩ nàng nông cạn. Đột nhiên có chuyện xảy đến làm tôi sợ. Tôi không thể nói anh hay chuyện gì, nhưng nó kinh khiếp. Tôi đã nói mình sẽ quay về bên nàng. Tôi cảm thấy mình đã sai. Và giờ nàng chết. Lạy Chúa! Lạy Chúa! Harry, tôi phải làm sao? Anh không biết mối nguy tôi mắc vào, và chẳng gì gỡ rối được cho tôi. Nàng đã làm thế vì tôi. Nàng không có quyền tự vẫn. Đó là ích kỉ.”

“Dorian thân mến,” Ngài Henry trả lời, lấy một điều thuốc khỏi bao, rồi quẹt hộp diêm dát vàng, “cách duy nhất để phụ nữ cải tạo đàn ông là làm họ buồn chán hết mức đến nỗi y đánh mất tất cả hứng thú có được với cuộc sống. Nếu cưới cô gái này cậu hẳn sẽ khổ. Dĩ nhiên cậu hẳn sẽ đối đãi ân cần với nàng. Người ta luôn có thể ân cần với người mà họ không hề quan tâm. Nhưng nàng sẽ sớm thấy ra cậu tuyệt đối lãnh đạm với mình. Và khi người phụ nữ thấy ra điều đó ở chồng mình, nàng trở nên hoặc xuề xòa kinh khủng, hoặc diện mọi chiếc bô-nê tinh tươm khiến đấng chồng các phụ nữ khác phải để ý. Tôi không nói gì về tệ đoan xã hội, thứ hẳn được coi là dễ tiện, mà, dĩ nhiên, tôi hẳn không chấp nhận, nhưng tôi cam đoan rằng dù trong trường hợp nào toàn bộ chuyện này vẫn là một sai lầm tuyệt đối.”

“Tôi cho là vậy,” chàng trai lẩm bẩm, đi lên đi xuống trong phòng, vẻ mặt nhợt nhạt khủng khiếp. “Nhưng tôi nghĩ đó là nhiệm vụ của mình. Không phải lỗi do tôi khi thảm kịch kinh hoàng này ngăn trở việc làm đúng đắn của mình. Tôi nhớ lời anh từng nói về điểm trí mạng của quyết định tử tế – rằng chúng luôn được đưa ra quá muộn. Đích xác với tôi.”

“Những quyết định tử tế là nỗ lực vô hiệu trong việc cản trở qui luật khoa học. Căn nguyên của chúng thuần túy phù phiếm. Kết quả của chúng hoàn toàn *hư không**. Chúng cho ta, thi thoảng, một vài cảm xúc bất thụ xa xỉ mang vẻ quyến rũ nhất định đến kẻ yếu. Đó là thấy những gì có thể nói về chúng. Chúng là tấm séc đơn thuần người đời rút từ ngân hàng mà mình không mở tài khoản.”

“Harry ơi,” Dorian Gray kêu lên, đến gần và ngồi xuống bên cạnh gã, “tại sao tôi không cảm nhận được thảm kịch này nhiều như mình muốn? Tôi không nghĩ mình không có trái tim. Còn anh?”

“Cậu đã làm quá nhiều chuyện đại dốt trong suốt hai tuần qua để được phép định cho mình cái danh ấy, Dorian ạ,” Ngài Henry trả lời, kèm nụ cười sâu muộn ngọt ngào.

Chàng trai cau mày. “Tôi không thích lời giải đáp đó, Harry ạ,” chàng tiếp, “nhưng tôi mừng vì anh không nghĩ tôi không có trái tim. Tôi không thuộc hạng đó. Tôi biết mình không. Và dẫu vậy tôi phải thừa nhận rằng chuyện xảy ra này không tác động lên tôi như mức cần thiết. Dường như với tôi nó đơn thuần như một kết thúc tuyệt vời cho một vở kịch tuyệt vời. Nó mang tất thấy vẻ đẹp khủng khiếp của bi kịch Hi Lạp, một bi kịch trong đó tôi đóng vai lớn, nhưng chính vì thế mà tôi không đau thương.”

“Đặt vấn đề rất hay,” Ngài Henry nói, gã thấy một niềm khoái lạc mãnh liệt trong việc vờn chơi bản ngã vô thức của chàng trai – “đặt vấn đề tuyệt hay. Tôi mừng tượng thấy lời giải đáp thực thụ bên trong nó. Như vẫn thường xảy ra rằng những bi kịch của đời thực ập đến theo lối phi nghệ thuật, chúng làm ta đau bằng tính bạo lực thô thiển, sự thiếu mạch lạc tuyệt đối, lòng ham muốn ý nghĩa phi lí, sự khiếm khuyết phong cách vô cùng. Chúng tác động lên ta như sự

dung tục tác động. Chúng cho ta một ấn tượng về thói vũ lực tốt độ, và chúng ta nổi dậy chống lại điều đó. Đôi khi, tuy nhiên, một bi kịch sở hữu yếu tố nghệ thuật của cái đẹp vượt lên trên cuộc sống chúng ta. Nếu những yếu tố của cái đẹp ấy là thật, thì toàn bộ chuyện này đơn thuần gợi lên cho ta tri giác về ấn tượng sâu sắc. Đột nhiên ta thấy mình không còn là kép hát nữa, mà là khán giả của vở kịch. Hoặc đúng hơn ta là cả hai. Ta xem chính mình, và chỉ điều kì diệu của màn trình diễn mê say lòng ta thôi. Trong trường hợp hiện tại, chuyện gì đã thực sự xảy ra? Một cô gái tự vẫn vì tình yêu dành cho cậu. Tôi ước sao mình từng có được trải nghiệm như vậy. Nó sẽ khiến tôi phải lòng tình ái trọn cuộc đời. Những người từng cuồng si tôi – không nhiều lắm, nhưng cũng được vài ba – luôn khẳng khái sống tiếp, sống rất lâu sau khi tôi đã ngừng quan tâm họ, hoặc họ ngừng quan tâm tôi. Họ trở nên béo lùn và nhạt nhẽo, và khi gặp lại, họ ngay lập tức hồi tưởng. Cái bộ nhớ kinh khiếp của giống đàn bà! Mới đáng hãi lắm thay! Còn tính trì độn phơi ra mới triệt để lắm lắm! Người ta nên tiếp thu sắc màu cuộc sống, nhưng đừng bao giờ nên ghi nhớ chi tiết. Chi tiết luôn luôn dung tục.”

“Tôi phải gieo hạt á phiện trong vườn,” Dorian thở dài. “Không cần thiết,” người bạn tiếp lời. “Mẹ Cuộc Sống luôn nắm á phiện trong đôi tay bà. Dĩ nhiên, thi thoảng chuyện kéo dài không dứt. Tôi từng chẳng mặc gì khác ngoài màu tím suốt cả một mùa, như một hình thức để tang nghệ thuật cho mỗi lãng mạn mãi không chết. Sau cùng, tuy nhiên, nó chết. Tôi quên rồi thứ đã giết nó. Tôi nghĩ chính là trù ịnh của bà hi sinh toàn thế gian vì tôi. Đó luôn là khoảnh khắc kinh hoàng. Nó dâng đầy người ta bằng nỗi khiếp hãi tính bất diệt. Chà – cậu tin được không? – một tuần trước, tại nhà Phu Nhân

Hampshire, tôi thấy mình ngồi ăn ngay cạnh quý phu nhân đang được nhắc đến ấy, rồi ả nằng nặc mang toàn bộ chuyện ra xét lại, rồi bối mớ quá khứ, rồi đào xới tương lai. Tôi đã chôn mỗi lãng mạn của mình trong chiếc giường lan nhật quang. ả cời chuyện ra lần nữa, và quả quyết rằng tôi đã hại đời ả. Tôi buộc phải tuyên bố rằng ả đã ăn bữa tối tú ụ, vậy nên tôi chẳng thấy lo ngại chút nào. Nhưng sự vô vị ả trưng ra mới chết khiếp! Vẻ quyến rũ quá khứ chỉ còn trong quá khứ. Nhưng phụ nữ không bao giờ biết lúc nào thì màn hạ. Họ luôn đòi có hồi thứ sáu, rồi ngay khi tính hấp dẫn của vở kịch đã kết thúc trọn vẹn thì họ đề xuất diễn tiếp. Nếu họ được chiều theo ý mình, mọi hài kịch đều kết thúc bi thảm, và mọi bi kịch đều lên cao trào trong một trò hề. Họ mang vẻ quyến rũ nhân tạo, nhưng họ không mang tri giác nghệ thuật. Cậu tốt số hơn tôi. Tôi quả quyết với cậu, Dorian, rằng không một phụ nữ nào tôi biết từng làm cho tôi việc Sibyl Vane đã làm cho cậu. Phụ nữ bình thường lúc nào cũng an ủi bản thân. Vài người họ dùng cách ăn vận màu đa cảm. Đừng bao giờ tin vào phụ nữ bận màu hoa cà, bất kể tuổi bao nhiêu đi nữa, hoặc phụ nữ tầm ba mươi lăm thích ruy-băng hồng. Nó luôn hàm ý rằng họ có một quá khứ. Những người khác tìm an ủi lớn lao trong việc bỗng dưng khám phá ra điểm tốt ở chồng mình. Họ chưng diện niềm sung sướng vợ chồng lên mặt, như thể đấy là tội lỗi mê hoặc nhất. Tôn giáo an ủi chút ít. Bí ẩn của nó chứa tất cả nét quyến rũ trong cuộc ve vãn, một phụ nữ từng nói tôi hay; và tôi hoàn toàn hiểu được. Và lại, chẳng gì vô ích như việc kết tội một kẻ tội lỗi. Lương tâm khiến tất cả chúng ta vị kỉ. Vâng; thực sự không có kết thúc cho niềm an ủi mà phụ nữ tìm trong đời sống đương đại. Thực tế, tôi chưa nhắc đến điểm quan trọng nhất."

“Đó là gì, Harry?” chàng trai nói, lơ đãng.

“Ồ, niềm an ủi hiển nhiên. Cướp đi tình nhân của người khác khi chính mình bị đánh mất. Trong xã hội tử tế luôn tẩy trắng người phụ nữ. Nhưng quả thực, Dorian ạ, Sibyl Vane khác biệt với tất cả phụ nữ người đời được gặp lắm thay! Với tôi có điều gì vô vàn đẹp đẽ trong cái chết của nàng. Tôi mừng là mình đang sống trong thế kỉ xảy ra những điều kì diệu nhường này. Chúng khiến người đời tin vào tính chân thực của những điều ta diễn bằng kịch, như tính lãng mạn, đam mê, và tình yêu.”

“Tôi đã tàn nhẫn khủng khiếp với nàng. Anh quên điều đó.”

“Tôi e rằng phụ nữ cảm kích sự tàn nhẫn, tàn nhẫn vô độ, hơn bất kì điều gì khác. Họ mang bản năng nguyên thủy tuyệt vời. Chúng ta giải phóng họ, nhưng họ vẫn là những nô lệ tìm kiếm chủ nô, dù gì chẳng nữa. Họ yêu sự thống trị. Tôi chắc chắn rằng cậu đẹp tuyệt. Tôi chưa từng thấy cậu thật sự và tuyệt đối giận dữ, nhưng tôi có thể tưởng tượng cậu trông sẽ thú vị ra sao. Và, sau rốt, điều cậu từng nói với tôi hôm kia dường như với tôi lúc đó chuyện chỉ là huyền tưởng, nhưng giờ tôi thấy tuyệt đối đúng, và nó giữ chìa khoá của mọi thứ.”

“Điều gì, Harry?”

“Cậu nói với tôi rằng Sibyl Vane trong cậu đại diện cho tất cả phụ nữ chính lãng mạn – rằng nàng là Desdemona đêm này, và Ophelia đêm khác; rằng nếu nàng chết như Juliet, thì nàng sống lại như Imogen.”

“Giờ đây nàng sẽ không bao giờ sống lại nữa,” chàng trai lầm bầm, vùi mặt vào đôi bàn tay.

“Phải, nàng sẽ không bao giờ sống lại. Nàng đã đóng vai cuối của mình. Nhưng cậu phải nghĩ về cái chết cô độc trong phòng phục trang loè loẹt đơn thuần như một mảnh vỡ bệch bạc xa lạ từ vở bi kịch nào thời Jacobean, như một cảnh diễn tuyệt vời của Webster, hay Ford, hay Cyril Tourneur. Cô nàng chưa bao giờ thật sự sống, vậy nên nàng chưa bao giờ thật sự chết. Với cậu chỉ ít nàng luôn là một giấc mơ, một bóng ma lướt qua các vở kịch Shakespeare và để lại chúng thêm đáng yêu trong sự hiện diện của mình, một lưỡi gà qua đó âm nhạc Shakespeare vang lên thêm phong phú và chất đầy thêm niềm vui. Khoảnh khắc nàng chạm vào đời thực, nàng huỷ hoại nó, và nó huỷ hoại nàng, và vì vậy nàng đi xa mãi. Khóc cho Ophelia, nếu cậu thích. Rắc tro lên đầu mình vì Cordelia bị siết cổ. Hờ với Trời Cao vì con gái Brabantio chết. Nhưng chớ lãng phí nước mắt cho Sibyl Vane. Nàng kém thật hơn bọn họ.”

Một bầu im lặng. Bóng chiều phủ tối gian phòng. Không thanh âm, với đôi chân bạc, những bóng đen bò vào từ khu vườn. Màu sắc mệt mỏi phai đi khỏi mọi vật.

Một hồi sau Dorian Gray ngẩng lên. “Anh đã tỏ rõ bản thân em cho chính em, Harry ạ,” chàng lẩm bẩm, kèm tiếng gì như thở phào. “Em cảm nhận được tất thảy điều anh nói, nhưng không biết sao em sợ nó, và em không thể biểu lộ được với chính mình. Anh biết rõ em lắm! Nhưng chúng ta đừng nói lại nữa chuyện đã rồi. Đó là một trải nghiệm tuyệt diệu. Vậy thôi. Em tự hỏi liệu cuộc sống có còn dành sẵn đợi mình điều gì tuyệt diệu đến thế.”

“Cuộc sống dành sẵn mọi thứ đợi cậu, Dorian ạ. Chẳng điều gì mà cậu, với vẻ ưa nhìn tuyệt trần của mình, sẽ không làm được.”

“Nhưng giả sử, Harry, em trở nên hốc hác, và già nua, và nhăn nhoe? Thế rồi?”

“A, rồi,” Ngài Henry nói, đứng dậy dợm đi – “rồi, Dorian thân mến, cậu sẽ phải chiến đấu vì chiến thắng của mình. Như tình trạng hiện tại, nó được dâng đến cho cậu. Không, cậu phải gìn giữ vẻ ưa nhìn của mình. Chúng ta sống trong thời đại đọc quá nhiều để được thông thái, và nghĩ quá nhiều để được xinh đẹp. Chúng ta không thể hoài phí cậu. Còn giờ tốt hơn cậu nên thay đồ, rồi đánh xe xuống hội quán. Chúng ta khá trễ rồi, như tình trạng hiện tại.”

“Em nghĩ mình sẽ đến rạp Opera cùng anh, Harry. Em thấy quá mệt để ăn được gì. Buồng của chị anh số mấy?”

“Hai mươi bảy, tôi tin vậy. Nó trên khu tầng lớn. Cậu sẽ thấy tên bà ấy ngoài cửa. Nhưng tôi tiếc vì cậu không đi ăn tối cùng tôi.”

“Em không có tâm trạng,” Dorian lơ đãng nói. “Nhưng em vô cùng biết ơn anh về thấy những điều anh đã nói. Anh chắc chắn là người bạn tốt nhất của em. Không ai từng hiểu em được như anh.”

“Chúng ta chỉ mới ở giai đoạn khởi đầu tình bạn, Dorian,” Ngài Henry trả lời, bắt tay chàng. “Tạm biệt. Tôi sẽ gặp lại cậu trước chín giờ ba mươi, mong là thế. Nhớ nhé, Patti đang hát đấy.”

Đoạn chàng đóng cửa lại sau lưng gã, Dorian Gray chạm chuông, và ít phút sau Victor xuất hiện với cây đèn rồi kéo màn xuống. Chàng sốt ruột chờ anh ta đi ra. Người đàn ông dường như mất vô tận thời gian để làm từng việc.

Ngay khi anh ta rời đi, chàng lao đến tấm bình phong, rồi kéo nó lại. Không; chẳng có thêm thay đổi nào nơi bức họa. Nó đã nhận tin Sibyl Vane chết trước khi chính chàng biết. Nó đã ý thức các sự kiện trong đời ngay khi chúng xảy đến. Vẻ tai ác suy đồi phá huỷ đường

nét đẹp dễ của cái miệng, không nghi ngờ gì, đã xuất hiện ngay chính khoảnh khắc cô gái uống chất độc vào, bất kể thế nào. Hay chẳng nó dung hoà với kết quả? Nó chỉ đơn thuần biểu thị thứ bằng qua linh hồn? Chàng tự hỏi, và hi vọng một ngày kia chàng sẽ được thấy sự thay đổi diễn ra ngay trước mắt mình, run từng cơn lúc chàng ước mong.

Sibyl đáng thương! Mỗi lần mạn đi đến chốn nào! Nàng vẫn thường giả chết trên sân khấu. Rồi Cái Chết chính hắn chạm đến nàng, và mang nàng đi theo. Cảnh khủng khiếp cuối cùng ấy nàng đã diễn ra sao? Nàng nguyên rửa chàng không, lúc nàng chết? Không; nàng đã chết vì tình yêu dành cho chàng, và giờ đây tình yêu sẽ mãi là bí tích cho chàng. Nàng đã chuộc mọi tội lỗi, bằng sự hi sinh nàng nguyện dâng cuộc đời mình. Chàng sẽ không nghĩ gì nữa về điều nàng đã bắt chàng trải qua, trong cái đêm nghiệt ngã ở rạp hát. Khi chàng nghĩ về nàng, hắn sẽ như một hình tượng bi kịch tuyệt vời được gửi xuống sân khấu trần gian để tỏ lộ tính hiện thực tối thượng của Tình Yêu. Một hình tượng bi kịch tuyệt vời ư? Dòng lệ dâng lên mắt chàng lúc chàng nhớ về vẻ mặt trẻ thơ và lỗi diễn huyền ảo lôi cuốn và dáng hình duyên dáng e thẹn run run của nàng. Chàng vội vàng phẩy chúng đi xa, và nhìn lại bức hoạ.

Chàng cảm thấy thời gian đã thật sự đến đưa ra lựa chọn cho chàng. Hay chẳng lựa chọn của chàng đã được đưa từ trước? Vâng, thời gian đã quyết định giúp chàng – cuộc sống, và lòng hiếu kì bất tận của chàng về cuộc sống. Tuổi trẻ vĩnh hằng, đam mê bất tận, khoái lạc tinh vi và bí mật, niềm vui hoang sơ và tội lỗi hoang sơ hơn – chàng phải có được tất cả chúng. Bức chân dung đồ lấy gánh nặng của lòng hổ thẹn nơi chàng: thấy là vậy.

Một cảm giác đau nhói trườn lên khi chàng nghĩ về sự băng hoại chờ sẵn cho gương mặt ngay thẳng trên nền vải bạt. Có lần, bằng trò giễu nhại trẻ con đậm chất Narcissus, chàng đã hôn, hay vờ hôn, đôi môi tranh vẽ lúc này đang mỉm cười tai ác với mình. Sáng lại sáng, chàng ngồi trước bức chân dung mà kinh ngạc về sắc đẹp của nó, gần như mê đắm nó, như đôi khi chàng vẫn cảm tưởng. Liệu giờ đây nó có biến đổi theo từng tâm trạng chàng sinh ra? Liệu nó có trở thành một vật quái đản và ghê tởm, bị giấu nhem trong căn phòng khoá, bị đóng kín khỏi ánh nắng đã từng thường xuyên chạm vào làm rạng rỡ ánh vàng bông bành kì diệu trên mái tóc? Tiếc thương thay! Tiếc thương thay!

Trong một thoáng chàng đã nghĩ đến chuyện cầu nguyện cho mỗi liên thông kinh hoàng nổi giữa chàng và bức hoạ hãy chấm dứt. Có thay đổi trong lời hồi đáp ước nguyện; cũng có thể trong lời hồi đáp ước nguyện vẫn chẳng có thay đổi nào. Và, dầu vậy, ai, để biết mọi điều về Cuộc Sống, lại buông bỏ cơ hội được giữ mãi tuổi trẻ, bất kể cơ hội quái lạ nhường nào, hay kết quả định mệnh nào dẫn đến? Và lại, liệu nó có thực sự nằm dưới quyền điều khiển của chàng? Có thật là lời nguyện tạo ra sự thay thế? Không có lí do khoa học hiểu kì nào cho tất thảy chuyện này chẳng? Nếu suy nghĩ có thể gây ảnh hưởng lên vật sống, liệu suy nghĩ có thể gây ảnh hưởng lên vật chết và vật vô cơ không? Đà, vắng suy nghĩ hoặc khao khát ý thức, liệu những thực tại khách quan có rung động hoà âm cùng những tâm trạng và đam mê trong ta, nguyên tử gặp nguyên tử trong ái tình bí mật hay ái lực kì lạ? Nhưng lí do gì không quan trọng. Chàng sẽ không bao giờ sa vào cám dỗ của lời nguyện cầu

cho bất kì sức mạnh khủng khiếp nào nữa. Nếu bức hoạ bị biến đổi, thì biến đổi. Thảy là vậy. Tại sao phải tìm hiểu quá sâu vào nó?

Rồi sẽ có một khoái lạc thực thụ trong việc nhìn nó. Chàng sẽ được theo bước tâm trí mình vào những chốn bí mật của nó. Bức chân dung này đối với chàng sẽ như tấm gương thần kì nhất. Như nó đã từng phơi bày trước chàng thể xác mình, rồi nó sẽ phơi bày trước chàng linh hồn mình. Và khi mùa đông ập lên nó, chàng sẽ vẫn đứng đây nơi mùa xuân run rẩy bên thềm chớm hạ. Khi dòng máu lén trốn khỏi gương mặt nó, bỏ lại sau lưng tấm mặt nạ tái nhợt màu phấn và đôi mắt xám xịt màu chì, chàng sẽ vẫn giữ vẻ say đắm của tuổi thơ. Không một đoá hoa nào của vẻ đáng yêu nơi chàng sẽ phai tàn. Không một nhịp đập nào của cuộc đời chàng sẽ yếu đi. Như các vị thần Hi Lạp, chàng sẽ khoẻ, và nhanh, và vui. Chuyện xảy ra với bức tranh vẽ trên vải bạt thì có gì quan trọng? Chàng sẽ an toàn. Mọi chuyện là vậy.

Chàng kéo tấm bình phong về lại chỗ cũ nơi chắn trước bức hoạ, mỉm cười khi làm, và bước vào phòng ngủ, nơi người hầu phòng đã đợi chàng sẵn. Một giờ sau chàng đã ở rạp Opera, và Ngài Henry đang dựa lưng trên ghế.

CHƯƠNG IX

Lúc chàng đang ngồi dùng điểm tâm sáng hôm sau, Basil Hallward được dẫn vào trong phòng.

“Anh rất mừng vì đã tìm được em, Dorian ạ,” anh nghiêm trang nói. “Anh có ghé đến đêm qua, và người ta nói em đang ở rạp Opera. Tất nhiên anh biết chuyện đó là không thể. Nhưng anh mong em để lại vài lời nơi em đã thật sự đến. Anh đã trải qua buổi tối kinh khủng, lòng thấp thỏm sợ bi kịch này kéo theo bi kịch kia. Anh nghĩ có thể em đã gửi điện báo cho mình khi lần đầu hay tin. Anh đọc tin hoàn toàn tình cờ trong ấn bản muộn tờ *Hoàn Cầu*, mà anh nhặt lấy ở hội quán. Anh đã đến đây ngay, và đã khổ sở vì không thấy em. Anh không nói em hay được mình đau lòng nhường nào về toàn bộ sự việc. Anh biết em phải chịu đựng những gì. Nhưng em đã đi đâu? Có phải em xuống gặp mẹ cô gái? Trong một thoáng anh đã nghĩ sẽ theo chân em đến đó. Họ đưa địa chỉ lên báo. Đó đó trong Đường Euston, phải chứ? Nhưng anh sợ phải nhúng tay vào nỗi buồn mà mình không thể xoa dịu. Người đàn bà khốn khổ! Bà lâm cảnh ngặt nghèo quá! Và đứa con độc nhất của bà nữa chứ! Bà ấy nói gì về tất cả chuyện này?”

“Basil thân mến, sao mà em biết được?” Dorian Gray lẩm bẩm, nhấp vài ngụm rượu phốt vàng trên lớp bọt vàng tinh tế trong chiếc li xứ Venice, và vẻ mặt chán chường kinh khủng. “Em đã ở rạp Opera. Anh đáng lẽ nên đến đấy. Em gặp Phu Nhân Gwendolen, chị gái anh Harry, lần đầu tiên. Chúng em ngồi trong buồng chị ấy. Chị

ta quyến rũ tuyệt trần; còn Patti hát như thần thánh. Đừng nói nữa những chủ đề gớm guốc. Nếu chuyện gì ta không nói về, chuyện đó chưa từng xảy ra. Đó là biểu hiện đơn giản, như Harry nói, mang lại thực tế cho mọi chuyện. Em có thể nhắc rằng bà ấy không chỉ có một người con duy nhất. Còn một người con trai, một cậu chàng xinh trai, em tin vậy. Nhưng cậu ta không sống đời sân khấu. Cậu ta là thủy thủ, hoặc gì đó. Và giờ, kể cho em về anh và tranh anh đang vẽ đi."

"Em đã đến rạp Opera?" Hallward nói, lời buông rất chậm, với giọng nói căng ra trong nỗi đau. "Em đã đến rạp Opera khi Sibyl Vane nằm chết trong căn trọ hèn mọn đâu đây? Em nói được với anh về những phụ nữ quyến rũ khác, và về Patti hát như thần thánh, trước cô gái em từng yêu ngủ sâu trong ngôi mộ thậm chí câm tiếng? Tại sao, trời ơi, những thứ kinh hoàng dành sẵn chờ đợi cơ thể nhỏ nhoi trắng bệch của cô bé!"

"Thôi, Basil! Em không nghe đâu!" Dorian kêu lên, đứng bật dậy. "Anh không được nói với em những thứ đó. Chuyện đã qua là đã qua. Chuyện quá khứ là quá khứ."

"Em gọi hôm qua là quá khứ ư?"

"Khoảng cách thời gian thực tế có gì can hệ? Chỉ những kẻ nông cạn mới cần hàng năm trời để thoát khỏi một cảm xúc. Một người làm chủ nhân ông chính mình có thể kết liễu một nỗi buồn dễ dàng như cách y tạo ra một khoái lạc. Em không muốn nhân từ với cảm xúc của mình. Em muốn sử dụng chúng, thưởng thức chúng, và thống trị chúng."

"Dorian, khủng khiếp quá! Thứ gì đó đã thay đổi em hoàn toàn. Em trông vẫn y hệt như cậu bé tuyệt vời, ngày lại ngày, từng xuống

phòng hoạ của anh ngồi mẫu cho bức hoạ của mình. Nhưng em đã từng đơn sơ, tự nhiên, và tình cảm. Em từng là tạo vật bất hoại trong khắp thế gian này. Giờ thì anh không biết thứ gì đã ập vào em. Em nói chuyện như kẻ không trái tim, không lòng thương trong mình. Tất cả là ảnh hưởng của Harry. Anh biết.”

Chàng trai mặt đỏ rần, rồi, bước đến cửa sổ, nhìn ra trong giây lát mảnh vườn xanh rờn, lấp lánh, chìm trong nắng. “Em mang lòng ớn lớn với Harry, Basil ạ,” rốt cuộc chàng nói – “nhiều hơn lòng ớn với anh. Anh chỉ dạy em điều sáo rỗng.”

“Chà, anh đã bị trừng phạt vì điều ấy, Dorian ạ – hoặc sẽ bị một ngày kia.”

“Em không hiểu ý anh, Basil,” chàng than, quay mặt lại. “Em không biết anh muốn gì. Anh muốn gì?”

“Anh muốn chàng Dorian Gray mình từng vẽ,” người hoạ sĩ buồn rầu nói.

“Basil ạ,” chàng trai nói, lại bên anh, rồi đặt tay lên vai anh, “anh đã đến quá trễ. Hôm qua khi em hay tin Sibyl Vane tự vẫn –”

“Tự vẫn ư! Trời đất ơi! Hẳn là vậy đấy ư?” Hallward kêu lên, ngược nhìn chàng với biểu cảm kinh hãi.

“Basil thân mến! Chắc hẳn anh không nghĩ đấy là một tai nạn thông thường chứ? Hẳn nhiên là nàng tự vẫn.”

Người đàn ông lớn tuổi hơn vùi mặt mình vào đôi tay. “Thật đáng sợ,” anh lẩm bẩm, kèm một cơn lạnh sống lưng chạy dọc qua.

“Không,” Dorian Gray nói, “chẳng có gì đáng sợ trong chuyện này. Nó là một trong những bi kịch lãng mạn vĩ đại của thời đại. Như qui luật, người diễn kịch sống cuộc đời tầm thường nhất. Họ là những ông chồng tử tế, các bà vợ đoan trinh, hay những dạng

người tẻ nhạt khác. Anh hiểu ý em đấy – đức hạnh của tầng lớp trung lưu, và thấy những thứ tương tự. Sibyl mới khác biệt lắm thay! Nàng sống trong bi kịch đẹp nhất của mình. Nàng mãi là nữ chính. Đêm cuối cùng nàng diễn – cái đêm anh xem nàng

– nàng diễn tồi bởi nàng đã biết thực tế tình yêu. Khi nàng biết tính không thực của nó, nàng chết, như Juliet có lẽ đã chết. Nàng lại một lần nữa trở lại địa hạt nghệ thuật. Có gì đó của thánh tử đạo trong nàng. Cái chết của nàng mang tất cả tính vô dụng thống thiết của sự tử đạo, tất cả vẻ đẹp bị hoài phí của nó. Nhưng, như em đang nói, anh không được nghĩ em đã không đau khổ gì. Nếu anh đến đây hôm qua vào chính cái thời khắc ấy – độ năm rưỡi, có lẽ, hoặc sáu giờ kém một khắc – sẽ tìm thấy em trong nước mắt. Ngay cả Harry, người đã ở đấy, người báo tin cho em, thực tế, cũng không biết được em đã trải qua những gì. Em đau đớn tột cùng. Rồi nó qua đi. Em không lặp lại một cảm xúc được. Không ai làm được, ngoại trừ người của chủ nghĩa đa cảm. Và anh phi lí khủng khiếp, Basil ạ. Anh xuống đây để an ủi em. Đó là thú vui của anh. Anh thấy em đã nguôi ngoai, và anh nổi giận. Anh cảm thông như thế đấy! Anh làm em nhớ đến câu chuyện anh Harry từng kể với em về một gã lạc quyền nào đó bỏ hai mươi năm cuộc đời để cố gắng bồi thường cho mỗi bất bình nào đấy, hay thay đổi bộ luật bất công nào đấy – em quên mất chính xác chuyện thế nào. Cuối cùng hẳn thành công, và chẳng gì thấm hơn cơn vỡ mộng của hẳn. Hẳn tuyệt đối chẳng còn gì để làm, gần như chết mòn vì *chán đời**, và trở thành một gã thù người bất biến. Và lại, anh bạn già Basil, nếu anh thật sự muốn an ủi em, đáng ra phải chỉ cho em cách quên chuyện đã rồi, hoặc nhìn nó dưới quan điểm nghệ thuật phù hợp. Há chẳng phải

Gautier từng viết về *niềm an ủi nghệ thuật**? Em nhớ đã lấy lên một cuốn sách nhỏ bìa da bê trong phòng hoạ của anh ngày ấy và tình cờ bắt được cụm từ thú vị đó. Chà, em không còn giống chàng trai anh nói chuyện cùng khi ta cùng xuống Marlow với nhau, chàng trai từng nói rằng xa- tanh vàng có thể an ủi một lần cho tất cả thống khổ cuộc đời. Em yêu cái đẹp mà ta có thể động chạm và cầm nắm. Thổ cẩm xưa, đồng xanh, đồ sơn mài, tượng ngà, những vật thanh tú quanh ta, sang trọng, hoa lệ, có nhiều điều để nhận từ tất cả chúng. Nhưng khí chất nghệ thuật mà chúng tác tạo, hay biểu lộ thế nào đi nữa, vẫn còn nhiều nữa cho em.

Trở thành khán giả của chính đời mình, như Harry nói, là để trốn khỏi đau khổ cuộc đời. Em biết anh ngạc nhiên về cách em nói với anh thế này. Anh chưa nhận ra em đã mở mang đến thế nào. Em là một cậu học trò hồi anh biết em. Giờ em là một người đàn ông. Em có đam mê mới, suy nghĩ mới, lí tưởng mới. Em đổi khác, nhưng anh đừng bớt thích em. Em thay đổi, nhưng anh mãi là bạn em. Dĩ nhiên em rất thích anh Harry. Nhưng em biết rằng anh tử tế hơn anh ấy. Anh không mạnh mẽ hơn – anh quá sợ cuộc đời – nhưng anh tử tế hơn. Và chúng ta đã từng hạnh phúc bên nhau ra sao! Đừng bỏ em, Basil, và đừng cãi lầy với em. Em là em thôi. Chẳng còn gì khác để nói.”

Người hoạ sĩ nghe lòng chấn động kì lạ. Chàng trai vô ngần yêu dấu với anh, và nhân cách chàng làm bước ngoặt vĩ đại trong nghệ thuật anh. Anh không chịu được ý định quở trách chàng thêm nữa. Suy cho cùng, tính lãnh đạm của chàng có thể chỉ là một tâm trạng rồi sẽ qua đi. Có rất nhiều điều tử tế trong chàng, rất nhiều điều cao thượng trong chàng.

“Chà, Dorian,” anh nói, sau hồi lâu, kèm nụ cười buồn, “anh sẽ không nói với em về chuyện khủng khiếp này nữa, sau hôm nay. Anh chỉ mong tên em không dính dáng đến nó. Cuộc điều tra sẽ mở chiều nay. Họ có triệu tập em không?”

Dorian lắc đầu, và một ánh nhìn khó chịu lướt ngang mặt chàng lúc nhắc đến từ “điều tra”. Có thứ gì sỗ sàng và dung tục trong mọi sự dụng đó. “Họ không biết tên em,” chàng trả lời.

“Nhưng chắc chắn cô ấy biết chứ?”

“Chỉ tên thánh của em thôi, và em cầm chắc nàng chưa bao giờ nhắc đến tai ai. Nàng từng nói với em rằng mọi người thấy đều khá tò mò muốn biết em là ai, và nàng một mực nói với họ tên em là Hoàng Tử Quyển Rũ. Đó là điểm đáng yêu ở nàng. Anh phải cho em một bức vẽ Sibyl nhé,

Basil. Em thích được có thêm gì đó về nàng ngoài hồi ức của dăm nụ hôn và vài lời thống thiết rạn vỡ.”

“Anh sẽ gắng làm gì đó, Dorian ạ, nếu đẹp lòng em. Nhưng chính em phải đến ngồi mẫu cho anh lần nữa. Anh không tiếp tục được nếu vắng em.”

“Em không bao giờ có thể ngồi mẫu cho anh được nữa, Basil. Không thể nào!” Chàng la lên, giật lùi lại.

Người họa sĩ chăm chăm nhìn chàng. “Cậu bé thân mến, thật bậy quá!” anh kêu lên. “Ý em nói mình không thích thứ anh làm cho em chẳng? Nó đâu rồi? Sao em lại kéo bình phong chắn trước nó thế kia? Để anh xem nào. Nó là thứ đẹp nhất anh từng làm. Bỏ bình phong ra đi, Dorian. Đơn giản là không thể chấp nhận được đây tờ nhà em khi giấu tác phẩm anh đi như thế. Anh cảm thấy căn phòng khang khác từ lúc mới vào.”

“Đầy tớ của em chẳng động gì đến nó hết, Basil. Anh đừng tưởng em để anh ta bài trí phòng cho mình. Anh ta cắm hoa giúp em đôi khi – vậy thôi. Không; em tự làm đấy. Ánh sáng quá mạnh với bức chân dung.”

“Quá mạnh ư! Hẳn là không, em thân mến? Đó là vị trí đáng mơ ước cho nó đấy. Để anh xem thử.” Và Hallward bước về phía góc phòng.

Một tiếng thét kinh hãi vỡ ra từ đôi môi Dorian Gray, và chàng lao vào giữa người họa sĩ và tấm bình phong. “Basil,” chàng nói, trông rất tím tái, “anh không được nhìn nó. Em không mong anh thấy.”

“Không được nhìn tác phẩm của chính mình! Em bõn anh rồi. Tại sao anh lại không nên nhìn chứ?” Hallward la toáng, cười phá lên.

“Nếu anh cố nhìn nó, Basil, xin thề danh dự em sẽ không đời nào nói chuyện với anh nữa một khi em còn sống. Em hoàn toàn nghiêm túc. Em không đưa ra lời giải thích nào, và anh cũng đừng hỏi câu gì. Nhưng, nhớ lấy, nếu anh chạm vào tấm bình phong, mọi thứ giữa chúng ta chấm hết.”

Hallward như bị sét đánh. Anh nhìn Dorian Gray trong kinh ngạc tột độ. Anh chưa từng thấy chàng như vậy trước đây. Chàng trai thực sự tím mặt vì thịnh nộ. Đôi bàn tay chàng nắm chặt, và đôi đồng tử trong mắt chàng như cặp đĩa lửa cháy xanh. Chàng run rẩy khắp mình.

“Dorian!” “Đừng nói!”

“Nhưng có gì nghiêm trọng thế? Tất nhiên anh sẽ không nhìn nó nếu em không muốn,” anh nói, khá nguội lạnh, quay gót, và đi về phía cửa sổ. “Nhưng, thật tình, có vẻ hơi phi lí khi anh không nên

nhìn tác phẩm của chính mình, đặc biệt khi anh sắp trưng bày nó ở Ba Lê mùa thu này. Anh có lẽ sẽ quét cho nó lớp sơn dầu nữa trước khi gửi, vậy nên anh phải thấy nó ngày nào đó, và tại sao không phải hôm nay?”

“Trưng bày nó! Anh muốn trưng bày nó?” Dorian Gray la lên, một cảm giác kinh hoàng kì lạ bò lên chàng. Thế giới sắp được thấy bí mật của chàng ư? Liệu mọi người có há hốc trước bí ẩn đời chàng? Không thể nào. Phải làm gì đó – chàng chưa biết – ngay lập tức.

“Phải; anh không cho là em sẽ phản đối. Phòng Georges Petit sắp sưu tầm tất cả tranh đẹp nhất của anh cho buổi triển lãm ở Phố Séze, sẽ mở tuần đầu tiên vào tháng Mười. Bức chân dung sẽ chỉ đi xa trong một tháng. Anh nghĩ em có thể dễ dàng rời nó trong khoảng thời gian đó chứ. Thực tế, cầm chắc em vắng mặt khỏi thành phố. Và nếu em lúc nào cũng để nó lấp sau bình phong, em không thể năng tu bổ cho nó được.”

Dorian Gray quệt tay lên trán. Có lắm giọt mồ hôi ở đó. Chàng cảm thấy mình đang ở miệng vực một mối nguy khủng khiếp. “Mới tháng trước anh nói với em rằng sẽ không bao giờ trưng bày nó,” chàng kêu lên. “Cớ sao anh lại đổi ý? Giới các anh ai cũng nhất mực nổi lăm hứng bất tử như ai. Khác biệt duy nhất là ngẫu hứng của anh khá vô nghĩa. Anh không được quên mình đã quả quyết với em một cách long trọng nhất rằng không gì trên đời xui được anh gửi nó đến bất kì triển lãm nào. Anh cũng nói với anh Harry chính xác điều tương tự.” Chàng bất thần ngừng lời, và một tia sáng loé lên trong mắt chàng. Chàng nhớ ra Ngài Henry từng một lần nói với chàng, nửa thật nửa đùa, “Nếu cậu muốn được một khắc li kì, cứ đòi Basil nói cậu hay tại sao cậu ta mãi không trưng bày bức hoạ của

cậu. Cậu ta đã nói tôi hay lí do tại sao, và nó như một mặc khải cho tôi.” Vâng, có lẽ Basil, cũng, có bí mật của mình. Chàng sẽ hỏi anh và thử đánh liều.

“Basil ạ,” chàng nói, tiến đến rất sát, và nhìn thẳng vào mặt anh, “mỗi chúng ta đều có một bí mật. Hãy cho em biết về anh, và em sẽ nói cho anh về em. Lí do gì khiến anh từ chối trưng bày bức hoạ em?”

Người hoạ sĩ không cưỡng được cơn rùng mình. “Dorian, nếu anh nói em hay, có lẽ em bớt thích anh đi, và chắc chắn em sẽ cười cợt anh. Anh không chịu nổi cả hai việc ấy. Nếu em muốn anh đừng bao giờ nhìn lại bức hoạ của em, anh cam lòng. Anh lúc nào cũng có em để nhìn. Nếu em muốn tác phẩm đẹp nhất anh từng vẽ bị giấu đi khỏi thế giới, anh cam chịu. Tình bạn của em quý giá với anh hơn bất kì tiếng tăm hay danh vọng nào.”

“Không, Basil ạ, anh phải nói em hay,” Dorian Gray nằng nặc. “Em nghĩ mình có quyền biết.” Cảm giác kinh hoàng của chàng đã trôi xa, và tính hiếu kì thế chỗ. Chàng quyết tìm ra bằng được bí ẩn của Basil Hallward.

“Ta hãy ngồi xuống đã, Dorian,” người hoạ sĩ nói, trông bất an. “Ta hãy ngồi xuống đã. Và hãy chỉ trả lời anh một câu hỏi. Có phải em đã nhận thấy trong bức hoạ điều gì lạ kì – điều gì có thể ban đầu không dội vào em, mà biểu lộ chính mình trước em một cách đột ngột?”

“Basil!” chàng trai kêu lớn, nắm chặt thành ghế bằng đôi bàn tay run rẩy, và nhìn anh chăm chăm bằng đôi mắt thẳng thốt hoang dại.

“Anh thấy là em đã. Đừng nói gì cả. Chờ đến khi em nghe hết những lời anh phải nói. Dorian ạ, từ khoảnh khắc anh gặp em, nhân

cách của em mang ảnh hưởng lạ thường nhất lên anh. Anh được thống trị, cả linh hồn, bộ não, và sức mạnh dưới tay em. Trong anh em trở thành hoá thân hữu hình của ý tưởng vô hình mà kí ức ám ảnh giới nghệ sĩ bọn anh như một giấc mơ mãnh liệt. Anh đã tôn thờ em. Anh nổi lòng ghen tuông với mỗi người em nói chuyện. Anh muốn sở hữu toàn bộ em cho riêng mình. Anh chỉ hạnh phúc lúc được ở bên em. Khi rời xa, em vẫn hiện diện trong nghệ thuật anh... Tất nhiên anh chưa bao giờ để em biết bất kì điều gì về chuyện này. Đó sẽ là bất khả. Em sẽ không thể nào hiểu được. Chính anh cũng khó lòng hiểu được. Anh chỉ biết rằng mình đã mặt chạm mặt sự hoàn hảo, và rằng thế gian trở nên tuyệt vời trong mắt anh – rất tuyệt vời, có lẽ, trong nỗi cuồng mộ như vậy có hiểm nguy, mỗi nguy đánh mất chúng, không nhẹ hơn mỗi nguy nắm giữ chúng... Tuần lại tuần cứ trôi, và anh càng lúc càng được em hấp dẫn. Rồi đi đến một bước tiến mới. Anh đã vẽ em như chàng Paris trong bộ giáp thanh nhã, và như chàng Adonis với áo choàng sấn cùng ngọn giáo sấn heo sáng choang. Đội miện bằng vòng hoa sen dày em đã ngồi trên mũi con thuyền chiến vùng Adria, nhìn chăm chăm dòng sông Nile xanh đục. Em đã nghiêng mình bên vũng nước lặng trong miền rừng Hi Lạp đâu đây, và nhìn trong mặt nước bạc tĩnh lặng vẻ tuyệt trần gương mặt mình. Và nó mang tất thảy những gì nghệ thuật nên mang, vô thức, ý tưởng, và xa xăm. Ngày nọ, ngày chết chóc mà đôi khi anh tự nhủ, anh quyết định vẽ cho em một bức chân dung tuyệt vời như chính em thực sự thế, không trong trang phục của những thời đại chết, mà trong chính trang phục em và thời đại em. Dù là Chủ Nghĩa Hiện Thực trong phương pháp, hay đơn thuần niềm kinh ngạc về nhân cách chính em, đã trực tiếp hiện hữu trước anh chẳng

sương mù hay mạng che, anh không nói được. Nhưng anh biết rằng khi mình vẽ nó, dường như đối với anh từng lớp và mảng màu bộc lộ bí mật mình. Anh nổi lòng hãi sợ người khác sẽ biết lòng sùng thượng của mình. Anh cảm nhận, Dorian, rằng mình đã nói quá nhiều, rằng mình đã đặt quá nhiều bản thân mình trong đó. Thế rồi anh quyết tâm không bao giờ cho phép bức hoạ được trưng bày. Em đã có đôi chút phiền lòng, nhưng rồi em không nhận ra tất cả ý nghĩa của nó trong anh. Harry, người được anh nói cho hay, đã cười anh. Nhưng anh không để bụng. Khi bức hoạ hoàn thành, và anh ngồi một mình cùng nó, anh cảm nhận mình đã đúng... Chà, sau một vài ngày vật đó rời khỏi phòng hoạ, và ngay khi thoát khỏi vẻ mê hoặc quá sức chịu đựng từ sự hiện diện của nó, dường như với anh rằng mình đã khờ dại khi tưởng tượng nên chuyện nhìn thấy bất kì điều gì trong nó, ngoài điều rằng em vô cùng ưa nhìn và rằng anh đã vẽ ra được. Ngay bây giờ anh không thể ngăn mình cảm thấy đó là một ngộ nhận khi nghĩ rằng đam mê một người cảm nhận được trong quá trình sáng tạo lại thực sự phơi bày lên tác phẩm y tạo ra. Nghệ thuật luôn luôn trừu tượng hơn ta tưởng tượng. Hình thức và màu sắc kể ta hay về hình thức và màu sắc – thật có vậy. Trong anh thường cảm tưởng rằng nghệ thuật ẩn giấu nghệ sĩ nhiều hơn muôn vàn lần từng bộc lộ y. Và thế nên khi anh nhận được đề nghị này từ Ba Lê anh quyết định cho bức chân dung em làm điểm chính yếu trong triển lãm anh. Chưa từng có ý nghĩ ập đến anh rằng em sẽ cự tuyệt. Giờ đây anh thấy em đã đúng. Bức hoạ không thể được phơi ra. Em không được nổi giận với anh, Dorian, vì những điều anh vừa nói em hay. Như, đã có lần, anh từng nói với Harry, em được tác tạo cho anh tôn thờ.”

Dorian Gray hít một hơi sâu. Màu sắc về lại đôi má chàng, và một nụ cười đùa chơi đôi môi chàng. Mỗi nguy đã qua. Chàng an toàn lúc này. Dầu thế chàng không ngăn được cảm giác thương hại vô bờ cho người hoạ sĩ vừa buông lời xưng thú kì lạ trước chàng, và lòng tự hỏi liệu chính chàng có bao giờ bị thống trị bởi nhân cách của bạn bè không. Ngài Henry mang nét quyến rũ của sự nguy hiểm khôn lường. Nhưng thấy là vậy. Gã quá khôn ngoan và quá hoài nghi để thật lòng yêu mến. Liệu có bao giờ có được người nào dâng trào trong chàng một lòng sùng thượng kì lạ? Liệu điều như thế cuộc sống có dành sẵn đợi chàng không?

“Thật lạ thường với anh, Dorian,” Hallward nói, “rằng em đã thấy điều này trong bức chân dung. Có thật em đã thấy không?”

“Em thấy gì đó ở nó,” chàng trả lời, “thứ dường như với em rất hiểu kì.”

“Chà, em không phiền nếu bây giờ anh ghé mắt vào nó chứ?”

Dorian lắc đầu. “Anh không được yêu cầu em điều ấy, Basil ạ. Em không thể nào để anh đứng trước bức hoạ đó.”

“Mai kia sẽ được, hẳn thế?” “Không bao giờ.”

“Chà, có lẽ em đúng. Giờ thôi tạm biệt, Dorian. Em vẫn là người duy nhất trong đời đã thực sự ảnh hưởng lên nghệ thuật anh. Với bất kì thứ tốt đẹp gì anh đã tạo, anh đều nợ em. A! Em không biết cái giá anh phải trả để nói em hay tất cả điều mình vừa nói đâu.”

“Basil thân mến,” Dorian nói, “điều anh vừa nói em hay ư? Đơn thuần là anh cảm thấy ngưỡng mộ em rất nhiều. Đó thậm chí chẳng là một lời khen.”

“Đó vốn không phải là lời khen. Đó là lời xưng thú. Giờ

đây anh đã buông ra, điều gì dường như vừa đi khỏi lòng anh. Có lẽ người đời không bao giờ nên đặt tính tôn thờ vào lời nói."

"Đó là lời xưng thú rất đáng thất vọng."

"Tại sao thế, em trông đợi gì sao, Dorian? Em đã không thấy bất kì gì khác trong bức hoạ, phải chứ? Có gì khác ở đó để thấy không?"

"Không; chẳng có gì khác ở đó để thấy. Sao anh lại hỏi thế? Nhưng anh đừng nên nói về tôn thờ. Thật là ngốc nghếch. Anh với em là bạn bè, Basil ạ, và chúng ta sẽ mãi luôn là vậy."

"Em đã có Harry rồi," người hoạ sĩ buồn bã nói.

"Ôi, Harry!" chàng trai kêu lên, kèm tràng cười nghe róc rách. "Harry suốt ngày kể những chuyện không tưởng, và suốt đêm làm những việc không thể. Tuy là kiểu sống em thích theo đuổi. Nhưng em vẫn không nghĩ mình sẽ tìm đến Harry nếu gặp phiền muộn. Em sẽ ưa tìm đến anh hơn, Basil ạ."

"Em sẽ lại ngồi mẫu cho anh chứ?" "Không thể được!"

"Em huỷ hoại đời nghệ sĩ của anh bằng lời cự tuyệt, Dorian. Không ai bắt gặp hai lí tưởng cuộc đời. Vài người mới bắt gặp một."

"Em không giải thích với anh được, Basil, nhưng em không bao giờ ngồi mẫu cho anh nữa đâu. Có điều gì chết chóc ở bức chân dung. Nó có cuộc sống của riêng mình. Em sẽ đến và dùng trà cùng anh. Chuyện đó hẳn cũng dễ chịu."

"Dễ chịu hơn với em, anh e thế," Hallward nuối tiếc lắm lắm. "Giờ thôi tạm biệt. Anh rất tiếc khi em không cho anh nhìn lại bức hoạ dù chỉ một lần. Nhưng không hề gì. Anh rất hiểu em cảm thấy gì trong nó."

Khi anh rời phòng, Dorian Gray mỉm cười một mình. Basil đáng thương! Ít lắm thay hồi lí do thật sự mà anh biết! Và lạ lùng sao,

thay vì bị buộc phải tiết lộ bí mật chính mình, chàng đã thành công, gần như run rủi, trong việc moi ra bí mật bạn mình! Càng lạ lùng sao lời xưng thú đã bộc bạch trước chàng! Tính phi lí của người hoạ sĩ khớp với lòng ghen tuông, lòng sùng bái nhiệt thành, bài tán tụng quá đà, nết kín miệng hiếu kì của anh – giờ đây chàng hiểu tất cả chúng, và chàng thấy buồn thương. Cảm tưởng với chàng có gì đó bị thấm trong một tình bạn được nhuốm quá đậm màu lãng mạn.

Chàng thở dài, rồi chạm chuông. Bức chân dung phải được giấu biệt bằng mọi giá. Chàng không thể mạo hiểm với mỗi nguy bị phát giác một lần nữa. Thật rõ dại với chàng khi cho phép vật đó vẫn, dù chỉ trong một giờ, ở trong căn phòng mà bất cứ người bạn nào cũng được quyền vào.

CHƯƠNG X

Khi người đầy tớ bước vào, chàng nhìn anh ta không rời mắt, và tự hỏi liệu anh ta có ý nghĩ nhòm ngó ra sau tấm bình phong không. Người đàn ông hoàn toàn vô cảm, và đứng đợi lệnh. Dorian châm thuốc, rồi bước tới bên cửa kính và liếc vào. Chàng có thể thấy bóng phản chiếu gương mặt Victor rõ mồn một. Nó là chiếc mặt nạ diêm tĩnh của phận ở đợ. Chẳng có gì đáng lo ngại, ở đó. Dầu vậy chàng nghĩ tốt nhất vẫn nên đề phòng.

Nói rất chậm, chàng bảo anh ta nhắn với bà quản gia rằng mình muốn gặp bà, và rồi đến chỗ người làm khung mà yêu cầu ông ta cử hai người qua đây ngay lập tức. Chàng cảm tưởng như lúc người đàn ông rời phòng đôi mắt anh ta lượn lờ về hướng tấm bình phong. Hay đó chỉ là huyền tưởng của chàng?

Chỉ lát sau, trong bộ đầm lụa đen của mình, cùng đôi găng ren hở ngón kiểu cũ trên bàn tay nhăn nheo, Bà Leaf lẳng xẵng vào thư phòng. Chàng hỏi bà chìa khoá căn phòng học.

“Căn phòng học cũ ư, Cậu Dorian?” bà la lên. “Cớ làm sao, nó đầy bụi bặm. Tôi phải chỉnh đốn nó, và xếp đặt đâu ra đấy trước khi cậu vào đấy. Nó không thích hợp cho cậu xem đâu, thưa cậu. Không hề, quả thế.”

“Tôi không muốn nó phải đâu ra đấy, bà Leaf. Tôi chỉ muốn chiếc chìa.”

“Chà, thưa cậu, cậu sẽ mắc đầy mạng nhện nếu vào đó.

Cớ làm sao, nó đã không mở gần năm năm nay, từ khi ông lớn qua đời.”

Chàng nhăn nhó lúc nhắc đến ông ngoại mình. Chàng có nhiều kí ức hằn học về lão. “Chuyện đó quan trọng gì,” chàng trả lời. “Tôi chỉ muốn xem chỗ đó – thế thôi. Đưa cho tôi chìa khoá.”

“Thế thì chìa đây, thưa cậu,” bà phu nhân già nói, rà soát chùm chìa khoá bằng đôi bàn tay run run nắm hờ. “Chìa đây cậu. Tôi sẽ gỡ nó khỏi chùm chốc lát. Nhưng cậu chớ nghĩ đến việc sống trên đó, thưa cậu, và cậu vẫn rất thoải mái ở đây chứ?”

“Vâng, vâng,” chàng kêu lên, vẻ giận lẫy. “Cảm ơn bà nhé, bà Leaf. Vây tốt rồi.”

Bà già nán lại đôi phút, và ba hoa về chuyện lật vạt nào đó trong căn hộ. Chàng thở dài, và bảo bà cứ quản lí các thứ theo cách tốt nhất mà bà nghĩ. Bà rời phòng, mỉm cười rất đổi vui vẻ.

Đoạn cửa đóng lại, Dorian dứt chìa vào túi, và nhìn quanh phòng. Mắt chàng đáp xuống tấm khăn trải giường rộng bằng xa-tanh tím nặng nề vì thêu vàng, một mẫu lông lấy từ tác phẩm xứ Venice cuối thế kỉ mười bảy mà ông ngoại chàng đã tìm được trong tu viện gần Bologna. Vâng, nó sẽ được dùng để phủ lên vật đáng sợ ấy. Nó có lẽ đã từng thường được dùng làm vải liệm quan tài cho người chết. Giờ nó dùng để giấu giếm thứ thối rửa vì chính mình, tội tệ hơn cả thối rửa vì cái chết – thứ sẽ dung dưỡng nỗi kinh hoàng và lại không bao giờ chết. Điều mà loài giòi bọ làm với thây ma, những tội lỗi chàng sẽ làm tương tự với tấm hình vẽ trên nền vải bạt. Chúng sẽ huỷ hoại sắc đẹp nó, và đục khoét vẻ duyên dáng nó. Chúng sẽ bôi nhọ nó, và khiến nó nhục nhã. Và dầu vậy vật đó vẫn cứ sống mãi. Nó sẽ sống đời đời.

Chàng rùng mình, và trong một thoáng chàng hồi tiếc vì đã không nói với Basil lí do thật tại sao chàng mong muốn giấu nhem bức hoạ. Basil hẳn sẽ giúp được chàng chống lại ảnh hưởng của Ngài Henry, và cả những ảnh hưởng độc hại từ trong khí chất chàng. Tình yêu anh có với chàng – vì đó là tình yêu đích thực – chẳng chứa gì trong đó ngoài cao thượng và trí tuệ. Đó không đơn thuần là lòng ngưỡng mộ sắc đẹp thể xác được sinh ra từ cảm giác, và chết đi khi cảm giác cùn mòn. Đó là thứ tình yêu như chính Michael Angelo hằng biết, và Montaigne, và Winckelmann, và Shakespeare. Vâng, Basil hẳn cứu được chàng. Nhưng giờ đã quá muộn. Quá khứ luôn luôn bị triệt tiêu. Hồi tiếc, cự tuyệt, hay quên lãng làm được điều đó. Nhưng tương lai là không tránh khỏi. Những đam mê trong chàng sẽ tự tìm cho chúng lối thoát kinh khiếp, những giấc mơ sẽ tự chúng đổ bóng đen ma quỷ có thật.

Chàng lấy khỏi chiếc ghế nằm tấm vải dệt tím vàng đang phủ nó, rồi, cầm trong tay, đi ra sau bình phong. Liệu gương mặt trên nền vải có đê tiện hơn trước? Dường như với chàng nó không thay đổi; dầu cho lòng ghê tởm của chàng đến nó tăng thêm. Mái tóc vàng, đôi mắt xanh, và đôi môi đỏ hoa hồng—thầy chúng vẫn đấy. Chỉ có nét biểu cảm đã biến đổi. Rất khủng khiếp trong vẻ tai ác của nó. Đối chiếu giữa sự chỉ trích và mắng mỏ chàng nhìn ra từ nó, lời quở trách của Basil về chuyện Sibyl Vane mới hồi hợt làm sao! – Hồi hợt lắm, và ít so đo lắm thay! Linh hồn chính chàng đang nhìn chàng từ nền vải và gọi chàng lên nghe phán xét. Một ánh nhìn đau đớn lướt ngang chàng, rồi chàng quăng miếng vải liệm đặt tiền trum lên bức hoạ. Đoạn chàng làm vậy, một tiếng gõ nổi lên ngoài cửa. Chàng bước ra lúc người đầy tớ đi vào.

“Người đã đến, thưa Me-xừ.”

Chàng cảm thấy người đàn ông này cần được sa thải ngay lập tức. Anh ta không được phép biết nơi bức hoạ

được mang đi. Có gì đó tầm ngấm ở anh ta, và anh ta mang đôi mắt thâm trầm, phản trắc. Ngồi xuống bàn viết, chàng ngoáy tờ biên ngăn cho Ngài Henry, hỏi mong gã gửi lại thứ gì đó để đọc, và nhắc gã rằng họ có cuộc hẹn lúc tám giờ mười lăm tối đó.

“Đứng chờ thư phúc đáp,” chàng nói, trao nó cho anh ta, “và dẫn mấy người vào đây.”

Đôi ba phút sau có thêm tiếng gõ cửa, và đích thân Ông Hubbard, người làm khung lừng danh ở Phố Nam Audley, bước vào cùng một phụ tá trẻ nom hơi thô kệch. Ông Hubbard có tạng người nhỏ thó, ria đỏ, da hồng hào, mang lòng ngưỡng mộ nghệ thuật bị sứt giảm nghiêm trọng vì cảnh túng thiếu kinh niên của phần đa giới nghệ sĩ từng mua bán với mình. Theo qui tắc, ông không bao giờ rời cửa hiệu. Ông chờ người đời đến với ông. Nhưng ông luôn luôn đặt ngoại lệ chiếu cố Dorian Gray. Có gì đó ở Dorian quyến rũ tất cả mọi người. Nhìn chàng thôi cũng là một niềm vui.

“Tôi có thể giúp gì cậu, hả Cậu Gray?” ông nói, xoa xoa đôi bàn tay chuối mẩn đầy tàn nhang. “Tôi nghĩ mình lấy làm hân hạnh được tự thân đến đây. Tôi mới có một tấm khung đẹp, xin thưa. Đang được bày bán. Kiểu Florence cổ. Xuất xứ Fonthill, tôi tin vậy. Ăn rơ tuyệt hảo với chủ đề tôn giáo, Cậu Gray ạ.”

“Tôi rất xin lỗi đã để ông phải cảm phiền quá bộ sang đây, Ông Hubbard. Chắc chắn tôi sẽ ghé đến và nhìn ngắm tấm khung – mặc dù lúc này tôi không ưa nghệ thuật tôn giáo cho lắm – nhưng hôm

nay tôi chỉ muốn khiêng giúp một bức hoạ lên đỉnh ngôi nhà thôi. Vì nó cũng nặng, nên tôi nghĩ mình sẽ hỏi mượn ông một đôi người.”

“Không phiền hà gì cả, Cậu Gray ạ. Tôi rất vui lòng phục vụ cậu bất kì việc gì. Nghệ phẩm nào đây, xin thưa?”

“Bức này,” Dorian đáp, đẩy tấm bình phong ra. “Ông khiêng nó được chứ, vải phủ và tất tậ, như nguyên trạng? Tôi không muốn nó bị xước xước lúc lên lầu.”

“Sẽ chẳng gợn chút khó khăn, xin thưa,” người làm khung tốt tính nói, khởi sự, cùng sự trợ giúp của cậu phụ tá, để tháo móc bức hoạ khỏi chuỗi xích đồng thau dài đang treo lơ lửng. “Và, giờ, chúng ta sẽ khiêng nó đi đâu, hả Cậu Gray?”

“Tôi sẽ dẫn đường, Ông Hubbard, nếu hai người vui lòng theo sau. Hay chẳng tốt hơn là các ông ra bên ngoài. Tôi e chỗ đó ở trên đỉnh ngôi nhà. Chúng ta sẽ đi lên bằng cầu thang ngoài, vì nó rộng hơn.”

Chàng giữ cửa mở cho họ, rồi họ băng ra đại sảnh và bắt đầu đi lên. Thiết kế công phu của khung bao khiến bức hoạ vô cùng công kênh, và thi thoảng, bất chấp lời phản đối khiêm nhường của Ông Hubbard, người sở hữu tinh thần đích thực của một thương gia không ưa phải thấy một quý tộc làm việc gì đó hữu dụng, Dorian đặt tay lên nó để giúp họ.

“Quả thật nặng đáng để khiêng đấy, xin thưa,” người đàn ông nhỏ thó hỗn hển, lúc họ đã lên tầng thượng. Rồi ông lau cái trán bóng nhẫy của mình.

“Tôi sợ nó còn nặng nữa,” Dorian lẩm bẩm, khi chàng mở khoá cánh cửa vào căn phòng sẽ giữ cho chàng bí mật lạ kì đời mình và giấu linh hồn chàng khỏi con mắt người đời.

Chàng đã không bước vào nơi này hơn bốn năm nay – không hề, quả vậy, kể từ lúc ban đầu chàng dùng nó như phòng chơi hồi còn bé thơ, cho đến như phòng học lúc mình lớn thêm đôi chút. Nó là căn phòng rộng, đối xứng, đặc biệt được xây bởi người cuối cùng trong họ nhà Ngài Kelso nhằm cho đứa cháu nhỏ ở, vì vẻ giống tạc kì lạ mẹ nó, với vài lí do khác nữa, lão lúc nào cũng ghét bỏ và chỉ muốn né cho xa. Nó xuất hiện trước Dorian với rất ít thay đổi. Đây là

*cái rương** Ý cỡ đại, với các mặt sơn vẽ đẹp lạ cùng những đường gờ thếp vàng xin màu của nó, trong nó chàng vẫn thường vào hủ tim. Kia là tủ sách gỗ sơn tiêu lèn đầy những tập sách giáo khoa đã quần mép của chàng. Trên bức tường sau lưng nó treo tấm thảm xứ Flanders cũng đã sờn nát nơi có vị vua và hoàng hậu bạc màu đang đánh cờ, trong khi một tốp lính săn chim ưng đi ngựa qua, đặt những con chim đầu-mũ đậu trên bao tay đi cùng. Từng thứ chàng vẫn nhớ rõ lắm thay! Từng khoảnh khắc của tuổi thơ cô độc ủa về trong chàng khi đảo mắt nhìn quanh. Chàng gọi về sự thuần khiết không hoen ố của thời thơ ấu, và dường như quá kinh khủng với chàng rằng ở nơi đây bức chân dung chết chóc bị giấu nhẹm. Chàng đã từng vô lo đến thế, trong những ngày đã chết ấy, về tất cả những điều dành sẵn đợi mình!

Nhưng chẳng có nơi nào khác trong ngôi nhà được an toàn khỏi những cặp mắt tọc mạch như thế. Chàng cầm chìa khoá, và chẳng ai khác vào được. Bên dưới tấm vải liệm tím, gương mặt được vẽ trên nền vải bạt cứ việc cục súc, nhầy nhụa, và bẩn tươi thêm. Có còn gì quan trọng? Không ai thấy nó. Chính chàng sẽ không nhìn nó nữa. Tại sao chàng phải nhìn sự thối rửa tởm lợm của linh hồn mình? Chàng cầm giữ tuổi trẻ – thế là đủ. Với, vả lại, biết đâu bản

chất chàng sẽ tốt lên, rốt cuộc? Chẳng có lí do gì cho thấy tương lai hẳn chất đầy hố thềm. Tình yêu nào đó có thể lướt ngang đời chàng, và thanh tẩy chàng, và che chở chàng khỏi những tội lỗi dường như đang khuấy động trong tinh thần và xác thịt lúc này – những tội lỗi ẩn mình kì lạ mà đích thân sự bí ẩn cho chúng mượn vẻ tinh vi và quyến rũ của mình. Có lẽ, một ngày kia, ánh nhìn tai ác sẽ trôi xa khỏi cái miệng đỏ nhạy cảm, và chàng có thể trưng ra trước nhân thế kiệt tác của Basil Hallward.

Không; đó là việc bất khả. Giờ lại giờ, tuần lại tuần, thứ trên nền vải đang già đi. Nó có thể thoát khỏi vẻ gớm guốc từ tội lỗi, nhưng vẻ gớm guốc từ thời gian vẫn dành sẵn chờ nó. Đôi má sẽ trở nên hóp và nhão. Dấu chân chim vàng vọt sẽ giẫm quanh đôi mắt mờ và khiến chúng kinh khiếp. Mái tóc sẽ mất đi độ sáng, cái miệng sẽ há hoặc xệ, sẽ trông xuẩn ngốc hoặc phì nộn, như miệng của những lão già. Sẽ đến cổ họng nhăn nheo, đôi tay lạnh toát, nổi gân xanh, thân hình dặt dẹo, mà chàng nhớ ở người ông đã quá nghiêm khắc với mình trong tuổi thơ. Bức tranh phải được ẩn giấu. Không còn cách nào khác.

“Mang nó vào đây, Ông Hubbard, xin vui lòng,” chàng nói, mệt mỏi, quay đầu lại. “Tôi rất xin lỗi vì giữ ông lâu quá. Tôi đang nghĩ những chuyện khác.”

“Được nghỉ thì lúc nào cũng mừng, Cậu Gray ạ,” người làm khung trả lời, ông vẫn còn thở hổn hển. “Ta đặt nó ở đâu đây, xin thưa?”

“Ồ, đâu cũng được. Đây: chỗ này nhé. Tôi không muốn treo nó. Cứ dựa vào tường thôi. Xin cảm ơn.”

“Mạn phép tôi nhìn qua nghệ phẩm một cái chứ, xin thưa?”

Dorian giật mình. “Nó sẽ không hấp dẫn ông đâu, Ông Hubbard,” chàng nói, để mắt đến người đàn ông. Chàng cảm thấy sẵn sàng nhảy bổ vào du ông ta xuống sàn nếu ông dám nhắc tấm trướng lộng lẫy đang ẩn giấu bí mật đời mình. “Giờ tôi không làm phiền hai người nữa. Tôi rất cảm kích tấm lòng ông đã quá bộ đến.”

“Chẳng vần gì, chẳng vần gì, Cậu Gray. Bao giờ cũng sẵn sàng giúp cậu bất cứ việc gì, xin thưa.” Và Ông Hubbard bước xuống lầu, theo sau là phụ tá, còn liếc lại Dorian với vẻ ngạc nhiên ngượng ngịu trên gương mặt thô kệch, kém duyên của mình. Cậu ta chưa từng thấy người nào tuyệt diệu đến thế.

Khi tiếng bước chân lịm hẳn, Dorian khoá cửa, rồi đút chìa vào túi. Giờ chàng cảm thấy an toàn. Không một ai sẽ nhìn thấy vật kinh khủng ấy. Không con mắt ai ngoài chàng sẽ được nhìn thấy nỗi hổ thẹn của mình.

Lúc vào đến thư phòng chàng thấy mới năm giờ hơn, và trà đã được bày sẵn. Trên chiếc bàn con bằng gỗ thơm sẫm màu khảm xà cừ dày cui, món quà từ Phu Nhân Radley, vợ người giám hộ chàng, một nữ bệnh nhân mẫu xinh đẹp, vừa mùa đông trước đi chơi Cairo về, nằm đó một tờ biên từ Ngài Henry, và cạnh đấy một quyển sách bọc giấy vàng, bìa đã hơi rách và mép thì ố bẩn. Một số báo từ ấn bản thứ ba tờ *Công Báo Thánh James* được đặt trên khay trà. Rõ ràng là Victor đã quay về. Chàng tự hỏi liệu anh ta có gặp mấy người kia ở đại sảnh lúc họ rời nhà, và có moi được từ họ những chuyện vừa xong không. Anh ta hẳn sẽ thấy thiếu bức hoạ – hẳn đã chẳng nghi ngờ gì là đã thấy thiếu nó rồi, trong lúc anh ta bày trà. Tấm bình phong chưa được kéo lại, và một khoảng trắng lù lù trên tường. Có thể một đêm nọ chắc chàng bắt gặp anh ta lén lút lên lầu

và cố cây cửa căn phòng ấy. Thật kinh khủng khi chứa một tên tai mắt trong nhà. Chàng biết nhiều người giàu có đã bị tổng tiền suốt đời từ tên đầy tớ nào đó đã đọc trộm một lá thư, hoặc nghe lỏm một cuộc chuyện, hoặc nhặt được tấm thiệp có địa chỉ, hoặc tìm thấy dưới gối một bông hoa héo hay một mảnh ren nhàu. Chàng thờ dài, rồi, tự rót chút trà, mở tờ biên của Ngài Henry. Nó đơn thuần viết rằng gã đã gửi lại chàng một tờ tin tối, và một cuốn sách có thể hấp dẫn chàng, và rằng gã sẽ có mặt ở hội quán lúc tám giờ mười lăm. Chàng uể oải mở tờ *Thánh James*, và đọc lướt nó. Một dấu chì đỏ ở trang năm lọt vào mắt chàng. Nó kéo chú ý xuống đoạn sau: –

VỤ ĐIỀU TRA CÔ ĐÀO HÁT. – Cuộc điều tra được tiến hành sáng nay tại Bell Tavern, Đường Hoxton, bởi Ông Danby, Thanh Tra Quận, về xác của Sibyl Vane, một đào hát trẻ gần đây từng diễn tại Hí Viện Hoàng Gia, Holborn. Quay trở lại phán quyết cái chết do tai nạn. Lòng cảm thông sâu sắc được bày tỏ đến mẹ của người quá cố, đã bị ảnh hưởng nặng nề trong suốt quá trình đưa lời khai, và đến Bác Sĩ Birrell, đã thực hiện khám nghiệm tử thi cho người quá cố.

Chàng cau mày, rồi, xé tờ báo làm hai, băng ngang phòng và ném mảnh giấy đi. Thảm chuyện này mới xấu xí làm sao! Và cái xấu xí hiện thực sinh ra mọi chuyện mới kinh khủng thế nào! Chàng gợn chút phiền lòng với Ngài Henry vì đã gửi tờ bản tin. Và chắc chắn là ngu xuẩn khi gã đánh dấu chì đỏ vào. Victor có thể đã đọc nó. Người đàn ông đó có đủ vốn Anh ngữ cho việc này.

Có lẽ anh ta đã đọc, và đã khởi sự nghi ngờ điều gì. Và, dẫu vậy, có gì quan trọng? Dorian Gray phải làm gì với cái chết của Sibyl Vane? Chẳng có gì phải sợ hãi. Dorian Gray không giết nàng.

Mắt chàng đáp xuống quyển sách vàng mà Ngài Henry vừa gửi. Nó có gì, chàng tự hỏi. Chàng bước về phía cái bệ bát giác con con màu ngọc trai, với chàng lúc nào trông cũng như tác phẩm của đàn ong Ai Cập kì lạ nào đó bảo nên nó từ bạc, rồi cầm lên tập sách, ném mình xuống ghế bành, và bắt đầu lần giở từng tờ. Sau vài phút chàng đã mê mẩn. Đó là cuốn sách lạ lùng nhất chàng từng đọc. Dường như với chàng rằng trong bộ y phục thanh tú, cùng tiếng sáo mềm mại, tội lỗi của thế gian kéo đến trong màn kịch câm trước mình. Những sự chàng mơ màng chưa tỏ bỗng đột nhiên chân thực trước chàng. Những sự chàng chưa bao giờ mơ đến dần dần được hiển lộ.

Đó là một tiểu thuyết không cốt truyện, chỉ với một nhân vật, mà, thực tế, đơn thuần là sự chiêm nghiệm tâm lí của một tay Ba Lê trẻ, người dành cả đời để nhận ra trong thế kỉ mười chín tất thảy đam mê và phương thức suy tư thuộc về mọi thế kỉ khác ngoại trừ thời của hắn, và tóm lại, theo vậy, trong hắn những tâm trạng khác nhau mà tinh thần thế giới từng lướt qua, yêu thương sự buông bỏ vì tính thuần túy nhân tạo mà người thiếu khôn ngoan gọi là đức hạnh, cũng nhiều ngang với cuộc nổi dậy chống tự nhiên mà người khôn ngoan gọi là tội lỗi. Văn phong được viết là thứ văn phong ngọc ngà hiếm hoi, sống động và mờ mịt đồng thời, đầy những từ lóng và những cổ ngữ, những diễn đạt đầy kĩ thuật và những tái diễn đầy trau chuốt, đặc trưng cho tác phẩm của một trong những nghệ sĩ tài ba nhất từ trường phái *Tượng Trưng** Pháp. Trong đó có ẩn dụ quái đản như phong lan, và tinh tế trong màu sắc. Đời sống tri giác được miêu tả bằng thuật ngữ của triết học huyền bí. Người ta đôi lúc khó biết được mình đang đọc về nỗi ngầy ngất tinh thần

của vị thánh trung cổ nào đó hay lời xưng thú đồi bại của một tội đồ đương đại. Đó là cuốn sách độc hại. Mùi ngào ngạt hương trầm chừng như quỳên lấy trang sách và quấy rầy bộ não. Chỉ bằng nhạc điệu trong từng câu, sự đơn điệu tinh tế trong âm nhạc của chúng, chứa đầy như chính nó những điệp khúc và những phần lặp công phu, sản sinh trong tâm trí chàng trai, mỗi lúc chàng chuyển từ chương này sang chương khác, một hình thức mơ tưởng, một căn bệnh mơ mộng, khiến chàng không nhận thấy ánh ngày sụp xuống và bóng tối mon men.

Văng mây, bị xuyên thấu bằng một ngôi sao đơn lẻ, bầu trời xanh đồng chiếu tia le lói qua cửa sổ. Chàng đọc bằng ánh xanh xao của nó đến khi không đọc thêm được nữa. Rồi, sau khi người hầu phòng nhắc chàng vài lần về sự trễ giờ, chàng đứng dậy, và, bước vào căn phòng kế, đặt quyển sách lên chiếc bàn con xứ Florence vẫn luôn kê cạnh giường mình, và bắt đầu thay đồ ăn tối.

Gần đến chín giờ trước lúc chàng đặt chân vào hội quán, nơi chàng thấy Ngài Henry ngồi một mình, trong phòng chính, trông rất buồn chán.

“Em rất xin lỗi, Harry,” chàng kêu lên, “nhưng thật ra lỗi hoàn toàn ở anh. Quyển sách anh gửi mê hoặc em đến mức em quên bằng thời gian.”

“Phải: tôi đã nghĩ cậu hẳn thích nó,” gã chủ tiệc trả lời, đứng dậy khỏi ghế.

“Em không nói mình thích nó, Harry ạ. Em nói nó mê hoặc em. Đó là khác biệt lớn.”

“A, cậu đã nhìn ra rồi đấy?” Ngài Henry lẩm bẩm. Rồi họ đi vào phòng ăn.

CHƯƠNG XI

Nhiều năm trời, Dorian Gray chẳng thể tự giải phóng mình khỏi ảnh hưởng từ cuốn sách này. Hoặc có lẽ sẽ chính xác hơn nếu nói rằng chàng chưa bao giờ tìm cách tự giải phóng mình khỏi nó. Chàng lùng mua từ Ba Lê không dưới chín bản khổ lớn của ấn bản đầu tiên, và bọc chúng bằng màu sắc khác nhau, để có thể phù hợp với nhiều tâm trạng và thị hiếu thay đổi trong bản chất chàng, thứ mà chàng cảm tưởng như, đôi khi, gần như hoàn toàn mất kiểm soát. Nam chính, tay Ba Lê trẻ tuyệt vời, người mang khí chất lãng mạn và khoa học quyen luyến một cách lạ lùng trong mình, trở thành với chàng như một dạng tiền thân của chính mình. Và, quả thực, toàn bộ quyển sách với chàng dường như chứa đựng chuyện đời mình, được viết trước khi chàng sống.

Theo mặt khác chàng tốt số hơn tay nam chính kì lạ trong tiểu thuyết. Hắn chưa bao giờ biết – không bao giờ, thực vậy, có bất kì run rủi nào để biết – về đôi chút nổi kinh hoàng kì khôi của gương, và mặt kim loại bóng, và mặt nước lạnh, thứ đã ập đến tay Ba Lê trẻ rất chóng trong đời, nguyên do từ sự ung thối đột ngột xảy đến với sắc đẹp đã từng một lần, rõ ràng là, rất đáng chú ý. Cùng với một niềm vui gần như độc ác – và có lẽ trong hầu hết mọi niềm vui, cũng chính xác như trong mọi khoái lạc, sự độc ác luôn có chỗ – mỗi khi chàng đọc phần cuối cuốn sách, kèm theo bi kịch chân thực của nó, mặc dù phần nào được cường điệu, mức độ buồn đau và tuyệt

vọng của kẻ đánh mất chính mình vào người khác, và vào thế gian, hẳn đã từng được quý trọng nhất mực.

Vì sắc đẹp tuyệt vời đã quá đổi mê hoặc Basil Hallward, và nhiều người khác quanh chàng, xem chừng chẳng bao giờ rời bỏ chàng. Ngay cả những người được nghe những chuyện nanh ác nhất bôi xấu chàng, và thi thoảng những đồn đoán lạ kì về lối sống của chàng len lỏi khắp Luân Đôn rồi trở thành chuyện gẫu trong các hội quán, cũng chẳng thể tin bất kì điều gì về tiếng xấu của chàng khi họ thấy chàng. Chàng luôn có vẻ ngoài của người giữ được mình vô nhiễm khỏi thế tục. Những kẻ phũ miệng trở nên câm lặng khi Dorian Gray bước vào phòng. Có điều gì trong vẻ thuần khiết trên mặt chàng như khiến trách họ. Sự hiện diện đơn thuần của chàng dường như gọi về trong họ kí ức của tính ngây thơ đã bị hoen ố. Họ thắc mắc bằng cách nào một người rất mực quyến rũ và duyên dáng như chàng có thể thoát khỏi vết nhơ của tuổi tác đồng thời cả đề tiện lẫn dâm dật.

Thường thường, sau chuyến về nhà từ một trong những lần vắng mặt dài ngày và bí ẩn đã dậy lên nhiều phỏng đoán kì lạ trong số bạn mình, hoặc nghĩ họ thế, chàng sẽ đích thân leo lên lầu đến căn phòng khoá, mở cửa bằng chiếc chìa khoá giờ đây đã bất li thân, và đứng, cùng tấm gương, trước mặt bức chân dung Basil Hallward đã vẽ cho chàng, giờ hãy nhìn vào gương mặt nanh ác và già hoá trên nền vải bạt, và giờ nhìn vào gương mặt đẹp đẽ trẻ trung đang cười đáp chàng từ tấm kính sáng bóng. Độ sắc nét vô cùng của sự tương phản tăng cường cảm giác khoái lạc của chàng. Chàng càng ngày càng mê đắm sắc đẹp mình, càng ngày càng hứng thú với sự thối rửa linh hồn mình. Chàng sẫm soi với sự chú ý chi li,

và đôi khi với sự thích thú quái đản và khủng khiếp, những đường kẻ gớm guốc khắc lên vầng trán nhăn nheo và bò quanh cái miệng đậm dật nặng nề, đôi khi chẳng biết thứ nào kinh khiếp hơn, dấu ấn của tội lỗi hay dấu ấn của tuổi già. Chàng thích đặt bàn tay trắng của mình cạnh bàn tay sừng múp thô kệch của bức hoạ, và mỉm cười. Chàng nhạo báng cái thân hình méo mó và tứ chi suy nhược ấy.

Có những thời khắc, thực vậy, đang đêm, khi, nằm trần trọc trong căn buồng thơm dịu của mình, hoặc trong căn phòng hèn mọn của quán rượu nhỏ khét tiếng gần Cảng, nơi, dưới cái tên giả, và trong đồ giả trang, đó là thói quen thường lệ của chàng, chàng nghĩ về sự suy đồi mình đổ lên linh hồn, với nỗi thương cảm thấy chỉ thêm nhói buốt, vì nó thuần túy vị kỉ. Nhưng thời khắc như vậy rất hiếm. Sự tò mò về cuộc đời mà Ngài Henry đã khuấy lên trong chàng lần đầu tiên, buổi họ ngồi cùng nhau trong vườn nhà bạn mình, dường như tăng thêm trong thoả mãn. Càng biết nhiều, chàng càng khao khát biết thêm. Chàng mang cơn đói rõ rệt mà càng cồn cào hơn khi được cho ăn.

Dẫu thế chàng không hề khinh suất, sao chẳng nữa trong các mối quan hệ của mình với giới thượng lưu. Một đôi lần mỗi tháng suốt mùa đông, và mỗi tối Thứ Tư đến hết mùa, chàng rộng cửa nghênh đón người đời đến ngôi nhà đẹp đẽ của mình và cho những nhạc công lừng danh bậc nhất đương đại quyến rũ tân khách bằng món nghệ thuật tuyệt vời của họ. Bữa tối nhỏ của chàng, trong sự xếp đặt luôn có Ngài Henry hỗ trợ, được lưu tâm chọn khách và đặt chỗ với bao nhiêu cẩn thận, là bấy nhiêu thanh tú ở gu thẩm mỹ phô ra trong cách trang hoàng bàn, cùng lối bày biện sao cho cộng

hưởng tinh tế với những bông hoa ngoại lai, với vải thêu, với đĩa cổ bằng vàng và bạc. Quả vậy, đã nhiều người, đặc biệt trong đám trai còn trẻ măng, thấy ra, hoặc tưởng mình thấy, trong Dorian Gray một hình mẫu hiện thực sống của thứ họ thường mơ về trong những ngày Eton hay Oxford, một hình mẫu hoà lẫn giữa thứ gì đó của văn hoá học giả đích thực với tất cả phong thái duyên dáng và ưu tú và hoàn hảo của một thị dân trên đời. Trong họ chàng dường như tổng hoà những con người mà Dante miêu tả đã tìm cách “khiến mình hoàn hảo bằng tôn thờ vẻ đẹp”. Như Gautier, chàng là một trong những “thực thể nhân gian hữu hình”.

Và, hẳn nhiên, với chàng chính Cuộc Sống là môn đầu tiên, môn vĩ đại nhất, trong nghệ thuật, và bởi thế tất cả nghệ thuật khác dường như là dự bị. Thời Trang, thứ thật sự kì tuyệt trở nên phổ quát thoáng chốc, và Theo Mốt, thứ, bằng cách riêng mình, là nỗ lực khẳng định tính hiện đại tuyệt đối của vẻ đẹp, dành tặng, hiển nhiên, vẻ mê hoặc của chúng đến chàng. Kiểu ăn mặc của chàng, và những phong cách riêng biệt mà thi thoảng chàng gieo tác động, đã in dấu ảnh hưởng của chúng lên những tay cảnh vẻ trẻ tuổi tại những buổi vũ Mayfair và cửa sổ hội quán Pall Mall, họ sao chép mọi sự chàng làm, và cố nhái lại nét quyến rũ hững hờ trong vẻ duyên dáng chàng, mặc dù với chàng chỉ là nửa đùa nửa thật, nhất thời chưng diện.

Tuy, trong lúc chàng quá sẵn sàng đón nhận vị trí gần như ngay lập tức dâng cho mình khi bước vào tuổi trung niên, và thấy, quả thực, một khoái lạc tinh tế trong ý nghĩ rằng chàng với Luân Đôn thời đại mình có thể thật sự trở thành thứ mà tác giả của *Satyricon* đã từng một lần với đế quốc La Mã thời đại Nero, đầu vậy trong tận

đáy lòng chàng khao khát điều gì đó hơn là một vị *quan toàn quyền thanh lịch**, được thỉnh ý những việc đeo ngọc, hoặc thắt ca- vát, hoặc mang ba-toong. Chàng tìm kiếm một công nghiệp mới mẻ công phu nào đó của đời mà sẽ hằn mang trong nó trường phái triết học có lí luận cùng các nguyên tắc có hệ thống, và tìm trong những tri giác hướng thượng sự hiện thực cao nhất của nó.

Lòng tôn thờ cảm giác, cùng với rất nhiều công lí, đã thường bị lên án, người đời cảm thấy rằng bản năng tự nhiên đáng sợ của đam mê và cảm giác dường như mạnh hơn chính mình, và rằng chúng ý thức được sự phân bố sinh tồn với những hình thái tổ chức cao thấp kém hơn. Nhưng hình như với Dorian Gray rằng bản chất đích thực của cảm giác chưa bao giờ được hiểu, và rằng chúng vẫn còn man di và thú tính đơn thuần bởi thế gian tìm cách để bỏ đói chúng trong qui phục hoặc để giết chúng bằng đau đớn, thay vì hướng đến việc biến chúng thành những yếu tố của tinh thần mới, của thứ bản năng tốt lành để vẻ đẹp trở thành đặc tính ưu trội. Đoạn chàng nhìn về những con người xuyên suốt Lịch Sử, chàng bị ám ảnh bởi cảm giác mất mát. Quá nhiều sự đầu hàng! Còn ý định thì quá nhỏ nhoi! Có nhiều lời cự tuyệt bướng bỉnh rồi đại, hình thức quái đản của hành xác và tiết dục, căn nguyên từ nỗi sợ, và kết cục là sự suy thoái vô chừng còn kinh khiếp hơn sự suy thoái huyền hoặc từ thứ mà, trong sự vô minh của mình, họ tìm cách trốn tránh, mẹ Tự Nhiên, bằng cảnh trở trêu tuyệt vời của bà, đẩy giới ả sĩ ra làm mồi cho dã thú hoang mạt và trao cho giới khổ hạnh ác thú đồng cỏ như bạn đồng hành.

Vâng: đúng thế, như Ngài Henry đã tiên tri, một Chủ Nghĩa Khoái Lạc mới nhằm tái thiết đời sống, và cứu nó khỏi xã hội Thanh

giáo hà khắc, kém duyên mà đang có, trong thời đại chúng ta, sự hồi sinh kì lạ. Nó mang lợi ích cho trí tuệ, hẳn rồi; dầu vậy, nó không bao giờ chấp nhận bất kì lí thuyết hay hệ thống nào dính líu đến sự hi sinh bất kì dạng trải nghiệm đam mê nào. Mục đích nó, thực vậy, là trải nghiệm chính mình, không màng thành quả trải nghiệm, ngọt hay đắng như chúng vốn sẵn. Như chủ nghĩa khổ hạnh làm lu mờ các cảm giác, cũng như sự phóng đãng dung tục làm mê muội chúng, nó không cần biết. Nhưng nó dạy người đời chú tâm mình vào từng khoảnh khắc cuộc đời mà chính nó cũng là một khoảnh khắc.

Một vài trong chúng ta rất hiếm khi thức giấc trước bình minh, hoặc sau một trong những đêm không mộng mị khiến ta gần như đắm mình vào cái chết, hoặc một trong những đêm kinh hoàng và vui vẻ méo mó, khi những bóng ma lướt qua từng khoang não còn kinh khiếp hơn cả chính nó trong thực tế, và bản năng cùng đời sống sống động lẫn núp trong thảy những kì khôi, và cho nghệ thuật Gothic mượn sức sống bền bỉ của nó, thứ nghệ thuật này tồn tại, như người

đời mừng tượng, đặc biệt nghệ thuật trong những tâm trí bị quấy rầy bằng căn bệnh tư tưởng. Từ từ, những ngón tay trắng rón rén qua màn cửa, và chúng hình như run rẩy. Trong những mảng đen kì quái, bóng tối cam lặng bò vào góc phòng, và nép mình ở đấy. Bên ngoài, có tiếng động bầy chim trong vòm lá, hay âm thanh con người ra ngoài làm lụng, hay tiếng thở dài và thốn thức của nàng gió bay xuống từ dãy đồi, rồi tha thần quanh ngôi nhà im tiếng, chừng như sợ đánh động người còn ngủ, rồi hãy còn phải dỗ giấc từ hang động tím của mình. Lốp theo lớp tấm mạng sa mỏng

tối màu được nâng lên, rồi độ tỏ trong hình dáng và màu sắc vạn vật được trả lại, rồi ta chiêm ngưỡng bình minh tái tạo thế gian bằng kiểu mẫu cổ xưa của mình. Các mặt gương xanh nhợt sống lại cuộc đời sao nhái của chúng. Những cây nến vắng lửa đứng đúng chỗ ta bỏ lại, và bên cạnh nằm đầy quyển sách để mở ta đang học dở, hay đoá hoa thép ta cài trong buổi vũ, hay bức thư ta sợ phải đọc, hoặc ta đã đọc quá siêng. Chẳng thứ gì dường như thay đổi trước ta. Từ bóng đen vô thực của đêm quay về đây cuộc sống thực mà ta hằng biết. Chúng ta tiếp tục ở nơi mình bỏ lại, và lan truyền khắp ta cảm giác bức thiết kinh khủng cho năng lượng để tiếp tục vòng tròn tẻ ngắt những lẽ thói rập khuôn, hoặc mong ước hoang sơ, có thể lắm, rằng đôi mi chúng ta biết đâu mở ra một buổi sáng nọ ở thế giới đã được tái nặn một lần nữa trong bóng đêm vì niềm khoái lạc của ta, một thế giới trong đó vạn vật mang hình dáng và màu sắc tươi mới, và đổi thay, hoặc mang những bí mật khác, một thế giới trong đó quá khứ sẽ có rất ít hoặc không có chỗ, hay tồn tại, sao chẳng nữa, không có hình thái ý thức nào về nghĩa vụ hay nuối tiếc, việc hồi tưởng ngay cả về niềm vui cũng mang đến đắng cay, và kí ức về khoái lạc thì đau đớn.

Sự tác tạo thế giới như vậy dường như đối với Dorian Gray mới là mục tiêu đích thực, hoặc trong số những mục tiêu đích thực, của đời; và trong cuộc tìm kiếm tri giác hẳn có đồng thời cả mới mẻ và thú vị, và sở hữu yếu tố xa lạ mà rất thiết yếu cho sự lãng mạn, chàng thường áp dụng những phương pháp tư duy nhất định mà chàng biết là thật sự lạ lẫm với bản chất mình, bỏ mặc bản thân vào những ảnh hưởng tinh vi, và rồi, để, như vốn thể, bắt lấy màu sắc của chúng và thoả mãn tính ham biết tri thức của mình, bỏ chúng lại

với sự lãnh đạm kì lạ chẳng hề xung khắc với khí chất thật sự sôi sục, và điều đó, quả thực, theo những tâm lí gia đương đại nhất định, thường là một điều kiện cho sự tạo tác thế giới ấy.

Từng có đồn đại rằng chàng đã định gia nhập hiệp thông Công giáo La Mã; và chắc hẳn nghi lễ La Mã vẫn luôn có sức hút lớn đến chàng. Sự hi sinh thường nhật, thật sự khủng khiếp hơn tất cả hi sinh trong thế giới cổ xưa, sự khước từ cao đẹp của nó về thực chứng giác quan khuấy lên trong chàng bao nhiêu, là bấy nhiêu tính đơn giản nguyên sơ của các yếu tố và khơi cảm vĩnh hằng trong bi kịch loài người mà nó tìm cách tượng trưng. Chàng yêu việc quì gối trên nền cẩm thạch lạnh, và trông vị linh mục, trong bộ áo tế lễ hồ cứng thêu hoa của ông, chăm chăm bằng đôi bàn tay trắng vén sang tấm mạng che rạp lễ, hoặc nâng cao chiếc bình thánh thể hình lồng đèn cần ngọc chứa thứ nước lạt lẽo mà thi thoảng, người ta vui lòng nghĩ, đó quả thật là "*panis caelestis*", bánh thiên thần, hoặc, choàng lên y phục Đam Mê Ki-tô, bẻ Bánh Thánh vào li rượu lễ, và dấm lên ngực mình hồi lỗi. Các lư hương toả khói, mà những cậu bé nghiêm trang, trong bộ đồ ren đỏ, tung lên trời như những bông hoa lớn thếp vàng, mang về mê hoặc tinh tế đến chàng. Lúc ra về, chàng thường nhìn vẻ ngạc nhiên về hướng phòng xưng tội tối đen, và mong mỗi được ngồi vào bóng tối mờ một trong số chúng và nghe đàn ông với đàn bà thì thầm qua hàng lưới sắt gỉ câu chuyện đời thực của họ.

Nhưng chàng không bao giờ sa vào sai lầm của việc kìm hãm sự mở mang trí tuệ mình bằng bất kì sự đồng thuận chính thức nào về tín điều hay giáo lí, hoặc ngộ nhận, trong một ngôi nhà để ở, một quán trọ phù hợp để qua đêm, hay chỉ vài giờ trong màn đêm không

sao và không trắng hoải thai. Chủ nghĩa thần bí, với quyền năng tuyệt diệu khiến những thứ tầm thường thành xa lạ với chúng ta, và chủ nghĩa chống đạo tinh vi dường như luôn cùng song hành, lay động chàng trong một mùa, và trong một mùa chàng thiên về thuyết duy vật trong phong trào *Học Thuyết Darwin** ở Đức, và thấy một khoái lạc lạ kì trong việc theo dấu những suy nghĩ và đam mê của người đời đến tế bào tựa ngọc trai nào đó trong não, hay dây thần kinh trắng nào đó trong cơ thể, cả mừng thấy ra tính phụ thuộc tuyệt đối của tinh thần lên các điều kiện thể chất nhất định, bệnh hoạn hay mạnh khoẻ, bình thường hay đau yếu. Dầu vậy, như đã nói về chàng trước đây, dường như với chàng không lí thuyết nào về cuộc sống được coi là quan trọng nếu so sánh với chính cuộc sống. Chàng cảm nhận ý thức sâu sắc tất thảy suy xét trí tuệ sẽ căn cỗi đến thế nào khi tách rời khỏi hành động và thực nghiệm. Chàng biết các giác quan, không ít hơn linh hồn, cũng có những bí ẩn tinh thần để bộc lộ.

Vậy nên bấy giờ chàng nghiên cứu mùi hương, và những bí mật trong cuộc chế tạo chúng, dầu thơm nước chưng cất, và gôm đốt tẩm hương từ phương Đông. Chàng thấy không một tâm trạng nào của tâm trí mà không có phần tương ứng trong đời sống giác quan, và cho đích thân mình khám phá mối liên thông thực thụ của chúng, tự hỏi thứ gì trong hương trầm khiến sự thành huyền bí, còn trong long diên hương thì khuấy động đam mê con người, còn trong hoa tím thì đánh thức kí ức những mối lãng mạn đã chết, còn trong xạ hương thì quấy rầy bộ não, còn trong cây xam- pác thì nhuộm màu tưởng tượng; và thường xuyên tìm cách dựng lên một môn tâm lí học đích thực về mùi hương, và đánh giá tầm ảnh hưởng của những củ thơm

ngọt, cùng bông hoa thơm trĩu phần, của nhựa thơm, cùng gỗ hương sẫm màu, của cây cam tùng ốm yếu, của cây khúg khéng khiến người đời hoá rồ, và của cây lô hội được cho rằng có thể trục xuất sâu muộn khỏi linh hồn.

Tại thời điểm khác chàng hết mình dâng hiến cho âm nhạc, và trong căn phòng mắt cáo dài, với trần nhà màu vàng đỏ chu sa cùng các mặt tường sơn xanh ô-liu, chàng cho mở buổi hoà nhạc lạ kì nơi những người gíp-xi cuồng dại giật toạc thứ âm nhạc hoang sơ khỏi những cây tam thập lục con con, hay những người Tunisia quàng khăn san vàng nghiêm trang gảy những dây căng trên cây đàn luyt quái đàn, trong lúc những người da màu cười toét miệng vỗ đều đều lên những chiếc trống đồng, và, gập mình trên tấm nệm đỏ, những người Anh-điêng mảnh khảnh đầu chít khăn thối vào ống tiêu dài bằng sậy hoặc đồng thau, và ếm phép, hay vờ ếm phép, lên những con rắn mang bành cỡ đại và rắn sừng a-đơ khủng khiếp. Thi thoảng các quãng nhạc thô ráp và nốt nghịch chói lói của thứ âm nhạc mọi rợ khuấy động chàng những khi đích thân tính hoa mĩ của Schubert, cùng nỗi buồn đẹp đẽ của Chopin, cùng hoà âm hùng tráng của Beethoven, lọt tai chàng trong vô vị. Chàng sưu tầm về từ tất cả ngóc ngách trên thế giới những nhạc cụ lạ lùng nhất mình tìm được, hoặc trong nắm mồ những dân tộc đã chết hoặc trong số những bộ lạc man di ít ỏi vẫn còn duy trì liên lạc với nền văn minh phương Tây, và yêu việc sờ vào và thử chúng. Chàng có được cây đàn huyền bí *juruparis* của người Anh-điêng vùng Rio Negro, thứ phụ nữ không được phép thấy, còn ngay đến trai tráng cũng không được nhìn cho đến khi họ chịu nhịn ăn và bị quất roi, và chiếc vại đất của xứ Peru mang tiếng hét chói tai của loài chim, và ống sáo

bằng xương người như tiếng Alfonso de Ovalle từng nghe ở Chili, và những viên thạch anh xanh rẻo rắt được tìm thấy gần Cuzco và phát ra độc một nốt nhạc ngọt ngào. Chàng có được trái bầu sơn vẽ đựng đầy đá cuội kêu lạo xạo khi được lắc; chiếc kèn *clarin* dài của xứ Mexico, với nó người trình diễn không thổi, mà xuyên qua nó y hít khí vào; ống *ture* thô ráp của bộ lạc Amazon, mà được thổi lên từ người lính canh ngồi cả ngày trời trên cây cao, và có thể nghe được, như người ta nói, từ cách xa ba lí đường; trống *teponaztli*, có hai lưỡi rung bằng gỗ, và được đánh bằng dùi bôi gồm cao su lấy từ mủ của cây; dây chuông *yotl* của xứ Aztec, được treo thành chùm như quả nho; và một cái trống hình trụ khổng lồ, bọc bằng da những con mãng xà lớn, tựa con mà Bernal Diaz đã thấy khi anh đi cùng Cortes vào ngôi đền xứ Mexico, và âm thanh sâu thẳm anh buông lại cho chúng ta như sự miêu tả rất đối sống động. Đặc tính kì quái của những nhạc cụ ấy mê hoặc chàng, và chàng cảm thấy thích thú lạ kì trong suy nghĩ rằng Nghệ Thuật, như Tự Nhiên, có cho riêng mình những con quái vật, những thứ mang hình dáng thú vật cùng với giọng gầm ghê rởm. Dầu vậy, sau một thời gian, chàng chán ngấy chúng, và sẽ ngồi trong buồng mình ở rạp Opera, hoặc một mình hoặc với Ngài Henry, lắng nghe trong khoái lạc vô ngần vở Tannhäuser, và xem khúc dạo đầu của nghệ phẩm vĩ đại bày ra bi kịch chính linh hồn mình.

Có đặng chàng theo đuổi nghiên cứu đá quý, và trình diện tại buổi khiêu vũ hoá trang dưới hình ảnh ngài Anne xứ Joyeuse, Đô Đốc Pháp, trong bộ y phục đính năm trăm sáu mươi viên ngọc trai. Sở thích này say mê chàng trong nhiều năm, và, quả thật, có thể nói chưa bao giờ rời bỏ chàng. Chàng thường dành cả ngày xếp đi xếp

lại trong các hộp đựng chúng những viên đá khác nhau mà mình sưu tầm được, như viên ki-xô-bê-rin màu xanh ô-liu lại chuyển sang đỏ dưới ánh đèn, viên xi-mô-phăng với đường kẻ bạc nom như dây thép, viên pê-ri-đô màu hồ trăn, tô-pa hồng tựa hoa và vàng tựa rượu, ca-bun đỏ lửa với những đoá sao bốn tia run rẩy, đá xi-na-mông hồng hoả, pin-nơ cam và tím, và a-mê-thi với nhiều lớp ru-bi và xa-phia xen kẽ nhau. Chàng yêu màu vàng đỏ của nhật thạch, và trắng ngọc của nguyệt thạch, và ánh cầu vồng loang loáng của ô-pan màu sữa. Chàng lòng mua được từ Amsterdam ba viên lục bảo kích cỡ lạ thường và phong phú màu sắc, và có được viên lam ngọc *cổ thạch** là sự ghen tị của tất cả những tay sành sỏi.

Chàng còn khám phá ra những câu chuyện tuyệt vời về đá quý. Trong cuốn *Clericalis Disciplina* của Alphonso có con mãng xà được nhắc đến mang đôi mắt bằng cam ngọc đích thực, và trong trang sử lãng mạn về Alexander, người

Chinh Phục đất Emathia được kể rằng đã tìm thấy trong thung lũng xứ Jordan những con rắn "với lục bảo đích thực mọc thành vòng trên lưng". Có một viên ngọc trong nảo loài rồng, Philostratus nói cho ta vậy, và "bằng cách phô ra những mẫu tự vàng cùng áo choàng đỏ" con quái vật có thể bị rơi vào giấc ngủ ma thuật, và bị giết. Theo nhà giả kim vĩ đại, Pierre de Boniface, kim cương làm cho một người trở nên vô hình, còn mã não Ấn Độ khiến y có tài hùng biện. Đá cô-na-lin làm nguôi cơn giận, còn đá hai-xin đỡ giấc ngủ, còn a-mê-thi xua tan hơi men. Đá ga-nét trục xuất yêu ma, còn đá ha-rô-pô tước khỏi ánh trắng màu sắc của nàng. Đá xê-lê-nít đánh sập và xanh xao cùng ánh trắng, còn đá mê-lô, phát giác được kẻ trộm, chỉ có thể phát huy tác dụng khi dùng máu trẻ con. Leonardus

Camillus từng thấy một viên đá trắng lấy từ não một con cóc mới giết, làm một phương thuốc giải độc nhất định. Đá bê-dô, được tìm thấy trong quả tim loài hươu Ả-rập, là thứ bùa có thể chữa dịch hạch. Trong tổ bầy chim Ả-rập có đá át-pi-lết, mà, theo Democritus, tránh cho người đeo khỏi mọi mối nguy từ lửa.

Nhà Vua xứ Ceilan rong ngựa khắp thành với viên hồng ngọc trên tay, trong buổi lễ đăng quang của mình. Các cổng trong cung điện của John vị Linh Mục được "làm từ ngọc xa-đi, với chiếc sừng của con rắn sừng dát lên, để không kẻ nào mang được chất độc vào bên trong". Trên đầu hồi là "hai trái táo vàng, trong đó có hai viên ca-bun", để vàng được sáng ban ngày, còn ca-bun thì ban đêm. Trong câu chuyện lãng mạn lạ lùng *A Margarite of America* của Lodge có nói rằng trong căn buồng của nữ hoàng người ta có thể diện kiến "tất cả các trinh nữ trên đời, khám nghiệm bạc, nhìn qua mặt gương trong sạch bằng ki-xô-li, ca-bun, xa-phia, và ê-mê-rô xanh". Marco Polo đã từng trông cư dân Zipangu nhét viên ngọc trai hồng vào miệng người chết. Một con hải quái từng mê đắm viên ngọc trai mà thợ lặn tiến cống lên các Vua Peroz, và đã giết tên trộm, và khóc than bảy mùa trăng cho nỗi mất mát. Khi những người Hun nhử nhà vua sa hố bẫy lớn, ngài liệng nó bay xa – Procopius kể câu chuyện – rồi nó chẳng bao giờ còn được thấy lại, mặc dù Hoàng Đế Anastasius treo giá năm trăm cân vàng miếng cho nó. Nhà Vua xứ Malabar đã phô trương cho một người Venice nào đó tràng hạt kết từ ba trăm lẻ tư viên ngọc trai, tương ứng cho mỗi vị thần ngài thờ phụng.

Lúc Công Tước xứ Valentinois, con trai Alexander VI, thăm viếng Louis XII nước Pháp, ngựa của ông chở đầy vàng lá, theo Brantome,

và ở mũ ông có hai hàng hồng ngọc phôi dưới ánh sáng vĩ đại. Charles nước Anh cưỡi ngựa với bàn đạp treo bốn trăm hai mươi một viên kim cương. Richard II có chiếc áo khoác, trị giá ba mươi ngàn đồng mác, được phủ kín hồng ngọc ba-lát. Hall miêu tả Henry VIII, trên đường đến Tháp trước lễ đăng quang của mình, đã mặc “áo khoác ngoài đắp kín vàng, bằng thông cáo thêu với kim cương và các loại đá quý khác, và một viên ba-đơ-rích lớn quanh cổ ba-lát rộng của ngài”. Sở thích của James I là đeo bông tai bằng ngọc lục bảo có sợi vàng bện quanh. Edward II ban tặng Piers Gaveston một bộ giáp vàng đỏ cần ngọc gia-xin, một vòng cổ bằng hồng vàng đính đá lam ngọc, và một mũ giáp cần* ngọc trai. Henry II đi găng dát ngọc dài chạm tận khuỷu, và có một chiếc găng chim ưng khâu với mười hai viên hồng ngọc và năm mươi hai viên ngọc trai vĩ đại. Chiếc mũ công tước của Charles kẻ Liều Lĩnh, vị Công Tước xứ Burgundy cuối cùng của dòng dõi mình, được mặc đầy ngọc trai hình quả lê, và cần dây ngọc bích.[11](#)

Cuộc đời đã từng thanh tú lắm thay! Sự tráng lệ và đồ trang hoàng mới bóng bẩy làm sao! Ngay việc đọc về tính xa xỉ của người chết thôi cũng tuyệt vời.

Rồi chàng chuyển mỗi lưu tâm đến đồ thêu, và đến tấm thảm treo đảm nhiệm chức năng của tranh bích hoạ trong các căn phòng buổi giá ở những nước Bắc Âu. Khi chàng xem xét nghiên cứu đối tượng – và chàng luôn có một biệt tài lạ thường để trở nên cuốn hút tuyệt đối vào thứ mình theo đuổi những lúc ấy – chàng đã gần như sầu muộn vì hình bóng phản chiếu của suy tàn mà Thời Gian trút lên cái đẹp để và tuyệt vời. Chàng, dù thế nào, cũng thoát được nó. Hạ nỗi hạ, và cây trường thọ vàng nở rộ rồi chết rũ nhiều lần, và những

đêm kinh hoàng thuật lại câu chuyện về nỗi hổ thẹn của chúng, nhưng chàng không thay đổi. Không mùa đông nào tàn phá gương mặt chàng hay làm nhor tuổi xuân tựa hoa của chàng. Nó khác biệt với vật chất lắm thay! Chúng trôi đến nơi nào? Đâu rồi áo choàng lớn màu nghệ tây, với nó các vị thần đã đánh lại đám khổng lồ, được làm nên từ những cô gái da nâu cho niềm vui của Athena? Đâu rồi, mái che khổng lồ mà Nero chẳng dài khắp Colosseum ở thành La Mã, cánh buồm tím của Titan tượng trưng cho bầu trời sao, và chiến xa của Apollo được kéo bằng những con ngựa buộc dây cương thếp vàng? Chàng mong mỗi được thấy tấm khăn trải bàn ăn làm riêng cho vị Linh Mục Mặt Trời, trên nó bày biện tất cả món ăn và thực phẩm được hăng mong cho một yến tiệc; tấm vải liệm Vua Chilperic, với ba trăm con ong bằng vàng; những tấm áo choàng kì quái đã kích động nỗi căm phẫn của Giám Mục xứ Pontus, và được in hình “sư tử, báo đen, gấu, chó, rừng rậm, đá, thợ săn – tất cả, thật vậy, thứ một họa sĩ có thể sao chép được từ thiên nhiên”; và áo khoác mà Charles xứ Orleans từng mặc, trên ống tay thêu lời bài ca bắt đầu bằng “*Phu nhân hỡi, ta hạnh phúc thay**”, phần nhạc đệm cho ca từ được làm từ vàng sợi, và mỗi nốt, hình vuông những ngày ấy, tạo thành từ bốn viên ngọc trai. Chàng đọc về căn phòng được sửa soạn tại cung điện Rheims dành cho Nữ Hoàng Joan xứ Burgundy, và được trang hoàng bằng “một ngàn ba trăm hai mươi một con vẹt, thêu mà thành, tô điểm bằng huy hiệu tựa quyền uy của nhà vua, và năm trăm sáu mươi một con bướm, đôi cánh trang trí tựa quyền uy nữ hoàng, toàn bộ đều làm bằng vàng”. Catherine nhà Medicis có chiếc giường tang của mình với bột nhung đen cùng trắng lười liềm và mặt trời. Màn giường bằng gấm đa-mát, với vòng

hoa và vòng tang rậm lá, in trên nền vàng với bạc, và viền quanh mép là vải thêu ngọc trai, và được đặt trong căn phòng treo hàng đề từ của nữ hoàng bằng nhung đen cắt thêu trên vải bạc. Louis XIV có các trụ tượng nữ thêu vàng cao mười lăm bộ trong phòng ở của mình. Chiếc giường ngai của Sobieski, Vua nước Ba Lan, được làm với thổ cẩm xanh ngọc thêu vàng Smyrna cùng những câu kinh Koran. Trụ mái giường được thếp bạc, chạm trổ đẹp đẽ, lại còn vô vàn bộ huy chương tráng bóng và dát ngọc. Nó được lấy từ trại Thổ trước Vienna, và ngọn cờ của Mohammed đã dựng dưới tấm màn trướng rung rinh thếp bạc của nó.

Vậy là, trong một năm ròng, chàng săn lùng gom góp các mẫu vật thanh tú nhất của công trình dệt thêu mà mình tìm được, kiếm được tấm mu-xơ-lin Delhi, khéo léo tạo ra từ những chân vịt vàng sợi, và đan nên từ đôi cánh bọ óng ánh; khăn sa Dacca, vì độ trong suốt của mình mà được biết đến ở phương Đông như nào "khí dệt", nào "nước trôi", nào "sương đêm"; những vải in lạ lùng từ Java; màn treo vàng công phu Trung Hoa; những quyển sách bọc xa-tanh hung vàng hoặc lụa lam mịn, và thêu *huệ cách điệu**, chim muông, cùng hình ảnh; mạng *ren** làm bằng mũi kim Hungary; thổ cẩm Sicily, và nhung cứng Tây Ban Nha; tác phẩm xứ Georgia có những đồng xu mạ vàng, và *Foukousa* Nhật Bản với những miếng vàng ánh xanh cùng những con chim mang bộ lông tuyệt diệu của mình.

Chàng còn có đam mê đặc biệt với tế phục giáo hội, mà thực tế chàng có liên hệ mật thiết đến việc tế lễ của Nhà Thờ. Trong những chiếc rương tuyết tùng dài xếp thành hàng trong phòng trưng bày hướng tây, ngôi nhà chàng đã cất kín nhiều mẫu vật hiếm có và đẹp

để lấy từ thứ được cho là xiêm y đích thực của Hôn Thê Ki-tô, người phải bận vải lanh tím mịn màng đính ngọc để sao cho nàng giấu đi cơ thể ốm yếu nhợt nhạt đã héo mòn vì gánh chịu nỗi đau khổ mình truy cầu, và đã tổn thương vì cơn đau tự hành xác. Chàng sở hữu một chiếc áo lễ cộp bằng lụa đỏ thắm và đa-mát vàng sợi, in hoa văn điệp điệp những thạch lựu vàng đặt trong đoá hoa sáu cánh sang trọng, hai bên sườn là hoa tiết trái thơm tạo nên từ những hạt ngọc trai li ti. Dải viền thêu được phân làm nhiều ô đại diện cho từng cảnh trong cuộc đời người Đồng Trinh, và buổi đăng quang của người Đồng Trinh được in lên lụa màu trên mũ trùm. Đây là tác phẩm của Ý hồi thế kỉ mười lăm. Chiếc áo lễ cộp khác bằng nhung xanh, thêu chùm lá ô rô dáng tim, từ đó mọc ra bông hoa trắng cuống dài, các chi tiết đều được chọn làm bằng chỉ bạc và pha lê màu. Cây ghim cài ngực mang hình đầu thiên thần chế tác từ vàng sợi. Dải viền thêu kẻ ca-rô trên lụa đỏ và vàng, được chấm sao đầy những huy chương của bao nhiêu vị thánh và người tử đạo, trong đó có Thánh Sebastian. Chàng cũng có cả áo lễ xa-duy bằng lụa màu hổ phách, với lụa lam cùng thổ cẩm vàng, với lụa đa-mát vàng cùng vải bằng vàng, in tượng trưng cảnh Đam Mê và Đóng Đinh Ki-tô, và thêu hình sư tử cùng khổng tước cùng các biểu trưng khác; áo lễ ma-đa bằng xa-tanh trắng và lụa đa- mát hồng, trang trí hoa uất kim hương cùng cá heo cùng *huệ cách điệu**; bàn thờ mặt trước tẩm nhung đỏ thắm và vải lanh lam; và nhiều khăn thánh, mạng phủ rượu lễ, và khăn lễ xu-đa-ri. Trong phòng chứa huyền bí những vật như thế đã được cất, có gì đó nhen lên trong trí tưởng của chàng.

Những cửa báu này, và mọi thứ chàng sưu tầm trong ngôi nhà đáng yêu của mình, đối với chàng cốt để tìm quên, cách thức cho chàng được trốn chạy, trong một mùa, khỏi nỗi kinh hãi mà dường như trong chàng lúc ấy hồ như quá nặng nề để gánh chịu. Trên bức tường của căn phòng khoá cô độc nơi chàng có rất nhiều năm tháng tuổi thơ, chàng đã treo bằng chính tay mình bức chân dung khủng khiếp có khả năng thay đổi để tỏ cho chàng thấy sự suy đồi thật sự của đời mình, và trước nó bị phủ lên miếng vải liệm tím vàng tựa như màn che. Nhiều tuần rồi chàng đã không vào đấy, đã quên đi vật gớm guốc được vẽ, và có lại trái tim tươi sáng, niềm vui tuyệt vời, sức cuốn hút nhiệt thành vào sự hiện tồn đơn thuần của mình. Rồi, đột nhiên, đêm nọ chàng lén ra khỏi nhà, đi xuống chốn đáng sợ gần Bãi Cổng Lam, và ở lại đó, ngày qua ngày, đến khi chàng bị xua đi. Trong chuyến quay về chàng ngồi trước bức hoạ, đôi khi ghé tởm nó và đích thân mình, dằng dầy, những lúc đó, lòng kiêu hãnh của chủ nghĩa cá nhân thứ góp phần nửa vào vẻ mê hoặc của tội lỗi, và mỉm cười, với khoái lạc thầm kín, vào cái bóng đen méo mó đã đỡ lấy gánh nặng mà đáng lẽ chàng phải chịu.

Sau một vài năm, chàng chẳng thể chịu đựng được nước Anh thêm nữa, và bỏ lại căn biệt thự mình đã chia sẻ với Ngài Henry ở Trouville, cũng như ngôi nhà nhỏ tường trong sơn trắng ở Algiers nơi họ từng hơn một lần đến sống vào mùa đông. Chàng ghét phải tách khỏi bức hoạ đã như một phần đời mình, và ngoài ra cũng sợ trong thời gian mình vắng mặt ai đó biết đâu lại đột nhập được vào phòng, bất chấp những then khoá kĩ lưỡng chàng đặt trên cánh cửa.

Chàng hoàn toàn ý thức được rằng chuyện này chẳng nói lên điều gì. Sự thật rằng bức chân dung vẫn được bảo quản, dưới tất

thầy tính dơ bẩn và xấu xa của gương mặt, nó vẫn còn nét hao hao giống chàng, nhưng người đời có thể biết gì từ chuyện đó? Chàng sẽ cười vào mặt kẻ nào chế nhạo mình. Chàng không vẽ nó. Vẽ đề tiện và tủi nhục của nó đến mức nào thì cũng có sao với chàng? Ngay cả khi chàng nói cho họ, liệu họ có tin không?

Dầu vậy chàng vẫn sợ. Thỉnh thoảng những lúc chàng xuống ngôi nhà lớn ở Nottinghamshire, tiêu khiển với những chàng trai thời thượng cùng tầng lớp cũng là những đồng bạn thiết thân, và làm sướng sốt khắp hạt bằng lối xa xỉ phóng túng và vẻ lộng lẫy tuyệt trần trong cách sống của mình, chàng đột nhiên bỏ khách khứa đấy và lao về thành phố để được thấy cánh cửa chưa bị xâm phạm, và bức hoạ vẫn còn đấy. Sẽ ra sao nếu nó bị đánh cắp? Chỉ nghĩ thôi cũng khiến chàng lạnh người vì kinh hãi. Chắc hẳn sau đó thế gian sẽ biết bí mật chàng. Biết đâu thế gian đã hoài nghi rồi.

Trong khi, chàng mê hoặc được nhiều người, cũng có không ít kẻ nghi kị chàng. Chàng đã gần như bị phủ quyết

ở hội quán West End nơi mà với xuất thân cùng địa vị xã hội của mình, chàng hoàn toàn được phép trở thành hội viên, và người ta nói có dịp, khi chàng đưa bạn mình vào phòng hút của Churchill, Công Tước xứ Berwick và một quý tộc khác ra mặt đứng dậy bỏ đi. Các câu chuyện hiếu kì về chàng trở nên thịnh hành sau khi chàng bước sang năm thứ hai mươi lăm cuộc đời. Có đồn đoán rằng chàng bị trông thấy lúc gây gổ với cánh thủy thủ ngoại quốc trong ổ chuột hạ cấp ở những vùng xa xôi khu Whitechapel, và rằng chàng cùng hội với quân trộm cắp và làm bạc giả và biết các ngón nghề của chúng. Những chuyển vắng mặt lạ thường của chàng trở nên khét tiếng, và, khi chàng xuất hiện trở lại trong giới thượng lưu, người đời

xì xào với nhau trong góc, hay bước ngang chàng với cái cười khẩy, hay nhìn chàng với đôi mắt dò xét lạnh lùng, như thể họ quyết tâm tìm ra bí mật chàng.

Trước những sự thoá mạ và coi khinh như vậy chàng, hẳn nhiên, không bận tâm đến, và theo nhận định từ hầu hết mọi người thì phong thái hoà nhã ngay thẳng, nụ cười trẻ thơ quyến rũ, và vẻ duyên dáng vô cùng của chàng nơi tuổi trẻ tuyệt vời dường như chưa khi nào rời bỏ ấy, đã là câu trả lời thoả đáng với họ cho những lời vu oan giá hoạ, như họ gọi thế, được đơm đặt quanh chàng. Đáng lưu tâm là, tuy thế, vài người từng nhất mực thân thiết với chàng hình như, sau một thời gian, dần lảng tránh chàng. Những phụ nữ từng cuồng si chàng, đã vì chàng mà bất chấp tất cả chỉ trích xã hội và bất tuân lệ thường, cũng chuyển sang tái mặt vì hổ thẹn cùng kinh hãi khi Dorian Gray bước vào phòng.

Dẫu vậy, những vụ tai tiếng rì rầm này chỉ khuếch lên trong mắt người đời, và trong vẻ quyến rũ lạ lùng lẫn nguy hiểm của chàng. Tài sản lớn lao của chàng là một yếu tố nhất định của sự bảo mật. Xã hội, ít nhất là xã hội văn minh, không bao giờ sẵn sàng tin bất kì chuyện gì phương hại đến những người có cả giàu sang và quyến rũ. Cảm nhận theo bản năng thì đối đãi quan trọng hơn đạo đức, và, trong nhận định của nó, sự đáng kính cao nhất có giá trị kém xa sự sở hữu một đầu bếp* cừ. Và, suy cho cùng, sẽ là câu an ủi đáng thương hại nếu nói rằng một kẻ bày ra bữa tối dở, hoặc rượu vang tồi, lại không đáng chê trách trong cuộc sống riêng tư. Ngay đến đức hạnh của hồng y cũng không chuộc được lỗi cho một bàn lễ* nguội lạnh, như Ngài Henry từng lưu tâm, trong cuộc thảo luận về chủ đề này; và có lẽ là ý hay khi nói về quan điểm gã. Các phép tắc

trong một xã hội tốt đẹp phải, hoặc nên, giống với các phép tắc trong nghệ thuật. Hình thức là tuyệt đối cần thiết. Nó phải có phẩm chất của một nghi lễ, như là tính không thật, và nên phối hợp tính thiếu chân thành của kịch lãng mạn với sự thông tuệ và vẻ đẹp đã viết nên những vở kịch làm say mê chúng ta. Sự thiếu chân thành là một điều khủng khiếp ư? Tôi nghĩ là không. Đó đơn thuần là phương pháp để ta tăng lên gấp bội số nhân cách của mình.

Đây, sao chẳng nữa, là nhận định của Dorian Gray. Chàng từng ngạc nhiên với môn tâm lí học nông cạn quan niệm Bản Ngã trong con người như một thứ đơn giản, vĩnh cửu, đáng tin, và đơn chất. Với chàng, con người là một thực thể với hàng vạn cuộc đời và hàng vạn cảm giác, một sinh vật phức hợp mang trong mình di sản lạ lùng của suy tư và đam mê, còn từng thối thịt bị ươn mùi căn bệnh quái đản mang tên cái chết. Chàng yêu việc tản bộ khắp phòng tranh lạnh lẽo thê lương trong ngôi nhà gia truyền của mình và nhìn ngắm các bức chân dung khác nhau của những người mang cùng huyết thống. Đây là Philip Herbert, miêu tả bởi Francis Osborne, trong *Kí ức về các Triều Đại của Nữ Hoàng Elizabeth và Vua James* của chàng, đó là người “được Triều Đình ve vuốt vì gương mặt điển trai của mình, thứ khiến ông chẳng được trọng dụng lâu”. Phải chăng cuộc đời của Herbert thời trẻ chàng đã đôi lần sống? Phải chăng con trùng độc kì lạ nào đó trườn từ người nọ đến người kia cho đến khi bắt được chàng? Phải chăng một tri giác mờ nhạt nào đó về vẻ duyên dáng bị tàn phá đã khiến chàng rất đột ngột, và gần như không nguyên do, buông lời, trong phòng hoạ của Basil Hallward, cho nguyện ước rồ dại đã thay đổi triệt để cuộc đời mình? Đây, trong áo chên đỏ thêu vàng, áo ngoài đính ngọc, và cổ xếp nếp

cùng bằng tay viền vàng, đứng đó là Đức Anthony Sherard, với bộ giáp bạc đen chống cọc dưới chân mình. Di sản của người đàn ông này là gì? Phải chăng tình nhân của Giovanna xứ Naples truyền lại cho chàng đồ thừa kế nào đó về tội lỗi và hổ thẹn? Phải chăng hành động của chàng đơn thuần là giấc mơ mà những người thiên cổ không dám thực hành? Đây, từ tấm vải bạt bạc màu, mỉm cười kìa Phu Nhân Elizabeth Devereux, trong chiếc mũ trùm sa, yếm ngọc trai, và tay áo cắt tua hồng của bà. Một đoá hoa trong bàn tay phải, còn tay trái bà nắm chặt chiếc vòng cổ trắng bóng màu trắng với những bông hồng đa-mát. Trên chiếc bàn cạnh bà đặt một cây măng cầm và một quả táo. Có các nơ hồng xanh lớn trên đôi giày nhọn nhỏ của bà. Chàng biết cuộc đời bà, và những câu chuyện kể về các tình nhân của bà. Phải chăng có khí chất nào đó ở bà trong chàng? Đôi mắt trái xoan có hàng mi dày dường như tò mò nhìn chàng. Điều gì ở George Willoughby, với bộ tóc giả rắc phấn và nốt ruồi giả kì quái của ông? Trông ông mới nanh ác lắm thay! Gương mặt u ám và ngăm đen, còn đôi môi đậm dật dường như cong lên khinh bỉ. Cổ tay xếp nếp vắt trên đôi tay gầy vàng vọt chất nặng những nhẫn. Ông từng là một tay theo một đại lục ở thế kỉ mười tám, và bạn bè, thời trẻ, của Ngài Ferrars. Điều gì ở người thứ hai dòng dõi Ngài Beckenham, đồng bạn với Hoàng Tử Regent trong những ngày hoang sơ nhất của ngài, và một trong những nhân chứng tại lễ kết hôn bí mật với Bà Fitzherbert? Trông ông mới kiêu hãnh và điển trai làm sao, với món tóc xoắn cùng thế đứng khinh mạn! Đam mê nào ông đã truyền thừa? Nhân thế nhìn ông trong ô danh. Ông đã dẫn đầu cuộc truy hoan tại Nhà Carlton. Ngôi Sao Garter lấp lánh trên ngực ông. Cạnh ông treo bức chân dung người

vợ, một phụ nữ tái nhợt, mỏng môi trong bộ đồ đen. Dòng máu bà cũng khuấy trộn trong chàng. Thấy dường như thật hiếu kì! Và mẹ chàng với gương mặt Phu Nhân Hamilton, cùng đôi môi ướm như quệt rượu của bà – chàng biết mình đã nhận

điều gì từ bà. Chàng đã nhận từ bà sắc đẹp, niềm đam mê sắc đẹp ở mọi sự khác. Bà cười cợt chàng trong bộ váy cô đồng Bacchante luộm thuộm của mình. Có lá nho trên tóc bà. Sắc tím đỏ trào khỏi chiếc cốc bà cầm. Sắc hồng phấn đã úa trên bức tranh, nhưng đôi mắt vẫn tuyệt vời trong chiều sâu và độ sáng ở màu sắc chúng. Chúng như dõi theo mọi nơi chàng đến.

Một kẻ có tổ tiên trong văn học, cũng như trong giống nòi, có thể gần hơn là trong mẫu người và khí chất, nhiều trong số họ, và chắc chắn cùng với sức ảnh hưởng khiến kẻ đó nhận thức thêm rõ ràng. Đã có những lần khi dường như với Dorian Gray, toàn bộ lịch sử chỉ là bản lưu chép cuộc đời của mình, không như chàng sống trong từng hành động và sự kiện, mà như trong tưởng tượng tạo ra cho mình, như nó đã trong bộ não và đam mê chàng. Chàng cảm nhận mình đã biết tất cả chúng, những nhân vật lạ lùng kinh hoàng lướt qua sân khấu thế gian và khiến tội lỗi thật tuyệt diệu cùng cái ác đầy tinh tế. Dường như với chàng, bằng cách thức huyền bí nào đó, cuộc đời họ chính là của chàng.

Tay nam chính trong tiểu thuyết tuyệt vời đã ảnh hưởng sâu đến cuộc đời chàng, bản thân hẳn cũng biết đến tưởng tượng hiếu kì này. Trong chương bảy hẳn có nói rằng, đầu đội nguyệt quế, để tránh bị sét đánh, hẳn đã ngồi, như Tiberius, trong khu vườn ở Capri, đọc cuốn sách đáng hổ thẹn của Elephantis, trong lúc những chú lùn và bày công đi khệnh khệ quanh mình còn người thối sáo

chế nhạo cái lư hương đứng thẳng bằng; và, như Caligula, đã chèn chén với những gã đua ngựa áo xanh trong tàu ngựa của họ, rồi ăn tối trong cái máng ngựa cùng con ngựa trán đeo ngọc; và, như Domitian, đã lang thang dọc hành lang lát gương cẩm thạch, nhìn quanh bằng đôi mắt bơ phờ bóng chiều của con dao găm đã kết liễu đời mình, và phát bệnh vì *chán đời**, *tædium vitæ* kinh khủng, bắt nguồn từ cuộc đời chẳng thiếu thứ gì; và đã nhòm qua viên lục bảo trong suốt tại lò mổ đỏ nọc của Đại Hí Trường, và rồi, trong cái kiệu đầy ngọc trai với đá tím kéo bằng những con lừa móng bạc, được chở suốt từ Phố Lụa đến Nhà Vàng, và đã nghe người dân gào khóc lúc Nero Cæsar ngang qua; và, như Elagabalus, đã sơn màu lên mặt mình, rồi miệt mài kéo sợi cùng đám đàn bà, rồi mang Mặt Trăng từ Carthage về, rồi đẩy nàng vào cuộc hôn nhân huyền bí với Mặt Trời.

Dorian đọc đi đọc lại chương kì quái này, và hai chương liền sau, trong đó, như tấm thảm treo kì lạ hay đồ tráng bóng tinh xảo nào, đã hoạ lên những hình hài kinh khủng và đẹp để được Truy Lạc và Máu và Mỗi Một tạo ra trong quái đản hoặc rồ dại: Filippo, Công Tước xứ Milan, đã giết vợ mình, và tô lên môi ả chất độc đỏ thắm để gã tình nhân mút lấy cái chết từ xác chết mà y môn trốn; Pietro Barbi, người Venice, còn biết đến như Paul Thứ Hai, đã hợm hĩnh tìm mong đoạt lấy danh hiệu Formosus, và chiếc miện, trị giá hai trăm ngàn đồng lo-rin, được mua với cái giá của tội lỗi khủng khiếp; Gian Maria Visconti, sử dụng chó để săn thịt người sống, và cái xác bị sát hại của ông được phủ đầy hoa hồng từ một cô điếm đã phải lòng yêu; người nhà Borgia trên con ngựa trắng của mình, với Fratricide rong ngựa bên cạnh, còn áo choàng nhuộm máu Perotto; Pietro Riario, vị Hồng Y Tổng Giám Mục trẻ tuổi xứ Florence, đưa

con và tay sai của Sixtus IV, vẻ đẹp ngang bằng với tính trác táng của mình, và đón nhận Leonora xứ Aragon trong túp lều bằng vải trắng và lụa đỏ, đầy những tiểu nữ thần và nhân mã, cùng một cậu bé vàng mà có thể chạy bàn tiệc như Ganymede hay Hylas; Ezzelin, mang nỗi sầu chỉ chữa lành bằng cảnh chết chóc, và mang đam mê với máu đỏ, như người ta mang với rượu vang đỏ – đưa con trai của Quỷ Dữ, như được thông tri, và kẻ bằng quân xúc xắc lừa bịp cha mình trong ván bạc đặt cược linh hồn; Giambattista Cibo, định cái danh Ngây Thơ một cách nhạo báng, và trong tỉnh mạch ngủ lịm là máu ba chàng trai đã truyền cho nhờ một bác sĩ người Do Thái; Sigismondo Malatesta, tình nhân của Isotta, và lãnh chúa xứ Rimini, người có hình nộm bị thiêu tại thành La Mã như kẻ thù của Chúa Trời và loài người, người

đã siết cổ Polyssena bằng khăn ăn, và đầu độc Ginevra xứ Este trong chiếc cốc bằng ngọc lục bảo, và để tôn vinh niềm đam mê đáng hổ thẹn đã cho xây một nhà thờ tà giáo để thờ phượng Ki-tô. Charles VI, đã cuồng si vợ của anh mình và được một người bị phong cùi cảnh báo về cơn điên sắp ập đến, và, khi bộ não ông phát bệnh và trở nên quái gở, chỉ có thể xoa dịu bằng những tấm thiệp Saracen vẽ hình Tình Yêu cùng Cái Chết cùng Cơn Điên; và, trong bộ áo chồn da bó sát cùng mũ giáp đính ngọc cùng món tóc xoắn như cây ô rô của mình, Grifonetto Baglioni, đã giết Astorre với nàng hôn thê, và Simonetto với chú tiểu đồng, và cũng duyên dáng như vậy, khi chàng nằm chết trong quảng trường vàng ở Perugia, những kẻ ghét chàng chẳng biết làm gì ngoài khóc thương, và Atalanta, người từng nguyện rửa chàng, đã cầu phúc chàng.

Có một sức mê hoặc khủng khiếp trong tất cả chúng. Chàng nhìn chúng ban đêm, còn chúng quấy rầy trí tưởng chàng ban ngày. Thờì Phục Hưng biết nhiều kiểu đầu độc – đầu độc bằng mũ bảo hộ và đuốc cháy, bằng găng thép và quạt ngọc, bằng cầu thơm thếp vàng và tràng hạt hổ phách. Dorian Gray đã bị đầu độc bằng cuốn sách. Nhiều lúc chàng nhìn cái ác đơn sơ như một phương pháp cho chàng nhìn ra khái niệm của mình về vẻ đẹp.

CHƯƠNG XII

Đây là vào mồng chín tháng Mười Một, đêm trước sinh nhật thứ ba mươi tám của mình, như chàng thường nhớ lại sau này.

Chàng đang đi bộ về nhà tầm mười một giờ từ chỗ Ngài Henry, nơi mình đã dùng bữa tối, và bọc người trong lớp áo lông rậm, bởi đêm thì lạnh và dày sương. Từ phía góc Quảng Trường Grosvenor và Phố Nam Audley một người đàn ông băng ngang chàng trong màn sương mù, đi rất mau, với cổ chiếc áo un-tơ xám bẻ dựng. Anh ta xách một cái xác trong tay. Dorian nhận ra anh. Đó là Basil Hallward. Một cảm giác sợ hãi lạ kì, mà chàng không đong đếm được, ập lên mình. Chàng không tỏ vẻ gì là nhận ra, và bước tiếp thật nhanh, hướng thẳng về nhà mình.

Nhưng Hallward đã thấy chàng. Dorian nghe tiếng ban đầu anh dừng bước trên vỉa hè và rồi vội vàng theo sau chàng. Ít phút sau tay anh đã nắm cánh tay chàng.

“Dorian! Đúng là may mắn khôn tày! Anh đợi em trong thư phòng suốt từ chín giờ. Sau cùng anh nạy lòng thương hại người đầy tớ đã mệt lử của em, và bảo cậu ấy đi ngủ, trong lúc cậu tiễn anh ra. Anh sắp đi xa đến Ba Lê trong chuyến tàu nửa đêm, và đặc biệt muốn gặp em trước khi đi. Anh đã nghĩ đó là em, hoặc đúng hơn thì là bộ áo lông của em, lúc em bước ngang anh. Nhưng anh chẳng chắc lắm. Em không nhận ra anh ư?”

“Trong sương thế này ư, Basil thân mến? Sao mà được, em còn không nhận ra nổi Quảng Trường Grosvenor. Em tin nhà mình ở đâu

đó quãng này, nhưng em không đoan chắc được về gì hết. Em buồn tiếc vì anh đi xa, cũng như việc mình đã không gặp anh nhiều năm. Nhưng em đồ rằng anh sẽ sớm về chứ?”

“Không: anh sẽ rời xa nước Anh trong sáu tháng. Anh dự tính mở phòng hoạ ở Ba Lê, và tự giam mình đến khi nào hoàn thành bức tranh vĩ đại anh có trong đầu. Tuy nhiên, điều anh muốn nói không phải về mình. Ta đã đến cửa nhà em rồi đây. Cho anh vào chốc lát nhé. Anh có điều muốn nói với em.”

“Em sẽ thích mê. Nhưng anh sẽ không lỡ tàu chứ?” Dorian Gray chậm rãi nói, lúc chàng bước lên và mở cửa bằng chìa khoá chốt của mình.

Ánh đèn vùng vầy rọi xuyên màn sương, và Hallward nhìn đồng hồ. “Anh còn hàng đồng thì giờ,” anh trả lời. “Tàu không chạy trước mười hai giờ mười lăm, còn giờ mới mười một giờ. Thực ra, anh đang trên đường đến hội quán tìm em, lúc anh chạm mặt em. Em thấy đấy, anh sẽ không gặp bất cứ trì hoãn nào về hành lí, bởi anh đã gửi những thứ nặng trước rồi. Tất cả anh mang theo đều trong xách này, và anh có thể dễ dàng đến ga Victoria trong hai mươi phút.”

Dorian nhìn anh và cười. “Chàng hoạ sĩ thời thượng đi du lịch có khác! Đọc một xắc Gladstone, với đọc một áo un- tơ! Vào đi anh, không thì sương sẽ vào nhà mất. Và anh nhớ cho đừng nói chuyện gì nghiêm túc. Không có gì nghiêm túc trong thời buổi này. Chí ít thì không có gì đáng phải thế.”

Hallward lắc đầu, đoan anh bước lên, và theo chân Dorian vào thư phòng. Lửa củi sáng rỡ cháy rực trong lò sưởi lộ thiên lớn. Các đèn vẫn thấp, và một hòm rượu bạc Hà Lan để ngổ đứng đó, với vài

ống xi-phông nước xô-đa và cốc vại lớn bằng thuỷ tinh, trên chiếc bàn gỗ dẹt nhỏ.

“Em trông đầy tớ của em đãi anh như ở nhà vậy, Dorian ạ. Cậu ấy đưa đến mọi thứ anh muốn, kể cả thuốc lá đầu lọc vàng thượng hạng của em. Cậu ấy là tạo vật mến khách nhất hạng. Anh thích cậu ấy hơn nhiều anh chàng người Pháp em từng có. Cậu người Pháp ra sao rồi, nhân thể?”

Dorian nhún vai. “Em tin rằng anh ta cưới cô hầu của Phu Nhân Radley, rồi đôn cô ấy lên ở Ba Lê như một thợ may người Anh. Chúng sùng Ăng-lê đang rất hợp một ở đó bây giờ. Người Pháp có vẻ dại, nhỉ? Nhưng – anh biết chứ?”

– anh ta không phải đầy tớ tồi chút nào. Em chưa từng thích anh ta, nhưng cũng chẳng có gì phàn nàn. Người ta thường tưởng tượng ra những điều hoàn toàn phi lí. Anh ta thật sự đã rất tận tụy với em, dường như còn buồn lắm lúc đi xa. Thêm một li cô-nhắc trộn xô-đa nữa nhé? Hay anh thích vang hoóc trộn xen-xe? Em luôn tự pha vang hoóc trộn xen- xe cho mình. Chắc chắn vẫn còn đôi chút bên phòng kế.”

“Cảm ơn em, anh không uống gì nữa đâu,” người hoạ sĩ nói, cởi mũ với áo khoác, rồi quăng lên cái xắc anh để trong góc. “Và giờ, em thân mến, anh muốn nói chuyện nghiêm túc với em. Đừng cau có như thế. Em đang làm khó anh thêm đấy.”

“Thầy là về gì?” Dorian kêu lên, bằng điệu bộ hờn mát, ném mình xuống ghế dài. “Em mong là đừng về mình. Em đã chán ngấy bản thân đêm nay. Em thích được là ai đó khác.”

“Là về em,” Hallward trả lời, bằng giọng nghiêm trang, thâm trầm, “và anh phải nói với em. Anh sẽ chỉ phiền em nửa giờ thôi.”

Dorian thở dài, và châm thuốc. “Nửa giờ đấy!” chàng lầm bầm.

“Không nhiều đòi hỏi ở em đâu, Dorian ạ, và hoàn toàn vì lợi ích của em nên anh mới nói. Anh nghĩ tốt hơn em nên biết những chuyện kinh khủng nhất đang được đàm tiếu về mình ở Luân Đôn.”

“Em không mong biết bất kì thứ gì về chúng. Em yêu tai tiếng về người khác, nhưng tai tiếng về mình không khiến em lưu tâm. Chúng không mang vẻ quyến rũ của tính mới lạ.”

“Chúng phải khiến em lưu tâm, Dorian. Mọi quý ông đều lưu tâm đến thanh danh mình. Em không muốn người đời nói về mình như một kẻ đê tiện và suy đồi. Tất nhiên em có địa vị, của cải, và tất cả những dạng đó. Nhưng địa vị và của cải không phải là tất cả. Em nhớ cho, anh không tin những đồn đại này chút nào. Chỉ ít, anh không thể tin chúng khi nhìn thấy em. Tội lỗi là một thứ tự viết lên mặt người. Nó không thể giấu giếm. Người đời đôi lúc nói về sự truy lục bí mật. Không có thứ gì như vậy. Nếu một kẻ khốn khổ mang truy lục, nó sẽ tự phơi mình lên đường nét của cái miệng, dáng sụp của mi mắt, thậm chí cả hình dáng của bàn tay y. Có kẻ – anh sẽ không nhắc tên, nhưng em biết hẳn – ghé chỗ anh năm ngoái nhờ làm bức chân dung. Anh chưa từng thấy hẳn trước đây, và chưa từng nghe điều gì về hẳn khi ấy, mặc dù đã nghe được một giao dịch sộp từ đó. Hẳn vung một cái giá kếch xù. Anh đã từ chối. Có điều gì trong hình dáng ngón tay hẳn làm anh ghét. Giờ anh biết mình hoàn toàn đúng trong những gì mình mường tượng về hẳn. Đời hẳn rất đáng khiếp. Nhưng em, Dorian, với gương mặt trinh nguyên, sáng sủa, ngây thơ, cùng tuổi trẻ tuyệt diệu vô ưu của em – anh không thể tin bất kì điều gì xấu về em. Và đầu vậy anh rất hiếm khi thấy em, và giờ đây em không bao giờ xuống phòng họa, và khi

anh xa em, và anh nghe tất thấy những chuyện gổm guốc người đời xì xào về em, anh không biết nói sao. Tại sao thế, Dorian, mà một người như Công Tước xứ Berwick lại rời phòng ở hội quán khi em bước vào? Tại sao mà rất nhiều quý tộc ở Luân Đôn đã không ghé nhà em mà cũng không mời em đến nhà họ? Em từng là bạn của Ngài Staveley. Anh gặp cậu ta trong bữa tối tuần trước. Tên em vô tình xướng lên trong cuộc chuyện, liên quan đến các tiểu họa em mượn cho triển lãm ở Dudley. Staveley cong môi, và bảo rằng em có thể có gu nghệ thuật nhất, nhưng em là một kẻ mà không cô gái trong trắng nào được phép biết, và không đàn bà chính chuyên nào nên ngồi chung phòng. Anh nhắc rằng em từng là bạn của cậu ta, và gạn hỏi ý muốn nói gì. Cậu ta nói cho anh. Cậu ta nói cho anh ngay trước mặt đông người. Một điều kinh khủng! Tại sao tình bạn của em mang đầy chết chóc đến những chàng trai trẻ? Có một cậu bé khốn khổ trong đội Vệ Binh đã tự vẫn. Em là người bạn lớn của cậu ta. Rồi thì Đức Henry Ashton, đã rời nước Anh, trong ô danh. Em và anh ta đã từng không rời nửa bước. Chuyện gì với Adrian Singleton, cùng kết cục đáng sợ của anh ta? Chuyện gì với đứa con một của Ngài Kent, cùng sự nghiệp của cậu ta? Anh gặp cha cậu ta hôm qua trong Phố Thánh James. Ông ấy như tan nát vì tủi hổ và buồn rầu. Chuyện gì với Công Tước trẻ xứ Perth? Lối sống nào anh ta đang sống? Liệu quý tộc nào sẽ kết giao với anh ta nữa đây?"

"Thôi, Basil. Anh đang nói những chuyện mình mù mịt," Dorian Gray nói, cắn môi, và với tông khinh miệt vô cùng trong giọng nói. "Anh hỏi em cố sao Berwick rời phòng khi mình bước vào. Là bởi em biết mọi thứ về đời hắn, không bởi hắn biết mọi thứ về em. Với dòng máu hắn mang trong tĩnh mạch, làm cách nào hắn rửa sạch lí lịch

mình? Anh hỏi em về Henry Ashton và Perth trẻ. Là em đã dạy gã này tính truy lạc, và gã kia thói trác táng ư? Nếu thằng con ngu xuẩn của Kent nhặt vợ ngoài đường về, đó bởi tại do em ư? Nếu Adrian Singleton viết tên bạn nó lên hoá đơn, em là người quản lí nó ư? Em biết người đời huyền thuyên thế nào ở nước Anh. Tầng lớp trung lưu phô trương thành kiến đạo đức của họ trên những bàn ăn thô thiển, và xì xào về thứ họ gọi là tính phóng đảng của những kẻ tầng lớp trên cốt để găng gượng và tỏ vẻ rằng họ thuộc giới sạch sẽ, và có mối giao hảo thân tình với những kẻ họ bôi nhọ. Đất nước này đủ cho người nào mang ưu trội và đầu óc bị mọi cái lưỡi tầm thường khua khoảng nói xấu. Và kiểu đời nào những con người đó, được coi là đạo đức, đã sống? Anh thân mến, anh quên mất rằng chúng ta đang sống trong đất mẹ của lũ đạo đức giả.”

“Dorian,” Hallward thốt lên, “đó không phải vấn đề. Nước Anh tồi thế nào anh biết, và xã hội Anh rất sai quấy cả. Đó là lí do tại sao anh muốn em cao đẹp. Em đã không cao đẹp. Người đời có quyền phán xét một kẻ qua ảnh hưởng của y lên bạn mình. Ảnh hưởng của em dường như đánh mất tất thảy cảm giác về danh dự, lòng tử tế, tính trong sạch. Em nhồi nhét họ đầy những khoái lạc rồ dại. Họ rơi vào vực thẳm. Em đẩy họ xuống đấy. Phải: Em đẩy họ xuống đấy, và em lại mỉm cười được, như em đang cười lúc này. Và đằng sau còn tồi tệ hơn. Anh biết em và Harry không rời nhau nửa bước. Chắc chắn vì lí do đó, không gì khác, em đừng bêu tên chị cậu ta ra cợt nhả.”

“Dè miệng, Basil. Anh đi quá đà rồi.”

“Anh phải nói, và em phải nghe. Em sẽ nghe. Khi em gặp Phu Nhân Gwendolen, chưa một lời tai tiếng nào từng chạm đến bà ấy.

Còn bây giờ liệu có một phụ nữ đứng đắn nào ở Luân Đôn sẽ đánh xe cùng bà đạo Công Viên không? Cớ sao mà, ngay cả con cái bà cũng không chịu sống cùng mẹ. Rồi những chuyện khác nữa – những chuyện em bị bắt gặp đang rón rén lúc tỉnh mơ trốn khỏi các ngôi nhà kinh khiếp và lẫn lút giả trang chui vào các ổ chuột hôi thối nhất Luân Đôn. Có đúng thế không? Có thể đúng được không? Lúc ban đầu nghe đến, anh cả cười. Giờ đây nghe đến, chúng làm anh rùng mình. Chuyện gì với ngôi nhà gia truyền của em, và cuộc đời đã sống? Dorian, em không biết người ta nói gì về mình. Anh sẽ không thuật lại vì không muốn thuyết giáo em. Anh nhớ Harry có lần từng nói mọi kẻ muốn tiến thân thành một cha phó nghiệp dư cấp tốc luôn luôn khởi sự bằng thuyết giảng, và rồi tiếp đến nuốt lời mình. Anh rất muốn thuyết giáo em. Anh muốn hướng em sống cuộc đời sẽ khiến cả thế gian kính trọng. Anh muốn em mang một cái tên sạch cho một lí lịch đẹp. Anh muốn em thoát khỏi những con người ghê rợn mình đang kết giao. Đừng nhún vai như thế. Đừng quá dửng dưng. Em mang một ảnh hưởng tuyệt vời. Hãy hướng nó đến tử tế, chứ không phải tai ác. Họ nói rằng em huỷ hoại tất cả những người trở nên thân thiết với mình, và rằng đến độ mỗi lúc em bước vào căn nhà, dạng tủ nhục nào đó bước theo sau. Anh không biết liệu có đúng hay không. Làm sao anh biết đây? Nhưng đó là những lời về em. Anh đang nói những chuyện dường như không còn hoài nghi gì nữa. Ngài Gloucester là một trong những người bạn lớn của anh ở Oxford. Ông ấy đưa anh bức thư vợ mình biên gửi lúc bà ta chết cô độc trong căn biệt thự ở Mentone. Tên em có dính líu đến trong tờ xưng thú kinh khiếp nhất anh từng đọc. Anh nói ông ấy rằng chuyện này phi lí – rằng anh biết em rõ lắm, và rằng em không

làm được bất kì chuyện gì dạng ấy. Biết em ư? Anh tự hỏi mình có biết em không? Trước khi trả lời được câu hỏi đó, anh phải nhìn vào linh hồn em đã.”

“Nhìn vào linh hồn em!” Dorian Gray lăm bắm, giật thót mình từ ghế dài và gần như chuyển trắng bệch sợ hãi.

“Phải,” Hallward nghiêm nghị trả lời, và với tông buồn sâu sắc trong giọng nói – “nhìn vào linh hồn em. Nhưng chỉ Chúa mới làm được.”

Một tràng cười cay độc vì nhạo báng vỡ ra từ đôi môi người đàn ông trẻ hơn. “Anh sẽ đích thân thấy nó, đêm nay!” chàng kêu lớn, chộp lấy cái đèn trên bàn. “Đi: bức mỹ nghệ của chính anh. Cớ sao anh lại không nên nhìn nó? Anh có thể nói với thế giới tất thảy về nó sau này, nếu anh muốn. Không ai sẽ tin anh. Nếu tin anh, họ sẽ thích em hơn nữa vì nó. Em thức thối hơn anh, dù cho anh sẽ làm nhảm về nó một cách nhạt toẹt. Đi, em nói anh hay. Anh đã huyền thuyên đủ về mục ruỗng rồi. Giờ anh sẽ thấy nó mặt đối mặt.”

Một niềm kiêu hãnh điên dại trong từng lời chàng thốt. Chàng giậm thành thạch xuống nền đất bằng điệu bộ xác xược trẻ thơ của mình. Chàng cảm thấy một niềm vui khủng khiếp trong suy nghĩ rằng có một người khác cùng chia sẻ bí mật của mình, và rằng người đàn ông đã họa nên bức chân dung là cội nguồn tất thảy tủ nhục của chàng phải gánh chịu đến hết đời kí ức ghê tởm về thứ mình đã tạo ra.

“Vâng,” chàng tiếp, tiến gần anh hơn, và kiên định nhìn vào đôi mắt nghiêm nghị của anh, “em sẽ cho anh thấy linh hồn mình. Anh sẽ thấy thứ mình tưởng chỉ Chúa mới thấy.”

Hallward giật lùi lại. “Đây là lời phạm thánh, Dorian!” anh thốt lớn. “Em không được nói những điều như vậy. Chúng khủng khiếp, và chúng vô nghĩa.”

“Anh nghĩ thế ư?” Chàng lại cả cười.

“Anh biết thế. Cũng như những lời anh nói với em đêm nay, anh nói vì lòng tử tế của em. Em biết anh vẫn luôn là người bạn trung thành với em.”

Một ánh chớp xiêu vẹo của niềm đau loé ngang gương mặt người hoạ sĩ. Anh dừng giây lát, và một cảm giác tiếc thương dữ dội ập lên mình. Suy cho cùng, anh có quyền gì mà tọc mạch vào cuộc sống Dorian Gray? Nếu chàng đã làm một phần mười những tin đồn về mình, hẳn chàng phải chịu đựng nhiều lắm thay! Rồi anh dựng thẳng người, và bước đến bên lò lửa, và đứng đấy, nhìn những súc gỗ cháy với tro tàn tựa sương giá và lõi lửa lách tách của chúng.

“Em đang chờ đấy, Basil,” chàng trai nói, bằng giọng cứng rắn, rõ ràng.

Anh quay lại. “Điều anh phải nói là đây,” anh kêu lên. “Em phải cho anh câu trả lời nào đó về những gánh nặng khủng khiếp đã chất lên mình. Nếu em nói rằng chúng tuyệt đối không đúng từ đâu chí cuối, anh sẽ tin em. Phủ nhận đi,

Dorian ơi, phủ nhận đi! Em không thấy những gì anh đang trải qua ư? Chúa ơi! Đừng nói với anh rằng em đôi bại, và mục ruỗng, và đáng hổ thẹn.”

Dorian Gray mỉm cười. Một nét cong khinh miệt trên môi chàng. “Lên lầu, Basil,” chàng nói khẽ. “Em giữ nhật kí đời mình ngày lại ngày, và nó không bao giờ rời căn phòng mình được viết. Em sẽ đưa anh xem nếu anh đi cùng em.”

“Anh sẽ đi cùng em, Dorian, nếu em mong muốn. Anh thấy mình vừa lỡ chuyến tàu. Điều đó không quan trọng. Anh đi ngày mai cũng được. Nhưng đừng đòi anh đọc bất kì thứ gì đêm nay. Thả anh muốn là một câu trả lời rõ ràng cho câu hỏi của mình.”

“Điều đó sẽ được đưa anh trên lầu. Em không đưa ở đây được. Anh sẽ không phải đọc lâu.”

CHƯƠNG XIII

Chàng bước ra khỏi phòng, rồi bắt đầu đi lên, Basil Hallward theo sát sau lưng. Họ bước nhẹ nhàng, như bản năng của những kẻ đi đêm. Cây đèn hắt bóng quái lên tường và cầu thang. Một ngọn gió thổi lên làm các cửa sổ lạch cạch.

Khi họ đặt chân lên tầng thượng, Dorian đặt cây đèn xuống sàn, rồi lấy ra chiếc chìa khoá mà xoay vào ổ. “Anh vẫn cứ muốn biết đấy chứ, Basil?” chàng hỏi, trong giọng trầm.

“Phải.”

“Em rất vui lòng,” chàng trả lời, mỉm cười. Rồi chàng nói thêm, hơi gay gắt, “Anh là người duy nhất trên đời được phép biết mọi thứ về em. Anh đã làm nhiều việc đến đời em hơn mình nghĩ,” và, nhặt cây đèn lên, chàng mở cửa rồi bước vào. Một luồng khí lạnh thổi qua họ, và ánh đèn bùng lên thoáng chốc trong ngọn lửa vàng cam tăm tối. Chàng rùng mình. “Đóng cửa sau lưng anh lại,” chàng nói thầm, lúc đặt cây đèn lên bàn.

Hallward liếc quanh, với vẻ mặt bối rối. Căn phòng khoá như chưa từng được ở trong nhiều năm. Một thảm treo xứ Flanders bạc màu, một bức tranh phủ rèm, một *rương** cổ Ý, và một tủ sách gần như trống – đó là thấy những gì dường như nó chứa, bên cạnh một ghế và một bàn. Lúc Dorian Gray thả cây nến cháy dở đặt trên kệ lò sưởi, anh thấy toàn bộ nơi này đóng đầy bụi, còn tấm thảm thùng lổ chỗ. Một con chuột sột soạt chạy sau ván lát chân tường. Có mùi ẩm

ướt của năm mốc.

“VẬY RA ANH NGHĨ CHỈ CÓ CHÚA MỚI NHÌN THẤY LINH HỒN, HẢ BASIL? KÉO TẮM MÀN RA, RỒI ANH SẼ THẤY LINH HỒN EM.”

Giọng nói phát ra lạnh lùng và tàn nhẫn. “Em điên rồi, Dorian, hoặc đang giả cách,” Hallward lăm bắm, chau mày.

“Anh không à? Thế thì em phải tự làm lấy,” chàng trai nói; và chàng giật tấm màn khỏi tay đòn, rồi ném xuống đất.

Một tiếng thét kinh hoàng vỡ ra từ đôi môi người họa sĩ lúc anh thấy trong ánh sáng tù mù gương mặt gớm guốc trên nền vải bạt đang nhăn nhó với mình. Có điều gì trong biểu cảm của nó dâng đầy trong anh ghê tởm và kinh ghét. Trời ơi! Đó chính là gương mặt Dorian Gray anh đang nhìn! Vẻ kinh hoàng, dù thế nào, vẫn chưa tàn phá toàn bộ sắc đẹp tuyệt diệu ấy. Vẫn còn sắc vàng đầu đó trong mái tóc lụa thưa và sắc đỏ đầu đây trên cái miệng dâm dật. Đôi mắt đờ đẫn còn giữ chút gì vẻ đáng yêu của sắc xanh, những đường cong cao quý vẫn chưa rời đi hoàn toàn khỏi lỗ mũi như tạc và cổ họng như nặn. Vâng, đích thị là Dorian. Nhưng ai đã tạo ra nó? Chẳng như anh nhận ra họa phẩm của mình, và chiếc khung chính mình thiết kế. Ý tưởng thật quái đản, dẫu vậy anh thấy sợ. Anh chớp lấy cây nến sáng, và giơ trước bức họa. Ở góc dưới trái chính là tên anh, thảo bằng lối chữ dài mực chu sa đỏ tươi.

Đây là trò giễu nhại dơ dáy nào đó, trò trào lộng ti tiện, bỉ ổi nào đó. Anh chưa từng tạo ra nó. Tuy thế, nó chính là bức họa của anh. Anh biết, và anh cảm nhận như thể máu mình vừa thay đổi thoáng chốc lơ dờ từ lửa thành băng. Bức họa của chính anh! Nghĩa là sao? Có sao nó biến đổi? Anh quay lại, và nhìn Dorian Gray bằng đôi mắt một người bệnh. Miệng anh giãn giật, và cái lưỡi khô rang tưởng

như không phát âm được cho rõ ràng. Anh vuốt tay lên trán. Nó nhớp nháp mồ hôi lạnh.

Chàng trai đang dựa vào kệ lò sưởi, quan sát anh bằng biểu cảm lạ lùng như người ta thấy trên gương mặt những kẻ bị cuốn vào vở kịch lúc nghệ sĩ vĩ đại nào đó đang diễn. Không có nỗi buồn đích thực trong nó mà cũng chẳng có niềm vui đích thực. Đơn thuần là niềm đam mê của khán giả, với có lẽ là một ánh le lói của chiến thắng trong đôi mắt chàng. Chàng gỡ bông hoa khỏi áo khoác, rồi ngửi nó, hay vờ làm vậy.

“Chuyện này là sao?” cuối cùng Hallward kêu lên. Âm giọng nghe chói lói và kì dị trong tai anh.

“Nhiều năm trước, lúc em là một cậu bé,” Dorian Gray nói, bóp nát bông hoa trong tay, “anh gặp em, nhìn nọt em, và dạy em những phù phiếm về vẻ tốt mã của mình. Ngày nọ anh giới thiệu em với một người bạn, người đã phơi bày trước em sự kì diệu của tuổi trẻ, rồi anh hoàn thành bức chân dung đã biểu lộ trước em sự kì diệu của vẻ đẹp. Trong khoảnh khắc rồi đại, mà, ngay đến giờ, em không biết mình có hối tiếc hay không, em buông lời ước, có lẽ anh sẽ gọi là lời cầu nguyện...”

“Anh còn nhớ! Ôi, anh còn nhớ rõ lắm thay! Không! Chuyện này là không thể. Căn phòng ẩm thấp. Năm mốt đã ăn lên vài bọt. Loại sơn anh dùng có chứa khoáng chất độc hại kém chất lượng nào đó. Anh bảo em chuyện này là không thể.”

“A, có gì là không thể?” chàng trai lẩm bẩm, bước đến cửa sổ, và áp trán lên mặt kính lạnh, mờ sương.

“Em từng bảo anh mình đã phá huỷ nó.” “Em nhầm. Nó đã phá huỷ em.”

“Anh không tin đây là bức hoạ của anh.”

“Anh không thấy ý tưởng của mình trong đó ư?” Dorian cay đắng nói.

“Ý tưởng, như em nói...” “Như anh từng nói.”

“Không có gì nanh ác trong đó, không có gì đáng hổ thẹn. Em từng đối với anh như một ý tưởng mình sẽ không bao giờ gặp lại. Còn đây là gương mặt một gã dâm thần.”

“Đây là gương mặt linh hồn em.”

“Chúa ơi! Con đã tôn thờ thứ gì đây! Nó mang đôi mắt của tên ác quỷ.”

“Mỗi chúng ta đều có Thiên Đường và Địa Ngục trong hân, Basil,” Dorian thốt lớn, kèm cử chỉ tuyệt vọng hoang dại.

Hallward quay sang bức chân dung, và nhìn nó chăm chăm. “Lạy Chúa! Nếu đúng là thật,” anh than, “và đây là thứ em đã làm với cuộc đời mình, tại sao, em hân phải tồi tệ hơn nhiều so với những người nói xấu em mừng tượng được!” Anh giơ ánh nến lên tấm vải bạt lần nữa, và xem xét nó. Bề ngoài dường như hoàn toàn không tổn hại, vẫn như lần gần nhất anh thấy. Chính từ bên trong, rõ ràng, sự dơ dáy và kinh hoàng xảy đến. Bằng quấy đạp kì lạ từ cuộc sống bên trong mà bệnh hủi của tội lỗi ăn rụng dần mòn vật này. Cảnh thối rữa của xác chết trong ngôi mộ ngập nước cũng chẳng đáng sợ bằng.

Tay anh run, và cây nến rơi từ chân đế xuống sàn nhà, rồi nằm đó leo lét. Anh giẫm chân lên và dập tắt lửa. Rồi anh quăng mình vào chiếc ghế ọp ẹp kê cạnh bàn và vùi mặt mình vào lòng bàn tay.

“Chúa lòng lành, Dorian ơi, bài học đấy! Bài học đầy kính sợ!” Không có câu trả lời, nhưng anh nghe được tiếng chàng trai thốt

thức bên cửa sổ. "Cầu nguyện, Dorian, cầu nguyện đi," anh lẩm bẩm. "Điều gì người ta được dạy để nói trong tuổi thơ mình? 'Dẫn chúng con xa khỏi cám dỗ. Xá chúng con tội lỗi. Rửa trôi những nghịch đạo chúng con.' Ta hãy nói cùng nhau. Lời nguyện cho tính tự phụ đã được đáp lời. Lời nguyện cho mỗi ăn năn cũng sẽ được đáp. Anh tôn thờ em quá đổi. Anh bị trừng phạt vì thế. Em tôn thờ mình quá đổi. Hai ta đều bị trừng phạt."

Dorian Gray chậm chậm quay lại, và nhìn anh bằng đôi mắt nhoè nước. "Đã quá muộn, Basil," chàng lúng búng.

"Không bao giờ là quá muộn, Dorian. Ta hãy quì gối và gắng nếu không nhớ ra lời nguyện nào. Phải chăng đâu đó có câu, 'Mặc tội lỗi người như hồng điều, dầu vậy ta sẽ biến chúng trắng tựa tuyết'?"

"Những lời đó vô nghĩa với em bây giờ."

"Suýt! Đừng nói thế. Em đã làm đủ việc ác trong đời. Lạy Chúa! Em không thấy vật đáng rửa đó đang nhìn đều ta sao?"

Dorian Gray liếc về bức hoạ, và bất thần một cảm xúc căm uất không kìm được dành cho Basil Hallward ập lên chàng, như thể được gợi lên trong chàng từ tấm hình trên vải bạt, thì thăm vào tai chàng từ đôi môi nhả nhở. Đam mê điên cuồng của một con thú bị săn khuấy động trong chàng, và chàng thấy ghê tởm người đàn ông ngồi bên bàn, hơn bất kì thứ gì toàn bộ cuộc đời chàng từng ghê tởm. Chàng cuồng dại nhìn quanh. Cái gì đó lấp lánh trên mặt rương sơn màu trước mặt chàng. Ánh mắt chàng rơi xuống nó. Chàng biết đó là gì. Đó là con dao chàng từng mang vào, vài bữa trước, để cắt đoạn thừa, và đã quên mang ra theo. Chàng chậm chậm đi đến phía nó, bước ngang Hallward lúc đó. Ngay khi đã ra sau lưng anh, chàng chớp lấy, và quay phắt. Hallward cựa mình trong ghế như thể

dợm đứng dậy. Chàng lao vào anh, và chọc lưỡi dao vào tĩnh mạch chủ sau tai, nghiêng đầu người đàn ông xuống mặt bàn, và đâm rồi lại đâm.

Có tiếng rên rỉ nghèn nghẹn, và âm thanh khủng khiếp của người nghẹt thở vì máu. Ba lần cánh tay căng rộng duỗi ra co giật, vẫy vẫy bàn tay với những ngón cứng ngắc một cách kì khôi. Chàng đâm anh đôi nhát nữa, mà người đàn ông không động dậy. Thứ gì đó bắt đầu nhỏ giọt xuống sàn. Chàng chờ giây lát, vẫn ấn cái đầu xuống. Rồi chàng quăng con dao lên bàn, và lắng nghe.

Chàng không nghe được gì, ngoài tiếng tong tóng, tong tóng xuống tấm thảm cũ rích. Chàng mở cửa và đi ra đầu cầu thang. Ngôi nhà tuyệt đối im ắng. Không ai quanh đây. Trong vài giây chàng đứng chúi người bên lan can, và chăm chú nhìn xuống giếng cầu thang đen ngòm sôi sục trong bóng tối. Rồi chàng rút chìa khoá và về phòng, tự nhốt mình lúc ấy.

Vật đó vẫn ngồi trên ghế, ườn người lên bàn với cái đầu gục, và lưng gù, và cánh tay dài kì quái. Giả như không có vết rách đỏ lờm chớm ở cổ, và vũng đen vón cục chầm chậm loang dần trên bàn, người ta sẽ nói người đàn ông này đơn thuần đang ngủ.

Chuyện đã rồi thật chóng vánh thay! Chàng cảm thấy bình tĩnh kì lạ, rồi, đi đến cửa sổ, mở toang, và bước ra ban- công. CƠN gió đã thổi sương đi, và nền trời như một cái đuôi công quái đản, điểm sao bằng hàng vạn cặp mắt vàng. Chàng nhìn xuống, và thấy có viên cảnh sát đi tuần đang chiếu tia sáng dài từ chiếc đèn lồng của mình lên cửa những ngôi nhà im ắng. Chấm đỏ thắm của chiếc han-xăm loé lên nơi góc đường, và rồi tiêu biến. Một mục đàn bà trong chiếc khăn san ve vẩy đang chầm chậm lê bước bên hàng rào, vừa đi vừa

loạng choạng. Thi thoảng mục dừng lại, nhìn đằng sau. Thế rồi, mục bắt đầu hát bằng giọng khản đặc. Viên cảnh sát tản bộ đến và nói gì với mục. Mục đi vấp vấp, cười phá. Một luồng gió rét buốt quét qua Quảng Trường. Những cột đèn khí bập bùng, và chuyển xanh, còn những cây trụi lá rung lắc cành nhánh như sắt đen của mình đưa qua đưa lại.

Chàng rùng mình, rồi quay vào, đóng cửa sổ sau lưng.

Đi tới cửa, chàng tra chìa khoá, và mở ra. Chàng chẳng cả liếc vào người đàn ông bị giết. Chàng cảm thấy bí mật toàn bộ chuyện này chưa bị phát giác. Người bạn vẽ nên bức chân dung chết chóc chứa tất cả khổ nỗi đáng ra thuộc về chàng, đã bước khỏi đời chàng. Vậy là đủ.

Rồi chàng nhớ ra cây đèn. Nó là vật phẩm khá hiếm hoi bằng tài khéo những người Moor, làm từ bạc xỉn dát thép bóng Ả-rập, và đính cùng ngọc lam thô. Biết đâu người đầy tớ có thể thấy thiếu nó, rồi câu hỏi sẽ được đặt ra. Chàng do dự một thoáng, rồi quay lại và nhấc nó khỏi bàn. Chàng không ngăn được mình nhìn vào thứ đã chết. Nó cảm lạnh quá rồi! Bàn tay thanh mảnh trông trắng khiếp làm sao! Như thể một hình sáp dễ sợ.

Khoá cửa lại phía sau, chàng lặng lẽ leo xuống cầu thang. Gõ kêu cọt két, và dường như thét lên vì đau đớn. Chàng dừng lại vài lần, và nghe ngóng. Không: mọi thứ vẫn im ắng. Đó chỉ là âm thanh tiếng bước chân chàng.

Khi đến thư phòng, chàng thấy cái xắc và áo choàng trong góc. Chúng phải được giấu biệt đâu đó. Chàng mở khoá hộc tủ bí mật đóng ở chân tường, hộc tủ trong đó chàng đựng những đồ giả trang

kì lạ, và tổng chúng vào. Chàng có thể dễ dàng đốt chúng sau này. Rồi chàng rút đồng hồ. Đã hai giờ kém hai mươi.

Chàng ngồi xuống, và khởi sự suy nghĩ. Mỗi năm – mỗi tháng, gần như vậy – người dân nước Anh bị bóp nghẹt vì những gì chàng làm. Đã có cơn điên giết người trong bầu không. Ngôi sao đỏ nào đây đã đến rất gần trái đất... Và đâu vậy có bằng chứng nào chống lại chàng không? Basil Hallward đã rời ngôi nhà lúc mười một giờ. Không ai thấy anh ta quay lại. Hầu hết các đầy tớ đều ở vùng Hoàng Gia Selby. Người hầu phòng của chàng đã đi ngủ... Ba Lê! Vâng. Chính Ba Lê là nơi Basil đến, và bằng chuyến tàu nửa đêm, như anh đã định. Với thói quen kín tiếng kì lạ của anh ta, phải mất nhiều tháng trước khi có bất kì nghi vấn nào dấy lên. Nhiều tháng! Mọi thứ có thể được tiêu huỷ từ lâu trước đó.

Một ý nghĩ bất thần đập vào chàng. Chàng mặc lên áo khoác lông và mũ, rồi đi ra đại sảnh. Ở đây chàng dừng lại, lắng nghe tiếng bước nặng chậm chạp của viên cảnh sát trên vỉa hè ngoài kia, và trông ánh sáng từ chiếc đèn hồng tâm chiếu lên cửa sổ. Chàng chờ, và nín thở.

Sau một lúc, chàng kéo chốt, và lẩn ra, đóng cửa hết sức nhẹ nhàng sau lưng. Rồi chàng bắt đầu rung chuông. Trong tầm năm phút người hầu phòng xuất hiện, quần áo hờ hênh, và trông rất ngại ngủ.

“Tôi lấy làm tiếc phải đánh thức cậu, Francis,” chàng nói, bước vào trong; “nhưng tôi bỏ quên chìa khoá chốt. Mấy giờ rồi?”

“Hai giờ mười, thưa ông,” người đàn ông trả lời, nhìn đồng hồ và hấp háy mắt.

“Hai giờ mười rồi? Muộn quá thể! Cậu phải đánh thức tôi chín giờ ngày mai. Tôi có vài việc phải làm.”

“Được ạ, thưa ông.”

“Có ai đến chơi tối nay không?”

“Ông Hallward, thưa ông. Ông ấy ở đây đến mười một giờ, và rồi rời đi để bắt chuyến tàu.”

“Ồ, tiếc là tôi không gặp được anh ấy. Anh ấy nhắn lại gì không?”

“Không, thưa ông, trừ câu ông ấy nói sẽ viết gửi ông từ Ba Lê, nếu không tìm thấy ông ở hội quán.”

“Vậy tốt rồi, Francis. Đừng quên gọi tôi chín giờ ngày mai.”

“Vâng, thưa ông.”

Người đàn ông lóng ngóng đi xuống hành lang trong đôi dép lê của mình.

Dorian Gray ném mũ và áo khoác lên bàn, rồi bước vào thư phòng. Trong một khắc chàng đi lên đi xuống trong phòng căn căn môi, và suy nghĩ. Rồi chàng lấy xuống quyển Lam Thư từ một trong những kệ sách và bắt đầu lật giở. “Alan Campbell, 152, Phố Hertford, Mayfair.” Vâng; đó là người chàng muốn.

CHƯƠNG XIV

Chín giờ sáng hôm sau, người đầy tớ bước vào với một cốc sô-cô-la trên khay, và mở cửa chớp. Dorian đang ngủ hết sức bình yên, nằm nghiêng sang phải, với một bàn tay dưới má. Chàng trông như một cậu bé đã mệt vì chơi, hay học.

Người đàn ông phải lay vai chàng hai lần trước khi tỉnh hẳn, và lúc chàng mở mắt một nụ cười thoáng lướt qua môi, như thể chàng vẫn đang lạc bước trong giấc mơ thú vị nào đó. Dầu vậy chàng không mơ gì cả. Giấc đêm của chàng không bị quấy rầy bởi bất kì hình bóng khoái lạc hay đau đớn nào. Ấy là tuổi trẻ mỉm cười chẳng lí do. Đó là một trong những nét quyến rũ chính yếu nhất của nó.

Chàng quay ra, rồi, ưỡn mình chống khuỷu tay, bắt đầu nhấp miệng sô-cô-la. Nắng tháng Mười Một ngọt dịu chảy vào phòng. Bầu trời sáng, và có hơi ấm thân tình trong bầu không. Gần như một buổi sáng tháng Năm.

Dần dần các sự kiện đêm trước rón rén đôi bàn chân im tiếng nhuộm máu vào trí não chàng, rồi tái dựng lại chính mình trong đấy một cách rõ nét kinh khủng. Chàng nhắm mắt lúc hồi tưởng lại tất cả những gì mình chịu đựng, và trong một thoáng cảm xúc ghê tởm kì lạ dành cho Basil Hallward, đã xui chàng giết anh lúc đang ngồi trong ghế, ập về trong chàng, rồi chàng lạnh người đi vì thống khổ. Người chết vẫn ngồi đó, cũng, dưới ánh nắng trời lúc này. Khủng khiếp thay! Những thứ gớm guốc như thế dành cho bóng đêm, không phải ánh ngày.

Chàng cảm thấy nếu mình còn ấp ủ những việc vừa trải qua chàng sẽ phát bệnh hoặc hoá điên. Có những tội lỗi mang sức mê hoặc trong hồi tưởng lớn hơn trong việc thực hiện, những khúc khải hoàn lạ lùng thoả lòng kiêu hãnh hơn những đam mê, và trao cho trí tuệ một cảm giác nhen nhúm niềm vui, lớn lao hơn bất kì niềm vui nào chúng mang, hay từng mang, đến cảm giác. Nhưng chuyện này không thuộc sở chúng. Nó là một chuyện cần bị đẩy khỏi tâm trí, bị mê man bằng á phiện, bị bóp nghẹt kéo không biết chừng nó bóp nghẹt chính ta.

Lúc chuông nửa giờ điểm, chàng vuốt tay lên trán, và rồi hấp tấp đứng dậy, và tự sửa soạn mình với sự chu đáo hơn nhiều thường lệ, chăm chút lựa chọn ca-vát cùng ghim cài, và thay nhẫn nhiều hơn một lần. Chàng dành thời gian dài bên bữa điểm tâm, nếm nhiều đĩa khác nhau, nói chuyện với người hầu phòng về dăm bộ nô phục mới chàng nghĩ sẽ sắm cho các đầy tớ ở Selby, và điểm qua chồng thư từ. Ở vài bức chàng mỉm cười. Ba bức trong đó phiền lòng chàng. Một bức chàng đọc nhiều lần, và rồi xé toạc ra với ánh nhìn khinh rẻ khó chịu trên gương mặt. “Thứ kinh khiếp, bộ nhớ của giống đàn bà!” như Ngài Henry có lần nói.

Sau khi uống hết cốc cà-phê đen, chàng chậm rãi chùi môi bằng khăn ăn, ra hiệu cho người đầy tớ đợi, và đến bên bàn ngồi xuống viết hai bức thư. Một chàng đút vào túi, cái kia chàng trao cho người hầu phòng.

“Chuyển cái này đến 152, Phố Hertford, nhé Francis, và nếu Ông Campbell vắng mặt khỏi thành phố, thì hỏi lấy địa chỉ anh ta.”

Ngay khi chỉ còn một mình, chàng châm thuốc, và bắt đầu phác lên một mẫu giấy, vẽ hoa trước, và những mảnh kiến trúc, và rồi

những mặt người. Đột nhiên chàng nhận thấy mọi gương mặt mình vẽ đều có vẻ giống Basil Hallward quái lạ. Chàng cau mày, rồi, đứng dậy, đi đến tủ sách và lấy hủ hoạ xuống một tập. Chàng quyết tâm sẽ không nghĩ về chuyện đã rồi cho đến lúc rõ ràng cần phải làm vậy.

Khi đuổi người trên ghế dài, chàng nhìn trang tựa quyền sách. Đó là tập *Men và Đá Chạm** của Gautier, ấn bản giấy Nhật từ một bản, với thuật khắc a-xít Jacquemart. Bìa bọc bằng da thuộc màu xanh chanh yên, với thiết kế kẻ lưới mạ vàng và chấm lựu. Nó được gửi đến chàng từ Adrian Singleton. Đoạn lật trang sách, mắt chàng rơi xuống bài thơ về bàn tay của Lacenaire, bàn tay vàng vọt lạnh ngắt “*chưa sạch hết thống khổ**”, với những sợi lông tơ đỏ và “*những ngón tay dâm thần**” của nó. Chàng liếc về những ngón tay búp măng trắng của mình, không cưỡng được thoáng rung mình, và lướt qua, cho đến lúc chàng gặp khổ thơ đáng yêu về Venice:

“*Trên nền nhạc âm giai nửa cung, Một bầu ngực chảy xuôi dòng nước, Nàng Vệ Nữ biển Adriatic vẫy vùng*

Trắng và hồng tím thân nàng nâng bước.

Hình vòm cong, trên xanh biếc sóng mặN Nổi điệu múa đường nét tinh khôi, Phồng lên tựa đôi bầu ngực đầy đặn

Cho não nề tình ái dâng lên môi.

Thuyền con đậu bến, ta đáp đất, Quăng dây chạc quẩn quanh cọc tiêu, Trước mặt tiền ngôi nhà hồng ngát,

Trên bậc thang cẩm thạch bóng chiều.”¹²

Gợi cảm đến thế! Khi ta đọc chúng, ta tưởng như được lênhên xuôi thủy lộ xanh của thành phố hồng và ngọc trai, ngồi trong con thuyền gôn-đô-la đen với mũi thuyền và màn che bạc. Những

dòng chữ đơn thuần với chàng trông như những dòng nước lạ lùng màu xanh ngọc lớp lớp xô nhau ngoài bãi biển Lido. Màu sắc bất ngờ vụt loé gợi nhắc chàng về ánh tán xạ từ bầy chim cổ ngũ sắc màu đá ô-pan và i-rít vỗ cánh quanh lầu chuông Campanile cao vút hình lỗ chỗ tổ ong, hoặc diều qua, với vẻ oai vệ rất mực, xuyên mái vòm tối mờ, nhuộm bụi. Dựa lưng với đôi mắt khép hờ, chàng nhắm đi nhắm lại một mình:

“Trước mặt tiền toà nhà hồng ngát, Trên bậc thang cẩm thạch bóng chiều.”

Toàn bộ Venice nằm trong hai dòng này. Chàng nhớ về mùa thu mình từng có ở chốn ấy, và một tình yêu tuyệt vời đã khuấy chàng vào những đại khờ cuồng điên, thú vị. Lãng mạn có ở khắp nơi. Nhưng Venice, như Oxford, nắm giữ phong nền cho lãng mạn, và, đối với lãng mạn đích thực, phong nền là mọi thứ, hay gần như mọi thứ. Basil từng đến cùng chàng quãng thời gian ngắn, và phát cuồng danh hoạ Tintoret. Basil đáng thương! Kết cục một đời người ôi sao khủng khiếp thay!

Chàng thở dài, rồi cầm lại tập sách, và cố quên đi. Chàng đọc về đàn én bay ra bay vào *quán cà-phê** nhỏ ở Smyrna nơi những người Hadji ngồi đếm các hạt mã não và những thương nhân chít khăn xếp hút các tẩu thuốc đánh tua và nghiêm nghị nói chuyện với nhau; chàng đọc về đài cao Obelisk trong Quảng Trường Concorde đã khóc những giọt lệ hoa cương trong cảnh tha hương lẻ loi thiếu nắng, và mong mỗi trở về bên dòng Nile nóng hổi phủ đầy sen, nơi có Nhân Sư, có hồng hạc, có kền kền trắng với móng vuốt thép vàng, có cá sấu, với đôi mắt nhỏ lục ngọc, bò trên bùn xanh ẩm; chàng bắt đầu ắp ủ những câu thơ, kéo ra tiếng nhạc từ khối cẩm thạch đầy dấu

son môi, vịnh về bức tượng kì lạ được Gautier so sánh với giọng nữ trầm, bức "*quái nhân quỳến rữ**" nằm dài trong phòng đá poóc-phi của bảo tàng Louvre. Nhưng một lúc sau quỳến sách rơi khỏi tay chàng. Chàng dân căng thẳng, và một cơn kinh hãi khủng khiếp ập lên chàng. Sẽ ra sao nếu Alan Campbell vắng mặt ở Anh? Mất nhiều ngày trôi xa trước khi anh ta trở về. Biết đâu anh ta từ chối đến gặp. Vậy chàng có thể làm gì? Mỗi khoảnh khắc đều mang tầm quan trọng sống còn.

Họ đã từng là bạn thiết, năm năm trước – gần như không rời nhau nửa bước, quả vậy. Rồi sự thân thiết đột ngột đi vào hồi kết. Giờ đây khi họ gặp nhau ngoài xã hội, chỉ có Dorian Gray mỉm cười: Alan Campbell không đời nào.

Anh là một chàng trai vô cùng thông minh, dù anh không thật sự biết thưởng lãm nghệ thuật hữu hình, và bất kì chút ít tri giác về vẻ đẹp của thơ nào mà anh sở hữu đều hoàn toàn lấy từ Dorian. Niềm đam mê chính yếu đây trí tuệ của anh được dành cho khoa học. Ở trường Cambridge, anh dành lượng thời gian khổng lồ làm việc trong Phòng Thí Nghiệm, và đạt hạng giỏi trong kì thi Tripos Khoa Học Tự Nhiên ở năm của mình. Quả vậy, anh vẫn đang hiến mình cho nghiên cứu hoá học, và mở một phòng thí nghiệm cho riêng mình, nơi anh nhốt mình suốt cả ngày, rất làm phiền lòng mẹ mình, người hết lòng thêm khát một chỗ đứng cho anh trong Nghị Viện và ôm quan niệm mù mù rằng hoá học gia là người kê đơn thuốc. Tuy nhiên, ngoài ra, anh còn là một nhạc công ưu tú, và chơi cả vĩ cầm lẫn dương cầm thạo hơn hầu hết các tay ngang. Thực tế, ban đầu chính âm nhạc đã mang anh và Dorian Gray lại với nhau – âm nhạc và sức hấp dẫn khó cắt nghĩa mà Dorian dường như có thể thực hiện bất cứ

khi nào chàng mong, và thực tế là thường xuyên thực hiện chẳng hề hay biết. Họ gặp gỡ ở cái đêm nghệ sĩ Rubinstein chơi tại nhà Phu Nhân Berkshire và sau đó rất năng thấy cùng nhau vào rạp Opera, và bất cứ nơi nào có nhạc hay. Trong mười tám tháng, tình thân của họ kéo dài. Campbell lúc nào cũng hoặc ở Hoàng Gia Selby hoặc ở Quảng Trường Grosvenor. Với anh, cũng như nhiều người khác, Dorian Gray là hình mẫu của mọi điều tuyệt vời và mê hoặc trên đời. Liệu có chẳng một cuộc cãi lầy diễn ra giữa họ không ai biết cả. Nhưng đột nhiên người đời để ý thấy họ hồ hồ như không nói chuyện khi gặp nhau, và Campbell dường như luôn bỏ về sớm khỏi bất cứ bữa tiệc nào Dorian Gray góp mặt. Anh cũng thay đổi – trở nên sầu muộn lạ lùng khi ấy, có vẻ gần như không thích nghe nhạc, và đích thân sẽ không bao giờ chơi nhạc, viện cớ được miễn thứ, lúc anh được mời gọi, rằng mình quá miệt mài với khoa học mà không còn thời gian luyện đàn. Và điều này là đúng. Mỗi ngày anh dường như càng thêm hứng thú với sinh học, và tên anh đã xuất hiện một hai lần trong vài điểm tin khoa học, liên quan đến các thí nghiệm kì lạ nhất định.

Đây là người Dorian Gray mong ngóng. Chàng dán mắt vào đồng hồ từng giây. Cứ mỗi phút vụt qua chàng trở nên bồn chồn kinh khủng. Rốt cuộc chàng đứng dậy, và bắt đầu hốt hải đi lên đi xuống phòng, như một vật đẹp bị giam lỏng. Chàng sai bước dài dè dặt. Đôi bàn tay chàng lạnh lạ kì.

Lòng thấp thỏm trở nên không chịu nổi. Thời Gian với chàng dường như lết bằng đôi chân chì, trong khi chàng bị cơn gió quái đản quét về phía bờ vực lởm chởm của khe núi đen nào đó. Chàng biết điều gì đang chờ mình ở đấy; quả thật là đã thấy, rồi, rừng

mình, ép vào bằng đôi bàn tay ướm đôi mi mắt nóng rực của mình như thể chàng phải tổng đi mọi hình bóng ám ảnh bộ não, và đẩy cho hai tròng mắt lui về cái hốc của chúng. Vô hiệu. Bộ não có thức ăn của riêng nó để phình ra, và trí tưởng tượng, hoá thành kì khôi bởi nỗi kinh hoàng, xoắn vặn và méo mó như một vật sống nhờ nỗi đau, múa may như con rối hồi hám trên bục, và nhe nhớn cười xuyên thấu chiếc mặt nạ lâm li. Rồi, bất thần, Thời Gian ngừng lại vì chàng. Vâng: vật mù loà, thở chậm ấy không lết nữa, và những suy nghĩ kinh khủng, Thời Gian đang chết, mau mắn phóng lên phía trước, và lôi ra một tương lai gớm guốc từ nắm mồ của nó, và đưa chàng xem. Chàng nhìn nó chăm chăm. Kinh hoàng đến mức toàn thân hoá đá.

Rốt cuộc cánh cửa mở, và đầy tớ của chàng bước vào.

Chàng hướng đôi mắt chờ dẫn lên anh ta.

“Ông Campbell, thưa ông,” người đàn ông nói.

Tiếng thở phào vỡ ra từ đôi môi khô rang của chàng, và màu sắc trở về với má chàng.

“Mời anh ta vào ngay, Francis.” Chàng cảm thấy mình lại là mình. Tâm trạng bạc nhược đã trôi xa.

Người đàn ông cúi đầu, và lui ra. Một thoáng sau Alan Campbell đi vào, trông hết sức nghiêm nghị và có phần nhột nhạt, vẻ tái xanh của anh càng tăng thêm bởi mái tóc sẫm than và đôi mày tối.

“Alan! Đích thị là bạn rồi. Tôi hàm ơn bạn vì đã đến.” “Tôi đã định không đời nào bước chân vào nhà anh lần nữa, Gray. Nhưng anh nói có chuyện can hệ đến sống chết.” Giọng anh cứng và lạnh. Anh nói với sự thận trọng chậm rãi. Có cái nhìn khinh miệt trong ánh mắt dò xét kiên định anh chĩa vào Dorian. Anh đút tay vào túi chiếc

áo khoác Astrakhan, và dường như không để tâm đến cử chỉ chào đón mình.

“Vâng: đúng là chuyện can hệ đến sống chết, Alan ạ, và nhiều hơn một mạng người. Ngồi đi.”

Campbell lấy cái ghế kê bên bàn, còn Dorian ngồi đối diện. Mắt hai người đàn ông gặp nhau. Trong mắt Dorian có tiếc thương vô hạn. Chàng biết việc mình sắp làm rất khủng khiếp.

Sau khoảnh khắc im lặng căng thẳng, chàng cúi người và nói, rất lặng lẽ, nhưng quan sát tác động của mỗi lời trên gương mặt anh do chàng buông ra, “Alan, trong căn phòng khoá trên đỉnh ngôi nhà, căn phòng không một ai ngoài tôi vào được, có một người chết đang ngồi bên bàn. Ông ta chết được mười giờ đồng hồ tính đến nay. Đừng giật mình, và đừng nhìn tôi như thế. Người đó là ai, sao ông ta chết, chết như thế nào, đều là chuyện không dính dáng đến bạn. Việc bạn phải làm là –”

“Thôi, Gray. Tôi không muốn biết gì thêm. Bất cần biết chuyện anh nói là thật hay dối, không dính gì đến tôi. Tôi thẳng thừng khước từ việc lôi tôi vào đời anh. Cứ giữ lấy bí mật kinh khiếp của anh vào thân. Chúng không còn hấp dẫn tôi nữa.”

“Alan, chúng hẳn sẽ hấp dẫn bạn. Nó hẳn sẽ hấp dẫn bạn. Tôi hết sức xin lỗi bạn, Alan. Nhưng tôi không tự giúp mình được. Bạn là người duy nhất cứu được tôi. Tôi buộc phải lôi bạn vào chuyện này. Tôi không còn cách khác. Alan, bạn là khoa học gia. Bạn biết về hoá học, và những thứ kiểu đó. Bạn đã làm nhiều thí nghiệm. Việc bạn phải làm là tiêu huỷ vật trên lầu – tiêu huỷ không chừa một vết tích nào sót lại. Không ai thấy người này vào nhà cả. Thực tế, trong lúc này ông ta được cho là đang ở Ba Lê. Ông ta sẽ không được nhớ ra

trong nhiều tháng. Khi ông ta được nhớ ra, thì hẳn chẳng còn dấu vết nào của ông ở đây. Bạn, Alan, bạn phải biến ông ta, và mọi thứ thuộc về ông ta, thành một nắm tro mà tôi có thể rải vào không khí.”

“Mày điên rồi, Dorian.”

“A! Tôi đang chờ bạn gọi tôi bằng Dorian.”

“Mày điên rồi, tao nói mày – hoạ điên mới tưởng đến chuyện tao sẽ động một ngón tay giúp mày, hoạ điên mới buông lời thú nhận quái đản này. Tao sẽ không làm gì trong chuyện này, bất kể thế nào. Mày nghĩ tao sẽ mạo hiểm thanh danh của mình vì mày ư? Mấy trò ma quỷ mày bày ra thì có việc gì đến tao?”

“Đó là tự tử, Alan ạ.”

“Tao lấy làm mừng. Nhưng ai đồn ông ta phải làm vậy?

Mày, tao nên mừng tượng thế.”

“Bạn vẫn từ chối làm cho tôi chuyện này ư?”

“Tất nhiên tao từ chối. Tao sẽ tuyệt đối không làm gì. Tao không quan tâm nhục nhã nào ập lên mày. Mày đáng chịu tất thảy. Tao cũng không buồn thương khi thấy mày bị hạ nhục, hạ nhục công khai. Sao mày dám nhờ tao, trong tất thảy người trên đời, để bản thân lôi thôi vào chuyện ghê rợn này? Tao hẳn nghĩ mày biết nhiều về tính cách con người hơn cơ. Bạn mày Ngài Henry Wotton không dạy được mày nhiều về tâm lí học, bất kể những thứ khác gã đã dạy được mày. Không gì xui được tao nhích một bước đến giúp mày hết. Mày tìm nhầm người rồi. Đến chỗ các bạn mày ấy. Đừng đến tao.”

“Alan, đó là giết người. Tôi đã giết ông ta. Bạn không biết ông ta đã khiến tôi chịu đựng những gì. Cho dù đời tôi thế nào, ông ta đã

làm hỏng nó nhiều hơn Harry tội nghiệp đã làm. Ông ta có thể không chủ tâm, kết quả vẫn y nguyên.”

“Giết người! Chúa lòng lành, Dorian, đây là thứ mày đã đâm đầu đến? Tao sẽ không tổ giắc mày. Đó không phải việc của tao. Và lại, chẳng cần đến sự khuấy tay của tao, mày chắc chắn sẽ bị bắt. Không kẻ nào từng làm ác mà không phạm phải điều gì ngu xuẩn. Nhưng tao sẽ không làm gì cả.”

“Bạn phải làm gì đó. Đợi, đợi một lát, nghe tôi. Chỉ nghe thôi, Alan. Thà tôi đòi ở bạn là thực hiện một thí nghiệm khoa học nhất định. Bạn đến bệnh viện và nhà xác, và những kinh hoàng bạn làm ở đó không ảnh hưởng gì bạn. Nếu trong phòng mổ gồm guốc hoặc phòng thí nghiệm bốc mùi nào đó bạn thấy người đàn ông này nằm trên bàn chì với những rãnh đỏ dẫn máu ra thành dòng, bạn sẽ đơn thuần nhìn ông ta như một đối tượng đáng kính trọng. Bạn sẽ không sờn tóc gáy. Bạn sẽ không tin rằng mình làm gì sai quấy. Trái lại, có thể bạn sẽ cảm thấy mình đang giúp ích cho nhân loại, hay tích lũy kiến thức cho thế giới, hay thoả mãn lòng hiếu kì trí tuệ, hay thứ gì đó tương tự. Việc tôi muốn bạn làm đơn thuần là việc bạn vẫn thường làm trước giờ. Thực tế, tiêu huỷ một xác người hẳn phải ít khủng khiếp hơn nhiều những công việc bạn đã quen làm. Và, xin nhớ cho, đây là mảnh chứng duy nhất chống lại tôi. Nếu nó bị phát hiện, tôi thất bại; và nó chắc chắn bị phát hiện nếu bạn không giúp tôi.”

“Tao không có mong muốn giúp mày. Mày quên đấy. Tao đơn thuần lãnh đạm với toàn bộ chuyện này. Chẳng có gì để làm cho tao.”

“Alan ơi, tôi van bạn. Hãy nghĩ về địa vị tôi đang có. Ngay trước lúc bạn đến tôi gần như lịm đi vì kinh hoàng. Bạn có thể đích thân biết đến kinh hoàng một ngày kia. Không! Đừng nghĩ về nó. Hãy nhìn chuyện này thuần túy từ quan điểm khoa học. Bạn không ngại hỏi những xác chết mình làm thí nghiệm đến từ đâu. Đừng hỏi bây giờ. Tôi vốn đã nói cho bạn quá nhiều. Nhưng tôi xin bạn hãy làm. Chúng ta từng là bạn, Alan ạ.”

“Đừng nói về những ngày ấy, Dorian: chúng chết rồi.” “Cái chết vẫn nấn ná đôi khi. Người đàn ông trên lầu sẽ không đi xa. Ông ta đang ngồi bên bàn với cái đầu gục và cánh tay dang rộng. Alan! Alan! Nếu bạn không đến phù trợ tôi sẽ thân bại danh liệt. Cớ sao, họ sẽ treo cổ tôi, Alan ơi! Bạn không hiểu ư? Họ sẽ treo cổ tôi vì những việc đã làm.”

“Không hay ho gì việc kéo dài cảnh này. Tao thẳng thừng từ chối làm bất cứ gì trong chuyện này. Mày mất trí rồi mới nhờ tao.”

“Bạn từ chối ư?”

“Đúng.”

“Tôi van bạn, Alan ạ.” “Vô dụng thôi.”

Ánh nhìn thương hại tương tự cũng loé lên trong mắt Dorian Gray. Rồi chàng với tay, lấy mảnh giấy, và viết gì đó vào. Chàng đọc hai lần, gấp lại cẩn thận, và đẩy qua bên kia bàn. Xong việc, chàng đứng lên, và bước đến bên cửa sổ.

Campbell nhìn chàng trong kinh ngạc, và rồi nhặt lấy cục giấy, và mở ra. Đoạn anh đọc nó, mặt anh cắt không còn giọt máu, và anh ngã ngửa ra ghế. Cảm giác phát bệnh khủng khiếp ập lên anh. Anh cảm thấy như thể tim mình đang đập đến chết trong lồng ngực rỗng không nào đấy.

Sau dăm ba phút im lặng kinh khủng, Dorian quay lại, và bước tới đứng sau lưng anh, đặt tay lên vai anh.

“Tôi rất tiếc cho bạn, Alan ạ,” chàng lẩm bẩm, “nhưng bạn không cho tôi cách nào khác. Tôi có một bức thư viết sẵn. Nó đây. Bạn thấy địa chỉ rồi đấy. Nếu bạn không giúp tôi, tôi phải gửi nó đi. Nếu bạn không giúp tôi, tôi sẽ gửi nó đi. Bạn biết hậu quả hẳn sẽ ra sao. Nhưng bạn sẽ giúp tôi. Bất khả cho bạn để từ chối bây giờ. Tôi đã gắng dung thứ cho bạn rồi. Bạn sẽ đền đáp lại tôi để được phép đón nhận nó. Bạn đã nghiêm khắc, lỗ mǎng, xúc phạm. Bạn cư xử với tôi theo cách không ai từng dám làm – không ai còn sống, sao chẳng nữa. Tôi chịu tất. Bây giờ đến lượt tôi ra điều kiện.”

Campbell vui mặt vào tay, và một cơn rùng mình lướt qua chàng.

“Vâng, đến lượt tôi ra điều kiện, Alan ạ. Bạn biết chúng là gì. Việc này vô cùng đơn giản. Đi, đừng day bản thân phát sốt lên. Việc này phải xong. Đổi mặt, và xử lí.”

Một tiếng rên vỡ ra khỏi môi Campbell, và anh run rẩy khắp mình. Tiếng tích tắc của đồng hồ trên kệ lò sưởi với anh dường như chia cắt Thời Gian thành nhiều nguyên tử rời rạc quǎn quại, từng cái một đều quá khủng khiếp để chịu đựng. Anh cảm thấy như có chiếc vòng sắt chằm chằm siết quanh trán mình, như thể sự ô nhục mình bị đe dọa đã ập đến rồi. Bàn tay đặt trên vai anh nặng như băng chì. Nó ngoài sức chịu đựng. Nó như đè nát anh.

“Đi, Alan, bạn phải quyết định ngay lập tức.”

“Tôi không làm được,” anh nói một cách máy móc, tựa như lời nói có thể biến đổi sự tình.

“Bạn phải làm. Bạn không còn lựa chọn. Đừng chần chừ.”

Anh do dự giây lát. “Có lửa trong căn phòng trên lầu không?”

“Có, một ngọn đèn khí a-mi-ăng.”

“Tôi sẽ phải về nhà và lấy vài thứ từ phòng thí nghiệm.”

“Không, Alan ạ, bạn không được rời nhà này. Viết ra một tờ thư những thứ bạn muốn, và đây tớ tôi sẽ đánh xe kéo và mang mọi thứ về cho bạn.”

Campbell viết tháu vài dòng, thăm mực, và đề địa chỉ ngoài phong bì gửi phụ tá mình. Dorian cầm tờ biên và đọc cẩn thận. Rồi chàng rung chuông, và đưa nó cho người hầu phòng, với mệnh lệnh quay về càng sớm càng tốt, và mang các thứ về cùng.

Đoạn cửa đại sảnh đóng lại, Campbell bắt đầu bồn chồn, rồi, đứng dậy khỏi ghế, bước đến bệ lò sưởi. Anh run rẩy với căn bệnh dạng sốt rét. Trong gần hai mươi phút, cả hai người không nói gì. Một con ruồi vo ve ồn ã khắp phòng, và tiếng tích tắc đồng hồ như tiếng đập búa đinh.

Lúc chuông báo giờ đánh lần nữa, Campbell quay đầu, rồi, nhìn vào Dorian Gray, thấy đôi mắt chàng đầy ứ nước. Có điều gì ở vẻ trong sạch và tinh khiết trên gương mặt buồn ấy dường như làm anh nổi cáu. “Bỉ ối, tuyệt đối bỉ ối!” anh lầm bầm.

“Suýt, Alan: bạn đã cứu đời tôi,” Dorian nói.

“Đời mà? Trời ơi! Thứ đời gì! Mà đi từ thời nát này đến thời nát khác, và giờ mà chạm đến tội cùng tội ác. Cái việc tao sắp làm, việc mà ép tao làm, không phải để cứu đời mà, tao đang nghĩ thế đấy.”

“A, Alan,” Dorian lầm bầm, với tiếng thở dài, “tôi mong bạn dành cho tôi một phần nghìn lòng trắc ẩn mà tôi dành cho bạn.” Chàng quay đi lúc nói, và đứng trông ra khu vườn. Campbell không trả lời.

Sau khoảng mười phút có tiếng gõ lên cửa, và người đầy tớ bước vào, mang theo một rương gỗ gụ lớn đựng hoá chất, với một cuộn thép dài và dây bạch kim và hai kẹp sắt hình dáng khá lạ kì.

“Tôi sẽ để mọi thứ ở đây nhé, thưa ông?” anh ta hỏi Campbell.

“Phải,” Dorian nói. “Và tôi e là, Francis, tôi có việc vặt khác nhờ cậu. Tên gã ở Richmond chuyên cung cấp phong lan cho Selby là gì nhỉ?”

“Harden, thưa ông.”

“Phải – Harden. Cậu phải xuống Richmond ngay, gặp đích thân Harden, và bảo gã ta gửi cho gấp đôi số phong lan tôi đã đặt, và có càng ít hoa trắng càng tốt. Thực ra, tôi không muốn một bông trắng nào. Nay là ngày đẹp, Francis, và Richmond là nơi rất xinh tươi, nếu không thì tôi đã chẳng phiền cậu chuyện này.”

“Không phiền gì, thưa ông. Vào giờ nào thì tôi nên về?”

Dorian nhìn Campbell. “Thí nghiệm của bạn sẽ mất bao lâu, Alan?” chàng nói, bằng giọng bình tĩnh, lãnh đạm. Sự hiện diện của một người thứ ba trong phòng dường như tiếp cho chàng lòng can đảm lạ thường.

Campbell cau mày, và cắn môi. “Sẽ mất khoảng năm giờ,” anh trả lời.

“Sẽ có đủ thì giờ, vậy, nếu cậu trở về lúc bảy rưỡi, Francis. Hoặc ở lại đó: chỉ cần bày sẵn đồ cần mặc ra cho tôi. Cậu có thể tự dùng bữa tối. Tôi không ăn tối ở nhà, nên tôi sẽ chưa cần cậu.”

“Cảm ơn ông,” người đàn ông nói, rời phòng.

“Giờ, Alan, không được phút nào uống phí. Cái rương này nặng quá đổi! Tôi sẽ bê nó giúp cậu. Cậu mang những thứ khác.” Chàng

hấp tấp nói, và bằng giọng ra lệnh. Campbell cảm thấy bị chàng át trị. Họ rời phòng cùng nhau.

Lúc họ đặt chân lên tầng thượng, Dorian rút chìa khoá và xoay trong ổ. Rồi chàng ngừng lại, và ánh nhìn phiến muộn loé trong mắt chàng. Chàng rùng mình. “Tôi không nghĩ mình vào được, Alan ạ,” chàng nói khẽ.

“Chẳng việc gì với tôi. Tôi không cần đến anh,” Campbell lạnh lùng nói.

Dorian hé cửa. Lúc làm vậy, chàng thấy gương mặt trên bức chân dung đang nhìn đều dưới ánh nắng trời. Dưới mặt sàn trước nó là tấm màn bị giật xuống đang nằm. Chàng nhớ ra đêm trước mình đã quên, lần đầu tiên trong đời, che đi tấm vải bạt chết người, và chuẩn bị lao đến, lúc chàng lùi lại với một cơn rùng mình.

Có gì như giọt sương đỏ ghê tởm đang loé sáng, ướt át và bóng nhẫy, trên một bàn tay, như thể tấm vải bạt đỏ mờ hôi máu kia? Kinh khủng lắm thay! – Dường như với chàng lúc đó, còn kinh khủng hơn cả vật cầm lạng chàng biết vẫn đang ườn người bên bàn, vật đồ bóng đen méo mó kì khôi trên tấm thảm lốm đốm cho chàng thấy rằng nó không hề cự mình, mà vẫn ở yên đấy, như lúc chàng bỏ lại.

Chàng hít một hơi sâu, mở cánh cửa thêm chút nữa, và với đôi mắt nheo lại cùng cái đầu ngoảnh đi, bước vội vào trong, quyết tâm rằng mình sẽ không nhìn dù chỉ một lần lên người chết. Rồi, cúi rạp người, và nhặt tấm trướng vàng tím lên, chàng quăng nó lên bức hoạ.

Tại đấy chàng dừng lại, thấy sợ phải quay đầu, và đôi mắt chàng dán lên những hoa văn phức tạp trước mặt mình. Chàng nghe tiếng

Campbell bê vào cái rương nặng, và hai cục sắt, và các thứ khác cần cho công chuyện kinh khủng của mình. Chàng bắt đầu tự hỏi liệu anh ta và Basil Hallward đã từng gặp nhau chưa, và, nếu có, họ đã nghĩ gì về nhau.

“Bỏ tôi lại một mình ngay,” giọng nghiêm khắc sau lưng chàng nói.

Chàng quay lưng và vội vã rời đi, chỉ nhận thấy rằng người chết đã được đẩy ngửa ra lưng ghế, và rằng Campbell đã nhìn chăm chăm vào gương mặt vàng bủng bóng nhẫy. Lúc xuống lầu chàng nghe tiếng chìa khoá xoay trong ổ.

Hồi lâu sau bảy giờ khi Campbell vào lại thư phòng. Anh tái nhợt, nhưng hoàn toàn bình tĩnh. “Tôi đã xong việc anh đòi hỏi,” anh lầm bầm. “Còn giờ, vĩnh biệt. Đừng để có lúc nào ta gặp lại nhau.”

“Bạn đã cứu tôi khỏi thân bại danh liệt, Alan ạ. Tôi không thể quên được,” Dorian đơn giản nói.

Ngay khi Campbell rời đi, chàng lên lầu. Một mùi nồng nặc a-xít ni-tơ-rích trong phòng. Nhưng vật từng ngồi bên bàn đã biến mất.

CHƯƠNG XV

Tối đó, tám giờ ba mươi, phục trang chỉnh tề, và cài lên khuyết áo rộng những bông hoa tím Parma, Dorian Gray được dẫn vào phòng khách nhà Phu Nhân Narborough bởi những đầy tớ cúi đầu. Trán chàng rộ lên những cơn căng thẳng điên cuồng, và chàng cảm thấy kích động hoang dại, nhưng điệu bộ chàng lúc cúi mình xuống tay bà chủ tiệc lại khoan thai và duyên dáng như vốn dĩ. Có lẽ người đời không bao giờ mang về thanh thoát đến thế khi dự tiệc. Chắc hẳn không ai trông Dorian Gray đêm ấy có thể tin rằng chàng vừa trải qua một thảm kịch khủng khiếp như bất kì thảm kịch nào ở thời đại chúng ta. Những ngón tay đáng đẹp ấy không bao giờ từng chộp lấy lưỡi dao tội lỗi, cũng như đôi môi cười kia từng khóc gọi Chúa Trời và lòng nhân. Chính chàng cũng không ngăn được mình kinh ngạc về sự điềm tĩnh trong phong thái, và trong khoảnh khắc cảm nhận mãnh liệt niềm khoái lạc kinh khủng của cuộc đời kép.

Đó là một bữa tiệc nhỏ, được bày có phần vội vàng bởi Phu Nhân Narborough, một người đàn bà khôn ngoan, như Ngài Henry miêu tả là phần sót lại của sự xấu bầm xấu vằm thực sự đáng lưu tâm. Bà là minh chứng của một bà vợ xuất sắc cho những đại sứ tẻ nhạt nhất của chúng ta, và vừa chôn cất ông chồng mình một cách thích đáng trong lăng tẩm cẩm thạch, do tự tay bà thiết kế, và gả các cô con gái mình cho những gã luống tuổi, lẩm tiền nào đó, giờ đây bà hết mình dâng hiến cho niềm vui trong văn chương Pháp, ẩm thực Pháp, *tinh thần** Pháp mỗi khi mình có thể.

Dorian là một trong những khách quý đặc biệt của bà, và bà luôn miệng bảo chàng rằng mình vô cùng lấy làm mừng khi không gặp chàng những năm đầu đời. “Chị biết, em thân yêu, chị hẳn đã phải mê em si dại,” bà thường nói, “và quăng mũ bê-nê lên cối xay gió vì em. Thật là vận may nhất hạng rằng em chưa được biết đến hồi đó. Chứ nếu có, đồng mũ bê-nê của bọn chị mãi chẳng đội vừa đầu, còn các cối xay thì mãi bận rộn lấy gió, mà chị chắc không bao giờ có được cuộc ve vãn với ai. Tuy nhiên, thấy là lỗi ở lão Narborough. Lão bị cận thị khủng khiếp, và chẳng có niềm vui nào trong việc lấy một ông chồng mù dờ.”

Khách khứa của bà tối nay khá nhạt nhẽo. Thực tế là, như bà giải bày với Dorian, sau chiếc quạt rách bướm, một trong những cô con gái thành gia của bà đã hết sức đột ngột đến ở lại, và, vấn đề càng thêm tệ, đã thực sự dẫn cả chồng mình theo. “Chị nghĩ con bé ấy xấu tính vô cùng, em thân yêu,” bà thì thầm. “Dĩ nhiên chị đến và ở lại với chúng mỗi mùa hạ sau khi từ Homburg về, nhưng rồi một bà già như chị phải hít thở khí lạnh đôi khi, vả lại, chị thật sự đã đánh thức chúng dậy. Em không biết kiểu tồn tại của chúng như thế nào đâu. Đó là cuộc đời thôn dã thuần túy không pha tạp. Chúng dậy sớm, vì có quá nhiều việc phải làm, và ngủ sớm vì có quá ít chuyện phải nghĩ. Chẳng có lấy một vụ tai tiếng nào trong khu dân cư kể từ thời Nữ Hoàng Elizabeth, và do đó thấy bọn họ đi ngủ hết sau bữa tối. Em đừng ngồi cạnh hai đứa chúng. Em sẽ ngồi bên chị, và giúp chị vui.”

Dorian đưa khẽ một lời khen nhã nhặn, và nhìn quanh phòng. Vâng: đích thị là một bữa tiệc nhạt nhẽo. Có hai người chàng chưa bao giờ thấy trước đây, và số còn lại có cả Ernest Harrowden, một

trong nhiều gã xoàng xĩnh trung tuổi gặp nhan nhân ở các hội quán Luân Đôn chẳng có lấy kẻ thù nào, nhưng bạn bè thì tuyệt nhiên không ưa; Phu Nhân Roxton, một người đàn bà diêm dúa bốn mươi bảy tuổi, với cái mũi khoằm, lúc nào cũng cố ra vẻ bị tổn thương, nhưng đặc biệt rõ ràng với nỗi thất vọng lớn của bà rằng chẳng ai tin được có bất kì cái gì chống lại bà; Bà Erlynne, một người không nổi bật, với tật nói ngọng thú vị, và mái tóc đỏ xứ Venice; Phu Nhân Alice Chapman, con gái bà chủ tiệc, một cô nàng dần độn tồi tàn, mang bộ mặt đặc trưng Ăng-lê, mà, một khi đã nhìn, là không bao giờ nhớ; còn chồng nàng, một tạo vật má đỏ, ria trắng, như rất nhiều người cùng tầng lớp, ngộ nhận rằng tính thân thiện suông sẽ có thể bù trừ cho toàn bộ tính nghèo ý tưởng.

Chàng hơi hối hận vì đã đến, cho đến khi Phu Nhân Narborough, nhìn vào chiếc đồng hồ hoàng đồng mạ vàng lớn nằm trong khúc lượn loè loẹt trên kệ lò sưởi phủ rèm hoa cà, ta thán: "Henry Wotton đến muộn quá thể! Sáng nay tôi đã tình cờ mời anh ta, và anh ta đã thành thật hứa sẽ không làm tôi thất vọng."

Được an ủi phần nào rằng Harry có ở đây, và khi cửa mở và chàng nghe chất giọng chậm rãi đầy tính nhạc điểm thêm quyến rũ vào lời biện giải dối trá nào đó, chàng thôi nghe lòng buồn chán.

Nhưng trong bữa ăn chàng chẳng dùng gì. Đĩa nổi đĩa chuyển đi chẳng hề động thìa. Phu Nhân Narborough luôn miệng mắng chàng vì cái bà gọi là "sự mạo phạm đến Adolphe tội nghiệp, người nghĩ ra thực đơn riêng cho em", và thi thoảng Ngài Henry nhìn sang chàng, thắc mắc về sự im lặng và thái độ lơ đãng của chàng. Chốc chốc người tổng quản lại rót đầy li sâm-panh cho chàng. Chàng uống ừng ực, và cơn khát dường như càng tăng thêm.

“Dorian,” rốt cuộc Ngài Henry nói, lúc món *thịt đông** được bưng ra, “cậu có vấn đề gì tối nay thế? Cậu hoàn toàn không ổn.”

“Tôi tin cậu ấy đang yêu,” Phu Nhân Narborough thốt lớn, “và cậu ấy ngại nói với tôi vì sợ tôi nổi ghen. Cậu ấy đúng lắm. Tôi đoán chắc sẽ thế.”

“Phu Nhân Narborough thân mến,” Dorian nói khẽ, mỉm cười, “em đã không yêu đương cả tuần nay – không hề, thực thế, từ khi Bà Đầm Ferrol rời thành phố.”

“Làm sao dám đàn ông các người yêu được người đàn bà ấy!” bà phu nhân già ta thán. “Tôi thật không hiểu được.”

“Đơn giản bởi bà ấy nhớ chị khi chị còn là một bé gái, Phu Nhân Narborough,” Ngài Henry nói. “Bà ấy là kết nối hàng đầu giữa chúng tôi và bộ váy ngắn của chị.”

“Bà ấy không nhớ bộ váy ngắn của tôi chút nào, Ngài Henry. Nhưng tôi nhớ bà ấy rõ lắm lúc ở Vienna ba mươi năm trước, và *kiểu diện cổ trễ** quá thể của bà ấy nữa.”

“Bà ta vẫn *diện cổ trễ**,” gã trả lời, nhón một quả ô-liu bằng những ngón tay dài; “và khi diện bộ áo dài hết sức thanh nhã trông bà ta như một *ấn bản xa xỉ** của cuốn tiểu thuyết Pháp tồi. Bà ta thực sự tuyệt vời, và đầy bất ngờ. Sức chịu đựng tình cảm gia đình của bà ta thật phi thường. Khi người chồng thứ ba chết, mái tóc bà chuyển vàng tuyền phần vì buồn tang.”

“Sao anh dám, Harry!” Dorian kêu lên.

“Quả là lời giải thích lảng mạn nhất hạng,” bà chủ tiệc cười vang. “Nhưng ông chồng thứ ba của bà ấy, Ngài Henry! Anh không ngụ ý nói Ferrol là thứ tư chứ?”

“Hẳn thế, Phu Nhân Narborough.” “Tôi không tin lấy một lời.”

“Chà, hỏi Cậu Gray xem. Cậu ấy là một trong những bạn thân nhất của bà ta.”

“Đúng thế không, hả Cậu Gray?”

“Bà ấy quả quyết với em rằng vậy, Phu Nhân Narborough ạ,” Dorian nói. “Em hỏi rằng liệu, như Marguerite xứ Navarre, bà ấy có ướp hương quả tim bọn họ và treo trên nịt eo không. Bà nói em rằng không, bởi chẳng ai trong số họ có trái tim cả.”

“Bốn đời chồng! Trời đất ơi thật *quá năng nổ*!” “*Quá bạo dạn**, em bảo bà ấy thế,” Dorian nói.

“Ôi! Bà ấy đủ bạo dạn làm tất tậ mọi chuyện, em thân yêu. Và Ferrol thuộc mẫu người nào? Chị không biết ông ấy.”

“Mẫu ông chồng của các phụ nữ hết sức xinh đẹp thuộc tầng lớp tội phạm,” Ngài Henry nói, nhấm nháp rượu vang.

Phu Nhân Narborough giơ quạt đánh gã. “Ngài Henry, tôi không bất ngờ chút nào khi người đời bảo anh vô cùng độc miệng.”

“Nhưng người đời nào bảo cơ?” Ngài Henry hỏi, nhướn cặp mày. “Chỉ có thể là người đời cỗi kia thôi. Người đời cỗi này và tôi đang có mối giao hảo gương mẫu.”

“Tất cả mọi người tôi biết đều bảo anh độc địa,” bà phu nhân già nói, lắc đầu.

Ngài Henry trông nghiêm túc thoáng chốc. “Đúng là quá đổi quái đản,” sau cùng gã nói, “cái lối mọi người ngày nay nói xấu sau lưng người khác lúc nào cũng tuyệt đối và hoàn toàn đúng sự thật.”

“Hắn anh ấy hết thuốc chữa rồi?” Dorian thốt lên, chúi người ra trước ghế.

“Tôi mong thế,” bà chủ tiệc nói, cười phá lên. “Nhưng thật tình nếu các anh tôn thờ Bà Đầm Ferrol theo lối lơ lửng này, tôi sẽ phải

tái hôn để cho hợp mốt.”

“Chị sẽ không bao giờ tái hôn, Phu Nhân Narborough ạ,” Ngài Henry chen lời. “Chị đang quá hạnh phúc. Khi đàn bà tái hôn, bởi chúng thị cảm uất đời chồng đầu. Khi đàn ông tái hôn, bởi chúng y si mê đời vợ đầu. Đàn bà thử vận may; đàn ông liều vận rủi.”

“Narborough không hề hoàn hảo,” bà phu nhân già kêu lên.

“Giả như có, chị đã không yêu ông ta, phu nhân thân mến,” là lời đáp. “Phụ nữ yêu chúng tôi vì những khiếm khuyết. Nếu chúng tôi có đủ họ sẽ dung thứ cho mọi điều, ngay cả trí thông minh của chúng tôi. Chị sẽ không lúc nào mời tôi dùng bữa nữa, sau khi nói điều này, tôi e thế, Phu Nhân Narborough; nhưng hoàn toàn là sự thật đấy.”

“Dĩ nhiên là sự thật, Ngài Henry. Nếu phụ nữ chúng tôi không yêu các anh vì khiếm khuyết, thấy các anh sẽ ở đâu? Không ai trong các anh sẽ được kết hôn. Các anh sẽ rất là đám độc thân bất hạnh. Điều đó, tuy thế, lại không biến đổi các anh nhiều. Ngày nay thấy những gã thành gia sống như độc thân, còn thấy những gã độc thân sống như thành gia.”

“Đoạn cuối thế kỉ13,” Ngài Henry lẩm bẩm. “Đoạn cuối thế giới,” bà chủ tiệc trả lời.

“Em mong là đoạn cuối thế giới,” Dorian nói, kèm tiếng thở dài. “Cuộc sống là nỗi thất vọng lớn.”

“A, em thân yêu,” Phu Nhân Narborough kêu lên, đeo găng vào, “đừng bảo chị là em đã vất kiệt Cuộc Sống. Khi một gã nói vậy người ta biết là Cuộc Sống đã vất kiệt y. Ngài Henry rất độc địa, và chị đôi khi mong mình thế; nhưng em được tác tạo để tử tế – trông

em hết sức tử tế. Chị phải làm mai cho em một người vợ tốt. Ngài Henry, anh không nghĩ rằng Cậu Gray nên kết hôn ư?”

“Tôi luôn bảo cậu ta vậy, Phu Nhân Narborough ạ,” Ngài Henry nói, kèm cái nghiêng đầu.

“Chà, chúng ta phải tìm cho ra một mối đăng đối với cậu ấy. Tôi sẽ cẩn thận tìm trong Debrett tối nay, và kê ra danh sách thấy những quý cô đủ điều kiện.”

“Với lứa tuổi họ ư, Phu Nhân Narborough?” Dorian hỏi.

“Dĩ nhiên, với lứa tuổi họ, thêm bớt đôi chút. Nhưng không việc gì phải gấp gáp. Chị muốn tờ Tin *Buổi Sáng* gọi là sự thông gia đăng đối, và chị muốn cả hai em hạnh phúc.”

“Có lần thần mới nói về hôn nhân hạnh phúc!” Ngài Henry ta thán. “Một đàn ông có thể hạnh phúc với bất kì phụ nữ nào, miễn sao y đừng yêu ả.”

“A! Anh cay độc quá thể!” bà phu nhân già kêu lên, xô ghế lùi ra, và gật đầu với Phu Nhân Ruxton. “Anh phải sớm đến ăn tối với tôi lần nữa. Anh đúng là một phương thuốc tuyệt diệu, bổ hơn nhiều so với những toa Đức Andrew kê cho tôi. Tuy nhiên, anh phải nói tôi hay anh thích gặp những người nào. Tôi muốn đó phải là cuộc tụ họp thú vị.”

“Tôi thích những đàn ông có tương lai, và phụ nữ có quá khứ,” gã trả lời. “Hay là chị nghĩ điều đó hẳn tạo thành buổi tiệc váy lót14?”

“Tôi e vậy,” bà nói, cười phá trong lúc đứng lên. “Nghìn lần thứ lỗi, Phu Nhân Ruxton thân mến,” bà chêm, “tôi không biết bà vẫn chưa hút thuốc xong.”

“Đừng bận tâm, Phu Nhân Narborough. Tôi hút nhiều lắm. Tôi sẽ hạn chế mình, trong tương lai.”

“Xin đừng, Phu Nhân Ruxton,” Ngài Henry nói. “Tiết chế là một thứ chết người. Sự vừa đủ thì tồi như một bữa ăn. Sự hơn cả đủ thì tốt như một bữa tiệc.”

Phu Nhân Ruxton liếc nhìn gã tò mò. “Anh phải đến và giảng giải với tôi một chiều nào đó, Ngài Henry. Nghe có vẻ là một lí thuyết mê hoặc,” bà nói khẽ, lúc lướt ra khỏi phòng.

“Giờ, các anh nhớ cho đừng dừng quá lâu ở các quan điểm chính trị và vụ tai tiếng của mình,” Phu Nhân Narborough thốt lớn từ cửa. “Nếu không, chúng ta chắc chắn cãi cọ ì xèo trên lầu.”

Mọi người cười ran, và Ông Chapman long trọng đứng dậy từ phía cuối bàn và bước về phía đầu. Dorian Gray đổi chỗ, và bước đến ngồi cạnh Ngài Henry. Ông Chapman bắt đầu nói bằng giọng oang oang về tình hình Hạ Viện. Ông cười hô hố vào những người đối lập. Từ *lí thuyết hảo** – từ ngữ đầy kinh hoàng đến tâm trí người Anh – chốc chốc lại xuất hiện giữa những cơn nổ của ông. Phép lặp âm đầu tiên-tự được dùng như đồ trang sức cho bài hùng biện. Ông giương Ngọn Cờ Liên Hiệp lên đỉnh cao Suy Tư. Óc ngu xuẩn truyền thừa trong nòi giống – nghe như thói thường dân Ăng-lê mà ông hoan hỉ định danh – đã cho thấy là tường thành thích hợp cho Xã Hội.

Một nụ cười cong lên trên môi Ngài Henry, và gã quay sang nhìn Dorian.

“Cậu khá hơn rồi chứ, bạn thân mến?” gã hỏi. “Cậu có vẻ hơi không ổn trong bữa ăn.”

“Em hoàn toàn khỏe, Harry. Em thấy buồn chán. Vậy thôi.”

“Cậu đã rất quyến rũ đêm qua. Nàng Nữ Công Tước bé bỏng hết lòng với cậu đấy. Con bé bảo tôi mình sắp sửa xuống Selby.”

“Cô ấy đã hứa sẽ đến vào ngày hai mươi.”

“Lão Monmouth cũng đến đấy hả?” “Ồ, vâng, Harry.”

“Lão phiền tôi kinh khủng, gần như bằng mức lão phiền con bé. Con bé rất khôn ngoan, quá khôn ngoan đối với một phụ nữ. Con bé thiếu vẻ quyến rũ khó cắt nghĩa của sự liễu yếu. Nó là đôi chân đất sét khiến cho vàng của bức tượng thêm quý giá. Đôi chân con bé rất đẹp, nhưng không phải đôi chân đất sét. Đôi chân sứ trắng, nếu cậu ưa. Chúng đã qua lửa, và thứ gì lửa không thiêu trụi, sẽ thêm cứng. Con bé đã có nhiều kinh qua.”

“Cô ấy kết hôn bao lâu rồi?” Dorian hỏi.

“Từ ngàn đời, con bé bảo tôi thế. Tôi tin là, theo như giới quý tộc, mười năm, nhưng mười năm bên lão Monmouth hẳn cũng như ngàn đời, với thời gian ném vào. Còn ai khác đến không?”

“Ồ, nhà Willoughbys, Ngài Rugby và vợ, bà chủ tiệc của chúng ta, Geoffrey Clouston, nhóm người như thường lệ. Em mời cả Ngài Grotrian.”

“Tôi thích gã,” Ngài Henry nói. “Rất nhiều người thì không, nhưng tôi thấy gã quyến rũ. Bù lại gã thì thoảng ăn mặc có phần hơi diêm dúa, và luôn luôn học hành rõ ràng là quá cao. Gã là mẫu người rất hiện đại.”

“Em chẳng biết anh ta liệu có đến được không, Harry ạ.

Anh ta phải đi Monte Carlo với cha mình.”

“A! Đúng là đèo bòng! Gắng rủ gã đến nhé. Nhân thế, Dorian, đêm qua cậu rời đi rất sớm. Cậu về trước mười một giờ. Sau đó cậu làm gì? Về thẳng nhà ư?”

Dorian liếc vội gã, và cau mày. “Không, Harry,” cuối cùng chàng nói, “em không về nhà cho đến gần ba giờ.”

“Cậu đến hội quán ư?”

“Vâng,” chàng trả lời. Rồi chàng cắn môi. “Không, ý em không phải thế. Em không đến hội quán. Em đi loanh quanh. Em quên mất rồi... Anh tọc mạch quá, Harry! Anh luôn muốn biết việc người đã làm. Em luôn muốn quên việc mình đã làm. Em về lúc hai rưỡi, nếu anh mong biết giờ chính xác. Em đã bỏ chìa khoá chốt trong nhà, và cậu đầy tớ phải đưa em vào. Nếu anh muốn bất kì bằng chứng xác thực nào trong chuyện này thì có thể hỏi cậu ấy.”

Ngài Henry nhún vai. “Bạn thân mến, làm như tôi quan tâm không bằng vậy! Ta lên phòng khách thôi. Miễn thứ rượu xê-rét, xin cảm ơn, Ông Chapman. Hẳn có gì đó xảy đến với cậu, Dorian. Nói tôi hay. Cậu không còn là mình tối nay.”

“Đừng bận tâm em, Harry. Em cáu bẳn, và mất bình tĩnh. Em sẽ ghé lại gặp anh ngày mai, hoặc ngày kia. Miễn thứ giúp em với Phu Nhân Narborough nhé. Em sẽ không lên lâu. Em sẽ về nhà. Em phải về nhà.”

“Được thôi, Dorian. Tôi mong là mình sẽ gặp cậu ngày mai vào giờ dùng trà. Nàng Nữ Công Tước đang đến.”

“Em sẽ gắng đến, Harry,” chàng nói, rời khỏi phòng. Lúc đánh xe về nhà chàng nhận ra một cảm giác kinh hoàng chàng nghĩ đã bóp nghẹt mình ập về trở lại. Câu hỏi vu vơ của Ngài Henry đã khiến chàng mất tinh thần trong thoáng chốc, và chàng muốn tinh thần mình yên ổn. Những thứ nguy hại phải được tiêu huỷ. Chàng nhắm mắt. Chàng ghét ý nghĩ dù chỉ chạm vào chúng.

Dầu vậy việc phải được làm. Chàng biết rõ thế, và khi đã khoá cửa thư phòng, chàng mở hốc tủ bí mật trong đó mình đã tống áo khoác và xắc của Basil Hallward vào. Một ngọn lửa khổng lồ cháy rực. Chàng chất thêm súc gỗ nữa lên. Mùi quần áo cháy và da thuộc chảy thật khủng khiếp. Mắt của chàng ba khắc để tiêu tán mọi thứ. Sau cùng chàng thấy là người và phát bệnh, rồi đốt vài viên bột thơm xứ Algeria trong lò than đồng khui lỗ, chàng rửa tay và trán bằng giấm xạ hương thơm mát.

Bỗng dưng chàng giật mình. Mắt chàng sáng lạ, và chàng bồn chồn gặm gặm môi dưới. Kê giữa hai cửa sổ là cái tủ kiểu Florence, làm bằng gỗ mun, và khám ngà cùng đá la- pít lam. Chàng nhìn nó như thể một thứ có thể mê hoặc và hù dọa, như nó nắm giữ điều gì chàng mong mỏi và dầu vậy lại gần như ghê tởm. Hơi thở chàng dồn dập. Một ham muốn điên cuồng ập vào chàng. Chàng châm thuốc rồi lại vút đi. Đôi mi chàng sụp xuống đến mức hàng mi rậm dài gần như chạm vào má. Nhưng chàng vẫn lặng nhìn cái tủ. Cuối cùng chàng đứng dậy khỏi ghế dài nơi mình đang nằm, bước đến cạnh nó, và, mở khoá, ấn cái lò xo giấu kín đâu đó. Một ngăn kéo tam giác chậm chậm lòi ra. Những ngón tay chàng đưa theo bản năng về phía nó, vục vào, và chạm sát thứ gì đó. Nó là một cái hộp con Trung Hoa sơn đen và vàng nhuyền, chế tác công phu, các cạnh tạo hoa văn gợn sóng, và nhiều dây lụa treo pha lê xung quanh và đính tua trong những sợi chỉ thép tết đuôi sam. Chàng mở nó. Bên trong là một thứ sáp nhão xanh bóng, mùi hương ngào ngạt và dai dẳng kì lạ.

Chàng do dự vài giây, với nụ cười chết trân khác lạ trên mặt. Rồi run rẩy, mặc cho không khí trong phòng nóng khủng khiếp, chàng

nhắc mình dậy, và liếc đồng hồ. Mười hai giờ kém hai mươi. Chàng đặt lại hộp vào, đồng thời đóng cửa tủ, và đi sang phòng ngủ.

Lúc nửa đêm đánh hồi chuông đồng lên bầu không tối mờ, Dorian Gray, ăn mặc bình thường, và với khăn quàng quần quanh cổ, lặng lẽ lén ra khỏi nhà. Trong Phố Bond chàng thấy chiếc han-xăm cùng một con ngựa tốt. Chàng gọi, và bằng giọng thấp nói cho người đánh xe địa chỉ.

Người đàn ông lắc đầu. "Xa xôi cho tôi quá," ông lẩm bẩm.

"Đồng xô-vơ-ren này cho ông," Dorian nói. "Ông sẽ có thêm đồng nữa nếu đi nhanh."

"Được, thưa anh," người đàn ông trả lời, "anh sẽ đến nơi trong một giờ," và sau khi tiền xe đã cầm ông ta quay ngựa lại, và mau mắn đánh xe về phía con sông.

CHƯƠNG XVI

Một cơn mưa lạnh bắt đầu trút, và những ngọn đèn đường mờ đi trông rùng rợn trong hơi sương nhỏ giọt. Các quán rượu vừa đóng cửa, và những đàn ông đàn bà lơ mờ túm tụm nhau lác đác quanh những cánh cửa. Từ vài quầy uống vọng lại tiếng cười ghê sợ. Chỗ khác, các bợm rượu gây gỗ và gào thét.

Ngả lưng trong chiếc han-xăm, với mũ kéo kín trán, Dorian Gray quan sát bằng đôi mắt thờ ơ những hồ thẹn nhóp nhúa của thành phố lớn, và thi thoảng chàng tự nhủ lòng những lời Ngài Henry từng nói trong ngày đầu tiên gặp gỡ, “Chữa lành linh hồn bằng tri giác, và tri giác bằng linh hồn.” Vâng, đó là bí mật. Chàng vẫn thường thử thế, và sẽ thử lại bây giờ. Có nhiều ổ phiện nơi người đời có thể mua sự lãng quên, ổ kinh hoàng nơi kìm ức những tội lỗi cũ có thể bị phá huỷ bằng cơn đại những tội lỗi mới.

Mặt trăng treo thấp trên trời như hộp sọ vàng. Chốc chốc đám mây méo mó khổng lồ lại dang cánh tay dài ngang lên và che mất. Các cột đèn khí ít đi, còn các con phố thêm hẹp và ảm đạm. Người đàn ông lạc đường một lần, và phải đánh xe ngược về nửa đêm. Hơi bốc lên từ con ngựa lúc nó văng lên từ vũng nước tù. Cửa sổ sườn chiếc han-xăm bị bít kín trong màn sương bố nhung xám.

“Chữa lành linh hồn bằng tri giác, và tri giác bằng linh hồn!” Những lời này cứ văng trong tai chàng mãi! Linh hồn chàng, đoán chắc, đã phát bệnh đến chết. Liệu có đúng là tri giác có thể chữa lành? Dòng máu vô tội đã đổ. Thứ gì chuộc

được điều đó? A! Điều đó chẳng gì chuộc được; nhưng dù cho tha thứ là không thể, quên lãng vẫn có thể, và chàng quyết tâm lãng quên, giẫm nát sự này, nghiêng đầu nó như người ta nghiêng con rắn độc đã cắn mình. Thực tế, Basil có quyền gì để nói chàng những câu anh đã nói? Ai xúi anh ta phán xét người khác? Anh ta đã nói những điều ghê sợ, khủng khiếp, không chịu nổi.

Lóc cóc lóc cóc chiếc han-xăm lê từng bước nặng, ngày càng chậm hơn, cảm tưởng với chàng, sau mỗi bước. Chàng lật cửa mái lên, và kêu người đàn ông đánh xe nhanh hơn. Cơn đói phiện gồm guốc bắt đầu gặm mòn chàng. Họng chàng bỏng rát, và đôi bàn tay thanh tú quắp vào nhau căng thẳng. Chàng nện điên cuồng lên con ngựa bằng cây gậy của mình. Người đánh xe cả cười, và vung roi. Chàng cười ha hả đáp trả, và người đàn ông lặng thinh.

Con đường tưởng như vô tận, còn các con phố như tấm mạng đen của con nhện lòng không nào đó. Sự đơn điệu thành ra không chịu nổi, và, đoạn sương lên dày đặc, chàng thấy sợ.

Rồi họ băng qua con đường gạch trồng trái. Ở đây sương xuống thưa bớt, và chàng có thể thấy những lò nung kì lạ nom tựa cái chai với những lưỡi lửa màu cam nom tựa quạt. Một con chó sữa lúc họ ngang qua, và xa tít trong bóng tối con mòng biển lang thang nào đó hét lên. Con ngựa vấp phải cái rãnh, rồi đi chệch sang bên, và bất thần phi nước đại.

Lúc sau họ đã rời đường đất, và lại rầm rập chạy trên những đường phố lát đá thô. Hầu hết cửa sổ tối om, nhưng thi thoảng vài bóng quái in dài lên tấm màn che sáng đèn nào đó. Chàng tò mò quan sát. Chúng chuyển động như những con rối quái đản, và mang điệu bộ như những vật sống. Chàng ghét chúng. Một cơn thịnh nộ lờ

mở ngụ trong tim chàng. Lúc họ quành vào góc một người đàn bà thét lác gò vào họ từ cánh cửa ngõ, rồi hai gã chạy đuổi theo chiếc han-xăm được khoảng một trăm mã. Người đánh xe quất họ bằng cây roi của mình.

Người ta nói rằng đam mê làm mình nghĩ luẩn quẩn. Hẳn là với câu lặp lại gớm guốc, đôi môi cắn nhăm nhằng của Dorian Gray đã nhăm đi nhăm lại những lời tế nhị nhận định về linh hồn và tri giác, cho đến khi chàng tìm thấy trong chúng trọn vẹn biểu cảm, như vốn dĩ, của tâm trạng mình, và biện hộ, bằng sự đồng thuận trí tuệ, những đam mê mà thiếu vắng biện minh như vậy vẫn sẽ thống trị khí chất chàng. Len lỏi từ tế bào này sang tế bào khác, não chàng nảy ra một ý nghĩ; và khao khát hoang sơ được sống, khủng khiếp nhất trong tất thảy ham muốn của con người, nhanh chóng khơi dậy từng dây thần kinh và thớ thịt run rẩy. Cái xấu đã từng đáng ghét với chàng vì nó làm hiện thực mọi sự, giờ trở nên thân quý với chàng cũng vì chính lí do ấy. Cái xấu là hiện thực hàng đầu. Nào cái cọ tục tĩu, nào ổ chuột ghê tởm, nào bạo lực thô bỉ của cuộc sống vô trật tự, nào tính đê hèn quá sức của lũ trộm và bọn ngoài lề xã hội, sống động hơn, trong ấn tượng về thực tế dữ dội của chúng, tất thảy những hình dáng yêu kiều của Nghệ Thuật, những bóng đen mơ màng của Thi Ca. Chúng là thứ chàng cần cho sự lãng quên. Trong ba ngày, chàng sẽ được giải phóng.

Đột nhiên người đàn ông dừng xe bằng một cú giạt cương tại đầu con hẻm tối. Trên các mái nhà lụp xụp và các đỉnh ống khói lờm chờm giương lên những cột buồm đen của những con thuyền. Các vòng sương cuộn trắng bám quanh như những cánh buồm ma quái trên sân.

“Đâu đó chỗ này phải há, thưa anh?” ông ta hỏi giọng khàn đặc qua cửa mái.

Dorian giật mình, và nhòm quanh. “VẬY TỐT RỒI,” chàng trả lời, và, vội vàng bước ra, và đưa người đánh xe tiền thưởng như đã hứa, chàng đi nhanh thẳng hướng đến cầu tàu. Đây đó đèn lồng lập loè phía đuôi con tàu buôn khổng lồ đâu đó. Ánh đèn rung lắc và vỡ vụn trong các vũng nước.

Một ánh đỏ chói loá từ con tàu hơi nước xa khơi đang ăn than. Mặt đường nhấp nháp nom như cái áo mưa ướt.

Chàng vội vã hướng về bên trái, thi thoảng liếc ra sau xem mình có bị theo dõi không. Chừng bảy hoặc tám phút chàng đã đặt chân lên căn nhà con tòi tàn, xây nôm vào giữa hai nhà máy thê lương. Một trong những cửa sổ trên đỉnh đặt một cây đèn. Chàng dừng bước, và gõ cửa theo mật hiệu.

Ít phút sau chàng nghe tiếng chân bước trong hành lang, và tiếng dây xích tháo. Cánh cửa lặng lẽ mở, và chàng đi vào chẳng nói một lời với thân hình méo mó ngồi chồm hổm nép mình vào bóng tối lúc chàng bước ngang. Cuối hành lang treo tấm màn xanh rách nát chao đi lắc lại trong cơn gió vùng vằng bám gót chàng vào từ ngoài phố. Chàng kéo nó sang, và bước vào căn phòng dài, ảm thấp trông như thể từng là một vũ trường mặt hạng. Các ống đèn khí chói loá rất mắt, những tấm gương bám đầy ruồi nhặng mờ xỉn và vụn vẹo đặt trước chúng, được xếp quanh bốn mặt tường. Ánh xạ bóng nhờn của hộp thiếc có rãnh sần chiếu vào chúng, làm rung rinh các đĩa ánh sáng. Sàn nhà phủ kín mùn cửa màu thổ hoàng, dính khắp đây đó vết chân bùn, và nhuộm đầy những vệt tròn sẫm của rượu đánh đổ. Vài tay Mã Lai chúm chặm bên bếp than con chơi thẻ xương, và

phô hàm răng trắng nhớn mỗi lúc huyền thuyên. Trong một góc với cái đầu vùi vào cánh tay, một thuỷ thủ nằm ườn trên bàn, và bên quầy uống sơn loè loẹt chạy dài suốt một mặt phòng có hai ả đàn bà phờ phạc đứng chế nhạo một lão già đang phúi tay áo khoác với vẻ mặt kinh tởm. “Lão làm như bị kiến lửa bâu,” một ả trong đám cười oang oang, lúc Dorian ngang qua. Lão nhìn ả kinh hoàng, và bắt đầu rên rĩ.

Cuối phòng có một cầu thang nhỏ, dẫn lên căn buồng tối. Đoạn Dorian bước vội lên ba bậc ọp ẹp, mùi á phiện nồng nặc ào vào chàng. Chàng hít một hơi sâu, và lỗ mũi chàng run lên vì khoái lạc. Khi chàng vào đến, một chàng trai với mái tóc vàng mượt, đang ngả người bên bàn đèn châm ống điếu dài mảnh, nhìn lên chàng, và gạt đầu về lưỡng lự.

“Cậu ở đây à, Adrian?” Dorian nói khẽ.

“Còn ở đâu khác được?” hắn lơ đãng trả lời. “Không thẳng cha nào còn nói chuyện với tôi giờ nữa.”

“Tôi cứ nghĩ cậu đã rời nước Anh.”

“Darlington sẽ chẳng làm gì. Rốt cuộc anh trai tôi trả tiền hoá đơn. George cũng chẳng nói chuyện với tôi... Tôi quan tâm làm gì,” hắn thêm, kèm tiếng thở dài. “Miễn sao người ta có món này, người ta không cần bạn bè. Tôi nghĩ mình đã có quá nhiều bạn.”

Dorian nhăn mặt, và nhìn quanh những thứ kì khôi nằm trong tư thế kì dị trên tấm nệm rách. Những chân tay co quắp, những cái miệng ngáp ngáp, những đôi mắt chòng chọc đờ đẫn, từng mê hoặc chàng. Chàng biết thiên đường lạ lùng nào họ đang hưởng thụ, và địa ngục âm u nào đang dạy họ bí mật của niềm vui mới đâu đây. Họ đang ở nơi sướng hơn chàng. Chàng bị tù đày trong suy nghĩ. Kí

ức, như căn bệnh khủng khiếp, đang ăn mòn linh hồn chàng. Chốc chốc chàng dường như lại thấy đôi mắt Basil Hallward nhìn mình. Dầu vậy chàng thấy mình không thể ở lại. Sự hiện diện của Adrian Singleton làm chàng phiền lòng. Chàng muốn ở nơi không một ai biết mình. Chàng muốn chạy trốn bản thân.

“Tôi sẽ đến chỗ khác,” chàng nói, sau quãng ngừng. “Đến cầu cảng?”

“Phải.”

“Đoan chắc ả mèo mả có ở đó. Bây giờ chúng không chứa ả chỗ này.”

Dorian nhún vai. “Tôi phát bệnh với đàn bà yêu đương. Đàn bà cảm hận hấp dẫn hơn nhiều. Vả lại, món này hay hơn.”

“Như nhau cả.”

“Tôi thích nó hơn. Lại đây uống gì đi. Tôi phải làm tí.” “Tôi chẳng muốn gì hết,” chàng trai lẩm bẩm.

“Thôi nào.”

Adrian Singleton mệt mỏi nhồm dầy, và theo gót Dorian vào quầy uống. Một thằng con lai, trong cái khăn xếp tã tơi và chiếc áo un-tơ tồi tàn, nhả nhở câu chào mừng tởm lợm lúc nó đẩy một chai rượu mạnh và hai cốc vại trước mặt họ. Đám đàn bà nhón nhén lại gần, và bắt đầu lảm nhảm. Dorian quay lưng về họ, và thấp giọng nói gì đó với Adrian Singleton.

Một nụ cười xoắn vặn, như nếp nhăn Mã Lai, quăn quại trên mặt một ả trong đám. “Đảng này rất hứng đêm nay,” ả châm chọc.

“Vì Chúa đừng nói với tôi,” Dorian kêu lên, giậm chân xuống đất. “Cô muốn gì? Tiền à? Đây. Đừng bao giờ nói với tôi nữa.”

Hai đốm lửa đỏ sáng lên giây lát trong đôi mắt nhớp nhúa của ả đàn bà, rồi cháy cạn, và để lại chúng mờ mịt và thẫn thờ. ả hất đầu, rồi thả mấy đồng xu lên quầy hàng bằng những ngón tay tham lam. Bè lũ nhìn ả ghen tị.

“Cũng bằng thừa,” Adrian Singleton thở dài. “Tôi không bận tâm đến chuyện về. Quan trọng gì? Tôi hoàn toàn hạnh phúc ở đây.”

“Cậu sẽ viết gửi tôi khi cậu cần gì đó, được chứ?” Dorian nói, sau quãng ngừng

“Biết đâu đấy.”

“Vây, chúc ngủ ngon.”

“Chúc đầy mắt,” chàng trai trả lời, bước lên bậc, và chùi cái miệng khô rang bằng khăn tay.

Dorian bước ra cửa với vẻ mặt đau buồn. Khi chàng kéo màn cửa sang bên, một tràng cười góm guốc vỡ ra khỏi đôi môi trát son của ả đàn bà vừa nhận tiền của chàng. “Đây rồi giao kèo của quỉ!” ả nấc lên, bằng giọng khản đặc.

“Khốn nạn!” chàng trả lời, “đừng gọi tôi thế.”

ả bật ngón tay đánh tách. “Hoàng Tử Quyển Rũ là cái tên cứng thích gọi, hử?” ả hét với theo chàng. Người thủy thủ gà gặt vùng dậy lúc ả nói, và hoang dại nhìn quanh. Tiếng sập cửa ngoài đại sảnh lọt vào tai anh. Anh lao ra như thể truy bắt.

Dorian Gray đội làn mưa phùn vội vã đi dọc cầu tàu. Cuộc gặp gỡ Adrian Singleton đã lay động chàng lạ kì, và chàng tự hỏi liệu sự hư hỏng của cuộc đời non trẻ kia có thực sự qui lỗi về chàng, như Basil Hallward từng nói cho chàng bằng sự xúc phạm đầy ô danh. Chàng cắn môi, và trong vài giây mắt chàng đã đờm buồn. Dầu vậy, suy cho cùng, có vấn đề gì với chàng? Đời người quá chóng

vánh để gánh lấy lỗi lầm của kẻ khác trên vai. Mỗi người tự sống lấy đời riêng mình, và tự trả lấy giá riêng mình mà sống. Đáng thương tiếc duy nhất là y phải trả giá quá thường xuyên cho độc một sai lầm. Y phải trả hết giá này đến giá khác mãi, thực vậy. Trong giao kèo với loài người, nữ thần Định Mệnh không bao giờ đóng tài khoản của bà.

Có những lúc, các tâm lí gia nói cho chúng ta, khi niềm đam mê tội lỗi, hoặc thứ mà thế gian gọi là tội lỗi, thống trị quá mạnh một bản chất, từng thớ thịt của cơ thể, cũng như từng tế bào của bộ não, dường như có khuynh hướng thúc

đẩy sợ hãi. Đàn ông và phụ nữ những lúc đó mất đi tự do ý chí. Họ đắm vào kết cục kinh hoàng như thể người máy. Lựa chọn bị tước khỏi họ, và lương tâm hoặc bị giết, hoặc, nếu sống chẳng nữa, sống nhưng chống đối về mê hoặc của nó, và bất tuân nét quyến rũ của nó. Mà tất cả tội lỗi, như các nhà thần học không biết mệt nhắc nhở chúng ta, là tội bất tuân. Khi tên thượng linh ấy, sao mai độc ác, lạc lối khỏi thiên đường, vì chống đối mà lạc lối.

Chai sạn, chủ tâm vào cái ác, với tâm trí như nhuốc, và linh hồn đói khát chống đối, Dorian Gray hấp tấp, vội vã trong từng bước đi, nhưng lúc chàng phóng ngang vào một cổng vòm tối mờ, nó được chàng thường xuyên dùng như một đường tắt tới chốn khét tiếng mà mình đang tới, chàng cảm thấy mình đột ngột bị tóm chặt từ sau lưng, và trước khi có thì giờ để tự vệ chàng bị ghì lưng ép vào tường, với một bàn tay vòng quanh cổ.

Chàng vùng vẫy điên cuồng tìm đường sống, và nỗ lực hết sức giằng những ngón tay siết chặt ra. Trong một giây chàng nghe tiếng cách lách của khẩu súng lục, và thấy ánh sáng từ cái nòng bóng

loáng chĩa thẳng vào trán mình, và hình hài mờ mịt của một người đàn ông nhỏ thó đập người đối diện mình.

“Anh muốn gì?” chàng hỗn hển.

“Im miệng,” người đàn ông nói. “Nếu mày ồn, tao bắn.” “Anh điên sao. Tôi đã làm gì anh?”

“Mày hại đời Sibyl Vane,” là câu trả lời, “và Sibyl Vane là chị tao. Chị tự vẫn. Mày biết đấy. Cái chết của chị là do mày. Tao đã thề tao sẽ giết mày khi trở về. Nhiều năm rồi tao săn lùng mày. Tao không manh mối, không dấu vết. Hai người có thể mô tả mày đều đã chết. Tao không biết gì về mày ngoài cái tên tình chị ấy gọi. Tao đã tình cờ nghe thấy tối nay. Cầu Chúa đi, vì tối nay mày sẽ chết.”

Dorian Gray phát bệnh vì kinh sợ. “Tôi chưa từng biết đến người đó,” chàng lắp bắp. “Tôi chưa từng nghe đến người đó. Anh điên rồi.”

“Mày tốt hơn hết thì xưng tội đi, vì chắc chắn như tao là James Vane vậy, rằng mày sẽ chết.” Một thời khắc kinh hoàng. Dorian không biết phải nói hay làm gì. “Quì xuống!” người đàn ông gầm gừ. “Tao cho mày một phút để cầu nguyện – không hơn. Tao bắt tàu đến Ấn Độ tối nay, và tao phải làm việc của tao trước. Một phút. Thế thôi.”

Đôi tay Dorian buông thõng. Tê liệt vì kinh hãi, chàng không biết phải làm gì. Đột nhiên một hi vọng hoang sơ loé trong não chàng. “Khoan,” chàng kêu lớn. “Chị gái anh chết đã bao lâu rồi? Mau, nói đi!”

“Mười tám năm,” người đàn ông nói. “Sao mày phải hỏi? Bao nhiêu năm thì sao?”

“Mười tám năm,” Dorian Gray cười lớn, với âm hưởng chiến thắng trong giọng chàng. “Những mười tám năm! Đặt tôi dưới ngọn đèn và nhìn mặt tôi đi!”

James Vane do dự giây lát, không hiểu gì. Rồi anh tóm Dorian Gray và kéo chàng khỏi cổng vòm.

Lờ mờ và chập chờn như ánh đèn trước gió, dầu vậy đủ cho anh thấy lỗi lầm gớm guốc, suýt chút nữa, anh đã phạm phải, vì gương mặt người anh lòng giết mang tất thảy vẻ rực rỡ tuổi thơ, tất thảy tính thuần khiết vô uế tuổi trẻ. Cậu ta nom lớn hơn một chàng trai hai mươi mùa hạ đôi chút, gần như không già hơn, nếu thật có già hơn đi nữa, chị gái anh ở buổi chia xa nhiều năm về trước. Rõ ràng đây không phải người đã phá hỏng đời nàng.

Anh nới nắm tay và loạng choạng lùi. “Lạy Chúa! Lạy Chúa!” anh kêu lên, “tôi suýt đã sát hại cậu!”

Dorian Gray hít một hơi dài. “Anh đã bên bờ vực phạm tội ác khủng khiếp, anh bạn,” chàng nói, nhìn anh nghiêm khắc. “Hãy coi đây là lời răn để anh đừng trả thù họ người khác.”

“Xin thứ lỗi, thưa cậu,” James Vane lẩm bẩm. “Tôi đã nhận nhầm. Một từ tình cờ tôi nghe trong cái ổ đáng rửa ấy dẫn tôi đi sai nẻo.”

“Anh hãy về nhà là hơn, và cất kín khẩu súng đi, bằng không anh có thể gặp phiền hà,” Dorian nói, quay gót, và chậm chậm xuống phố.

James Vane đứng trên vỉa hè trong kinh hãi. Anh đang run rẩy từ đầu xuống chân. Lát sau một bóng đen rón rén men theo bức tường sống nước, đi vào phía ánh đèn và đến sát anh bằng bước chân lén

lút. Anh thấy một bàn tay đặt lên cánh tay mình và giật thót nhìn sang. Đó là một ả trong đám đàn bà đã uống rượu ở quầy.

“Sao anh không giết hẳn?” ả rít lên, dí gương mặt phờ phạc gần sát vào anh. “Tôi biết anh theo dõi hẳn lúc anh lao khỏi Daly. Đồ ngốc! Anh đáng lẽ phải giết hẳn. Hẳn lắm tiền, và hẳn tôi rất tôi.”

“Cậu ta không phải người tôi tìm,” anh trả lời, “và tôi không muốn tiền người. Tôi muốn mạng người. Kẻ tôi muốn lấy mạng bây giờ phải gần bốn mươi rồi. Người này nom như vừa mới lớn. Ờ Chúa, tôi đã không nhuộm máu cậu ta lên tay mình.”

Ả đàn bà buông tràng cười đặng ngắt. “Nom như vừa mới lớn!” ả nhạo báng. “Cớ sao, giới ạ, áng chừng đã mười tám năm kể từ ngày Hoàng Tử Quyển Rũ làm tôi ra nông nổi này.”

“Dối trá!” James Vane thốt lớn.

Ả hướng bàn tay lên trời cao. “Thề trước Chúa tôi đang nói sự thật,” ả kêu lên.

“Trước Chúa ư?”

“Nguyên tôi cam nếu đánh đúng như vậy. Hẳn là thằng tôi nhất từng đến đây. Dân tình nói rằng hẳn bán mình cho quỷ để có gương mặt đẹp. Áng chừng đã mười tám năm kể từ ngày tôi gặp hẳn. Hẳn không thay đổi mấy từ hồi đó. Tôi thì lại có,” ả thêm, với cái đưa mắt bệnh hoạn.

“Chị thề chứ?”

“Tôi thề,” tiếng vẳng khàn đặc phát ra từ cái miệng tẹt. “Nhưng đừng nói về tôi với hẳn,” ả than van; “tôi sợ hẳn. Để cho tôi kiếm tiền trả chỗ trọ đêm của mình.”

Anh ngắt lời ả bằng câu chửi thề, và lao ra góc phố, nhưng Dorian Gray đã biến mất. Khi anh nhìn lại, ả đàn bà cũng bốc hơi.

CHƯƠNG XVII

Một tuần sau, Dorian Gray ngồi trong nhà kính ở Hoàng Gia Selby trò chuyện với Nữ Công Tước Monmouth xinh đẹp, cùng với chồng cô, một tay lục tuần trông mệt mỏi, thuộc số những khách mời của chàng. Đó là giờ dùng trà, và ánh sáng ngọt dịu của cây đèn lớn phủ ren đặt trên bàn chiếu sáng món đồ sứ thanh tú và đồ bạc dẹt mỏng của bữa ăn mà nàng Nữ Công Tước chủ trì. Đôi bàn tay trắng cô di chuyển thanh nhã quanh bộ chén đĩa, và đôi môi đỏ mọng cô mỉm cười vì điều gì đó mà Dorian thì thầm. Ngài Henry đang ngả người trong cái ghế liễu gai trải lụa mà nhìn họ. Trên tràng kỉ màu đào, Phu Nhân Narborough ngồi vờ vĩnh nghe lão Công Tước miêu tả về con bọ cánh cứng Brazil cuối cùng mà lão đã điểm vào bộ sưu tập của mình. Ba người đàn ông trẻ trong bộ đồ hút thuốc tinh xảo mang bánh dùng trà vào cho vài phụ nữ. Bữa tiệc tại gia bao gồm mười hai người, và được kì vọng còn nhiều hơn nữa vào hôm sau.

“Hai người các bạn đang nói về gì thế?” Ngài Henry nói, thủng thẳng đến bàn, và đặt chén xuống. “Tôi mong Dorian đã nói với cô về kế hoạch tái định danh mọi thứ của tôi, Gladys. Đó là một ý tưởng thú vị.”

“Nhưng em không muốn được tái định danh, Harry,” nàng Nữ Công Tước tiếp lời, nhìn lên gã bằng đôi mắt tuyệt vời của mình. “Em hết sức hài lòng với cái tên mình, và em đoán chắc Anh Gray hẳn cũng hài lòng với cái tên của anh ấy.”

“Gladys thân mến, tôi sẽ không đổi tên hai người mặc cho có gì xui khiến. Cả đôi đều hoàn hảo rồi. Tôi đang nghĩ chủ yếu về hoa. Hôm qua tôi cắt nhành phong lan, để cài khuyết áo. Đó là một sự nhớ nhuốc tuyệt diệu, hữu hiệu như thế bảy mỗi tội đầu. Trong khoảnh khắc vô tư lự, tôi hỏi một người trong đám làm vườn rằng nó gọi là gì. Anh ta bảo tôi nó là một mẫu cây tốt của giống Robinsoniana, hoặc thứ gì kinh khiếp đại loại thế. Một sự thật buồn, rằng chúng ta vừa đánh mất năng lực định những cái danh đáng yêu cho vạn vật. Tên là mọi thứ. Tôi không bao giờ xung đột bằng hành động. Lỗi xung đột duy nhất của tôi là bằng từ ngữ. Đó là lí do tôi ghét chủ nghĩa hiện thực dung tục trong văn học. Một người gọi cái thưởng là thưởng hẳn do bị ép gọi thế. Đó là thứ duy nhất phù hợp với ý.”

“Vậy ta nên gọi anh bằng gì, Harry?” cô hỏi.

“Tên anh ấy là Hoàng Tử Nghịch Biện,” Dorian nói. “Em nhận ra trong chớp mắt,” Nữ Công Tước than van. “Tôi sẽ không nghe đâu,” Ngài Henry cả cười, đắm mình trong ghế. “Bị gán nhãn là hết lối thoát! Tôi từ chối tước hiệu.”

“Hoàng Gia không được chối vị,” lời cảnh báo buông ra từ đôi môi xinh đẹp.

“Vậy, cô mong tôi cố vị chăng?” “Vâng.”

“Tôi đưa ra chân lí của ngày mai.”

“Em thích ngộ nhận của hôm nay hơn,” cô trả lời.

“Cô giải giới tôi rồi, Gladys ạ,” gã thốt lên, bắt gắp nét ngang ngạnh ở tâm trạng cô.

“Khiên chắn của anh thôi, Harry: không phải mũi giáo.”

“Tôi không đời nào chĩa giáo vào Sắc Đẹp,” gã nói, kèm điệu vẩy tay.

“Đó là lỗi lầm của anh, Harry, tin em đi. Anh coi trọng sắc đẹp quá mức.”

“Sao cô nữ nói thế? Tôi thừa nhận mình nghĩ rằng đẹp để thì hơn là tử tế. Nhưng mặt khác không ai sẵn sàng hơn tôi để công nhận rằng tử tế thì hơn là xấu xí.”

“Vậy, xấu xí là một trong bảy mối tội đầu ư?” Nữ Công Tước kêu lên. “Thế còn ví von của anh về phong lan?”

“Xấu xí là một trong bảy đức hạnh đầu, Gladys ạ. Cô, như một đảng viên Bảo Thủ tử tế, không được xem thường chúng. Bia, Thánh Kinh, và bảy đức hạnh đầu đã làm nên đất mẹ Anh quốc như bà đương thời.”

“Vậy, anh không thích đất nước mình ư?” cô hỏi. “Tôi sống trong nó.”

“Để anh có thể chỉ trích nó tốt hơn.”

“Cô sẽ nghe tôi đưa nhận định của châu Âu về nó chứ?” gã dò hỏi.

“Họ nói gì về chúng ta?”

“Rằng gã Tartuffe đã di cư sang Anh mà mở cửa tiệm.” “Của anh đúng không, Harry?”

“Tôi dẫn lời cho cô.”

“Em nuốt không trôi. Vì nó quá đúng.”

“Cô không cần phải sợ. Đồng bào ta chẳng bao giờ hiểu ra lời mô tả.”

“Họ thực dụng.”

“Họ xảo quyết hơn là thực dụng. Khi họ lập sổ cái, họ cân đong trí ngu xuẩn bằng sự giàu có, và tính trụy lạc bằng đạo đức giả.”

“Tuy thế, chúng ta đã làm được những điều vĩ đại đấy thôi.”

“Những điều vĩ đại được dúi vào ta, Gladys ạ.” “Chúng ta mang vác gánh nặng của chúng.” “Chỉ đến Sàn Giao Dịch Chứng Khoán thôi.” Cô lắc đầu. “Em tin vào nòi giống,” cô kêu lên. “Nó đại diện sự sinh tồn trong cuộc xô đẩy.” “Nó đã phát triển.”

“Sự suy tàn mê hoặc tôi hơn.” “Thế còn Nghệ Thuật?” cô hỏi. “Là một căn bệnh.”

“Tình Yêu?” “Một ảo ảnh.” “Tôn Giáo?”

“Vật thay thế hợp mốt cho Tín Ngưỡng.” “Anh là một người hoài nghi.”

“Không khi nào! Chủ Nghĩa Hoài Nghi là khởi đầu của Đức Tin.”

“Anh là gì?”

“Đặt định nghĩa là đặt giới hạn.” “Cho em gợi ý đi.”

“Lạc đề rồi. Cô sẽ lạc lối trong mê cung.”

“Anh làm em hoang mang. Ta hãy nói về người nào khác đi.”

“Ông chủ tiệc của chúng ta là một đề tài thú vị. Nhiều năm trước cậu ta được định danh là Hoàng Tử Quyển Rũ.”

“A! Đừng nhắc lại chuyện đó,” Dorian Gray thốt lớn. “Ông chủ tiệc của chúng ta khá cay nghiệt tối nay,”

Nữ Công Tước trả lời, gượng mặt. “Em tin anh ta nghĩ Monmouth lấy em theo nguyên tắc khoa học thuần túy như là một mẫu vật bướm đương đại tốt nhất ông ấy có thể tìm được.”

“Chà, tôi mong ông ấy đừng đính ghim lên cô, Nữ Công Tước ạ,” Dorian cười phá.

“Ồ! Cô hầu của em từng làm thế rồi, Anh Gray, khi cô ấy khó chịu với em.”

“Và cô ta khó chịu với cô về chuyện gì, thưa Nữ Công Tước?”

“Về những chuyện tầm thường nhất, Anh Gray, em quả quyết. Thường là bởi em vào phòng lúc chín giờ kém mười và bảo cô ấy mình phải bận đồ lúc tám rưỡi.”

“Cô ta không biết điều quá chừng! Cô phải cảnh cáo mới được.”

“Em chẳng dám, Anh Gray. Cớ sao chứ, cô ấy sáng chế mũ cho em. Anh nhớ cái em đội ở bữa tiệc vườn nhà Phu Nhân Hilstone chứ? Không rồi, nhưng anh đáng mẫn lắm khi vỗ vỉnh rằng có. Chà, cô ấy chế tạo nó từ tay trắng. Tất cả váy mũ đẹp ấy đều được làm ra từ tay trắng.”

“Như tất cả váy thanh danh, Gladys,” Ngài Henry ngắt lời. “Mọi ấn tượng ta tạo mang cho ta một kẻ thù. Để được nổi danh ta phải là kẻ xoàng xĩnh.”

“Trừ phụ nữ,” Nữ Công Tước nói, lắc đầu; “và phụ nữ cai trị thế giới. Em cam đoan với anh rằng chúng em không thể chịu đựng sự xoàng xĩnh. Phụ nữ chúng em, như vài người nói, yêu bằng tai, cũng như đàn ông các anh yêu bằng mắt, nếu rồi cuộc anh đã từng yêu.”

“Với tôi, dường như chúng tôi chẳng bao giờ làm gì khác ngoài chuyện đó,” Dorian lầm bầm.

“A! Vậy, anh chưa từng thật sự yêu, Anh Gray,” Nữ Công Tước trả lời, kèm vẻ buồn chế giễu.

“Gladys quý mến!” Ngài Henry thốt lớn. “Sao cô nữ nói thế? Lãng mạn sống bằng sự lặp lại, và sự lặp lại chuyển hoá ham muốn thành nghệ thuật. Và lại, mỗi lần ta yêu là lần duy nhất ta từng yêu. Khác biệt trong đối tượng không làm biến đổi niềm đam mê biệt lập. Mà

chỉ tăng cường thêm. Chúng ta chỉ có trong đời một trải nghiệm vĩ đại nhất, và bí quyết cuộc đời là tái dựng trải nghiệm đó thường xuyên nhất có thể.”

“Ngay cả khi ta bị tổn thương vì thế ư, Harry?” Nữ Công Tước hỏi, sau quãng ngừng.

“Đặc biệt khi ta bị tổn thương vì thế,” Ngài Henry trả lời.

Nàng Nữ Công Tước quay sang nhìn Dorian Gray với biểu cảm hiếu kì trong đôi mắt. “Anh nói sao về chuyện này, Anh Gray?” cô dò hỏi.

Dorian do dự giây lát. Rồi chàng ngửa đầu cười lớn. “Tôi luôn luôn tán thành với Harry, thưa Nữ Công Tước.”

“Ngay cả khi anh ấy sai?”

“Harry không bao giờ sai, thưa Nữ Công Tước.” “Và triết lí của anh ấy khiến anh hạnh phúc ư?”

“Tôi không khi nào tìm kiếm hạnh phúc. Ai muốn hạnh phúc chứ? Tôi tìm kiếm khoái lạc.”

“Và đã thấy chứ, Anh Gray?” “Thường xuyên. Rất thường xuyên.”

Nàng Nữ Công Tước thở dài. “Em đang tìm kiếm bình yên,” cô nói, “và nếu không đi thay đổi, em sẽ chẳng có gì tối nay.”

“Để tôi chuẩn bị phong lan cho cô, thưa Nữ Công Tước,” Dorian kêu lên, vùng đứng dậy, và bước xuống nhà kính.

“Cô đang tán tỉnh cậu ta theo cách kém duyên đấy,” Ngài Henry nói với cô em họ của mình. “Cô nên cẩn thận là hơn. Cậu ta rất mê hoặc.”

“Nếu anh ấy không, đây đã chẳng phải là cuộc chiến.” “VẬY, HI LẠP GẶP HI LẠP RỒI HẢ?”

“Em theo phe thành Troy. Họ chiến đấu vì một phụ nữ.” “Họ đã bại trận.”

“Có những thứ còn tồi tệ hơn bị bắt,” cô trả lời. “Cô phi nước đại bằng cương buộc hồ.”

“Nước kiệu thì sống,” là lời *vắc lại**. “Tôi sẽ ghi vào nhật kí đêm nay.” “Gì cơ?”

“Rằng trẻ bồng yêu tàn lữa¹⁵.”

“Em chẳng hề sém chút nào. Đôi cánh em là bất phạm.” “Cô dùng chúng cho mọi sự, trừ bay.”

“Lòng can đảm chuyển từ đàn ông sang phụ nữ. Đó là kinh nghiệm mới cho chúng ta.”

“Cô có một tình địch.” “Ai cơ?”

Gã cười vang. “Phu Nhân Narborough,” gã thì thầm. “Bà ấy hết mực si mê cậu ta.”

“Anh làm em dâng đầy lo sợ. Lời réo gọi Cổ Nhân là chết chóc cho những kẻ lảng mạn chủ nghĩa chúng ta.”

“Lảng mạn chủ nghĩa! Cô có tất cả phương pháp khoa học rồi đây.”

“Đàn ông đã giáo dục chúng em.” “Nhưng không giảng giải cho các cô.”

“Cứ mô tả chúng em như một giới tính,” cô thách thức. “Nhân sư không có bí mật.”

Cô nhìn gã, mỉm cười. “Anh Gray đi lâu quá chừng!” cô nói. “Ta đến giúp anh ấy đi. Em chưa cho anh ấy biết màu bộ váy dài của mình.”

“A! Cô phải phối cho váy cô hợp với hoa cậu ấy, Gladys ạ.”

“Đó sẽ là sự qui hàng sớm.”

“Nghệ Thuật Lãng Mạn bắt đầu bằng màn cao trào trước.”

“Em phải chờ một đường rút lui.” “Theo lối người Parthia?¹⁶”

“Họ tìm thấy an toàn trong sa mạc. Em thì không thể được.”

“Phụ nữ không phải lúc nào cũng được phép lựa chọn,” gã trả lời, nhưng chưa kịp nói hết câu trước thì từ xa phía cuối nhà kính vọng đến tiếng rên rỉ nghèn nghẹn, theo sau là âm thanh loáng thoáng một cú ngã mạnh. Mọi người giật thót mình. Nàng Nữ Công Tước đứng chết trân vì kinh hãi. Và với nỗi sợ trong đôi mắt Ngài Henry lao xuyên vườn cọ đang xào xạc, mà tìm thấy Dorian Gray nằm úp mặt xuống sàn đá bất tỉnh như chết.

Chàng ngay lập tức được khiêng vào phòng khách màu lam, và đặt nằm trên ghế dài. Sau một hồi ngắn chàng tỉnh lại, và nhìn quanh với nét mặt thảng thốt.

“Có chuyện gì vậy?” chàng hỏi. “Ôi! Tôi nhớ rồi. Em được an toàn ở đây chứ, Harry?” Chàng bắt đầu run rẩy.

“Dorian thân mến,” Ngài Henry trả lời, “cậu chỉ bị ngất đi. Vậy thôi. Cậu hẳn đã làm việc quá sức. Cậu thôi xuống dùng bữa tối thì hơn. Tôi sẽ thay mặt cậu.”

“Không, em sẽ xuống,” chàng nói, gắng sức đứng dậy. “Em thà xuống đó. Em không được ở một mình.”

Chàng về phòng mình thay đồ. Một vẻ vui tươi hoang sơ đầy khinh suất trong điệu bộ lúc chàng ngồi vào bàn ăn, nhưng thi thoảng cơn rùng mình kinh khiếp chạy suốt chàng lúc nhớ về điều đó, in lên cửa sổ nhà kính, như một chiếc khăn tay trắng, chàng đã thấy khuôn mặt James Vane quan sát mình.

CHƯƠNG XVIII

Ngày hôm sau, chàng không rời nhà, và, thực tế là, dành hầu hết thì giờ trong phòng riêng, phát bệnh vì nỗi sợ chết hoang dại, và đầu thế, lại lãnh đạm với cuộc sống. Ý thức việc bị săn đuổi, đánh bẫy, truy lùng, đã bắt đầu át lấy chàng. Chỉ là tấm thảm treo rung rinh vì gió, chàng cũng run sợ. Những chiếc lá lìa cành bị thổi lên ô cửa khung chì với chàng cảm tưởng như những quyết định hoài phí và tiếc thương hoang sơ của mình. Khi nhắm đôi mắt, chàng thấy lại gương mặt người thuỷ thủ chăm chăm nhìn xuyên tấm kính mờ sương, và nỗi kinh hoàng dường như một lần nữa đặt bàn tay lên trái tim chàng.

Nhưng có thể chỉ là chàng tưởng tượng về cái gọi là sự báo thù trong bóng tối, và đặt ra những hình dáng gớm guốc của đờn trừng phạt trước mặt mình. Quả thực cuộc sống là hỗn mang, nhưng vẫn có điều gì đó hợp lí kinh khủng trong trí tưởng tượng. Chính tưởng tượng đã gieo lòng ăn năn theo sát dấu chân tội lỗi. Chính tưởng tượng khiến mỗi tội ác mang trong mình những con non dị dạng. Trong thói thường thế giới này, kẻ ác không bị trừng phạt, người tốt chẳng được tưởng thưởng. Thành công được trao cho kẻ mạnh, thất bại tống vào tay kẻ yếu. Thấy là vậy. Và lại, nếu có bất kì người lạ nào lảng vảng quanh ngôi nhà, y sẽ bị các đầy tớ và quản gia trông thấy. Nếu có bất kì dấu chân nào được tìm thấy trong vườn hoa, đám làm vườn sẽ báo cáo. Vâng: đó đơn thuần là tưởng tượng. Em trai của Sibyl Vane không hề trở lại giết chàng. Anh ta đã giống

buồm xa khơi trên con tàu của mình để rồi đắm xuống lòng biển đông giá nào đó. Đối với anh ta, sao chẳng nữa, chàng an toàn. Có gì chứ, người đàn ông đó không biết về chàng, không thể biết về chàng. Tấm mặt nạ tuổi trẻ đã cứu chàng.

Và dầu cho đó đơn thuần là ảo ảnh, khủng khiếp thay khi nghĩ rằng lương tâm có thể dựng lên những bóng ma đáng sợ đến thế, và cho chúng hình hài hữu hình, và làm chúng hiện ra trước người ta! Cuộc đời chàng sẽ thành kiểu gì nếu, cả ngày cả đêm, các bóng đen tội ác nhòm ngó chàng từ những góc câm lạng, nhạo báng chàng từ những chốn bí mật, thì thâm vào tai chàng lúc ngồi dự tiệc, đánh thức chàng bằng những ngón tay băng lúc nằm ngủ! Lúc suy tư len lỏi trong não, chàng dần tái nhợt vì kinh hãi, và bầu không với chàng dường như trở nên đột ngột lạnh thêm. Ôi! Trong một giờ đồng hồ điên cuồng hoang dại nào chàng đã giết bạn mình! Chỉ kí ức về cảnh đó cũng ghê gớm thay! Chàng thấy lại tất thảy. Mỗi chi tiết gớm guốc ập về chàng với nỗi kinh hoàng điểm thêm. Bước ra khỏi hang đen Thời Gian, kinh khiếp và quần vải đỏ tươi, hình ảnh của tội lỗi chàng hiện lên. Khi Ngài Henry vào phòng lúc sáu giờ, gã thấy chàng đang khóc như một kẻ mang trái tim vỡ nát.

Mãi đến ngày thứ ba chàng mới mạo hiểm ra ngoài. Có gì đó trong khí lành, thơm mùi thông của buổi sáng mùa đông ấy dường như trả lại chàng niềm vui và nhiệt huyết sống. Nhưng không đơn thuần ở điều kiện vật lí của môi trường gây ra sự thay đổi. Bản chất chàng nổi lên chống lại cơn thống khổ quá chừng đã gây thương tật và làm hỏng sự hoàn hảo trong vẻ điềm tĩnh của nó. Với những khí chất được rèn giũa tinh xảo và đẹp đẽ nó đáng luôn luôn như vậy. Những đam mê mạnh mẽ của nó hoặc phải bầm tím hoặc bẻ cong.

Chúng hoặc giết người, hoặc tự giết mình. Những nỗi buồn hời hợt và tình yêu hời hợt sống bên trên. Những tình yêu và nỗi buồn vĩ đại bị phá huỷ bởi chính sự sung túc của mình. Và lại, chàng đã tự thuyết phục rằng mình là nạn nhân của một trí tưởng kinh hoàng, và giờ đây nhìn về nỗi sợ bằng phần nào tiếc thương và không chút nào khinh miệt.

Sau bữa sáng chàng đi dạo cùng Nữ Công Tước một giờ đồng hồ trong vườn, và rồi đánh xe qua công viên mà tham dự buổi hội săn. Sương giá giòn tan đóng như muối lên thảm cỏ. Nền trời như cái chén úp bằng thép xanh. Một lớp băng mỏng bao quanh mặt hồ lặng tròng đầy sậy.

Ở góc rừng thông, chàng bắt gặp Đức Geoffrey Clouston, anh trai nàng Nữ Công Tước, đang giật hai băng đạn khỏi cây súng của mình. Anh nhẩy khỏi xe thồ, và bảo chú nài ngựa dẫn con ngựa cái về nhà, cất bước về phía vị khách của mình xuyên qua đám dương xỉ héo và cây bụi thô ráp.

“Cuộc săn suôn sẻ chứ, Geoffrey?” chàng hỏi.

“Không suôn lắm, Dorian. Tôi nghĩ hầu hết đám chim đã bay ra ngoài. Tôi dám nói tình thế sẽ khá hơn sau bữa trưa, khi ta đến bãi săn mới.”

Dorian tản bộ bên cạnh anh ta. Bầu không thơm buốt, ánh nâu đỏ lập loè trên thớ gỗ, tiếng thét khàn khàn của đám phụ săn chốc chốc lại vọng lên, và tiếng đánh tách sắc nhọn của họng súng theo sau, mê hoặc chàng, và dâng đầy chàng cảm giác tự do thích thú. Chàng đắm chìm vào vô tư và hạnh phúc, vào niềm vui đầy vô lo.

Đột nhiên từ lùm cỏ cũ, tầm hai mươi mã trước mặt họ, với đôi tai chớp đen vểnh lên, cùng đôi chân sau dài dõm lao về phía trước,

một con thỏ rừng giật mình. Nó chồm lên định nhảy vào bụi cây tổng quán sủi. Đức Geoffrey kê súng lên vai, nhưng có điều gì trong cử động duyên dáng của con vật đã quyến rũ Dorian Gray lạ kì, và chàng thét lên tức khắc, “Đừng bắn nó, Geoffrey. Cho nó sống.”

“Nhảm nhí, Dorian!” người bạn đồng hành cười vang, và lúc con thỏ rừng đến rìa bụi cây, anh bắn. Có hai tiếng kêu được nghe, tiếng con thỏ rừng kêu trong đau đớn, đã khủng khiếp, tiếng một con người kêu trong hấp hối, còn khủng khiếp hơn.

“Trời ơi! Tôi đã bắn phải người phụ nữ!” Đức Geoffrey la lớn. “Gã con tườu nào nằm ngay trước mũi súng! Đừng bắn vào đó!” anh gọi lớn bằng quãng giọng cao nhất. “Có người bị thương.”

Người quản bãi chạy đến với cây gậy trong tay.

“Ở đâu, thưa ông? Người đó đâu?” ông ta hét lên. Đồng thời tiếng súng ngừng lại dọc đoàn người.

“Đây,” Đức Geoffrey trả lời, giận điên, vội vã hướng về bụi cây. “Thế quái nào ông không giữ người của mình lại đằng sau? Hông hết buổi đi săn của tôi rồi.”

Dorian quan sát họ lao vào lùm tổng quán sủi, bụi cây mỏng, cành lá đung đưa. Trong vài phút họ chui ra, kéo theo một xác người dưới nắng trời. Chàng quay mặt đi trong kinh hãi. Dường như với chàng, điều bất hạnh bám chân đến bất cứ nơi đâu. Chàng nghe Đức Geoffrey hỏi liệu người đàn ông có chết thật không, và câu trả lời xác nhận của người quản bãi. Khu rừng với chàng dường như trở nên đột ngột sống dậy những gương mặt. Có tiếng giẫm đạp của vô số bàn chân, và tiếng ồn trầm của những giọng người. Một con gà lôi ức đồng lớn đập cánh xuyên qua những cành cây trên đầu.

Một lúc sau, mà với chàng, trong trạng thái bấn loạn, như thể hàng giờ đau đớn bất tận, chàng cảm thấy một bàn tay đặt lên vai mình. Chàng giật thót, và nhìn quanh.

"Dorian," Ngài Henry nói, "tôi đã bảo họ rằng tốt hơn hết cuộc săn hoãn lại hôm nay. Sẽ không có vẻ tốt lành nếu tiếp tục."

"Em mong hoãn lại vĩnh viễn, Harry," chàng cay đắng trả lời. "Toàn bộ chuyện này gồm guốc và tai ác. Có phải người đó đã...?"

Chàng chẳng thể nói hết câu.

"Tôi e là thế," Ngài Henry tiếp lời. "Y lãnh trọn phát đạn vào ngực. Y hẳn phải chết gần như ngay tức khắc. Đi; ta về nhà."

Họ sánh bước bên nhau thẳng theo đại lộ trong gần năm mươi mã không nói gì. Rồi Dorian nhìn Ngài Henry, và nói, kèm tiếng thở dài nặng nề, "Đó là điềm gở, Harry, điềm rất gở."

"Gì cơ?" Ngài Henry hỏi. "Ồ! Tai nạn thôi, tôi đồ thế. Bạn thân mến, đó là chuyện không tránh khỏi. Đó là lỗi của người đàn ông. Cớ sao y đứng trước mũi súng? Vả lại, không việc gì đến chúng ta. Khá là rầy rà cho Geoffrey, dĩ nhiên. Đó không phải một phụ nữ bị bấn loạn. Nếu thế người ta nghĩ y bị trúng đạn lạc. Còn Geoffrey thì không; cậu ta bắn rất dứt khoát. Nhưng nói về chuyện này cũng bằng thừa."

Dorian lắc đầu. "Đó là điềm gở, Harry ạ. Em thấy như có gì khủng khiếp sắp ập đến ai đó trong chúng ta. Đến thân em, có lẽ," chàng nói thêm, áp bàn tay lên mắt, bằng cử chỉ đau đớn.

Người đàn ông già hơn cười vang. "Điều kinh khủng duy nhất trên đời là *chán đời**, Dorian. Đó là tội lỗi duy nhất không nhận được tha thứ. Nhưng chúng ta không có vẻ chịu đau khổ vì nó, trừ khi những người bạn ấy tiếp tục huyền thuyên chuyện này trong bữa

tối. Tôi phải bảo họ chủ đề đó bị cấm kị. Còn về diêm báo, không có thứ gì gọi là diêm báo. Thần Định Mệnh không gửi chúng ta sứ giả. Bà ấy quá thông thái hoặc quá nanh ác để làm vậy. Và lại, chuyện quái gì xảy đến với cậu thế, Dorian? Cậu có mọi thứ trên đời mà một con người có thể muốn. Chẳng ai lại không vui sướng nếu được hoán vị với cậu.”

“Chẳng ai em lại từ chối nếu được hoán vị với họ, Harry. Đừng cười cợt như vậy. Em đang nói anh sự thật. Người nông dân khổ khổ vừa chết còn ở vị trí sướng hơn em. Em không sợ Cái Chết. Chính sự đến gần của Cái Chết mới làm em kinh hãi. Đôi cánh quái đản của nó dường như quay cuồng trong bầu không bằng chì xung quanh em. Trời đất ơi! Há anh không thấy một người đàn ông di chuyển sau hàng cây kia, quan sát em, chờ đợi em?”

Ngài Henry nhìn thẳng hướng bàn tay đeo găng run rẩy đang chỉ. “Có,” gã mỉm cười nói, “tôi thấy người làm vườn đang chờ đợi cậu. Tôi đồ rằng anh ta muốn hỏi thứ hoa nào cậu mong cắm trên bàn đêm nay. Cậu lo lắng vô lí quá chừng, bạn thân mến! Cậu phải đi gặp bác sĩ của tôi, khi ta về thành phố.”

Dorian kéo hơi thở phào lúc chàng thấy người làm vườn lại gần. Người đàn ông ngả mũ, thoáng liếc Ngài Henry về do dự, và rồi trình ra bức thư, mà anh phải trao tận tay ông chủ. “Quý Bà bảo tôi đứng đợi ông trả lời,” anh ta nói khẽ.

Dorian dứt bức thư vào túi. “Nhấn với Quý Bà rằng tôi đang về,” chàng lạnh lùng nói. Người đàn ông quay lưng, và hấp tấp đi thẳng về ngôi nhà.

“Phụ nữ ưa làm chuyện nham hiểm lắm thay!” Ngài Henry cả cười. “Đó là một trong những phẩm chất ở họ mà tôi ngưỡng mộ

nhất. Phụ nữ sẽ tán tỉnh bất kì ai trên đời miễn là có người khác đang để mắt.”

“Anh ưa nói chuyện nham hiểm lắm thay, Harry! Trong trường hợp này anh hoàn toàn chệch lối. Em thích Nữ Công Tước rất nhiều, nhưng em không yêu cô ấy.”

“Còn Nữ Công Tước yêu cậu rất nhiều, nhưng nàng thích cậu ít hơn, vậy nên hai người xứng đôi hiếm có.”

“Anh đang nói về tai tiếng, Harry, và chuyện này không đời nào là mằm mống cho tai tiếng.”

“Mằm mống của mọi vụ tai tiếng là một xác quyết vô đạo đức,” Ngài Henry nói, châm điếu thuốc.

“Anh thà thí mạng bất kì ai, Harry ạ, chỉ vì một câu trào phúng.”

“Nhân gian bước đến lễ hiến tế trong sự đồng thuận,” là câu trả lời.

“Em ước mình có thể yêu,” Dorian Gray kêu lên, với tông giọng sâu đầy khơi cảm. “Nhưng dường như em đã đánh mất đam mê, và lãng quên khao khát. Em đã quá chú tâm vào bản thân. Nhân cách chính mình trở thành gánh nặng với em. Em muốn được trốn chạy, được đi xa, được quên hết. Rốt cuộc là đại đột của em khi xuống đây. Em nghĩ mình sẽ đánh điện cho Harvey để chuẩn bị du thuyền. Trên du thuyền ta được an toàn.”

“An toàn khỏi sự gì, Dorian? Cậu đang gặp phiền muộn nào đó. Tại sao không nói tôi hay? Cậu biết tôi sẽ giúp cậu mà.”

“Em không thể nói anh hay, Harry ạ,” chàng buồn bã trả lời. “Và em dám nói đó chỉ là tưởng tượng của em. Sự cố bất hạnh này đã làm em rối trí. Em có linh cảm khủng khiếp rằng thứ gì tương tự có thể xảy đến với mình.”

“Vớ vẩn quá!”

“Em mong là vậy, nhưng em không thể ngăn mình cảm nhận thế. A! Đây rồi Nữ Công Tước, nom như nàng Artemis trong bộ áo dài dệt may. Cô thấy đấy, chúng tôi đã về, thưa Nữ Công Tước.”

“Em đã nghe thấy mọi chuyện, Anh Gray,” cô trả lời. “Geoffrey đáng thương đang rối trí kinh khủng. Và về như anh đã gài anh ta đừng bắn con thỏ rừng. Kì lạ thay!”

“Vâng, rất kì lạ. Tôi không biết điều gì đã xui khiến mình. Ngẫu hứng, tôi đồ vậy. Nó trông đáng yêu nhất trong những vật sống bé bỏng. Nhưng tôi rất tiếc vì họ đã nói với cô về người đàn ông. Đó là một chủ đề gớm guốc.”

“Đó một chủ đề phiền toái,” Ngài Henry ngắt lời. “Nó không có giá trị tâm lí học nào. Giờ nếu Geoffrey mà làm chuyện này có chủ đích, cậu ta sẽ hấp dẫn lắm thay! Tôi thích được biết kẻ nào đó phạm vào một vụ giết người thực thụ.”

“Anh thật quá lắm, Harry!” nàng Nữ Công Tước thốt lên. “Phải không, Anh Gray? Harry ơi, Anh Gray lại bệnh rồi. Anh ấy sắp ngất.”

Dorian gắng sức dựng mình dậy, và mỉm cười. “Không sao, thưa Nữ Công Tước,” chàng nói khẽ; “thần kinh tôi rối loạn kinh khiếp quá. Vậy thôi. Tôi e mình đã đi quá xa sáng nay. Tôi chẳng nghe được Harry nói gì cả. Tội tệ lắm sao? Cô phải thuật lại cho tôi lúc nào khác mới được. Tôi nghĩ mình phải đi nằm. Thứ lỗi cho tôi, nhé?”

Họ sai những bước dài dẫn về nhà kính trên sân thượng. Đoạn cửa kính đóng lại sau lưng Dorian, Ngài Henry quay sang nhìn Nữ Công Tước bằng đôi mắt mơ màng của mình. “Cô yêu cậu ta nhiều lắm hả?” gã hỏi.

Cô không trả lời một lúc, mà đứng nhìn trần trời cảnh trời. “Em ước mình biết,” sau cùng cô nói.

Gã lắc đầu. “Biết mới là chết người. Chính sự không chắc chắn quyến rũ người ta. Một màn sương khiến vạn vật thành tuyệt vời.”

“Người ta có thể lạc đường.”

“Mọi con đường kết thúc ở cùng một điểm, Gladys quý mến.”

“Là gì?”

“Vỡ mộng.”

“Đó là *khởi điểm** đời em,” cô thở dài. “Nó dẫn cô đến vương miện.”

“Em mệt mỏi với lá dâu rồi17.” “Chúng trở thành cô.”

“Chỉ trước công chúng thôi.”

“Cô sẽ nhớ chúng,” Ngài Henry nói. “Em sẽ không xa lìa một cánh hoa.” “Monmouth có tai đây.”

“Người già thì nghễnh ngãng.” “Ông ta chưa từng ghen tuông sao?” “Em ước ông ta đã từng.”

Gã liếc nhìn như thể tìm kiếm điều gì. “Anh đang tìm gì vậy?” cô gạn hỏi.

“Khuy cài đồ trang sức của cô,” gã trả lời. “Cô làm rơi rồi.”

Cô cười vang. “Em vẫn còn mặt nạ.”

“Nó khiến đôi mắt cô thêm đáng yêu,” là lời đáp.

Cô lại cười vang. Răng cô nom như những hạt quả trắng trong trái quả đỏ tươi.

Trên lầu, trong phòng riêng, Dorian Gray đang nằm trên ghế dài, với nỗi kinh hoàng trong mỗi thớ thịt râm ran của cơ thể. Cuộc đời bỗng nhiên trở nên quá gớm guốc vì một gánh nặng chàng mang. Cái chết khủng khiếp của người phụ nữ vô phúc, bị bắn trong bụi

cây như một con thú hoang, cảm tưởng với chàng là tiên báo cái chết của chính mình. Chàng đã gần như ngất xỉu trước lời Ngài Henry nói trong phút cao hứng pha trò cay độc.

Vào năm giờ, chàng rung chuông gọi đầy tớ và lệnh anh ta đóng gói đồ đạc cho chuyến tàu đêm về thành phố, và gọi một chiếc xe rô-mô trước cửa lúc tám giờ ba mươi. Chàng quyết định không ngủ thêm đêm nữa ở Hoàng Gia Selby. Đây là nơi báo điềm hung gở. Cái Chết nhớn nhोर dưới ánh nắng trời. Cỏ trong rừng lấm tấm những máu.

Rồi chàng biên một tờ gửi Ngài Henry, bảo gã rằng mình sắp về thành phố thỉnh ý kiến bác sĩ, và nhờ gã giải khuây cho tân khách trong lúc mình vắng mặt. Đoạn chàng đút nó vào phong bì, một tiếng gõ dội lên cửa, và anh hầu phòng nhắn lại rằng người quản bãi mong gặp chàng. Chàng cau mày, và cắn môi. "Dẫn ông ta vào," chàng lẩm bẩm, sau vài phút do dự.

Ngay khi người đàn ông bước vào Dorian lôi quyển sổ séc khỏi ngăn kéo, và trải ra trước mặt ông ta.

"Tôi đồ rằng ông đến về vụ tai nạn bất hạnh sáng nay, Thornton?" chàng nói, cầm cây bút lên.

"Vâng, thưa ông," người quản bãi trả lời.

"Anh bạn đáng thương ấy kết hôn chưa? Anh ta có người nào lệ thuộc mình không?" Dorian hỏi, trông chán nản. "Nếu có, tôi không mong họ bị bỏ mặc trong thiếu thốn, và sẽ gửi họ bất kì khoản tiền nào ông cho là cần thiết."

"Chúng tôi chưa biết anh ta là ai, thưa ông. Chính vì thế tôi mạo muội đến gặp ông vì chuyện này."

“Chưa biết anh ta là ai ư?” Dorian lơ đãng nói. “Ý ông là sao? Anh ta không thuộc đoàn người của ông sao?”

“Vâng, thưa ông. Chưa từng thấy anh ta trước đây. Nom như một thuỷ thủ, thưa ông.”

Cây bút tuột khỏi tay Dorian Gray, và chàng thấy như tim mình đột nhiên ngừng đập. “Một thuỷ thủ?” chàng thốt lớn. “Ông nói là một thuỷ thủ à?”

“Vâng, thưa ông. Anh ta trông giống với cánh thuỷ thủ; xăm cả hai cánh tay, và những điểm tương tự.”

“Có tìm thấy gì liên quan đến anh ta không?” Dorian nói, cúi mình ra và nhìn người đàn ông bằng đôi mắt thẳng thốt. “Có gì cho biết tên anh ta không?”

“Chút tiền lẻ, thưa ông – không nhiều, và một khẩu súng lục. Chẳng tên tuổi gì cả. Trông anh ta ngay thẳng, thưa ông, nhưng lỗ mãng. Kiểu của cánh thuỷ thủ như ta thường nghĩ.”

Dorian vùng đứng dậy. Một tia hi vọng đáng khiếp run lên trong chàng. Chàng cuống đại nắm lấy nó. “Cái xác đâu rồi?” chàng thét lên. “Mau! Tôi phải thấy nó ngay tức khắc.”

“Trong tàu ngựa bỏ không ở Gia Trang, thưa ông. Người dân không thích vật như thế trong nhà mình. Họ nói tử thi mang vận rủi.”

“Gia Trang! Đến đấy ngay rồi về gặp tôi. Bảo một nài ngựa đánh ngựa sang. Thôi. Bỏ đi. Tôi sẽ đích thân đến tàu ngựa. Cho đỡ mất thì giờ.”

Không đầy một khắc, Dorian Gray đã phi nước đại xuống đại lộ dài, cuống cuống chạy bán sống bán chết. Hàng cây tưởng như vụt qua chàng trong một đám rước ma, và bóng

đen hoang dã quăng mình lên con đường. Một lần con ngựa cái đi chệch đường vào cột cổng và gần như quăng chàng xuống. Chàng quất roi ngang cổ nó. Nó xé bầu không tối mù như một mũi tên. Sỏi đá bắn dưới móng guốc.

Cuối cùng chàng đến Gia Trang. Hai người đàn ông đang tha thẩn trong sân. Chàng nháy khỏi yên và ném cương cho một người trong bọn. Trong tàu ngựa xa nhất có ánh sáng lập loè. Điều gì như mách bảo chàng cái xác ở đó, chàng hấp tấp đến cửa, và đặt tay lên chốt.

Đến đấy chàng dừng giây lát, thấy mình trên miệng vực khám phá thứ hoặc sẽ cứu hoặc sẽ giết đời chàng. Rồi chàng đẩy cửa mở, và bước vào.

Trên đồng bao tải ở góc xa nằm đó một xác người ăn vận trong bộ áo thô kệch cùng quần màu lam. Một cái khăn tay cáu bẩn phủ lên khuôn mặt. Một cây nến thô kệch, cắm trong chai, bập bùng bên cạnh.

Dorian Gray rùng mình. Chàng thấy mình không thể tự tay lật chiếc khăn ra, và gọi một người trong đám gia nô vào.

“Lật thứ kia khỏi khuôn mặt. Tôi muốn nhìn xem,” chàng nói, nắm chặt gióng cửa mà vịn.

Khi người gia nô làm xong, chàng bước lên trước. Tiếng khóc của niềm vui vỡ oà khỏi môi. Người đàn ông bị bắn trong bụi cây chính là James Vane.

Chàng đứng đó vài phút nhìn cái xác người. Đoạn chàng rong ngựa về nhà, đôi mắt ngấn đầy nước, bởi chàng biết mình đã an toàn.

CHƯƠNG XIX

Quá bằng thừa việc cậu bảo tôi rằng mình sắp trở nên tử tế,” Ngài Henry thốt lên, nhúng những ngón tay trắng của mình vào bát đồng đỏ đầy nước hoa hồng. “Cậu tuyệt đối hoàn hảo. Xin đừng thay đổi.”

Dorian Gray lắc đầu. “Không, Harry ạ, em đã làm quá nhiều điều khủng khiếp trong đời. Em sẽ không vậy nữa. Em bắt đầu làm điều tử tế hôm qua.”

“Cậu đã ở đâu hôm qua?”

“Nơi thôn quê, Harry. Em lưu lại trong quán trọ nhỏ một mình.”

“Cậu bé thân mến,” Ngài Henry mỉm cười nói, “bất kì ai cũng có thể tử tế nơi thôn quê. Chẳng có cám dỗ ở đấy. Đó là lí do tại sao dân ngoại thành tuyệt đối mọi rợ. Văn minh không có bất kì phương tiện nào dễ dàng để đạt tới. Chỉ có hai con đường cho loài người chạm đến nó. Thứ nhất bằng trau dồi, còn lại bằng suy đồi. Dân quê không có cơ hội cho cả đôi, vậy nên họ lạc hậu.”

“Trau dồi và suy đồi,” Dorian vọng lại. “Em đã biết đôi điều về cả hai. Giờ đây với em chừng như là khủng khiếp một khi chúng được tìm thấy cùng lúc. Bởi em có một lí tưởng mới, Harry ạ. Em sắp biến đổi. Em nghĩ mình đã biến đổi rồi.”

“Cậu chưa nói tôi hay việc làm tử tế của cậu là gì. Hay chẳng cậu nói mình đã làm nhiều hơn một?” người bạn hỏi, đoạn gã đổ ra đĩa một đồng hình chớp đỏ thắm con con những quả dâu nguyên hạt,

và bằng chiếc muỗng vớt vỏ sò rắc lên chúng một cơn mưa tuyết đường trắng.

“Em có thể nói anh hay, Harry. Đây không phải chuyện em có thể kể với bất kì ai khác. Em đã buông bỏ một người. Nghe thường lắm, nhưng anh hiểu ý em đấy. Nàng rất mực xinh đẹp, và tuyệt vời như Sibyl Vane. Em nghĩ đó chính là điều đầu tiên thu hút em tới nàng. Anh vẫn nhớ Sibyl, phải chứ? Dường như đã lâu quá chừng! Chà, Hetty không thuộc tầng lớp chúng ta, tất nhiên. Nàng đơn thuần là một cô gái quê. Nhưng em đã thật lòng yêu nàng. Em hoàn toàn đoan chắc mình yêu nàng. Suốt cả tháng Năm tuyệt vời chúng em có với nhau này, em thường xuống gặp nàng đôi ba lần mỗi tuần. Hôm qua nàng gặp em trong một vườn quả nhỏ. Hoa táo không ngừng rơi lên tóc nàng, và nàng cười giòn tan. Chúng em bước đi bên nhau lúc bình minh sáng nay. Đột nhiên em quyết định rời bỏ nàng giữa buổi hoa nồng như buổi em quen nàng.”

“Tôi nghĩ sự mới lạ trong cảm xúc hẳn mang đến cậu cơn rung mình vì khoái lạc thực thụ, Dorian,” Ngài Henry ngắt lời. “Nhưng tôi có thể ngâm nốt bài thôn ca giúp cậu. Cậu đưa nàng lời khuyên tử tế, và bóp nát tim nàng. Đó là khởi đầu công cuộc cải tổ của cậu.”

“Harry, anh thật cay nghiệt! Anh không được nói những điều kinh khủng thế. Trái tim Hetty không vỡ nát. Tất nhiên nàng khóc, và thảy vạ. Nhưng không có ô danh nào vạ vào nàng. Nàng có thể sống, như nàng Perdita, trong khu vườn bạc hà cùng cúc vạ thọ của mình.”

“Và khóc vì chàng Florizel bạc tình,” Ngài Henry nói, cười phá ra, đoạn gả ngã người ra ghế. “Dorian thân mến, cậu mang những tâm trạng trẻ con kì lạ nhất. Cậu nghĩ cô gái này giờ đây sẽ còn thật lòng

thoả mãn với bất kì kẻ nào cùng địa vị ư? Tôi đồ rằng mai kia nàng sẽ kết hôn với một tay kéo xe thô kệch hoặc một gã trai cày nhàn nhỡ. Chà, thực tại về cuộc gặp cậu, và yêu cậu, sẽ dạy nàng khinh miệt chồng mình, và nàng sẽ khốn khổ. Từ quan điểm đạo đức, tôi không thể nói rằng mình đánh giá cao sự hi sinh vĩ đại của cậu. Ngay từ khởi điểm, đã là tệ. Và lại, làm sao cậu biết được ngay khoảnh khắc này Hetty không trôi lênh đênh trong con hồ đập bùng ánh sao nào đó, với những bông huệ nước đáng yêu quanh mình, như nàng Ophelia?”

“Em hết chịu nổi rồi, Harry! Anh nhạo báng mọi thứ, rồi lại đưa ra những thảm cảnh nghiêm trọng nhất. Bây giờ em hối hận vì đã nói với anh. Em không quan tâm anh nói gì đâu. Em biết mình đúng trong việc này. Hetty đáng thương! Lúc rong ruổi ngang nông trại sáng nay, em thấy mặt nàng trắng bệch bên cửa sổ, như một cành hoa nhài. Ta đừng nói về nó nữa, và đừng cố gắng thuyết phục em rằng việc tử tế đầu tiên em từng làm trong nhiều năm, sự hi sinh nhỏ nhoi đầu tiên em từng biết, thật ra lại là một dạng tội lỗi. Em muốn được tử tế hơn. Em sẽ được tử tế hơn. Kể em nghe gì đó về bản thân anh. Có gì diễn ra trong thành phố? Em đã không đến hội quán nhiều ngày trời.”

“Mọi người vẫn còn bàn cãi về sự biến mất của Basil tội nghiệp.”

“Em nghĩ lúc này họ đã phát chán rồi,” Dorian nói, tự rót cho mình chút vang, và thoáng cau mày.

“Cậu bé thân mến, họ chỉ mới nói về nó được sáu tuần, và thật tình không đủ để căng thẳng thần kinh công chúng Ăng-lê nếu có nhiều hơn một chủ đề mỗi ba tháng. Tuy nhiên, gần đây họ vớ bẫm đấy. Họ đã có vụ li hôn của tôi, và vụ tự sát của Alan Campbell. Giờ

họ có cả vụ biến mất bí ẩn của một nghệ sĩ. Sở Scotland Yard vẫn khẳng định rằng người đàn ông trong bộ un-tơ xám đã rời đến Ba Lê trong chuyến tàu nửa đêm vào mùng chín tháng Mười Một là Basil tội nghiệp, còn cảnh sát Pháp tuyên bố rằng Basil chưa từng xuất hiện ở Ba Lê gì cả. Tôi đồ rằng đôi tuần nữa chúng ta sẽ được báo rằng cậu ta bị trông thấy ở San Francisco. Chuyện này quái lạ, nhưng mọi người mất tích đều được cho là đã bị trông thấy ở San Francisco. Đó hẳn là thành phố thú vị, và sở hữu tất thảy sức hấp dẫn của thế giới bên kia.”

“Anh nghĩ chuyện gì đã xảy ra với anh Basil?” Dorian hỏi, giờ li Burgundy về phía ánh sáng, và tự hỏi sao mình có thể bình tĩnh bàn luận chuyện này đến thế.

“Tôi không có một thoáng ý tưởng nào. Nếu Basil chọn lối sống ẩn dật, đó không phải việc của tôi. Nếu cậu ta chết, tôi không muốn nghĩ về nữa. Cái chết là thứ duy nhất từng làm tôi khiếp đảm. Tôi ghét nó.”

“Tại sao?” chàng trai mệt mỏi nói.

“Bởi,” Ngài Henry nói, hươu dưới mũi mình tấm lưới mạ vàng của hộp giấm thơm để mở, “người đời có thể qua khỏi mọi thứ trong ngày nay trừ điều đó. Cái chết và dung tục là hai thực tại duy nhất trong thế kỉ mười chín mà người đời không cắt nghĩa được. Ta hãy dùng cà-phê trong phòng nhạc, Dorian nhé. Cậu phải chơi Chopin cho tôi. Cái gã vợ tôi chạy theo chơi Chopin rất cừ. Victoria khổ! Tôi rất mến ả. Ngôi nhà khá quạnh hiu khi vắng ả. Dĩ nhiên cuộc sống hôn nhân chỉ là một thói quen, một thói quen xấu. Mặt khác ta nuối tiếc cả sự mất mát những thói quen xấu nhất của mình.

Có lẽ ta nuôi tiếc chúng nhất. Chúng là phần thiết yếu trong nhân cách ta.”

Dorian chẳng nói gì, mà đứng dậy khỏi bàn, rồi, băng sang phòng kế, ngồi xuống bên cây dương cầm và để những ngón tay mình lạc bước trên những phím ngà trắng và đen. Sau khi cà-phê được mang vào, chàng dừng tay, rồi, nhìn lên Ngài Henry, nói, “Harry, có khi nào anh chợt nghĩ rằng anh Basil bị sát hại không?”

Ngài Henry ngáp. “Basil quá lừng danh, và luôn mang cái thứ đồng hồ Waterbury. Tại sao cậu ta bị sát hại cho được? Cậu ta không đủ khôn ngoan để có kẻ thù. Dĩ nhiên cậu ta mang tuyệt tài về hội họa. Nhưng một người có thể vẽ như Velázquez đâu vậy vẫn dần dần như thường. Basil thật sự khá dần. Cậu ta chỉ hứng thú tôi một lần, đó là khi cậu ta bảo tôi, nhiều năm trước, rằng cậu ta cuồng mộ cậu, và rằng cậu là động cơ chi phối nghệ thuật cậu ta.”

“Em đã rất mến anh Basil,” Dorian nói, bằng tông giọng buồn bã. “Nhưng không ai nói rằng anh ấy bị sát hại ư?”

“Ồ, vài tờ báo có nói. Vẽ như với tôi thì chuyện đó là bất khả. Tôi biết có nhiều nơi kinh khiếp ở Ba Lê, nhưng Basil không thuộc dạng người lai vãng đến đó. Cậu ta không có tính hiếu kì. Đó là khiếm khuyết chính của cậu ta.”

“Anh sẽ nói gì, Harry, nếu em nói rằng mình đã sát hại Basil?” người đàn ông trẻ hơn nói. Chàng nhìn gã chăm chú khi nói xong.

“Tôi sẽ nói, bạn thân mến, rằng cậu đang dựng lên một tính cách không hợp với mình. Tất cả tội ác đều dung tục, cũng như tất cả dung tục đều là tội ác. Nó không dành cho cậu, Dorian, để phạm tội giết người. Xin thứ lỗi nếu tôi làm tổn thương tính kiêu hãnh của cậu khi nói vậy, nhưng tôi cam đoan đó là sự thật. Tội ác thuộc

riêng về những tầng lớp thấp kém. Tôi không đổ vấy lên họ dù chỉ một lời. Tôi mừng tượng rằng tội ác với họ như nghệ thuật với chúng ta, đơn thuần là phương pháp nhằm thu lại những tri giác lạ thường.”

“Phương pháp nhằm thu lại những tri giác? Anh có nghĩ, vậy, rằng một người từng một lần phạm tội giết người có thể phạm cùng tội ác lần nữa? Đừng nói là có.”

“Ồ! Bất kì điều gì cũng trở thành khoái lạc nếu ta làm quá thường xuyên,” Ngài Henry thốt lên, phá lên cười. “Đó là một trong những bí quyết quan trọng nhất của đời. Tôi mừng tượng, tuy thế, rằng giết người luôn luôn là sai lầm. Đừng bao giờ làm chuyện gì mà không thể nói về nó sau bữa tối. Nhưng chúng ta hãy bỏ qua Basil tội nghiệp. Tôi mong mình có thể tin rằng cậu ta đã đi đến kết thúc thật quá lãng mạn như cậu gợi ra đến thế; nhưng tôi không thể. Tôi dám nói cậu ta ngã xuống dòng Seine từ một chiếc ô- ni-buýt, và rồi tên bán vé ém nhẹm đi vụ tai tiếng. Phải: tôi mừng tượng đó là kết cục. Tôi thấy cậu ta nằm ngửa dưới làn nước xanh đục với những chiếc xà-lan nặng nề trôi bên trên, và cỏ dại dài bám lên tóc. Cậu biết chẳng, tôi không nghĩ cậu ta sẽ cho thêm tác phẩm đẹp. Trong mười năm vừa qua tranh cậu ta xuống tay rất nhiều.”

Dorian kéo tiếng thở dài, rồi Ngài Henry tản bước ngang phòng và bắt đầu vuốt ve đầu một con vẹt Java kì cục, một con chim lớn lông xám, với mào và đuôi hồng, tự đứng thẳng bằng trên cành tre. Lúc những ngón tay thon của gã chạm vào, nó rụng gàu trắng trên mi mắt nhắm nheo xuống đôi mắt đen như gương, và bắt đầu lắc lư qua qua lại lại.

“Phải,” gã tiếp, quay đầu lại, và rút khăn tay khỏi túi; “tranh cậu ta vẽ hoàn toàn xuống tay. Cảm tưởng trong tôi như nó đánh mất điều gì. Nó mất ý tưởng. Từ khi hai người các cậu thôi là bạn lớn, cậu ta thôi là nghệ sĩ lớn. Điều gì đã chia tách các cậu? Tôi cho rằng cậu ta làm cậu phát chán. Nếu vậy, cậu ta không đời nào tha thứ cậu. Đó là thói quen những người nhàm chán hay mang. Nhân thế, bức chân dung tuyệt vời cậu ta vẽ cho cậu ra sao rồi? Tôi không nghĩ mình từng thấy nó kể từ khi cậu ta hoàn thành.Ồ! Tôi nhớ nhiều năm trước cậu bảo rằng mình chuyển nó xuống Selby, và rằng nó đã bị thất lạc hoặc bị đánh cắp trên đường. Cậu chưa từng tìm lại sao? Đáng tiếc thay! Nó thật sự là kiệt tác. Tôi nhớ mình đã muốn mua nó. Ước gì tôi được thế bây giờ. Nó thuộc về thời kì đỉnh cao của Basil. Kể từ đó, tác phẩm cậu ta là thứ pha trộn kì cục giữa tranh vẽ tồi và ý định tốt và luôn cho phép người ta coi như tiêu biểu của một nghệ sĩ Ăng-lê. Cậu có đăng yết thị tìm nó không? Cậu nên thế.”

“Em quên rồi,” Dorian nói. “Em cho rằng đã. Nhưng em chưa bao giờ thật sự thích nó. Em hối hận vì đã ngồi mẫu nó. Kí ức về vật đó đây hẳn học trong em. Cớ sao anh nói về nó? Nó gợi nhắc em về những dòng kì lạ trong vở kịch nào đó – *Hamlet*, em nghĩ vậy – thế nào nhỉ?

Như bức tranh của nỗi buồn rầu, Một khuôn mặt thiếu vắng trái tim.

Vâng: nó giống thế đấy.”

Ngài Henry cả cười. “Nếu một kẻ đả đời đây nghệ thuật, bộ não y là trái tim y,” gã trả lời, đắm mình trong ghế bành. Dorian Gray lắc đầu, và đánh vài hợp âm nhẹ lên cây dương cầm. “*Như bức tranh*

của nỗi buồn rầu,” chàng lặp lại, “Một khuôn mặt thiếu vắng trái tim.”

Người đàn ông già hơn năm ngửa và nhìn chàng bằng đôi mắt khép hờ. “Nhân thể, Dorian,” gã nói, sau lúc ngừng, *“lợi ích gì cho một con người nếu y giành được toàn bộ thế gian và đánh mất – câu ấy thế nào nhỉ? – linh hồn mình?”*

Tiếng nhạc ré lên còn Dorian Gray giật thót, rồi nhìn chăm chăm người bạn. “Sao anh hỏi em thế, Harry?”

“Bạn thân mến,” Ngài Henry nói, nhướn mày ngạc nhiên, “tôi hỏi vì tôi nghĩ cậu có thể cho tôi câu trả lời. Vậy thôi. Tôi đang đi bách bộ trong Công Viên vào Chủ Nhật tuần trước, và gần cổng Marble Arch tụ tập đám đông nhỏ những người nom rách rưới lắng nghe một tay thuyết giáo đường phố nào đó. Lúc đi ngang qua, tôi nghe gã đó hét lên câu hỏi vào mặt khán giả. Nó nện vào tôi khá kịch tính. Luân Đôn rất dư dả những ấn tượng kì lạ kiểu đó. Một ngày Chủ Nhật nồm ẩm, một Ki-tô hữu hoang dã trong bộ áo mưa, một vòng những khuôn mặt trắng bệch đau yếu dưới mái chiếc ô dột nhỏ nước, và một cụm từ tuyệt vời được ném lên không trung bằng đôi môi gào réo cuồng loạn – thật sự rất hay theo cách của nó, và đầy ám thị. Tôi đã nghĩ sẽ nói cho tay tiên tri ấy rằng Nghệ Thuật có linh hồn, nhưng con người thì không. Tuy nhiên, tôi e rằng, hẳn sẽ không hiểu tôi.”

“Đừng, Harry. Linh hồn có thật đến kinh khủng. Nó có thể được mua, và bị bán, và đổi chác. Nó có thể bị nhiễm độc, hoặc trở nên hoàn hảo. Có một linh hồn trong mỗi chúng ta. Em biết thế.”

“Cậu cảm thấy tuyệt đối chắc chắn thế ư, Dorian?” “Tuyệt đối chắc chắn.”

“A! Vậy nó hẳn là ảo ảnh. Những thứ ta cảm thấy một mực định ninh thì không bao giờ đúng. Đó là điểm chết người của Đức Tin, và bài học cho Lãng Mạn. Cậu nghiêm nghị quá chừng! Đừng quá trầm trọng thế. Cậu và tôi cần làm gì với những trò mê tín dị đoan của thời đại chúng ta? Không: chúng ta đã từ bỏ niềm tin vào linh hồn. Đàn tôi nghe bài gì đó đi. Đàn tôi nghe một dạ khúc, Dorian, và, lúc cậu đàn, nói tôi hay, bằng giọng trầm, làm cách nào cậu gìn giữ tuổi trẻ. Cậu hẳn có bí quyết nào đó. Tôi chỉ già hơn cậu mười tuổi, mà tôi nhăn nheo, và tiểu tụy, và vàng vọt. Cậu thật sự tuyệt vời, Dorian. Cậu chưa khi nào trông quyến rũ hơn đêm nay. Cậu gợi nhắc tôi cái ngày gặp cậu lần đầu. Cậu từng có phần chân chất, hết sức e thẹn, và tuyệt đối lạ thường. Cậu đã thay đổi, dĩ nhiên, nhưng không ở ngoại hình. Tôi mong cậu nói tôi nghe bí quyết. Để lấy lại tuổi trẻ, tôi sẽ làm mọi chuyện trên đời, ngoại trừ tập thể dục, dậy sớm, hoặc tỏ ra đạo mạo. Tuổi trẻ! Chẳng gì như nó. Thật ngớ ngẩn khi nói về sự vô minh của tuổi trẻ. Giờ đây chỉ những người trẻ tuổi hơn tôi rất nhiều mới khiến tôi lắng nghe với lòng kính trọng. Họ như đi trước tôi. Cuộc sống đã hé lộ cho họ điều tuyệt diệu của mình. Đối với người già, tôi luôn luôn xung khắc với người già. Tôi như vậy theo nguyên tắc. Nếu cậu hỏi họ quan điểm về thứ gì vừa xảy ra hôm qua, họ trịnh trọng cho cậu quan điểm hiện hành hồi 1820, thời mọi người đeo khăn cổ cao, tin vào mọi sự, và tuyệt đối mù tịt mọi sự. Đáng yêu thay bản cậu đang chơi! Tôi tự hỏi phải chăng Chopin viết ra tại Majorca, với biển than van quanh biệt thự, cùng muối tung lên ô cửa kính? Lãng mạn tuyệt diệu. Phúc lành thay đây thứ nghệ thuật để lại cho chúng ta chẳng phải là mô phỏng! Đừng ngừng tay. Tôi muốn âm nhạc đêm nay. Dường như trong tôi,

cậu là thần Apollo trẻ trung, và tôi là gã Marsyas lắng nghe. Tôi mang muện phiền, Dorian, cho riêng mình, mà ngay cả cậu cũng không biết. Bi kịch của tuổi già không ở sự già, mà ở sự trẻ. Đôi lúc tôi kinh ngạc trước tính thành thật của mình. A, Dorian, cậu hạnh phúc làm sao! Đời cậu đẹp tuyệt thay! Cậu đã say mềm mọi thứ. Cậu đã nghiền những trái nho trong vòm miệng. Chẳng gì giấu được khỏi cậu. Và tất thảy đối với cậu không nhiều hơn tiếng nhạc. Nó không tàn phá cậu. Cậu vẫn như cũ.”

“Em không còn như cũ, Harry ạ.”

“Không: cậu vẫn như cũ. Tôi tự hỏi cuối đời cậu sẽ ra sao. Đừng làm hỏng nó bằng sự hi sinh. Hiện tại cậu đã là hình mẫu hoàn hảo. Đừng khiến bản thân bất hoàn. Cậu tuyệt đối hoàn mỹ bây giờ. Cậu không cần lắc đầu: cậu biết rõ mình. Và lại, Dorian, đừng lừa gạt bản thân. Cuộc đời không bị cai trị bởi ý chí hay mục đích. Cuộc đời là vấn đề của các dây thần kinh, các thớ thịt, và các tế bào chậm rãi tích lũy mà trong nó suy tư ẩn mình và đam mê ngủ vùi. Cậu có thể tưởng mình an toàn, và nghĩ mình mạnh mẽ. Nhưng một tông màu tình cờ trong căn phòng hay trên nền trời buổi sáng, một hương thơm đặc trưng cậu từng yêu và mang kí ức tinh tế theo sau, một dòng từ bài thơ đã lãng quên mà cậu gặp lại lần nữa, một điệu từ đoạn nhạc mà cậu đã ngừng chơi – tôi bảo cậu, Dorian, rằng chính những thứ này mà đời ta lệ thuộc. Browning viết về một nơi kia: nhưng tri giác của chúng ta sẽ hình dung ra chúng. Có những khoảnh khắc khi mùi *tử đinh hương trắng** bất thần lướt qua, và tôi phải sống lại tháng ngày kì lạ đời mình lần nữa. Tôi mong mình có thể hoán vị với cậu, Dorian. Thế gian la ó hai ta, nhưng họ luôn tôn thờ cậu. Họ luôn tôn thờ cậu. Cậu là hình mẫu thời đại đang tìm

kiếm, và sợ hãi phải tìm thấy. Tôi mừng vì cậu chưa từng làm gì, chưa từng tạc tượng, hoặc vẽ tranh, hoặc tạo ra thứ gì bên ngoài bản thân! Cuộc đời chính là nghệ thuật của cậu. Cậu đặt mình vào âm nhạc. Ngày tháng cậu là những bài thơ.”

Dorian đứng dậy khỏi cây dương cầm, và đưa tay lùa mái tóc. “Vâng, cuộc đời từng đẹp tuyệt,” chàng lẩm bẩm, “nhưng em sẽ không sống cuộc đời cũ nữa, Harry. Và anh đừng nói những chuyện vô độ này với em. Anh không biết mọi chuyện về em. Em nghĩ nếu anh biết, ngay cả anh cũng sẽ quay lưng lại. Anh cười đấy. Đừng cười.”

“Cớ sao cậu ngừng tay đàn, hả Dorian? Ngồi lại và cho tôi bản dạ khúc nữa. Trông kìa mặt trăng vĩ đại màu mật treo trên bầu không tối mờ. Nàng đang chờ được cậu quyến rũ, và nếu cậu đàn nàng sẽ tiến sát trái đất hơn. Không ư? Vậy, ta đến hội quán nhé. Đêm nay say mê, và ta phải khép nó lại trong mê say. Có người ở hội quán White muốn biết cậu vô cùng – Ngài Poole trẻ, con trai cả của Bournemouth. Chàng ta đã sao chép các mẫu ca-vát của cậu, và cầu xin tôi giới thiệu với cậu. Chàng ta rất mực thú vị, và phần nào gợi nhắc tôi về cậu.”

“Em mong được miễn thứ,” Dorian nói, kèm ánh mắt buồn. “Mà đêm nay em mệt, Harry ạ. Em sẽ không đến hội quán đâu. Gần mười một giờ rồi, và em muốn đi ngủ sớm.”

“Nán lại đi. Cậu chưa bao giờ đàn hay như đêm nay. Có điều gì trong ngón đàn cậu rất tuyệt vời. Nó mang nhiều biểu cảm hơn tôi từng nghe trước đây.”

“Đó là bởi em sắp trở nên tử tế,” chàng mỉm cười trả lời. “Em đã thay đổi đôi chút.”

“Cậu không thay đổi với tôi, Dorian,” Ngài Henry nói. “Cậu và tôi sẽ luôn là bạn.”

“Dầu thế anh từng đầu độc em bằng một quyển sách. Em sẽ không tha thứ. Harry, hứa với em rằng anh sẽ không bao giờ cho ai mượn quyển sách đó nữa. Nó có hại.”

“Cậu bé thân mến, cậu thật sự bắt đầu giảng đạo. Cậu sẽ sớm giống bọn cái đạo, và lũ hồi tín, cảnh báo mọi người chống lại tất cả tội lỗi mà mình đã chán chê. Cậu quá đổi thú vị để làm thế. Và lại, vô dụng thôi. Cậu và tôi là chính mình hiện tại, và sẽ là chính mình vị lai. Còn chuyện bị đầu độc bằng một quyển sách, không có thứ gì như vậy. Nghệ thuật không tạo ảnh hưởng lên hành động. Nó thủ tiêu khao khát hành động. Nó thình lặn đến trác tuyệt. Thứ sách nhân thế coi rằng vô đạo đức là sách phơi bày trước nhân thế nỗi hổ thẹn của chính họ. Thảm là vậy. Nhưng chúng ta không bàn luận văn học. Ghé lại ngày mai nhé. Tôi sẽ đánh xe lúc mười một giờ. Ta có thể đi cùng nhau, rồi tôi sẽ dẫn cậu ăn trưa với Phu Nhân Branksome sau đó. Bà ta là một phụ nữ quyến rũ, và muốn thỉnh ý cậu về mấy tấm thảm treo đang nảy ý định mua. Cậu nhớ đến nhé. Hay là ta sẽ ăn trưa với nàng Nữ Công Tước bé bỏng? Con bé nói dạo này tuyệt không thấy cậu. Phải chăng cậu đã phát mệt với Gladys? Tôi nghĩ cậu hẳn thế. Cái lưỡi khôn ngoan của con bé phiền lòng người quá lắm. Chà, sao đi nữa, nhớ có mặt lúc mười một giờ.”

“Em có buộc lòng phải đến không, Harry?”

“Hẳn rồi. Công Viên nay hết sức đáng yêu. Tôi không nghĩ ở đó còn trồng tử đinh hương như cái năm tôi quen cậu.”

“Tốt thôi. Em sẽ có mặt lúc mười một giờ,” Dorian nói. “Chúc ngủ ngon, Harry.” Lúc đến cửa chàng do dự giây lát, như thể vẫn còn gì

muốn nói thêm. Rồi chàng thở dài và bước ra.

CHƯƠNG XX

Trời đêm dễ chịu, rất ấm nên chàng vắt áo khoác trên cánh tay, và chẳng cần quàng khăn lụa trên cổ mình. Lúc chàng tản bộ về nhà, miệng hút thuốc, hai chàng trai trong dạ phục đi ngang. Chàng nghe một người trong họ thì thầm với người kia, "Dorian Gray đấy." Chàng nhớ mình từng vui thế nào mỗi khi được chỉ trỏ, hoặc nhìn ngó, hoặc xì xào. Giờ đây chàng mệt mỏi phải nghe tên mình. Phần nửa vẻ quyến rũ của ngôi làng nhỏ nơi chàng thường xuyên lai vãng gần đây là không ai biết chàng là ai. Chàng vẫn thường nói với cô gái bị mình mời chài rằng chàng nghèo khó, và nàng tin chàng. Chàng từng có lần bảo nàng rằng mình độc ác, và nàng cười chàng, đáp rằng kẻ ác luôn rất già và rất xấu. Chao ôi tiếng nàng cười! – như chim hoét hoan ca. Và nàng xinh xắn thay trong bộ váy bông cùng mũ đội rộng! Nàng chẳng biết sự gì, nhưng nàng có mọi sự chàng đánh mất.

Khi chàng về đến nhà, chàng thấy người đầy tớ đang đợi mình. Chàng cho anh ta đi ngủ, và quăng mình xuống ghế dài trong thư phòng, và khởi sự suy nghĩ về vài điều Ngài Henry vừa nói với mình.

Liệu thật sự đúng là người ta không bao giờ có thể thay đổi? Chàng cảm nhận một mong ước hoang sơ cho tính thuần khiết vô uế của tuổi thơ mình – tuổi thơ hồng bạch, như Ngài Henry có lần đã gọi. Chàng biết rằng mình đã tự bôi nhọ bản thân, nhét đầy tâm trí những mục rữa và gửi kinh hoàng đến trí tưởng; rằng mình là ảnh hưởng độc hại đến người khác, và trải nghiệm niềm vui ghê sợ bằng

việc đó; và rằng những cuộc đời đi ngang đời chàng đều cao đẹp nhất và giàu hứa hẹn nhất vậy mà chàng mang đến họ tủi nhục. Nhưng phải chăng tất cả không còn cứu vãn được? Phải chăng không còn hi vọng cho chàng?

A! Cái khoảnh khắc quái gở đầy kiêu hãnh và đam mê chàng đã nguyện cầu bức chân dung đỡ lấy gánh nặng năm tháng cho mình, còn chàng giữ lấy vẻ lộng lẫy vô nhiễm của tuổi trẻ vĩnh hằng! Tất cả lỗi lầm chàng là do đấy. Tốt hơn với chàng thì mỗi tội lỗi trong đời mang theo cùng hình phạt xác đáng, chóng vánh. Có sự thanh tẩy trong đòn trừng phạt. Đừng "Xá chúng con tội lỗi" mà "Phạt chúng con vì nghịch đạo" mới là lời nguyện cho con người đến Chúa Trời công chính nhất.

Chiếc kính chạm khắc kì lạ Ngài Henry tặng chàng, từ rất nhiều năm trước, đang đặt trên bàn, và các thần Cupid tứ chi trắng trẻo vẫn cười giòn như xưa. Chàng cầm nó lên, như đã làm trong cái đêm kinh hoàng ấy, khi lần đầu tiên nhận thấy sự thay đổi trong bức hoạ chết chóc, và với đôi mắt hoen lệ hoang dại nhìn vào bề mặt bóng láng của nó. Có lần, một người yêu chàng si dại, đã viết gửi chàng bức thư cuồng si, kết thúc bằng những lời sùng bái sau: "Thế giới thay đổi bởi chàng tạc ra từ ngà và vàng. Đường cong môi chàng viết lại lịch sử." Những câu văn dội về trong kí ức, và chàng lặp đi lặp lại chúng mãi cho mình nghe. Rồi chàng ghê tởm sắc đẹp mình, và liệng cái kính xuống sàn nghiền nát nó thành từng mảnh vụn bạc dưới gót chân mình. Chính sắc đẹp đã huỷ hoại chàng, sắc đẹp và tuổi trẻ mà chàng cầu mong. Nhưng ngoài hai thứ ấy, đời chàng có thể thoát ra khỏi nhơ nhuốc. Sắc đẹp với chàng chỉ là mặt nạ, tuổi trẻ chỉ là nhạo báng. Thế nào là tuổi trẻ tốt nhất? Thời

xanh, non, thời của những tâm trạng nông nổi, và những suy nghĩ bệnh hoạn. Cớ sao chàng mặc bộ nô phục của nó? Tuổi trẻ đã làm hỏng chàng.

Đừng nghĩ về quá khứ là hơn. Chẳng gì biến đổi được nó. Bản thân mình, và tương lai mình, là thứ chàng phải nghĩ. James Vane đã được giấu trong ngôi mộ vô danh ở khu đất nhà thờ Selby. Alan Campbell đã tự bắn mình đêm nọ trong phòng thí nghiệm, mà chưa hề tiết lộ bí mật anh bị ép phải biết. Cơn lên đồng, như đang thấy, về vụ mất tích của Basil Hallward sẽ sớm qua đi. Nó đã chìm xuống rồi. Chàng tuyệt đối an toàn ở đây. Hơn nữa, thực tế, chẳng phải cái chết của Basil Hallward đè nặng nhất lên tâm trí chàng. Mà là cái chết sống đời của chính linh hồn mình đã quấy rầy chàng. Basil đã vẽ ra bức chân dung tàn phá đời chàng. Chàng không thể tha thứ cho anh ta. Chính bức chân dung đã làm mọi chuyện. Basil đã nói với chàng những lời quá sức chịu đựng, và chàng đâu thể vẫn chịu kiên nhẫn.

Việc giết người chỉ là một khoảnh khắc rồi đại. Còn với Alan Campbell, việc tự tử của anh ta không phải chàng làm. Anh ta lựa chọn việc ấy. Chẳng liên can đến chàng.

Một cuộc đời mới! Đó là thứ chàng muốn. Đó là thứ chàng mong. Chắc hẳn chàng đã bắt đầu rồi. Chàng đã buông tha một tạo vật ngây thơ, sao chẳng nữa. Chàng sẽ không bao giờ cảm dỗ sự ngây thơ nữa. Chàng sẽ tử tế.

Đoạn chàng nghĩ về Hetty Merton, chàng khởi sự hỏi lòng liệu bức chân dung trong căn phòng khoá có thay đổi. Chắc hẳn nó không còn khủng khiếp như đã từng chứ? Có lẽ nếu đời chàng trở nên thuần khiết, chàng sẽ được phép tổng đi mọi dấu hiệu của đam

mê tai ác khỏi gương mặt. Có lẽ những dấu hiệu nanh ác đã rời xa rồi. Chàng sẽ đi xem.

Chàng lấy cây đèn từ bàn và rón rén lên lầu. Lúc tháo then cửa, một nụ cười vui vẻ bay vút ngang gương mặt nom trẻ trung lạ lùng của chàng và nán lại giây lát quanh đôi môi. Vâng, chàng sẽ tử tế, và thứ gớm guốc chàng giấu nhem sẽ không còn là nỗi kinh hoàng trong chàng nữa. Chàng thấy như gánh nặng đã được nhấc khỏi mình rồi.

Chàng đi vào khế khàng, khoá cánh cửa sau lưng, theo thói quen, và kéo tấm trướng tím khỏi bức chân dung. Một tiếng kêu đau đớn và phần uất oà ra từ chàng. Chàng có thể thấy không gì thay đổi, lưu lại trên đôi mắt là một ánh nhìn xảo trá, và trong cái miệng là sự nhăn nheo cong cớn của kẻ đạo đức giả. Vật đó vẫn tởm lợm – tởm lợm hơn, nếu có chẳng, trước kia – và giọt sương đỏ tươi lấm chấm trên bàn tay dường như sáng thêm, và thêm giống máu người vừa đổ. Rồi chàng rùng mình. Phải chăng chỉ là tính hợm hĩnh xui chàng làm việc tử tế duy nhất của mình? Hay chỉ là khát khao cảm giác mới mẻ, như Ngài Henry đã bóng gió, kèm tròng cười nhạo bóng của gã? Hay chỉ là đam mê giả kịch mà đôi lúc khiến ta làm những việc tốt đẹp hơn bản thân vốn có? Hay, có lẽ, là tất thảy chúng? Và cố sao vết đỏ lan rộng hơn trước kia? Dường như nó len lỏi như một thứ bệnh đáng khiếp qua những ngón tay nhăn nheo. Có máu trên bàn chân trong tranh, như thể có vật nhỏ xuống – máu có cả trên bàn tay không cầm dao. Đầu thú? Nghĩa lí gì nếu chàng đầu thú? Để bị bắt, và để chết? Chàng cười ha hả. Chàng thấy ý tưởng này thật quái đản. Vả lại, ngay cả khi đã đầu thú, ai sẽ tin chàng? Không có dấu vết của người bị giết ở bất cứ đâu. Mọi thứ

thuộc về anh ta đã bị tiêu huỷ. Đích thân chàng đã thiêu những thứ dưới cầu thang. Thế gian sẽ đơn thuần bảo chàng hoá điên. Họ sẽ bịt miệng chàng nếu vẫn nằng nặc câu chuyện... Dầu vậy, bốn phận chàng là đầu thú, để chịu nhục công khai, và chuộc tội công khai. Có một vị Chúa kêu gọi con người xưng tội với đất cũng như với trời. Chẳng gì có thể giúp chàng rửa sạch mình cho đến khi chàng xưng tội. Tội lỗi chàng? Chàng nhún vai. Cái chết của Basil Hallward chừng như rất nhỏ nhặt với chàng. Chàng đang nghĩ về Hetty Merton. Bởi đó là tấm gương bất công, tấm gương của linh hồn mà chàng nhìn vào. Hợm hĩnh? Hiếu kì? Đạo đức giả? Chẳng có gì hơn thế trong sự hi sinh của chàng ư? Phải có gì hơn. Ít nhất chàng nghĩ vậy. Nhưng ai nói được?... Không. Chẳng có gì hơn. Bằng sự hợm hĩnh, chàng buông tha nàng. Trong thói đạo đức giả, chàng đeo cái mặt nạ tử tế. Vì tính hiếu kì, chàng đã gắng tiết dục bản thân. Giờ chàng nhận ra rồi.

Nhưng vụ giết người – liệu nó có bám gót chàng suốt đời? Liệu chàng có mãi bị quá khứ của mình đè nặng? Liệu chàng có buộc phải đầu thú? Không đời nào. Chỉ còn sót lại duy nhất một bằng chứng chống lại chàng. Bản thân bức hoạ – đó là bằng chứng. Chàng sẽ tiêu huỷ nó. Cớ sao chàng giữ nó lâu đến thế? Nó từng cho chàng khoái lạc trong việc nhìn sự thay đổi và già đi. Gần đây chàng không cảm được khoái lạc như thế. Nó cứ khiến chàng tỉnh giấc trong đêm. Khi đi xa, chàng dưng đầy kinh hãi sợ rằng cặp mắt khác nhỡ trông thấy nó. Nó mang sâu muện xen ngang đam mê chàng. Chỉ hồi tưởng về nó cũng tàn phá nhiều khoảnh khắc vui sướng. Nó như lương tâm trong chàng. Vâng, nó là lương tâm. Chàng sẽ tiêu huỷ nó.

Chàng nhìn quanh, và thấy con dao đã từng đâm Basil Hallward. Chàng đã lau nó nhiều lần, cho đến khi chẳng còn vết nhơ nào sót lại. Nó sáng, và lấp lánh. Như nó đã giết hoạ sĩ, giờ nó sẽ giết tác phẩm của hoạ sĩ, và thay những nghĩa lí kéo theo. Nó sẽ giết quá khứ, và khi thứ đó chết, chàng sẽ được tự do. Nó sẽ giết linh hồn sống quái đản này, và không còn lời răn gớm guốc của nó, chàng sẽ được bình yên. Chàng chộp vật ấy, và đâm vào bức hoạ.

Có tiếng thét được nghe, cùng tiếng đổ sầm. Tiếng thét hết sức kinh khủng trong cơn quẩn quại khiến những đầy tớ khiếp đảm tỉnh giấc, và lê bước ra khỏi phòng. Hai quý tộc, đang đi ngang qua trong Quảng Trường phía dưới, dừng chân, và ngược lên ngôi nhà đồ sộ. Họ đi tiếp đến lúc gặp viên cảnh sát, và dẫn anh ta lại. Người đàn ông đánh chuông nhiều lần, nhưng không có trả lời. Ngoại trừ chấm sáng trên một trong những cửa sổ tầng thượng, ngôi nhà thấy tối mịt. Sau một lúc, anh ta bỏ đi, và đứng ở cổng trụ kế bên và quan sát.

“Nhà ai vậy, anh thầy quản?” người già hơn trong hai quý tộc hỏi.

“Nhà Ông Dorian Gray, thưa ông,” viên cảnh sát trả lời.

Họ nhìn nhau, đoạn họ bỏ đi, và cười khẩy. Một người trong họ là bác của Đức Henry Ashton.

Bên trong, trong phần đất cho đầy tớ của ngôi nhà, đám người giúp việc xiêm y hờ hênh đang nói thầm với nhau bằng giọng thấp. Bà Leaf già cả khóc lóc, xoắn vặn đôi tay. Francis mặt cắt không còn giọt máu.

Độ một khắc sau, anh gọi người phu xe và một người trong đám đứng gác rồi rón rén lên lầu. Họ gõ cửa, nhưng không có đáp lời. Họ đánh tiếng. Mọi thứ vẫn im ắng. Cuối cùng, sau cố gắng phá cửa vô

hiệu, họ trèo lên mái nhà, và thả người xuống ban-công. Đám cửa sổ chịu thua dễ dàng, các chốt cửa đều cũ.

Lúc bước vào, họ thấy treo trên tường một bức chân dung lỏng lẻo của chủ mình như lần gần nhất được trông thấy, với tất thảy vẻ diễm lệ từ tuổi trẻ cùng sắc đẹp tuyệt trần của chàng. Nằm dưới sàn là một xác người, trong dạ phục, với con dao trong trái tim. Y tàn tạ, nhăn nhoe, và ghê tởm trong vẻ mặt. Chẳng ai biết cho đến khi khám xét những chiếc nhẫn mới khiến họ nhận ra y là ai.

CHÚ THÍCH

A dream of form in days of thought: Wilde trích một câu từ bài thơ *To a Greek Girl* của Henry Austin Dobson.

Tên phiên âm một số xe chở khách ở Anh thế kỉ mười chín được dùng trong tác phẩm.

Han-xăm (Hansom), được đặt theo tên nhà sáng chế và thiết kế đầu tiên Joseph Hansom, là mẫu xe ngựa kéo nhỏ gọn, có hai bánh, một ngựa, buồng xe hai chỗ cho hành khách, người lái ngồi trên ghế cao phía cuối xe.

Ôm-ni-buýt (Omnibus), tiếng Latin nghĩa là “cho tất cả”, loại xe ngựa kéo dạng lớn, bốn bánh, hai ngựa, buồng xe kín có hai băng ghế cho hành khách ngồi đối diện nhau, người lái ngồi trên ghế cao đằng trước xe.

Rôm (Brougham), đặt theo tên nhà thiết kế là Nam Tước Brougham, loại xe ngựa kéo bốn bánh, một hoặc hai ngựa, mái bằng, buồng xe kín hai chỗ ngồi, người lái ngồi ghế trước.

Vích-tô-ri-a (Victoria), đặt theo tên nữ hoàng Victoria, loại xe ngựa kéo bốn bánh, một hoặc hai ngựa, không có mái, hành khách ngồi quay mặt vào nhau, người lái ngồi ghế cao phía trước.

He was a hero to his valet. Oscar Wilde phỏng theo câu ngạn ngữ *No man is a hero to his valet* (Không ai là người hùng trong mắt người hầu mình), ý chỉ giữa ông chủ và đầy tớ xưa nay luôn bất đồng quan điểm và hành xử.

Blue Book: Lam Thư là quyển sách bọc bìa xanh lam, và là báo cáo chính thức được công bố bởi Quốc Hội, trong đó ghi lại những thông tin và thống kê kinh tế theo từng năm. Đây cũng là từ dùng để chỉ quyển sách có liệt kê các thông tin chi tiết về những người có địa vị trong xã hội.

It is hitting below the intellect. Oscar Wilde phỏng theo câu thành ngữ *Hit below the belt* (Đánh dưới thắt lưng), ý chỉ làm trò chơi xấu, bất chính.

Từ đoạn này đến cuối truyện có khá nhiều thuật ngữ về các chỗ ngồi của khán giả trong nhà hát. Sau đây là tên gọi và vị trí của chúng:

Ghế quây (stall): nhiều băng ghế hình vòng cung đặt phía trước sân khấu.

Ghế trũng (pit): vị trí ngồi ở khoảng giữa khu ghế quây với sân khấu, và thấp hơn sân khấu.

Tầng lễ phục (dress-circle): từ khu ghế quây leo lên một tầng sẽ đến tầng lễ phục.

Tầng lớn (grand tier): từ tầng lễ phục leo lên một tầng nữa sẽ đến tầng lớn.

Khán đài (gallery): từ tầng lớn leo lên một tầng nữa sẽ đến khán đài.

Buồng/buồng rạp (box/stage-box): vị trí ngồi đặc biệt, buồng rạp thiết kế trên cao và bên rìa sân khấu, được bao bọc kín đáo trong ba mặt tường, mặt trước trông ra có màn buồng.

Khu khán giả (house): toàn bộ các vị trí ngồi trên đây được gọi là khu khán giả.

Pathos: thuật ngữ Hi Lạp lấy từ các phương thức thuyết phục do Aristotle đề ra. Trong đó bao gồm: *khởi danh* (ethos) là nêu ra tính chính danh của mình đến người nghe; *khởi cảm* Bức hoạ Dorian Gray

(pathos) là gợi ra cảm xúc đến người nghe; và *khởi lí* (logos) là dùng luận lí để thuyết phục người nghe.

Philistine: chỉ người thù địch hoặc thờ ơ với nghệ thuật.

When poverty creeps in at the door, love flies in through the window: Oscar Wilde phỏng theo câu tục ngữ *When poverty comes in at the door, love flies out of the window* (Khi cái nghèo bước vào trong cửa, tình yêu bay ra ngoài cửa sổ), ý chỉ tình yêu không thể sống được trong cảnh nghèo ngặt.

Trích đoạn, theo thứ tự lần lượt: Hồi I, Màn V và Hồi II, Màn II, vở *Romeo và Juliet* của William Shakespeare.

Có đận chàng theo đuổi nghiên cứu đá quý [...] và cần đây ngọc bích: Tên tiếng Anh của những loại đá quý trong bốn đoạn trên, lần lượt theo thứ tự xuất hiện: Ki-xô-bê-rin (chrysoberyl), xi-mô-phăng (cymophane), pê-ri-đô (peridot), tô-pa (topaz), ca-

bun (carbuncle), xi-na-mông (cinnamon), pin-nơ (spinel), a-mê-thi (amethyst), ru-bi (ruby), xa-phia (sapphire), ô-pan (opal), cô-na-lin (cornelian), hai-xin (hyacinth), ga-nét (garnet), ha-rô- pô (hydropicus), xê-lê-nít (selenite), mê-lô (meloceus), bê-dô (bezoar), át-pi-lết (aspilate), xa-đi (sardius), ki-xô-li (chrysolite), ê-mê-rô (emerald), ba-lát (balas), ba-đơ-rích (bauderike), gia- xin (jacinth).

Trích đoạn Phần II: Sur les lagunes trong bài thơ *Variations sur le carnaval de Venise* của Théophile Gautier.

Fin de siècle: thuật ngữ tiếng Pháp, nghĩa là *cuối thế kỉ*, nhằm chỉ đến cuối thế kỉ mười chín, bao hàm ý nghĩa về sự suy tàn trong cả nghệ thuật, đạo đức, và các vấn đề xã hội. Tinh thần của *Fin de siècle* thường chán đời, hoài nghi, yếm thế, và tin rằng nền văn minh này dần suy tàn.

Petticoat party: Buổi tiệc váy lót là buổi tiệc nhóm phụ nữ tụ tập nói chuyện tầm phào với nhau trong những buổi chiều nắng nóng, chỉ mặc áo choàng và váy lót.

A burnt child loves the fire: Oscar Wilde phỏng theo câu tục ngữ *A burnt child dreads the fire* (Trẻ bỏng sợ tàn lửa), ý chỉ người đã một lần gặp tai nạn sau này trở nên sợ tất cả những gì liên quan đến tai nạn cũ.

Rút lui lối Parthia, còn được biết đến như *hồi mã cung*, là một kiểu tấn công chiến thuật của kỵ binh Parthia; trong lúc vờ quay đầu ngựa rút lui để kẻ thù truy đuổi phía sau, kỵ binh Parthia bất thần quay ngoắt người lại bắn cung vào kẻ thù trong khi vẫn ngồi thẳng băng trên con ngựa đang phi nước đại; đòn

đánh vừa mang sự bất ngờ, vừa mang sức sát thương cao vì quán tính của người truy đuổi.

Vương miện công tước thường được trang hoàng bằng lá dâu.